



# The Wolf

PEARL S.  
BUCK

(JOHN SEDGES)



**PEARL S. BUCK**  
(John Sedges)

# *Áo Vọng*

Nguyên tác: *Voices In The House* 1991  
Văn Hoà dịch

**NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ 1995**

# TÁC GIẢ

*Pearl Buck, nữ nhà văn Mỹ, được tặng giải thưởng Nobel Văn học vì các tác phẩm mô tả cuộc sống đa diện mang tính sử thi của người dân Trung Quốc trong những biến động dữ dội đầu thế kỉ XX và vì những kiệt tác tự truyện. Bà là nhà hoạt động xã hội tích cực, được coi là một chiếc cầu nối văn hóa Đông-Tây.*

Pearl Buck (tên thật là Pearl Comfort Sydenstricker, có tên Trung Quốc là Trại Chân Châu) là con một nhà truyền giáo người Mỹ. Sau khi ra đời chưa đầy 5 tháng, bà đã được cha mẹ đưa sang Trung Quốc sinh sống. Từ nhỏ và suốt cả cuộc đời bà yêu mến và thích tìm hiểu cuộc sống của người dân Trung Quốc, cảm thông với những người dân địa phương bị nhiều tầng áp bức.

Năm 15 tuổi, bà được gửi trọ học tại một trường dạy Anh văn ở Thượng Hải. Năm 17 tuổi, cha mẹ cho Pearl Buck về Mỹ, học tại Trường Đại học Randolph Macon (tiểu bang Virginia). Năm 1917 bà kết hôn với một mục sư và theo chồng đi truyền giáo tại miền Bắc Trung Hoa. Từ năm 1922, bà dạy ở Đại học Nam Kinh và Kim Lăng.

Năm 1925, Pearl Buck bắt đầu viết cuốn tiểu thuyết đầu tiên Gió Đông, Gió Tây (do chạy loạn Quốc dân đảng, năm 1930 mới xuất bản được). Sau đó hàng loạt tiểu thuyết nổi tiếng khác về đề tài Trung Quốc ra đời, như Đất Lành, Những Người Con Trai, Một Nhà Chia Rẽ, Người Mẹ, Những Đứa Trẻ Chậm Lớn... trong đó tiểu thuyết Đất Lành được nhận giải Pulitzer năm 1931. Năm 1933, bà được Đại học Yale tặng bằng Cử nhân Văn chương Danh dự. Năm 1938, bà được Đại học West Virginia và Đại học St. Lawrence trao tặng bằng Tiến sĩ Văn chương Danh dự.

Năm 1938 Pearl Buck nhận giải thưởng Nobel vì các tác phẩm mô tả đời sống nông thôn Trung Hoa một cách phong phú và xác thực (chủ yếu với tiểu thuyết Đất Lành và hai cuốn tự truyện Người Tha Hương (1936) viết về người mẹ và Thiên Thần Chiến Đấu (1936) viết về cha của bà). Sau khi nhận giải, Pearl Buck tiếp tục sáng tác rất nhiều, ngoài văn xuôi bà còn viết kịch, kịch bản phim, tiểu luận và sách cho thiếu nhi. Bà cũng là người đã dịch Thủy Hử (All men are brothers) và một số tác phẩm văn học Trung Quốc sang tiếng Anh.

Trong Thế chiến II, Pearl Buck viết nhiều sách báo chính luận chống chủ nghĩa phát xít. Những năm 50, bà xuất bản một số tác phẩm về đề tài gia đình và xã hội Mỹ, kí bút danh I. Sedge. Năm 1951, Pearl Buck được bầu làm thành viên Viện Hàn lâm Nghệ thuật và Văn học Hoa Kỳ. Năm 1955, bà li dị chồng và tục huyền với giám đốc một hãng quảng cáo.

Cuối đời, bà quan tâm đến đề tài các nhà bác học nguyên tử buộc phải chế tạo vũ khí giết người hàng loạt. Đồng thời, bà tích cực tham gia các hoạt động từ thiện, xã hội như: sáng lập ra tổ chức không vụ lợi Hiệp hội Đông Tây (The East and West Association, 1941) nhằm truyền bá những hiểu biết giữa các dân tộc trên thế giới; cùng chồng lập nên tổ chức Căn nhà tình nghĩa (Welcome Home, 1949) giúp trẻ mồ côi; lập ra Quỹ Pearl S. Buck (The Pearl S. Buck Foundation, 1963) và tặng cho quỹ này 7 triệu đôla.

• **Tác phẩm đã dịch ra tiếng Việt:**

“Gió Đông, gió Tây; Sống vì đất; Tiếng gọi đồng quê; Lá thư Bắc Kinh; Tình yêu sau cùng; Người mẹ; Nhớ cảnh nhớ người; Yêu muộn; Nạn nhân buổi giao thời; Mấy người con trai Vương Long; Đứa con người yêu; Một phút một đời; Một lòng với em; Một cuộc hôn nhân; Lưu đày; Lưu đày biệt xứ; Cánh hoa e ấp; Đông phương huyền bí qua truyện cổ thần tiên; Truyện Đông phương; Người vợ tiên; Những người đàn bà tuyệt vời trong gia đình Kennedy; Những người đàn bà trong gia đình Kennedy; Tà áo xanh; Nỗi buồn nhược tiểu; Người yêu nước; Ngoài chân mây; Hứa hẹn; Bão loạn; Mẫu đơn; Quỷ địa ngục chẳng bao giờ ngủ; Yêu mãi còn yêu; Ba người con gái của Lương phu nhân; Trái tim kiêu hãnh; Một trái tim tự hào; Biên giới tình yêu; Tình côi chân mây; Nô tì Mẫu Đơn; Đóa hoa ẩn mình; Trang;

Người thành phố; Bí mật đời nàng; Người yêu nước; Thiên Hậu; Người cung nữ; Từ Hi Thái hậu; Con rồng linh diệu; Hạt giống của rồng; Vương Nguyên; Đất lành; Chuyện Kinh Thánh; Những người con của tiến sĩ Lương; Tiếng nói trong nhà; Tử thần và rặng đông; Người mẹ già; Những mảnh hồn sâu xứ.”

# I

Ngôi nhà đồ sộ đứng sừng sững trên một đỉnh đồi ven biển thành phố Manchester, trong vùng Vermont. Đó là một trang viên cũ kỹ xây cất từ một thế kỷ nay, trước khi người đàn bà cuối cùng của dòng họ Winsten qua đời, và trước ngày người con gái của bà, cô Elinor kết hôn với ông William Asher. Dù ngôi nhà từ đó đã qua tay chủ khác, vẫn được người trong vùng gọi bằng tên cũ ngày xưa. Ông William đâu bận tâm về điều đó. Đánh mất danh hiệu của mình trong một ngôi nhà đã mang tên người khác, đó là điều ông không nghĩ đến. Ông thích ngôi nhà vì nó là như vậy. Nhờ có tâm hồn quảng đại mà ông giữ được bản lĩnh thoát mọi ảnh hưởng khách quan, và vui vẻ hòa mình vào sự nghiệp của bà Elinor. Tại Long Island còn có một ngôi nhà của dòng họ Asher, ông William có thể giữ nó lại với tư cách là con trai duy nhất trong gia đình, song ông đã bán đi sau ngày cha mẹ ông qua đời mà không hối tiếc. Ông đã trải qua những mùa hè dịu dàng và xanh mướt, thời thơ ấu tại xứ Vermont, nên ông đã làm quen và ưa thích thành phố Manchester với những ngọn đồi yên tĩnh bao quanh.

Ngôi nhà của dòng họ Winsten rất kiên cố và rộng mênh mông, các thế hệ đã nối tiếp nhau sinh sống ở đó, không phải sửa sang gì thêm. Người sáng lập, ông Adam Winsten, từ đầu thế kỷ 19, trước khi qua đời đã tự cho mình có trách nhiệm phải có đủ chỗ cho con cái ông: tất cả 12 đứa, trong đó có 9 đứa đã đến tuổi trưởng thành. Mặc dù ông có ý mở rộng thêm ra mãi, các cháu ông vẫn cảm thấy thiếu chỗ ở, và thiên cư gần hết về hướng Tây. Nhờ mỏ vàng và thiếc lộ, các cháu ông đã làm giàu nhanh chóng, đến độ về sau họa hoằn mới nhớ đến nơi chôn nhau cắt rốn của mình. Trong thế kỷ trước, dòng họ Winsten, người này kế tiếp người kia, cho đến đời ông Adam

Winsten, là người cuối cùng có vóc dáng của cây du khô héo trong mùa đông, và là thân sinh của cô Elinor. Không đứa nào trong các con ông muốn giữ một gia cư quá rộng như thế, đến nỗi kẻ đến xin giúp việc trong nhà, chỉ nhìn thấy những mái nhà vô tận, cũng tự động rút lui. Các con trai và con dâu của ông từ chối giữ lại bà già nấu ăn, tên là Bertha, vì bà đã ở quá lâu năm trong nhà.

Dần dần tất cả đều bỏ đi, trừ cô Elinor, người con út, mẹ cô và bà Emma, người chị em bạn dì già yếu, là ba người sống luôn luôn ở đó. Trong thời gian ấy, hết mùa hè nọ đến mùa hè kia, ông William ngày một say mê cô Elinor tha thiết. Họ đã kết hôn cách rất đơn giản ít lâu sau khi bà Winsten qua đời: Bà này đã bị sốc mạnh trong một buổi chiều xuân, khi bà cố sửa những bụi hoa hồng rậm rạp của bà. Sau đám cưới của họ, bà Emma tuyên bố ý định về sống ở New York. Bà luôn ước mơ điều ấy, và với số tiền bà Winsten quá cố đã để lại cho bà, đủ để bà thực hiện ước vọng đó.

Cô Elinor và cậu William thừa hưởng ngôi nhà. William rất ưa thích ngôi nhà này, vì ông yêu mến xứ sở này. Trước kia ông thường tiếc rẻ vì trong mùa hè chỉ đến đó chốc lát với gia đình thôi. Ông mở một văn phòng nhỏ ở Manhester, cạnh công trường luật Harvard, và ông tiếp tục giữ nó vì lý do tình cảm, mặc dù hiện tại và nhiều năm về sau, là một luật sư nổi tiếng, văn phòng chính của ông đặt tại New York. Ông đã do dự khi chọn giữa Boston và New York, nhưng dòng họ Asher đến từ New York và tiếp tục đời sống luật sư ở đó, tạo nên một liên hệ mật thiết giữa xưa và nay.

Ngôi nhà lớn không hề đổi thay hình thức. Bên ngoài vẫn màu trắng với những cửa lá sách màu xanh lá cây. Vách gạch đã ghép ván bên ngoài làm cho các khuôn cửa sổ tăng thêm chiều sâu. Nhà mở rộng theo chiều dài, chẳng kể gì cân đối hay không. Một bên có hai cánh, bên kia có ba, hơi thụt về sau một chút đối với căn nhà chính. Nhà có ba tầng lầu, mặt tiền bằng phẳng có vẻ khắc khổ, chỉ trừ cửa chính bằng gỗ có chạm trổ.

Con đường dài trồng cây du đưa đến thảm cỏ xanh ở trước nhà. Các cây đã quá già cỗi, mỗi năm ông William phải kiểm tra lại, chống đỡ thêm, phòng khi ngọn gió Đông từ núi thổi xuống. Ông tổ Adam đã trồng các cây này cách quãng nhau rất xa, để cho con đường có vẻ rộng thênh thang và

bước vào người ta có cảm giác mênh mông bát ngát. Cái cảm giác này tồn tại khi người ta mở cửa chính ra. Một gian đại sảnh chạy dài ở chính giữa ngôi nhà, sâu bên trong cánh cửa lớn lồng kính, người ta có thể nhìn thấy trọn cảnh khu vườn có tường bao bọc chung quanh. Hai cánh cầu thang chụm lại bên trên, và mỗi bên có một phòng khách, thường vẫn được gọi là *phòng khách Đông, phòng khách Tây*.

Đồ đạc trong nhà còn đẹp, tạo thành một vẻ hài hòa ưa nhìn, những món mà gia đình đã mua sắm, mỗi khi một ít, bất chấp kiểu dáng, tùy sở thích cá nhân. Bà Elinor cảm thấy các gian nhà quá vương vít vì đồ đạc, bà mời các anh chị chọn lấy cái nào thích thì mang về, để làm kỷ niệm những ngày thơ ấu sống chung. Dòng họ Winsten giữ lại những vật gì dính dấp với cái nhà xưa, như ghế bành và trường kỷ bọc nhung ánh vàng, những khuôn kính cao theo kiểu Pháp cần ở các cửa sổ mặt tiền. Lấy các vật đó mang đi, các anh chị cầm bằng nhổ các cây sơn mai già, các cây hoa xoan và các cây du cổ thụ.

Hai mươi lăm năm về trước, vào một buổi chiều xuân, khi chàng rể William bước chân vào nhà, chàng cảm thấy thật là thân mật. Chàng đã thường đến đây vào mùa hè để gặp lại các bạn hữu và cũng chính là mấy người anh của Elinor, và mỗi năm tình yêu của chàng mỗi tăng, cuối cùng, chàng cũng làm thân được với vợ chồng Bertha và Heinrich, người giúp việc trong nhà, và sai bảo họ một cách tự nhiên. Chàng cảm thấy khó gần gũi với cô bé Jessica, đứa con đẻ muộn của họ. Sự ra đời của con bé có vẻ buồn cười, nếu ta nhìn lại đôi vợ chồng chậm chạp vụng về và luống tuổi này. Cô bé đã chào đời sau hôn lễ của gia chủ một năm.

Bà chủ đã cười ngất khi cho phép Bertha đặt tên cho con gái mình là Jessica, giống tên của mẹ bà là bà Winsten. Vợ chồng Bertha và Heinrich có vẻ thẹn vì có con muộn, và em bé lớn lên trong nhà bếp, bên lẽ ngôi nhà lớn. Ông William xem ra không lý gì đến cuộc đời của con bé, trừ khi ông thấy nó và tự hỏi tương lai của nó sẽ ra sao. Cô bé mảnh khảnh, đôi mắt có màu xanh loang loáng, mái tóc mềm mại với màu vàng kim truyền thống, khó mà tin rằng cô là con của vợ chồng người giúp việc.



Nhiều năm về trước, một lần khi ông William về nhà, mở cửa phòng khách phía Đông, thấy Jessica ở đó; bấy giờ nó mới lên bảy, ngồi trên một ghế bành bọc nhung, giẻ lau cầm tay, vì bà Bertha đã bắt đầu gọi con đi theo giúp mình. Nhưng Jessica không lau phủ gì cả, nó ngồi chễm trệ trên ghế, đôi mắt sáng ngời, ngó nhìn lơ lửng, một nụ cười mím duyên dáng nâng cao hai khóe miệng. Cô bé múa men bàn tay còn rảnh, một bàn tay xinh xắn, mũm mĩm, trắng ngần, một bàn tay không mấy có liên hệ với bàn tay của một mụ bồi phòng.

Khi ông William nhìn nó ngạc nhiên, nó bối rối kêu lên, rồi bình tĩnh trở lại.

“Ôi, thưa ông Asher, con không nghe tiếng ông đi vào,” nó lúng búng trong miệng, nhảy vọt khỏi chiếc ghế và trốn chạy về phía nhà bên.

Ông gọi nó bảo không có sao, nó chỉ là một đứa bé; dù ông có tính không thích trẻ con, ông cũng không nỡ làm cho một cô bé xinh đẹp như thế sợ hãi, nhưng cô bé không dám trở lại. Tuần sau Bertha gửi con vào một tu viện ở Canada, thưa với bà Elinor rằng các dì phước người Anh có thể nghiêm hơn các dì người Pháp.

Với một chút áy náy lương tâm, bà Elinor phân tích cho chồng nghe:

“Jessica còn bé quá mà gửi nó đi tận đâu đâu...”

“Đúng vậy, nó còn bé quá!” Chồng bà trả lời.

Nhưng không có gì làm nao núng Bertha, và bắt bà ta đổi ý được, nên vợ chồng ông chủ phải để Jessica ra đi. Vào mùa hè, thỉnh thoảng cô bé trở về nhà, song bà Bertha nhận thấy không chịu nổi con bé, nên khi ông Heinrich, chồng bà nhắm mắt, lúc Jessica lên mười, bà bắt con phải ở lại trong tu viện suốt mấy tháng hè. Cô bé chỉ được ra khỏi đó khi đến tuổi làm việc được, lãnh vai bồi phòng ở nơi nhà lớn. Từ đó, ông bà chủ thường xem cô bé như thế. Cô ta không có được tính nghiêm trang như Bertha, nên bà Elinor thấy rằng cô phải lấy chồng. Cũng trong sớm mai ấy, bà Elinor có nhận xét: “Lấy ai? nếu không phải là Herbert”, tài xế và hầu bàn, vào làm việc đã bảy năm, để thay thế cho Heinrich, sau khi một số người đã được gọi tới mà thiếu khả năng. Herbert từ giây phút đầu đã mê tít Jessica. Anh ta cố ở lại trong ngôi

nhà cũ cũng vì yêu cô; mặc dù bị cô từ khước, khi thì mĩa mai, khi thì cộc cằn. Anh ta vẫn kiên trì nài nỉ theo cái kiểu của anh.

Những khuấy động thế này ở dưới bếp, theo lời ông William nói, cũng mang đến cho vợ chồng ông cơ hội giải trí. Bà Elinor lại có tài tường thuật một cách trào phúng và linh hoạt. Khi ông William mệt mỏi từ văn phòng trở về, nghe vợ kể chuyện, ông cũng lấy làm vui. Ban đêm, khi bà lo dỗ con ngủ, ông chỉ nghe bà nói câu được câu mất. Bây giờ các con đã lớn cả rồi, Winston đã lấy vợ, Edwin và Susan thì đang học ở trường trung cấp, chỉ còn hai ông bà sống một mình trong ngôi nhà lớn.

\*\*\*

Đoàn tàu lửa chạy đong đưa giữa vùng đồi núi xứ Vermont, rồi bỗng ngừng hẳn lại sau một cái sốc mạnh khi đi vào sân ga. Ông William đã sẵn sàng để xuống, ông thu nhặt giấy tờ, nhét vào cái cặp luật sư bằng da đen, quà Giáng sinh bà biếu ông năm trước. Trước tiên, bà đã mua cho ông một cái cặp màu nâu. Màu sắc có ảnh hưởng quan trọng nơi tòa án, nên ông đã để lộ sự hoài nghi của mình.

Bà Elinor tức cười, bà kêu lên:

“William, thì anh trả nó lại cho em, em sẽ đổi cho anh một chiếc khác màu đen. Từ ngày về với em, anh chẳng có cái cặp nào khác, em muốn xem sự thay đổi có ảnh hưởng nơi anh như thế nào.”

“Không phải ảnh hưởng nơi anh, mà nơi thân chủ của anh, họ tin vào những màu sắc trang nhã.”

Elinor chỉ mỉm cười, một nụ cười dịu dàng với đôi mắt ngời sáng. Nhưng cách một vài ngày sau, ông William cảm thấy khoan khoái khi nhìn thấy chiếc cặp da đẹp, màu đen, có in những chữ đầu tên ông bằng kim nhũ.

Anh tài xế Herbert xin nghỉ phép ngày hôm ấy, vì vậy mà ông William trở về bằng tàu lửa. Ông thích nghiêng đầu ra ngoài toa xe để nhìn thấy vợ ông đang chờ đón ông trên sân ga. Hôm nay bà tự lái lấy chiếc xe hơi nhỏ màu xanh sẫm mui trần của bà. Bà không bao giờ bỏ mui ra, nhưng hôm nay ngày cuối hè, các cửa kính đều hạ xuống. Bà ngồi băng trước, hút thuốc,

dáng điệu nhàn nhã, duyên dáng tự nhiên. Bà là một phụ nữ trẻ trung, thon thả, và không bao giờ cắt mái tóc màu vàng hoe của mình. Tóc bà nhỏ sợi và mượt mà, dù chưa quá khỏi tuổi bốn mươi lăm, nhưng đã bắt đầu điểm sương và bà đã búi thành búi sau ót. Ông William gần như không nhìn thấy điều đó. Nếu bà không được duyên dáng như thế, vóc dáng mảnh khảnh đẹp đẽ như thế, người ta có thể xem bà như là một phụ nữ tầm thường, đẳng này người ta tự cho là một sơ suất khi bắt gặp bà ăn mặc có vẻ cầu thả. Ông William đã quen nhìn khi thấy cái cổ áo lụa của bà không cài nút, có ý để người ta đoán lấy bộ ngực đặc biệt trẻ trung của bà. Ông biết ông có nói ra cũng chẳng thay đổi được gì, chỉ làm cho bà mỉm cười, hoặc khẽ nhún vai một cái thôi. Mũi kim khâu có thể thu hẹp cái khe nút quá rộng, nhưng chẳng bao giờ được thi hành; một chiếc kim băng và vô số những trang sức kim găm mà ông đã biếu bà, cũng không bao giờ thay thế cái kim khâu khuy áo cả.

“Herbert chưa về à?” Ông William vừa hỏi vừa bước lên xe, mắt nhìn đi nơi khác.

Bà chuôi mình theo băng ghế để nhường tay lái cho ông. Ông lái xe cẩn thận hơn bà, bình tĩnh hơn, vì trên đường có nhiều xe đến mấy cũng không làm cho ông khó chịu. Ông bà đã thỏa thuận với nhau, khi mùa hè biến Manchester thành nơi nghỉ mát, thì ông giành quyền lái xe trong buổi xế trưa. Khách sạn “Xuân Phân” tràn ngập những khách chọn lọc, còn đoàn xe ca của hãng Cook thì cọt kẹt ngoài đường, trong khi một số du khách đổ xô đi tìm những khách sạn rẻ hơn.

“Em đi một mình, vì em muốn tin cho anh biết Jessica đã chịu lấy Herbert rồi,” bà Elinor nói.

“Thế nào được?”

“Được, sau cùng... anh chị biến mất suốt cả ngày hôm nay.”

Ông William lái xe qua phía tay mặt, đi qua mấy khu nhà, rẽ vào một con đường khác và chạy tiếp suốt hai dặm nữa, giữa cảnh vật xanh tươi vắng lặng, cho đến khi giáp đường riêng của gia đình.

Ông ngạc nhiên lắm lắm:

“Phải qua đúng bảy năm trời!”

“Em luôn luôn nghĩ rằng, kiên trì rồi Herbert cũng sẽ chiếm được con bé.”

Ông William đáp lại cách hững hờ và mơ mộng:

“Anh tự hỏi, cô ta có hạnh phúc không?”

Bao giờ lái xe lên ngôi nhà cũ trên đỉnh đồi, ông cũng cảm thấy một niềm vui luôn luôn mới mẻ. Ông cho xe chạy chậm lại. Bà Elinor nói một cách khô khan:

“Em không muốn hình dung Herbert trong tư cách là một người chồng.”

Ông William mỉm cười. Bà Elinor có những nhận thức đôi khi quá tế nhị. Bà không ưa Herbert, nhưng bà cũng chẳng có gì để khiển trách anh ta. Anh ta gương mẫu, tận tụy, lương thiện, ít nói, siêng làm, âm thầm có một sức mạnh nẩy lửa. Bà đâu mất nhiều thì giờ để khám phá ra rằng sức mạnh này chỉ để chinh phục Jessica cho kỳ được mới thôi.

Ông William nhắc lại những ký ức xưa:

“Tính từ mùa hè này, cách đây sáu năm, em đã bảo anh là Herbert yêu Jessica, mà Jessica thì ghét anh chàng thậm tệ.”

“Đúng, và anh lại bảo em, hãnh nhọc công như thế cũng chẳng đến đâu. Lúc ấy em đã chỉ cho anh thấy, nếu hãnh bền bỉ, hãnh sẽ thắng cuộc.”

William quay qua nhìn nửa gương mặt vợ, ông nhận thấy bà có vẻ bí hiểm, đôi môi đẹp, mỏng và luôn mỉm lại, chân mày nhướng lên. Gió thổi bạt mái tóc bà ra đằng sau, để lộ vầng trán. Bà có vầng trán rộng, cao và bóng láng, đẹp và thông minh. Tất cả biểu lộ ý bà muốn cho câu chuyện chấm dứt ở đây. Ông làm thinh, biết rằng khi nào bà thấy tiện thì mới nói, và không cần bắt buộc, bà cũng sẽ giải thích cặn kẽ mọi chuyện.

Ông cho xe đi vào con đường nhỏ và ngừng đúng chỗ ông muốn, mở cửa xe cho bà và xuống xe. Vào lúc đó, Herbert xuất hiện nơi cửa hông? Anh ta bước tới và cầm tay lái để cho xe vào gara. Anh mặc bộ đồ xanh, khoác áo vét sọc ngày Chủ nhật. Anh nói:

“Kính chào ông Asher.”

“Chào Herbert,” ông William đáp.

Ông do dự, mặc dù đã bước chân lên bậc tam cấp đầu tiên của lối vào nhà có nhiều cột. Những cột đá này do ông nội của Elinor xây thêm cách đây năm mươi năm về trước. Ông nói tiếp:

“Tôi biết đã đến lúc phải chúc mừng anh, Herbert.”

Herbert không còn đỏ mặt nữa; anh giữ được màu da mặt tự nhiên, màu của những viên gạch. Anh nói:

“Jessica đã nhận lời cầu hôn của cháu hôm nay rồi.”

Miệng của anh ta như chẳng có môi, song cặp mắt anh màu nâu lợt, lại tỏ ra là người tốt bụng. Ông William nói:

“Hay lắm, anh đã tỏ ra rất trung thành!”

Herbert đáp:

“Cháu chẳng bao giờ nhìn một người đàn bà nào khác, thưa ông,”

Giọng nói của anh trầm buồn và cố chấp, tương xứng với thân thể phì nộn của anh. Anh thừa hưởng của tổ tiên người Hà Lan của anh vóc dáng của một công sự chiến đấu, và những bàn tay thô tháp này.

Ông William mỉm cười bước lên bậc tam cấp, và Herbert đưa xe vào gara. Bà Elinor đã ở trong nhà, bà bước lên thang lầu bằng đá cẩm thạch, với những bước chân nhẹ nhàng, nhanh nhẹn như ngày xưa. Bây giờ có lẽ bà đang ở trong nhà bếp, trên lầu hay ở ngoài vườn; ông William không thấy bà đâu cả. Ông đi vào một mình trong ngôi nhà im vắng. Ông không cảm thấy thiếu vắng con cái, vì ông biết ở lứa tuổi nào đó, chúng vượt khỏi tầm tay, biến vào hầm tối của thời gian, để rồi sau đó bước ra, thành những chàng thanh niên, như chính cậu Winston cũng thế. Cha cậu chuyện trò với cậu như kẻ ngang hàng; nhưng Edwin thì giữ mãi cường độ thanh xuân không tin nổi, tư tưởng của cậu rất ư là dứt khoát. Cô Susan lại trở thành một người đàn bà xa lạ đối với ông, bởi vì hình dáng cô bé ngày xưa bây giờ đâu còn nữa. Ông đã nhanh chóng chấp nhận ý kiến của bà Elinor, khi bà quả quyết con gái họ sẽ đáp ứng nguyện vọng của ông, và trong lúc chờ đợi, ông có thể vui sướng vì con gái ông quá đẹp. Ông chỉ thấy tiếc vì cô con gái không thừa hưởng nét mảnh dẻ của mẹ mà có khuynh hướng đầy đà. Cô ta phải canh chừng đường nét thanh thoát của cô, như chính ông đã làm. Khi đến tuổi ba mươi, ông đã bê trễ về chuyện này, và bà Elinor, đã tỏ vẻ nhàm chán ông, nhờ đó ông mới biết sợ và sắp đặt lại đời sống cho có trật tự. Bao lâu ông còn sống là ông còn nhớ mãi cái cảnh đã xảy đến cho vợ chồng ông trong lúc nửa đêm ấy.

Bà Elinor đã quay đầu tránh né làm ông phải kêu lên:

“Elinor, em hết thương anh như trước sao?...”

Bà đã lẩm bẩm gì đó không rõ.

Ông William đang thềm muốn bà đến tột đỉnh, vẫn cầm mình lại. Ông nâng cằm bà lên và nói:

“Xem nào, nói thật cho anh nghe đi!”

Bà cảm thấy thẹn thùng, nhưng bị ông thúc ép, sau cùng bà phải thú thiệt. Đêm đó ông mới nhận thức được sự khác biệt giữa Elinor và ông, giữa người nam và người nữ. Nơi bà, sự ham muốn giống như mạch suối ánh bạc, kín đáo, len lỏi. Bên ông lại giống con sông đang vồ vập, tuôn thẳng đến đích bất chấp mọi điều. Nơi bà, một cảm giác bực bội, một cử chỉ gắt gỏng, cả những ý nghĩ che đậy, cũng có khả năng cắt đứt nguồn cảm hứng.

Các con trai thuộc dòng họ Winsten, qua một ngẫu hứng nào đó của luật di truyền, đều cao lớn, tóc vàng hoe, đẹp trai quá cỡ, nhất là cậu Edwin. Cô Susan có mái tóc đen cuốn lọn. Ông yêu thương Susan một cách đặc biệt dịu dàng, kín đáo mà ông tự chữa mình bằng cách nghĩ rằng vì cô là con gái duy nhất của ông.

Ông gặp Jessica trên thềm cầu thang; cô xuất hiện với dáng đi quen thuộc, nhanh nhẹn, nhẹ nhàng.

Cô đi ngang qua gian phòng rộng lớn, áo dài màu xanh nhạt bồng bênh chung quanh người, và với cái tạp dề màu trắng có xếp li, dây buộc ngang lưng phất phơ, trông cô có vẻ trẻ trung hơn cái tuổi hai mươi bốn của cô rất nhiều.

“Thưa ông Asher, nếu điều đó có xảy ra, cháu cũng chẳng quan tâm.”

Cô ta ôm một mớ đồ vải trước ngực, tay cặp đầy khăn ăn vừa mới ủi xong, mùi thơm phảng phất quanh người cô. Người cô sạch bong, với những bím tóc màu vàng hoe cuốn trên đầu, còn những lọn nhỏ, ướt mồ hôi thì bao quanh mặt.

Ông William cắn nhả:

“Bao giờ cũng vậy, chỉ nhìn cô là tôi đã thấy mệt rồi. Qua bao nhiêu năm như thế này, rồi cuối cùng cô cũng lấy Herbert!”

Jessica bỗng cười toáng lên:

“Ô hô, anh chàng ấy, trước sau gì cháu cũng bỏ. Mẹ cháu chịu trách nhiệm; bà ấy bảo là đã đến lúc lấy chồng rồi. Anh chàng này hay anh chàng khác thì cũng thế thôi.”

Đã là một thiếu nữ nhưng Jessica vẫn còn rất trẻ con. Có lúc chỉ nhìn thấy cô ta thôi, cũng tự nhiên nổi máu lên muốn chòng ghẹo. Cô bận với những áo dài màu xanh nhạt, màu hồng đào, hay xanh lá cây, thêm đó những cái tạp dề nhỏ bé có xếp li và những chiếc mũ vải cô chít trên đầu, trông cô như đang đóng vai một nữ tì trên sân khấu.

Ông chủ lại lấy vẻ nghiêm nghị chưa từng thấy, Ông nói:

“Tôi chẳng thấy làm thế nào gạt bỏ một người đàn ông ra khỏi đời mình lại bằng cách lấy chính anh ta làm chồng được?”

Cô ta đáp:

“Ít ra anh ta thôi không van nài cháu nữa.”

Giọng nói của cô rất trong trẻo, hoàn hảo, kết quả những năm cô sống trong dòng tu. Bà Bertha còn giữ giọng nói trong họng của người Đức, còn Heinrich không bao giờ nói tiếng Anh rành rọt. Ngược lại, con gái họ có những nhấn giọng ngọt ngào, biết nhận thức đúng đắn trong khi chọn từ để nói. Một hôm ông lưu ý bà Elinor về việc Jessica, từ khi rời khỏi tu viện thì nói tiếng Anh như một thiên thần. Bà vặn lại: “VẬY các thiên thần nói tiếng Anh sao?” “Nói nhiều thứ tiếng, trong đó tiếng Anh là đẹp hơn cả,” - ông đáp. Ông thích tiếng Anh trôi chảy và thường tỏ ra đòi hỏi cao trong văn chương. Ông thường tự bảo, nếu có thời giờ thì ông có thể trở thành văn sĩ.

Ông lại nói với Jessica, khi cô đang đứng lại, hai tay đầy những đồ vải thơm phức.

“Sau cùng, tôi nghĩ là cô ý thức được chuyện cô làm. Những người trẻ tuổi xem ra tự tin lắm.”

Ông đi vào phòng, tất cả đã chuẩn bị sẵn sàng như thường lệ để ông đi tắm, và Jessica mang ra ngoài áo xống ông đã mặc buổi chiều; cô cũng lo liệu cho bà Elinor như vậy, và họ sẽ thiếu Jessica nếu cô không tiếp tục việc làm đó nữa. Nhưng chắc chắn điều ấy không vừa lòng Herbert, vì anh ta mong chóng đến ngày thành hôn để được tăng lương.

Ông William xua đuổi ra khỏi tâm trí hình ảnh cuộc hôn nhân của Herbert và Jessica. Bao nhiêu hình ảnh kế tiếp nhau lén vào tâm trí ông, tựa như quay lại một cuốn phim bí mật, thân xác một con vật ục ịch ôm quần lấy nàng Jessica trắng ngần và tinh tế. Ông tự cho mình là một con người văn minh tiến bộ, và những trò phiêu lưu của đầu óc con người làm cho ông cảm thấy nặng lòng. Ông không muốn nghĩ đến hình ảnh của Herbert Morris, nó chỉ gợi lên cho ông một sự nhòm ngó, khác với hình ảnh thường ngày của anh ta, chững chạc và đường hoàng, mặc đồng phục tài xế hay người hầu bàn. Trong những gì liên quan đến ông, ông chỉ quan niệm về anh ta như thế, đâu có cần ông lo lắng về nước da trắng ngần và cách đối xử tế nhị của cô hầu phòng Jessica. Ông tự cho mình có tâm hồn thanh khiết trong chọn lọc và thưởng thức, vì vậy, nếu trí khôn ông cột đũa ông như thế, dựng lên hình ảnh một con vật trong vô thức của ông, thì đối với những người khác ít kèm chế hơn ông, thì thế nào?...

Điều này không đáng ông để tâm, ông xua đuổi khỏi đầu óc những trò phiêu lưu tình cảm này, và bắt trí khôn chăm chú vào những vấn đề minh bạch và không lệ thuộc vật chất. Hiện ông đang bị thu hút vào một ca lý thú liên quan đến hai nhà phát minh. Không quen biết nhau, không quan hệ với nhau, nhưng trong cùng thời gian, cả hai đã phát minh được cách làm tốt hơn giống hệt nhau, để áp dụng vào máy giặt và sấy. Ai trong hai người đã có ý tưởng đầu tiên, ai đã khéo léo đủ để được nhận bằng phát minh trước người kia. Đắm chìm vào những suy tư lành mạnh này, ông tắm gội xong và xuống ăn tối với tâm hồn bình yên và thoải mái. Herbert và Jessica dưới con mắt ông trở lại nguyên là những người tôi tớ.

Nhưng ông bị một cú sốc nặng, ông đang đi xuống trên những bậc thang trải thảm, bước chân ông không gây tiếng động, ông chợt thấy Jessica trong phòng khách phía Đông. Chắc là cô ta lợi dụng thời gian rảnh rỗi trước bữa ăn. Cô đang ngồi trên một chiếc ghế bành bọc nhung mà cô đã xê dịch lại đối diện với cái gương soi lớn, treo giữa hai cửa sổ. Cái tạp dề và mũ chít đầu đã bỏ ra, mái tóc buông xõa tạo nên một áng mây vàng óng ánh quanh gương mặt, cô phát âm khá rõ ràng bằng giọng dịu dàng như mật rót vào tai. Ông William đứng sững nơi bậc thang, hơi có vẻ bức mình, nhớ lại cũng



một màn, mấy năm về trước, đã làm cho bà Bertha nhất quyết gọi cô ta vào dòng tu. Nhưng lần này nghiêm trọng hơn nhiều: Jessica đang thốt ra những lời tình tự với một nhân vật vô hình. Cô ta nói:

“Anh yêu quý của em, anh chẳng thấy là em yêu anh sao? Tất cả những gì em làm là làm cho anh. Nhà này, vườn này, em đây, nếu chẳng vì anh thì em có còn quan tâm đến nữa không? Em có thể sang nước Anh, sang Pháp, sang Ý, thì em ở lại đây làm gì, nếu không phải là để gần gũi anh?”

Jessica mỉm cười với ai đó một cách ngọt ngào, hất mái tóc ra đằng sau và đưa hai cánh tay về đằng trước.

Ông William lấy làm quái gở; tức giận, ông mừng thầm, may mà bà Elinor không có mặt ở đây. Ông cương quyết bước vào và Jessica tỏ vẻ sợ hãi.

“Trời ơi, thế ra là ngài!” cô hốt hoảng kêu lên. Mặt cô ta biến sắc, trở nên tái mét, cô chộp chiếc mũ và cái tạp dề, mang và đội vào một cách vội vã, hai tay run bần lên.

Ông hỏi cô một cách duyên dáng:

“Cô tưởng tượng là cô đang ở trên sân khấu và đang đóng kịch đấy à?”

Cô ta ngó ông không hiểu, và thỏ thẻ:

“Con van ông, đừng nói cho ai biết!”

“VẬY là cô mặc cảm mình có lỗi?”

Cô ta lại nói:

“Con van ông.”

Ông William nghiêm khắc nói:

“Thật là ngớ ngẩn!”

Jessica lại nhìn ông một cách sợ hãi, khó hiểu, và băng mình về phía nhà bếp. Ông chần chờ giây lát, mày nhíu lại, miệng có vẻ nghiêm khắc, rồi ông quyết định bỏ qua. Điều Jessica nói trước tấm gương soi nghe ra quá buồn cười, thì nói lại với bà Elinor làm chi.

\*\*\*

Ở nhà bếp, anh Herbert và bà Bertha nhìn Jessica tuôn vào như một cơn lốc, mũ và tạp dề xốc xếch.

Herbert có ý tốt, thử chọc Jessica:

“Tưởng có ai đuổi theo cô đằng sau lưng chứ?”

“Tôi chạy xuống cầu thang quá nhanh,” cô đáp. Rồi cô cố giữ để điều hòa hơi thở trở lại.

Bà Bertha bảo:

“Nó luôn luôn chạy, tại sao thế? Khéo làm ngược đời!”

Nhưng bầu không khí quả là tốt lành. Jessica cảm thấy ngày hôm đó không có ai phiền trách cô. Cô quay lưng lại, và đặt mấy cái tô đựng canh lên chiếc mâm bạc.

Đời cô là một cuộc đời riêng biệt, xa cách cuộc đời của những người còn lại trong nhà; một cuộc đời trong một cuộc đời, chỉ liên kết nhau trong vấn đề phục vụ, không có quan hệ nào về mặt tinh thần. Mặc một chiếc áo dài vải xám, bà Bertha to lớn dềnh dàng, biết xét đoán, gương mặt cả quyết, ngồi nơi bàn nhà bếp, cắt những lát thịt quay ra cho Herbert. Jessica vẫn đứng, các đĩa ăn vất bừa bãi trên các mặt bàn, trừ trên bàn chính giữa, hình bầu dục, đã dọn sẵn phần ăn với những mảnh cói đan và những dao nĩa cán màu đỏ của nhà bếp. Herbert ngồi ở đầu bàn, chỗ Heinrich ngồi khi còn sống.

Sáu năm về trước, ngày bà Bertha mời cậu Herbert ngồi vào đó, thì anh ta đã hiểu bà sẽ là đồng minh của anh. Bảy năm dài đã qua trước khi anh thuyết phục được Jessica chịu lấy anh làm chồng; nhìn lại đằng sau, Herbert có cảm nghĩ, giá như ông Heinrich còn sống đến nay, chắc anh còn phải đeo đuổi Jessica lâu hơn, và chưa chắc cô ta đã chịu. Cha của cô luôn bệnh vục cô.

“Mời cô bé ngồi xuống,” Herbert nói với giọng kẻ cả.

Jessica ngồi xuống và bắt đầu ăn một cách nhỏ nhẹ những gì mẹ cô chất quá lố trên đĩa riêng của cô. Mẹ cô không bao giờ hiểu được rằng, một số thức ăn nhiều như vậy sẽ làm cho con gái bà ăn mất ngon, và từ lâu Jessica đã không buồn cự nự mẹ về điều đó nữa.

Bà Bertha lại nói:

“Bà chủ Elinor đã bảo tôi lấy một chai sâm banh để cầu phúc.”

Bà đứng lên một cách nặng nề, và núng na núng nính đi đến lấy chai rượu sâm banh đang ướp trong tủ lạnh.

Herbert đưa mu bàn tay lên chùi mồm và nói:

“Ô! Một ý kiến hay. Uống bia rồi thì sâm banh là nhất! Một ly bia ướp lạnh luôn luôn hợp với gu của tôi. Nói thế không có nghĩa là tôi chống lại việc uống sâm banh.”

Bà Bertha nói:

“Jessica, con ăn đi. Hôm nay là ngày trọng đại cho mẹ già của con đấy!”

Jessica ngược mặt lên, phân vân, rúng động, cảm thấy quá bé nhỏ trước hai gương mặt đang quan sát mình, mỗi cái có một ham hố riêng và đáng sợ, đến độ cô coi mình như một con chuột nhắt giữa hai con mèo to, đang tỏ vẻ khoan dung. Cô mỉm cười, bằng một nụ cười nhanh nhẩu và rạng rỡ, vũ khí tự vệ của cô.

“Vâng, con ăn đây,” cô kêu lên với giọng nói dịu dàng của cô, và tiếp tục mỉm cười khi mẹ cô rót rượu óng ánh ra những chiếc ly dùng cho nhà bếp.

Họ nâng ly thật cao, theo cung cách của dân Đức, Herbert luống cuống, khó theo được với tình cảm chân chất của bà Bertha.

“Mẹ uống mừng cho hai con, hãy hạnh phúc bên nhau và sớm có cháu cho mẹ bằng. Herbert, con hãy tử tế với con gái của mẹ, và con, Jessica, con hãy làm một người vợ tốt, như mẹ đã dạy bảo.”

Cả ba đều uống: Bertha uống một cách long trọng và chậm rãi, Herbert ực từng búng to, còn Jessica thì nhấp từng ngụm nhỏ và nhanh.

Bà Bertha đặt ly xuống và nói:

“Mẹ nhớ đến cha của con. Ước gì có cha con hôm nay, ông hạnh phúc biết chừng nào!”

“Xin mẹ đừng nhắc đến cha con...!” Jessica kêu lên.

“Phải, phải, con có lý, hôm nay đừng nói đến chuyện gì buồn. Bây giờ con hãy ăn đi! Con của mẹ.”

Bà cầm con dao lên và cắt từng miếng thịt vuông, lớn, trong đĩa mình, và mạnh dạn ăn bữa tối.

Herbert đã ăn là không nói. Anh ta đã được giáo dục trong một nông trại, nơi mà người ta không nghĩ đến việc nói chuyện trong khi ăn. Anh ta bốc mạnh chiếc nĩa lên, cầm nó đứng thẳng trong tay mặt, còn tay trái thì dùng dao mà cứa khúc thịt bò của mình. Jessica đã chỉ cho anh ta là cầm nĩa như vậy không đúng cách. Thật ra thì anh chàng làm gì có cơ hội học biết những điều đó như cô. Cô đã hầu bàn và thấy rõ những người lịch sự ăn uống làm sao.

Ông Asher sử dụng những đồ đạc trong nhà một cách khéo léo, nên khi ngồi ăn, ông không làm gì khó coi cả. Từ bé, Jessica đã luôn luôn quý mến ông. Cuộc hôn nhân của ông với cô Elinor vốn là một huyền thoại, như trong truyện thần tiên. Một chàng thanh niên trẻ đẹp, da ngăm ngăm, phong cách trác tuyệt, giọng nói truyền cảm, không có gì bất nhả. Jessica ngó vào đĩa của mình, chọn những miếng nhỏ nhất, ăn không nhìn mẹ và Herbert, vì chỉ nhìn hai người ăn là cô đã chán ăn rồi.

Cô đã đến tuổi hai mươi tư mà chẳng có ma nào đến xin cưới cả, vì chẳng bao giờ cô cho phép làm như vậy; cô mơ tưởng đến ai bây giờ: một chàng trai làm nghề đồ tể, một tay bán đồ gia vị, một tên chạy hàng? Dễ có đến sáu năm rồi, cô thường lẩn tránh Herbert, nhưng anh ta đeo cô như đĩa muối. Luôn luôn anh hiện diện để lặt đi lặt lại vào tai cô chỉ mỗi một điều, đương khi mẹ cô kiên trì nhắc nhở, bảo cô phải lấy chồng; như vậy tạo sao không ưng Herbert cho xong. Anh ta cũng là một con người lương thiện và tốt bụng? Vợ chồng họ sẽ dọn về ở nông trại, nơi có trại nuôi gà. Nơi đó sẽ là chỗ cư trú cho cả ba, tính cả bà Bertha, khi bà đã hết tuổi làm việc.

“Jessica, con đừng làm bộ làm tịch nữa, ăn uống thoải mái đi.”

Đột nhiên, cô hết còn muốn ăn. Khi còn là một con bé tí teo, xanh mét, mẹ cô thường tọng đồ ăn vào miệng cô, và cố cầm đồ ăn lại trong đó bằng bàn tay to tướng của bà, ngăn không cho cô nhổ ra. Một hôm nọ, cô đã cắn vào tay mẹ và bà đã vả một cái thật mạnh vào mồm cô đến nỗi chảy máu môi và ê ẩm cả răng, nhiều ngày sau mới hết. Dầu vậy, mẹ cô cũng đã quá yêu thương cô, nên nếu cô không thương yêu bà là điều xấu xa.

Herbert đưa cái nĩa đã ghim một miếng thịt lớn lên cao và nói:

“Cô hãy ăn nhiều thịt vào để che lấp xương xẩu của cô đi, sau đó cô sẽ khỏe khoắn hơn.”

“Thế này tôi đã mãn nguyện rồi.”

Có tiếng chuông ở phòng ăn nhà trên reo vang. Jessica đứng dậy, phóng nhanh ra cửa, vừa kêu lên:

“Họ đã đến rồi!”

Bà Bertha bồi thêm:

“Có chồng rồi nó sẽ khôn ra.”

Herbert đáp:

“Đúng như vậy, thưa mẹ.”

Bà lại bảo:

“Cha nó thuộc loại người thiếu đầu óc, không bền chí, quá tỉ mỉ, dễ xúc động. Cưới nhau xong, mẹ phải thu xếp sắp đặt mọi việc cho ông ta đấy. Mẹ đã hành động như mẹ đã làm với Jessica, từ khi nó ở tu viện trở về. Nó nghe mẹ thì rồi nó cũng sẽ nghe con thôi, để rồi xem.”

Herbert nói:

“Dù gì đi nữa, thì con cũng sẽ cư xử tốt với em con.”

“Đúng vậy. Mẹ tốt với nó, cũng như con, tại sao lại không nhỉ, mẹ chỉ có một mình nó?”

\*\*\*

Mùa thu là mùa William thích nhất. Mùa xuân không được như vậy. Tuy nhiên, chính chàng đã si mê Elinor trong mùa xuân, và chàng không mấy tin là mùa xuân đã ảnh hưởng đến việc chàng bị nàng thu hút mạnh mẽ đến thế. William đã hai mươi tuổi, và cho đến lúc đó, chàng chưa hề có ý nghĩ về một mối tình có thể hình thành giữa hai người. Mùa hè trước đây, chàng mơ hồ mình phải lòng một thiếu nữ hoàn toàn khác với Elinor, tên là Marion Hayworth, láng giềng của Elinor, ở gần nhà họ, tại Manchester. Mỗi lần gặp lại cô ta, dù bây giờ đi nữa, William vẫn cảm nhận sắc đẹp của cô, song chàng không lấy đó làm quan trọng. Chàng chỉ ngạc nhiên về sự xoay chuyển của cuộc đời. Marion đã tỏ ra đứng đắn với Elinor khi cú sốc ban

đầu đã giảm bớt. Thật ra thì chính Marion, trong khi bắt lỗi William, đã nêu lên cho chàng biết sức mạnh của sự đam mê mới này. Bản chất nó là dứt khoát, và khi cô ta đặt chàng đối diện với những gì đã xảy ra, chàng đã nghiêng mình nói:

“Anh rất lấy làm ân hận, nhưng đó là sự thật.”

Thế nhưng, chàng có ân hận bao giờ đâu. Giờ phút này, Elinor không những chỉ là vợ chàng mà còn là người yêu nhất đời của chàng, sau bao năm chung sống, chàng tự nhủ, đó là một điều họa hiếm. Chàng đã chờ đợi cho mùa hè trải qua khá lâu mới tỏ tình. Trong dịp đầu hè, vào một ngày cực kỳ mệt nhọc, nóng bức và ẩm ướt, sau khi đã chèo thuyền trên thượng nguồn con sông gần nhà, chàng đã ngỏ lời xin cưới nàng làm vợ, và nàng đã nhận lời ngay. Elinor không tỏ vẻ ngạc nhiên như chàng đã tưởng, nàng đã trả lời một cách bình thản:

“Em đang chờ đợi, Marion nói cho em biết những gì anh đã nói với cô ấy.”

Sự bộc trực như thế giữa hai người đàn bà, sự bộc trực mà chàng biết rõ, vẫn làm cho chàng bực tức. Hai người đàn ông sẽ không bao giờ nói với nhau về những điều thiêng liêng như thế. Mỗi lần nghĩ đến, chàng cảm thấy mình bị xúc phạm, nhưng sự việc đã như thế rồi. Những người chơi bài bright với Elinor đã cho chàng thấy rõ điểm đó. Mặc dầu không muốn, chàng cũng đã nghe lỏm được những lời bình phẩm của bảy cô bạn tốt nhất của Elinor ở Manchester hay ở quanh vùng. Những người chồng của họ, cũng là bạn rất tốt của chàng tại câu lạc bộ trong vùng và cảm thấy phật lòng mỗi khi nghe được những lời nói hớ hênh như thế. Chàng không thể nào tin được Elinor cũng thật thà một cách ác độc như bảy người đàn bà nhẹ dạ kia, nhưng chàng đâu dám đặt câu hỏi với nàng. Chàng tiếp tục chỉ tin tưởng được vào một mình nàng trong đám phụ nữ, gần như là hoàn toàn. Chàng vẫn cảm thấy rung động vì vui sướng mỗi khi nhìn thấy chiếc đầu duyên dáng của nàng trên cần cổ khá cao thon thả, với một búi tóc ánh vàng lấp lánh trên gáy. Mỗi lần nàng đi ngang qua, chàng không thể cầm mình mà không táy máy chân tay; chàng vuốt ve mái tóc nàng, rồi men theo vòng tròn quanh chân tóc, hoặc khẽ đặt tay lên đôi nhũ hoa chắc nịch của nàng.

Mùa thu là mùa ông William vui thích nhất. Mùa này ở Vermont khởi sự từ cuối tháng tám và kéo dài cho đến khi tuyết bắt đầu rơi. Ông là loại người ưa sống ngoài trời, nhưng không phải để săn bắn. Ông thích nhìn ngắm những ngọn đồi dọn sóng khá thấp quanh núi rừng, và những màu sắc đổi thay của cây cối. Sáng hôm ấy, đang trên lầu đi xuống, ông bắt gặp tại phòng khách một chiếc lông chim bé tí, màu xám, trên tấm đệm màu hung đỏ, và lượm lên. Đó là chiếc lông của một con chim nhỏ ở lùm cây mà gió đã đưa vào khi người ta mở cửa, có thể là khi Jessica quét nhà.

Vui thích biết bao khi ở trong một ngôi nhà lớn mà cũng bắt gặp trên đệm một chiếc lông chim. Ông kẹp chiếc lông chim vào giữa những trang giấy của một quyển sách để trên bàn riêng. Đó là tác phẩm của nhà văn Proust, quyển sách ông thường đọc trong lúc chờ đợi bà xuống điếm tâm. Ông đau khổ khi nghĩ đến câu chuyện xem ra đã xa vời, xa cách nước Pháp của thời nay, xa cách tất cả mọi phần đất khác của thế giới. Ông cảm thấy một nỗi nhớ nhung da diết và thăm kín mà những người cùng lứa tuổi với ông phải cảm nhận, khi nhớ lại một thời đại mà họ đã biết, những người trẻ trung của những năm tháng yên bình, an lạc, hạnh phúc bỗng dưng biến mất mà không ai hiểu được. Bấy giờ người ta coi ông như một con người cấp tiến, đã làm cho cha mẹ ông lo sợ, như chính ông bây giờ đã áy náy về cậu Winston và Edwin, không phải vì niềm tin cấp tiến của chúng, không phải vậy, mà bởi vì chúng quá bảo thủ, quá thận trọng, quá bận tâm một cách nguy hiểm vào một cái gì đó có thể đưa đến một hình thức dấy loạn. Hai người thanh niên không còn được che chở như hai đứa con của ông nữa, và ông giấu không cho họ biết những nghi vấn và những lo lắng của ông về mặt chính trị. Ông còn đặt mình vào hạng những người tự do, tự do bảo thủ dĩ nhiên, nhưng chắc chắn ông là một người tự do có cách nhìn làm cho con cái ông chán ông. Về Susan, con gái của ông, thì cho đến nay, cô không tỏ ra tò mò chút nào đến các vấn đề chính trị hay thế giới, cô chỉ quan tâm đến chính mình cô và những cơ may để lập gia đình. Đôi khi ông cảm thấy nhục nhã thấy cô kiên tâm theo đuổi để tìm kiếm một tấm chồng. Ngày xưa, bà Elinor chắc chắn đã không có quyết tâm và táo bạo như vậy. Theo lời Susan nói thì trên tất cả, cô gớm ghét, khinh chê, những người đàn bà ngày xưa đã tận tụy đấu

tranh cho nữ quyền hay như ông William gọi là tranh đấu cho nam nữ bình đẳng. Chính bà ngoại cô vừa là trợ lý vừa là bạn thân của bà mệnh phụ Stanton, và Susan đã van ông đừng nhắc đến điều ấy. Trong số các ảnh chụp của gia đình, có ảnh của hai bà đứng bên nhau, mặc váy bùng xùng, và những lọn tóc bao quanh gương mặt họ. Khi xem những tấm ảnh ấy, Susan đã kêu lên một cách kinh miệt.

“Những người đàn bà như loại này làm cho đàn ông xa cách chúng tôi mà chúng tôi vô phương cứu vãn.”

“Giải thích nghe coi,” ông nói.

Susan kêu lên:

“Thưa ba, ba không biết những người đàn bà như thế đã làm có cho đàn ông chê ghét chúng con sao?”

Ông William trả lời:

“Ngu xuẩn, ba không thể chê ghét một người đàn bà nào cả.”

Cô ta cãi lại với đôi chút xảo trá:

“Ba không thích cho con làm luật sư phải không?”

“Ba nghĩ rằng, con không thể làm một luật sư tốt được, con không có đầu óc logic.”

Cô ta nói với vẻ đắc thắng:

“Thế đấy! Con đã nói đúng, Không có những bà như bà Stanton hoặc tương tự, thì có bao giờ ba bận tâm nghĩ đến loại người có đầu óc như con, và con làm những gì mà con thích.”

Ông chờ đợi trong giây phút để lựa lời, rồi nói:

“Phải chăng con thích nghề luật sư?”

Cô rất bình tĩnh, đáp:

“Chắc là không rồi, đó là một cái bẫy.”

Ông không nói đến nữa. Ông chẳng hiểu tí nào về thế hệ này. Khó mà nói chuyện nghiêm túc với chúng nó. Ông sẵn sàng bán linh hồn của ông để mua một tiếng nói thông minh, nhưng đó lại là cách ông ghét, như thế là hủy hoại chẳng những cách nói chuyện phải chăng, mà còn kém cả văn minh nữa.

Bà Elinor bước xuống lầu đúng vào lúc đó. Ông đặt cuốn sách xuống và đưa cho bà xem chiếc lông bé tí màu xám.



“Em hãy xem cái này, anh lượm được nơi tắm đêm, gió thu mang vào đây.”

Bà quan sát chiếc lông chim rồi mỉm cười, lơ đãng nói:

“Em nghĩ đây chỉ là chiếc lông chim sẻ. Chắc có hai con trong bụi nó đánh nhau. Luôn luôn có trận chiến trên mái nhà.”

Ông đặt chiếc lông lại trong cuốn sách. Có những lúc bà nắm bắt ngay trạng thái tinh thần của ông và đối đáp lại một cách hết sức tế nhị, chuẩn xác, đến nỗi ông cao hứng ôm bà vào lòng. Đối với người khác, trái lại bà không bao giờ làm thế, và ông cũng hiểu cái đó có ý nghĩa ra sao. Sớm mai này bà có vẻ xa vắng, xem ra bà muốn được yên tĩnh, không nên ôm bà mà siết bà quá mạnh. Bà sống xa vắng trước ngày ông lại ra đi, bà sống những giây phút mà bà sắp phải sống không có ông, mặc dù ông có cảm thấy hay không. Ông phải mất một thời gian khá lâu, ít ra cũng gần mười năm trời để hiểu hôn nhân, phần lớn dựa vào sự tìm hiểu trạng thái tâm hồn của người phối ngẫu, có thể đó là do tính ích kỷ, để sống một cuộc sống chung. Ban đầu, vợ chồng thường va chạm nhau, vì ông coi như điều mà ai cũng chấp nhận là người vợ phải phục tùng chồng mình, thật sự đâu phải thế, nhưng là người vợ phải nghĩ đến chồng trước khi nghĩ đến bản thân. Ông đã nhận thấy từ lâu rằng, dù tâm tình tế nhị, bà Elinor vẫn đã được tạo nên bằng chất liệu bền vững hơn ông. Bà không cần đến ông một cách dễ dàng, hơn là ông cần đến bà, và khi ông đau khổ về điều đó thì bà nhẫn tâm để ông tự gắng sức thoát ra khỏi sự đau khổ ấy.

Những gì ông quan sát được nơi bà, ắt phải có nơi tất cả các người đàn bà khác. Họ biết tự thu xếp để sống cuộc sống của mình, một cách công khai theo kiểu bà Elinor, hoặc một cách âm thầm. Dù vậy, ông hoàn toàn hạnh phúc với vợ. Điều đó đôi khi làm cho ông ngỡ ngàng, nhưng ông vẫn yêu vợ tha thiết, mặc dù đôi khi bà có thể làm cho ông nổi giận.

Hai ông bà ngồi vào bàn ăn sáng, một thói quen ông rất thích: ông than phiền thay cho các ông chồng mà các bà vợ đã không chịu dậy sớm để cùng ăn sáng chung với nhau. Bà Elinor cũng vui thích như ông, mặc dù sớm mai này, bà có vẻ xa vắng, và khi bà thấy ông không định hôn bà, thì bà đứng lên và hôn vào đỉnh đầu ông. Ông đã từng kinh nghiệm, trong trường hợp như

thế, đừng có làm tới. Ông đã được đền bù bởi những đáp ứng của bà, những bước chân nhẹ nhàng, thứ ân huệ thanh thoát thật khó mà nhận thấy, và xem ra chẳng có giá trị gì nhiều. Một chiếc hôn lên mái tóc, nhưng ông vẫn thích thú biết bao! Cảm thấy bà gần gũi dường ấy, ông muốn ôm bà vào vòng tay, nhưng ông đã cầm mình lại, và một lần nữa, bà vừa ngồi xuống, vừa nhìn ông bằng đôi mắt nồng nàn biết ơn.

“Bộ đồ màu xám với chiếc cà vạt màu hạt dẻ của anh rất vừa ý em,” bà nói.

“Cảm ơn em, anh nhận thấy là chúng rất hài hòa với nhau,” ông nói cách tự nhiên.

Bữa ăn sáng kéo dài như thường lệ, trong một bầu không khí hòa hợp, thông hiểu nhau. Một lát sau, ông ra khỏi nhà đi đến văn phòng ở Manhattan. Mặc dù khi ra đi bà đã hôn ông nồng nàn, ông vẫn có thể đắm mình hoàn toàn vào công việc khi ở trong văn phòng. Cuộc hôn nhân của ông là một thành công trọn vẹn. Ông có thể cảm thấy an toàn.

Ngôi nhà yên tĩnh mà ông đã xa rời buổi sáng, đã trở nên hỗn loạn khi ông trở về buổi chiều. Bà Elinor đón ông nơi cửa, ngón trỏ đặt lên môi và đôi mắt nhìn một cách có ý nghĩa về phía nhà bếp.

“Lại gì nữa đây?” ông hỏi, giọng hơi trầm buồn.

Bà Elinor thờ dãi, nói:

“Bertha lại giận con nữa rồi! Không ai nói với ai lời nào. Jessica ở trên lầu và khóa chặt cửa. Bertha thì đang phun sấm sét vào bếp lò của bà ta.”

Đối với kẻ ăn người ở trong nhà, ông không chịu nhẫn nhục được như bà Elinor, nhưng ông phải thừa nhận lòng nhẫn nại truyền kiếp của dòng họ Winsten, nhờ đó mà bà Bertha trung tín với gia đình này dài lâu. Không khác gì một viên ngọc trai trong một con sò, người này cũng như người kia, quý mến nhau và cùng cúi kính với nhau.

“Herbert không nói gì sao?” Ông William hỏi và nghĩ đến Herbert lúc lái xe đưa ông về, đã ngồi như phỗng đá trên ghế tài xế.

“Có thể là anh ta chưa hay biết,” bà Elinor đáp.

Ông lại nói:

“Hễ đối xử với tôi tớ trong nhà quá tình cảm thì phiền phức đến liền! Thiếu gì đầu bếp giỏi hơn Bertha. Sao em không kiếm người khác?”

“Tội nghiệp cho Bertha!”

“Này, này, em đừng có để cho bọn tôi tớ trong nhà lộn xộn,” ông vừa nói vừa quàng tay sau lưng bà. Ông muốn kể lại cho bà nghe cái cảnh Jessica trước tấm gương soi mà ông đã thấy.

“Em không thể ngờ Bertha và Jessica lại như vậy,” bà nói.

Nói xong bà nường cánh tay chồng đi vào phòng khách một cách vui vẻ. Chính bà đã đặt ở đó khay cocktail thay cho Jessica, vì cô ta tự khóa mình trong phòng. Bà đã lấy ly rượu thập cẩm ướp đá cho ông.

Ông nói:

“Em yêu quý, đợi anh một chút. Anh đi rửa ráy đã, rất tiếc vì đã về trễ.”

Khi ông William từ lầu trở xuống, thì Herbert đang đợi, mặc áo trắng bồi bàn và cảnh nhà xem ra đã trở lại cái vẻ bình thường của những buổi chiều thu đẹp trời. Các cửa phòng ăn mở rộng, và trên bàn đã dọn sẵn phần ăn cho hai người.

Ông đã từng hình dung cảnh tượng lũ trẻ đã vào trường, bà Elinor và ông sẽ cảm thấy cô đơn, tòa nhà như rộng lớn hơn ra, và thật là hiu quạnh, thật là trống vắng sau khi không còn tiếng trẻ con nô đùa giỡn cợt. Song chỉ vài ngày sau, những gì ông cảm thấy trước đó đều sai bét. Tòa nhà trở nên tĩnh lặng một cách thú vị, những tiếng nói trẻ trung cao vút, những bước chân chạy thành thịch trên cầu thang, những tiếng la hét từ các cửa sổ trên cao, vẫn không thiếu vắng. Thật là thích thú lướt quanh các phòng đã trở lại trật tự, tìm được ngay cuốn sách nơi mình đã đặt, đâu còn thấy những tranh ảnh buồn cười vút bừa bãi đó đây. Chỉ ban đêm, đôi khi không ngủ được, ông đi lang thang trong nhà, thì những hình ảnh của lũ con ông mới hiện ra. Winston khi mười tuổi, mái tóc đỏ hoe, thân hình mảnh khảnh, luôn luôn chạy nhảy, vội vàng băng qua đại sảnh; Edwin da sẫm, ngôi lún sâu trong chiếc ghế bành ở thư viện, là chiếc ghế cậu ta ưa thích, đầu cúi xuống một cuốn sách, mê mải đọc. Thường thường, khi ông đến ngồi trên cái ghế bành đó, ông còn cảm thấy hơi ấm của cậu con trai. Và bóng dáng của Susan, máu thịt của máu thịt ông, nay đã là một phụ nữ, nhưng muôn đời khác xa ông.

Ban đêm thì chúng hiện về đủ mặt, dưới hình bóng trẻ con của thuở ban đầu, mà chính ông tha thiết muốn nhìn thấy lại. Lũ con ra đi làm cho ông có cảm giác tuổi già của mình càng đến gần. Dù chúng có về trong dịp lễ Noel, hay trong dịp nghỉ hè, vẫn không phải là một cuộc trở về thật sự. Đối với chúng, chẳng qua chỉ là một cuộc dừng chân ngắn ngủi trên con đường đi đến định mệnh cuối cùng. Nhưng mà đối với ông, chúng có mất hẳn đâu. Ông đã thấy chúng, ngày mới sinh ra, yếu ớt, bất lực, nhỏ bé, rồi tập đi, tập nói, để trở thành những cậu học trò sôi nổi, phá phách trong tuổi thiếu niên. Đó là hình ảnh của những đứa con mà ông còn giữ lại trong chính ông: những hình ảnh khác của chúng, ông cũng không quên. Những chàng thanh niên chững chạc, vụng về, trở về nhà trong chốc lát, để tìm lại một chỗ để tắm gội, mặc áo quần trước khi nhảy nhót hay ăn trưa, một chỗ có thể ăn và ngủ, mà khỏi trả tiền. Đôi khi ông tự hỏi, chúng nó đã nghĩ gì về mẹ chúng, về ông, và cảnh biết bao thân mật ngày xưa không còn nữa. Khi quan sát chúng, ông lại nghĩ rằng, chúng không tiếc nuôi gì, và cũng không suy nghĩ gì. Chúng đang trên đường tiến về chốn vô thức, bay bổng trong luồng gió ước vọng riêng tư.

Song đó chỉ là những tư tưởng ùn đến vào ban đêm; còn sớm mai, ông thức giấc khỏe khoắn trong yên tĩnh, tắm rửa và thay áo quần xong, nhìn vào gương, hình bóng ông không phải là một con người đang bước vào tuổi già, mà là phản ánh của con người hiện tại, tràn đầy sức sống, tóc hơi hoa râm, ngoại trừ hai bên thái dương, và chưa có dấu hiệu hói đầu. Nhưng ông đã thừa hưởng mái tóc bờm xờm của tổ tiên, giống như một đồng rơm thực thụ. Ông đã phải tìm một thợ hớt tóc ở thành phố đủ sức làm cho chúng khuất phục bằng những đường kéo khéo tay... Không, ông đâu thiếu vắng con cái. Nhờ chuyện trò thân mật trong lúc đầu gối tay ấp, mà ông đã phục hồi được sự hăng say của mình.

“Anh nhớ con à?” Bà hỏi với vẻ sáng suốt.

“Sao em biết?”

Ông đã quen với cách nhìn nội tâm, cách nhìn trực giác, cách nhận thức viễn cảm của bà, dù có đặt tên gì cho nó đi chẳng nữa, thì ông cũng hết sợ hay có cảm giác như lúc còn xuân thì. Từ khi lấy bà, ông hoàn toàn tin cậy

vào bà, không còn gì phải giấu giếm, ngay cả ý muốn ngày xưa hết sức quyết tâm tìm cách giữ gìn cá tính mình.

“Em biết cái tình cảm cha con nơi anh...”

Giọng nói của bà Elinor đậm đà và dịu dàng đặc biệt, mà hồi còn trẻ ông đã từng ghen tị với các con, vì sợ bà yêu thương chúng hơn mình, và đam mê không dứt tất cả nhưng gì liên quan đến bà.

Ông nói:

“Anh tự hỏi, con cái có cảm thấy thiếu vắng chúng ta chút nào không?”

“Chắc là không rồi, chẳng vậy thì hóa ra là chúng ta đi giết lùi...”

Ông lại tiếp tục thú nhận:

“Vậy thì, nếu anh không cảm thấy thiếu vắng chúng, đâu có gì là xấu? Được ở nhà một mình với em, như trước khi chúng mình có con, là một điều hết sức thú vị.”

Hồi ấy, ông cho tòa nhà là quá rộng và nôn nóng muốn thấy con cái đông đúc trong nhà. Nhưng bây giờ ông không còn cảm giác như thế nữa, có thể vì những xuất hiện nho nhỏ, vui vui, mà ông có thể hình dung ra bất cứ lúc nào. Đời sống đã được sống ở đây, và sẽ tồn tại ở đây. Nhưng Elinor và ông rất khác xa với những cặp vợ chồng trẻ vừa gia nhập vào đây. Chúng lại phải trực diện với cuộc sống của chúng, nhưng cuộc sống đó sẽ ra sao? Khi con cái ông ra đi, ông có phần nào do dự, không biết những đôi vợ chồng trẻ yêu nhau sẽ đối xử với nhau thế nào khi trở về già. Ông tự hỏi, sự nhiệt tình đối mới này có làm vui lòng bà không, nhưng ông tin tưởng nơi bà. Sự an ủi của ông là ở chỗ đó. Ông biết có những người chồng sợ già với vợ họ. Ông cảm thấy mình được ưu đãi trong cuộc sống chung với bà. Sự ưu ái này không phải đến do tình yêu của ông đối với bà mà thôi, nhưng bởi vì cách suy nghĩ của họ trùng hợp nhau. Bà không có vẻ gì là một người đàn bà trí thức, bà không quan tâm gì đến những vấn đề luật pháp, chính đó là điều ông cảm kích, nhưng những phán đoán của bà lại chân thành, cách bà đề cập đến con người thật là độc đáo, sống động, và hơn nữa, bà không dối trá bao giờ.

“Em có cảm thấy thiếu vắng con cái không?” Ông hỏi. Câu hỏi này ông đã có sẵn trên môi, song ông không dám nói ra.

Bà Elinor đẩy cái ly của mình ra và trong phút chốc, bà nhìn sững vào ly rượu trong veo màu hổ phách, cái màu mà bà thích một cách say mê, ông tự nhủ, bà say mê các dáng vẻ và màu sắc, kể cả màu sắc của các thức ăn. Bản chất tự nhiên của bà, tính không thẹn thùng của bà, đã bảo toàn tuổi thanh xuân của bà, đến độ người ta không thể đoán được tuổi tác của bà. Không có gì làm khô héo con người bằng sự giả vờ làm ra vẻ đáng kính, hoặc đoan trang ngoài mặt, để khỏi bị người ta chê cười. Chẳng hạn, như không bao giờ dám gia nhập một thứ tổ chức bắt buộc các thành viên mặc những chiếc áo dài rộng thùng thình, giả làm người Á Đông. Họ đã họp thường niên tuần trước tại New York, và người ta đã chứng kiến trò hề của những ông già trang sức lỗ bích, bụng lớn, giò teo, cả lũ đều buồn cười như nhau. Ông William đã phải cho xe chạy vòng ra xa để tránh họ.

“Có, em cảm thấy thiếu vắng chúng. Em tự hỏi tại sao?”

“Mấy năm sau này, chúng ta ít thấy chúng,” ông đáp, “chúng sống đời sống riêng của chúng quá sớm đối với thời đại của chúng ta.”

Bà suy luận:

“Em cho là điều đó đã bắt đầu từ khi chúng ta có máy truyền hình, chiều nào chúng cũng tụ tập xem trong một căn phòng khác với phòng của chúng ta.”

Herbert xuất hiện nơi cửa lớn, to xù trong cái áo vét có sọc màu trắng.

Bà Elinor đứng lên, đưa bàn tay ra để ông William cầm lấy và luôn xuống dưới cánh tay ông. Bà nói:

“Đi đi, anh yêu...”

Rồi một cách nửa đùa nửa thật, hai ông bà tiến vào phòng ăn một cách trịnh trọng, theo sau tấm lưng hộ pháp của Herbert.

Trong khi ông kéo nhẹ ghế ngồi cho vợ, bà nói:

“Em luôn luôn biết ơn anh, vì xưa nay bao giờ anh cũng vẫn vậy.”

Ông ngồi xuống, và xuyên qua làn hơi bốc lên từ chén xúp nóng mà Herbert đặt trước mặt, ông mỉm cười với bà. Ông bắt gặp ánh mắt của bà, và thấy tình yêu của bà ngời lên trong đó, như một tia sáng êm êm, bền vững. Ông tự nhủ lòng, con người khi vượt đến tuổi già mà còn thấy được tia sáng của tình yêu, và còn cảm nhận nó sẽ tồn tại cho đến mãi đời, thì thật là được

trời đất ưu đãi. Ông cúi đầu, và trong yên lặng kéo dài, ông nghe rõ tiếng khóc âm ức từ xa.

Ông đặt cái muỗng xuống, trong khi Herbert đã đi ra ngoài.

“Có phải tiếng khóc của Jessica đấy không?” ông hỏi.

“Phải đấy,” rồi bà nói thêm với vẻ nghiêm khắc khác thường “Jessica khóc to như vậy mà không biết xấu hổ!”

“Nhưng, này em yêu...”

Bà chặn ông lại, và nói:

“Không, quả thật, William, em không thể nào thông cảm được với một người đàn bà khóc to như thế. Thật là sỗ sàng, nếu tất cả đàn bà chúng tôi đều làm như thế, thì thế giới này sẽ thành thế giới của một lũ điên...”

Bà đứng lên, đóng cửa sổ lại, và không còn nghe gì nữa. Ông William không đáp lời. Bà ám chỉ ai khi nói tất cả những người đàn bà đang khóc? Ông chưa từng thấy bà để rơi một giọt nước mắt nào. Ông nghĩ bà là một người đàn bà có quá nhiều hạnh phúc. Qua hai mươi lăm năm chung sống thân mật đến thế mà ông vẫn chưa hiểu được bà trọn vẹn. Đó chẳng qua là một câu nói hời hợt không ngụ ý gì, nhưng khi ông suy nghĩ lại, ông cảm thấy có mũi nhọn trong đó. Ông lặng lẽ ăn hết chén xúp. Herbert bước vào, dọn dẹp các chén không.

## II

**M**ùa thu tốt đẹp kéo dài. Năng hạn quá độ, các cây hoa cúc sống dai mà ông đặc biệt ưa thích, không lớn nổi, hoa nhỏ và không màu, một nỗi thất vọng ê chề không ai có thể làm gì được. Ông William rất bận tâm về những vụ “scandal” trong quản lý thành phố đã nổ tung. Ông phải quyết định, bênh vực cho các bị cáo hay không, khi ông biết rõ là họ có tội. Dù sao đi nữa, họ vẫn có các quyền luật định của họ, ông sẽ bảo vệ cho các quyền ấy, nhưng liệu có thắng nổi không, hay vẫn còn nguyên tội trạng. Sự chọn lựa thật là tế nhị.

Một buổi sáng cuối tháng chín, trong cuộc tiếp xúc với số người mà ông dè dặt không gọi họ là phạm pháp, vì tòa án chưa phán quyết. Ông cần gặp họ để tìm hiểu về quan điểm của họ, cũng đơn giản thôi, bởi vì họ cho rằng, có khối người hành động như họ mà không bị buộc tội; thật là thiếu công bằng, họ không hiểu vì sao họ lại bị quấy nhiễu.

Ông William ngắm nghía ba gương mặt phì nộn, được tô điểm nhờ nhiều năm ăn uống ngon lành. Ông không cố tìm hiểu về dòng giống của họ, họ không giống nhau, nhưng cả ba cùng gợi lên nguồn gốc của tội ác trong hệ thống chính trị của đô thị lớn nhất thế giới này. Tuy nhiên ở đây không đặt vấn đề gốc gác, quê hương, nhưng là môi trường sống mà xã hội đã áp đặt thêm cho chúng. Những căn nhà ổ chuột, những tranh chấp của bọn gangster, những thiệt hại, những đánh đấm, và cuối cùng là tội ác, đã tạo nên những cá nhân đang chạm trán với ông, kể gì đến sự biến chất của họ. Ông William cảm thấy xa cách họ, lương tâm ông trong sáng, đáng vẻ suy tư, ông từ vùng Vermont đến, đang dăm dăm nhìn họ từ sau bàn giấy của ông.



Ba cái mặt bự không nói lên được cái gì hết. Người đàn ông to lớn khẽ ho, nói:

“Chúng tôi biết những luật sư như ông đòi được trả công xứng đáng, và chúng tôi sẽ trả.”

Ông ta có giọng nói dễ nghe đến nỗi ông William lấy làm lạ, quan sát ông ta qua sự bình thản thường ngày của mình, và nghĩ là mình đang có chuyện với một con người học thức.

“Chắc là tôi phải trông vào đồng tiền của các ông trả cho công việc của tôi làm,” ông nói, “nhưng tôi lại đặt câu hỏi: Các ông muốn gì ở tôi?”

Con người nhỏ bé nhất mà phì nộn nhất ngồi giữa hai người đàn ông kia, nghiêng mình tìm cách làm mỉm lòng ông luật sư:

“Nhờ vào lòng tốt của ngài,” ông ta nói.

Giọng nói van lơn, trầm buồn, giọng của một đứa con cứng, xuất phát từ một cái miệng đẹp, miệng của em bé đang hờn dỗi. Từ trong nôi, mẹ của em đã từng nhượng bộ trước gương mặt trẻ thơ của em, cái miệng đẹp đẽ của em. Một lần nữa ông biết ơn bà Elinor, đã tỏ ra sáng suốt, không nhượng bộ con cái mình. Có đôi khi ông thấy bà hơi cứng cỏi, nhưng bà đã thương con cái phải lẽ, mà không mơn trớn. Sự chính trực của bà không dễ gì lay chuyển nổi.

Ông William lạnh lùng đáp:

“Các ngài không thuyết phục được tôi đâu!”

Ba người đàn ông đã quyết định chấp nhận sự bào chữa đơn thuần. Ông William đã bỏ cả buổi sáng để giải thích nội vụ cho ba người, để họ hiểu sự vô tội là một chuyện, còn quyền lợi công dân là một chuyện khác. Rất có thể họ có tội, ông William không tìm biết điều đó, vì là việc của quan tòa và tòa án, nhưng dù sao đi nữa, thì họ cũng có quyền phải được bảo vệ.

Người bệ vệ nhất trong đám, người có nước da sẫm màu, bóng láng và ít nói nhất, đã thở ra như lợm giọng. Ông ta nói:

“Tôi nghĩ rằng, đó là điều tốt nhất chúng tôi có thể làm được.”

Họ lấy làm chua chát mà nhận thức rằng, không có gì có thể lay chuyển nổi ông luật sư, cố thủ trong một vị trí không đánh vào nỗi: hiến dâng tiền bạc, nịnh hót, thuyết phục, không được gì. Họ chấp nhận điều Ông William

nói, vì họ tin cậy ông và biết ông khéo léo, mà không hiểu ông đồng thời vừa nhận bênh vực quyền lợi của họ và vừa từ chối không bênh vực việc làm của họ, điều đó xem ra không ăn khớp với nhau. Ông William thấy được cái nét lẫn lộn ấy trên gương mặt có hai má phình phình chảy xệ xuống của họ. Họ đứng lên một lượt, ngấn ngờ, nửa khiêm nhường nửa phách lối, để ông William ở lại, họ chửi bới nhau, mắng nhau là ngu dại. Ông phải mất nhiều tháng để truy tầm, đưa các chứng cứ, đã phân tích các chi tiết, ông phải bênh vực những con người nói được là ông khinh rẻ, dù vậy, tất cả đều để tôn vinh luật pháp, đó là không ai bị xét là có tội mà không có các chứng cứ đi kèm. Ông đã từng biện hộ cho những tên giết người cho đến lúc lên ghế điện mới chịu thôi, vì nhiệm vụ ông đã hoàn tất.

Ông trở về nhà cuối tuần. Ông có thể cảm thấy mình kiệt sức, nếu không nghĩ đến cái viễn cảnh nghiêm khắc của trách nhiệm đang đợi chờ ông. Còn nhiều tháng về sau nữa, ông không có quyền viện lý do mỏi mệt, vì ông phải đảm trách việc phẫu tích cái thế giới sâu kín tàng ẩn của một thành phố rộng lớn, nhiệm vụ ông đã được giao phó. Hãy ngợi khen Chúa, có lẽ ông đang nghĩ về lợi ích của tòa nhà lớn xa xôi và yên tĩnh, sự bình lặng của vợ ông, sự an toàn của tâm hồn ông.

Khi về đến nhà, Jessica mở cửa, thấy ông, cô cười hai má lúm đồng tiền. Ông cảm thấy cô rực rỡ trong chiếc áo dài xanh dương tươi mát, cái tạp dề trắng xếp li. Xem chừng không còn tiếng khóc ầm ức nào nữa, và ông tin ngày cưới đã gần kề. Cô đỡ lấy cái mũ và áo choàng từ tay ông. Ông thử nói một câu lịch sự với cô như nói với con gái ông:

“Jessica, ngày trọng đại bao giờ đến vậy?”

Cô vẫn giữ vẻ hài hước:

“Thứ bảy tuần sau, đó là ngày sinh nhật của Herbert.”

“Kết hợp như thế thật là đặc sắc?...”

Ông đặt chân lên bậc cấp đầu tiên của cầu thang, thì nghe tiếng bà Elinor từ trên lầu vọng xuống, bà đang hát, vừa hát vừa làm việc gì đó. Jessica từ phòng áo nói ra:

“Đó là điều Herbert mong muốn.”

Ông William bước lên cầu thang. Khi đến thềm nghỉ ở giữa cầu thang, ông dừng lại và nghiêng mình về phía tay vịn. Ông sửng sốt, lại thấy Jessica, trên đường đi đến nhà bếp, đã dừng lại nơi phòng khách phía Đông. Đó là lần thứ ba ông bắt gặp: lần thứ nhất, khi Jessica còn là một con bé, lần thứ hai khi cô ta đã là một thanh nữ và bây giờ có thể nói được là một người đàn bà. Cô ngồi trên ghế bành nhung màu hồng đối diện với tấm gương soi lớn, hình bầu dục, ông có thể nhìn thấy hình bóng Jessica phản chiếu trong gương. Cô ta mỉm cười, song không phải cái cười mỉm duyên dáng ngây thơ mà ông còn nhớ rõ, nhưng là điệu bộ nhăn nhó cô gởi đến cho một người xa lạ nào đó mà có lẽ cô nhìn thấy trong gương. Tay mặt cô vén gọn những nụ tóc ngắn buông lơ, làm biến thể đầu tóc của cô, và tay trái như đang cầm cây quạt phe phẩy. Cô làm điệu bộ, uốn éo cái miệng xinh xinh như phải phát âm những từ mà không ai hiểu nổi. Cô chăm chú nhìn khuôn mặt của mình trong gương, với đôi mắt to màu xanh biếc, và diễn tả một màn đang cao hứng. Thói quen gì kỳ cục vậy? Ông bị thôi miên và đứng nhìn mấy phút. Rồi ông rón rén đi lên phòng. Ông không thích can thiệp và để cô ta một mình với cái tôi tưởng tượng, làm cho cô thành người ngoài cuộc cả với những gì liên quan đến chính cô. Khi cô ta tưởng có một mình, cô ta có hành động như vậy chẳng? Khi bà Elinor và ông vắng nhà, cô ta có chạy luồn tuồng trong ngôi nhà trống vắng, có chọn phòng nào vừa ý để tha hồ mơ mộng, quên mất mình là ai chẳng?

Ông bực mình khi nghĩ đến đó, và vừa đóng cửa vừa tự hỏi, ông có nhiệm vụ phải cảnh giác ngay bà Elinor chẳng? Tiếng hát xa xa với âm điệu dịu dàng của bà vẫn còn văng đến tai ông. Ông thường tự nhủ, giọng nữ trầm của bà nếu được tập luyện, có thể trở thành tuyệt mỹ. Một lần nữa, ông lại quyết tâm không đá động gì đến Jessica. Rủi bà Elinor cho sự việc là quá quan trọng thì sao? Và lại, Jessica cũng đã gần đến ngày vĩnh biệt tòa nhà lớn rồi. Bà Bertha đã nhất định cho con gái bà về nông trại để được sống đàng hoàng, để bà có chỗ đi nghỉ hè, và có một nơi hưu dưỡng lúc về già. Cần gì khuấy động ngần ấy chuyện, trong khi chỉ còn một ít lâu nữa cô ta sẽ ra đi!

Ông mặc vội chiếc quần màu sẫm, và cái áo vét nhung màu hồng hạt lựu mà ông thường mặc vào buổi chiều, rồi đi tìm bà Elinor, cố gắng tạo ra vẻ mặt bình tĩnh. Tiếng hát đã ngừng, ông bắt gặp bà nơi phòng nhỏ để đồ vải, bà nói bà đang tìm tấm khăn ren để trải trên cái tủ com-mốt. Ông chờ bà, sung sướng nhìn bà, và ông thầm vui vì đã không làm khuấy động sự yên tĩnh của bà. Những gì bà đã làm trong ngày, ông đều vừa ý, vì gương mặt của bà diễn cảm, linh động, thật là tươi mát và xinh đẹp. Bà mặc chiếc áo dài màu xám ngọc dùng trong nhà mà bà ưa thích, và cài lên ngực một bông hồng bằng nhung khảm xà cừ lấp lánh. Hai ông bà hôn nhau, và một lần nữa ông hối tiếc vì đã ở tận New York, quá xa. Cái niềm hy vọng được bà theo ông lên thành phố lớn, lúc con cái đã trưởng thành, ông không thể nào thực hiện được. Bà không thích thành phố lớn, còn ông thì tiếp tục tính toán thì giờ, sắp đặt cuộc sống, để đủ sức tra cứu những vụ án đã nhận bào chữa khi ở văn phòng Manchester, hay tại đây, nơi nhà ông, trong những ngày yên tĩnh mà ông hy vọng nhờ đó để đạt được những lý đoán vững chắc, cần thiết cho cuộc tranh cãi sắp đến, với sự hiện diện của thân chủ.

Ông nói:

“Khi anh về, nghe tiếng em nói đủ làm cho anh vô cùng thích thú.”

“Suốt ngày, cái phần cuối điệp khúc cũ kỹ của bài hát mà anh và em đã nghe ở nhà hát tháng trước, cứ lẩn quẩn trong đầu óc em hoài. Em tự hỏi, không biết tại sao.”

Bà không chờ đợi câu trả lời, và thật nó đâu có câu giải đáp. Bà đã tìm được tấm khăn ren và trải nó lên mặt cái tủ com-mốt, rồi cả hai cùng đi xuống lầu. Phòng khách vắng tanh, chiếc ghế bành bọc nhung vẫn nằm chỗ cũ, tấm gương soi phản chiếu hình ảnh của hai người, tay trong tay, họ đứng bên nhau.

\*\*\*

Sáng hôm sau, Jessica đón ông ở cửa thư phòng.

Ông đã mang về nhà cái cặp da màu đen, đầy căng tài liệu, thư từ và các mẫu tin cắt trong các báo, mà các cộng sự viên trẻ tuổi của ông đã tập hợp

cho ông trong tuần qua. Ông chỉ việc hấp thu tất cả số giấy tờ ấy, đến độ biết rõ chúng như biết rõ cuộc đời mình. Ông đã dậy sớm, vội vàng, vì trong giấc ngủ ông bị ám ảnh bởi bộ mặt của ba người đàn ông mà ông nhận bênh vực quyền lợi của họ.

“Xin phép ông,” Jessica nói.

Ông William đứng lại, nhớ đến sự việc đã xảy ra chiều hôm qua, ông nghiêm nét mặt nhìn cô và hỏi:

“Cái gì đó?”

Jessica vạy vò cái tạp dề trong tay, rồi với một cử chỉ thật nhanh, cô áp hai bàn tay lên đôi má ửng đỏ, nói:

“Thưa ông chủ, xin ông đừng bận tâm đến dự lễ cưới của con. Con biết bà chủ muốn đến, vì má con; phần con, con không muốn thế. Quả thật, thưa ông chủ, ông không đến thì con lại thích hơn.”

Cô làm cho ông bực bội.

“Thế là? Tốt! Vậy thì tôi sẽ nói lại với bà chủ. Thực tình, lúc ấy tôi bận lắm!”

“Còn điều này nữa, thưa ông chủ,” Cô lại van nài, ông thì sợ có chuyện gì khác dây dưa lôi thôi, “Ông không làm điều này cho con được sao? Trong cả nhà, ông là người tốt nhất. Phải, thưa ông, con không dám nói là bà chủ không tốt đâu, nhưng bà đứng về phía má con, ông có hiểu như thế không? Con không thể trách bà, vì má con đã ở đây quá lâu, cả trước khi con ra đời nữa, nhưng mà, thưa ông, sau này con có thể trở lại đây tiếp tục công việc con đã làm, như trước khi lấy chồng, được không ạ?”

Điều ấy hoàn toàn ngoài quyền hạn của ông. Không bao giờ ông bận tâm về công việc trong nhà, nhất là về kẻ ăn người ở đã phục vụ lâu đời trong dòng họ Winsten. Qua trung gian bà Bertha mà ông bà có được Herbert, và Jessica lại là con gái của bà ta. Và qua những gì đã xảy ra trong ngày hôm trước, sự việc đâu còn đơn giản nữa.

Jessica nhận thấy vẻ ngạc nhiên và do dự trên gương mặt của ông William. Ông nhìn thấy đôi mắt màu tím tuyệt đẹp của cô gái đang van nài, với hàng mi dài màu hổ phách, sẫm hơn cả mái tóc cô, mà lấy làm buồn tiếc. Tội nghiệp con bé, sắc đẹp thế này chắc rồi cũng uổng phí thôi...

“Thưa ông chủ,” Jessica nói tiếp, “con xin thú thật với ông chủ, con coi nhà này như là nhà của con” Đôi mắt cô lướt qua các gian phòng rộng rãi, đẹp đẽ, và nói. “Con còn nhớ lúc con còn bé tí, ba hay bốn tuổi gì đó, con xô cánh cửa này thưa ông, (cô đưa tay chỉ cánh cửa hồng đi vào đại sảnh), và con đứng đó, tưởng chừng tất cả thuộc về con. Điều đó chẳng phải hay ho gì, nhưng nó lại như thế đó. Rồi khi con lớn lên thêm chút nữa, con còn táo tợn hơn, khi cả gia đình vắng mặt, ba con ở ngoài vườn, má con ở dưới bếp, con ngồi nơi ghế bành kia kìa, ghế bành bọc nhung hồng ấy, con kéo nó đến trước tấm gương soi lớn, con nhìn con đang ngự trị giữa muôn vàn sự xinh đẹp đó và mơ mộng đủ điều. Đúng thế đó, đúng là con đã nghịch ngợm, vì vậy má con mới gửi con vào tu viện, khi con lên bảy, vì má con đã bắt được quả tang và bảo là con có những ý nghĩ hoang tưởng tự đại. Nhưng đơn giản đó chỉ là lòng thương yêu, thương yêu ngôi nhà này, thương yêu gia đình này và điều đó vẫn còn tiếp tục, tiếp tục mãi, bởi vì đây là nơi con đã sinh trưởng, sự thật là vậy.”

Ông William sửng sốt và khó chịu vô cùng. Cô ta tưởng như tất cả là của cô? Cô có quên chẳng là ông cũng đã thấy cô như thế?

“Được rồi, Jessica, tôi sẽ nói với bà Asher về việc đó. “

“Ôi, xin ông, con xin ông đừng nói lại cho bà biết điều con đã nói. Đó là ảo mộng của con, con biết vậy, có lẽ bà không hiểu được; không như ông đâu, thưa ông, vì bà là thành phần của gia đình Winsten.”

Ông William ít thích cam kết một điều gì mà không có vợ ông, nhất là việc đó có liên hệ đến cô gái này. Cô ta được tạo nên đâu có phải là để làm một nữ tì, ông nghi ngờ ở nơi này có biết bao nhiêu cách tế nhị, bao nhiêu trạng thái tinh thần, chỉ có hại cho cô ta, vì gốc gác hèn mọn của cô. Ông không tin vào sự trường cửu của một vai vế nào đó trong xã hội, nhưng phương tiện để vươn lên đòi hỏi một nghị lực mà cô ta không có.

Ông cố ý làm ra vẻ lạnh nhạt, nói:

“Này, Jessica, tôi sẽ làm hết sức mình, nhưng nếu bà chủ thấy mẹ cô buồn lòng vì chúng tôi vắng mặt, thì cô cũng không nên trách chúng tôi. Còn chuyện gì khác, cô nên chờ một thời gian. Điều ấy có thể thu xếp được dễ

dàng trong mấy tháng hè, nhất là khi các cô cậu đã về đủ mặt, thế nào chúng tôi cũng cần cô giúp đỡ đôi chút.”

Cô thoảng có được chút vui mừng, không tương xứng với hy vọng mong manh của cô.

“Ôi, con xin cảm ơn Ngài Asher,” cô nói.

Và cô chấp hai bàn tay mảnh mai của cô lại trong một dáng điệu phấn khởi, sung sướng.

“Cô cũng biết, đây chưa phải là một lời hứa,” ông nhắc.

“Vâng, con cũng hiểu vậy,” cô đáp.

Ông rảo bước đến thư phòng, quên hẳn Jessica khi ông nghĩ đến cảnh đòi trụ phò bày khắp thành phố. Cuối ngày ông có nhớ lại, nhưng sự kiện có vẻ là trò trẻ con, có thuật lại cho bà cũng vô ích. Đã từ lâu ông hiểu được sự bình an trong gia đình đến từ những gì quên đi hơn là từ những gì giữ lại. Bà Elinor có thể phật ý vì chuyện Jessica xin trở lại làm việc như trước một cách quái lạ này, nó còn làm phật ý bà Bertha, một con người quan trọng. Ông không quên hẳn được, vì cách mấy ngày, khi bà Elinor báo tin lễ cưới của Jessica đã gần kề, thì ông bảo, ông không đến được. Đúng như vậy. Dù thế nào, ông cũng khó có mặt ở nhà, nhất là vào lúc hai giờ. Ông nói:

“Em thân yêu, tuần này anh không xa rời thành phố được. Sáng thứ hai anh phải đi sớm, em chỉ gặp lại anh sau ngày thứ sáu hay thứ bảy. Anh đang chuẩn bị hồ sơ cho vụ án. Không có anh, các người khác không làm được, anh không thể nào đến dự lễ cưới, cho dù đó là lễ cưới của Susan, con gái của chúng ta.”

Bà Elinor nói:

“Bà Bertha sẽ bất bình đấy! Con cái chúng ta cũng chẳng có đứa nào có mặt. Anh chị em của em thì lang thang đây đó, em cũng chẳng biết tại sao. Em muốn lũ con mình đừng bắt chước họ, nhưng em đoán chừng dì Emma sẽ có mặt.”

Ông nói với giọng nhẹ nhàng hơn:

“Anh tiếc rằng, biết đâu chính chồng em cũng lang thang như thế.”

Ông thuật lại cho bà nghe những lời Jessica nói cũng dễ dàng thôi, nhưng ông thấy vô ích, vì ông chỉ bị cô tố gái tâm tánh thất thường làm dao động

trong giây lát. Ông bằng lòng để Jessica ra đi, và ông sẽ chẳng làm gì để cô ta dễ dàng trở lại. Ông lấy làm bất mãn khi nghĩ rằng cô ta coi cái nhà này, cái nhà hiện tại của ông, như là nhà của cô ta, ngay cả chỉ đề cập đến ngôi nhà này một cách thiêng liêng cũng vậy.

\*\*\*

Lễ thành hôn đã cử hành không có ông, và khi ông về muộn trong buổi chiều thứ bảy, mệt mỏi, căng thẳng do cố gắng quá sức, ông quên mất là Jessica đã ra đi, và chỉ nhớ đến điều này khi bà Bertha một mình hầu bàn bữa ăn tối.

Ông cảm thấy cần tỏ ra lịch sự đôi chút với bà Bertha, ông nói:

“Bertha này, như vậy không phải là chị đã mất đi một đứa con gái, mà là chị có thêm một đứa con trai, phải không? Tôi rất tiếc không về dự lễ cưới của cháu được.”

“Herbert sẽ trở lại làm việc vào tuần sau, thưa ông, tôi đã bảo anh ta một tuần là đủ rồi. Hồi Henrich với tôi, chỉ mất hai ngày thôi. Nhưng Herbert lại bảo, cái nóc nhà nuôi gà phải lợp lại, và anh ta sẽ làm việc đó trong tuần trăng mật.”

“Tốt!” Ông William vui vẻ kêu lên, “nhưng anh ta đừng như không chỉ coi việc đó là tuyệt vời!”

Bà Elinor kể lại:

“Khi bà Bertha rời khỏi phòng, thì cuộc lễ xem ra khá thê thảm. Nhìn quanh, chỉ có anh chị của Herbert và dì Emma, tài xế của dì đã đưa dì từ New York đến. Dì đến như vậy, là quá tốt rồi, nhưng sau đó dì cứ lớn tiếng lộp đi lộp lại rằng, gương mặt của Herbert làm dì phát nản.”

“Dì Emma đi về ngay à?”

“Không, dì ngủ đêm ở nhà mình, và em đã quả quyết với dì: Herbert đúng là mẫu người cần phải có cho Jessica, vì cô ta hơi ngớ ngẩn. Anh thường ở New York nên anh không biết, đôi khi cô ta làm cho em bực mình. Mẹ em bảo: những con người có giáo dục không nên bắt kẻ khác phải lệ thuộc vào tâm tính vui buồn của mình. Heinrich và Bertha không bao giờ làm thế,



Heinrich có khuynh hướng làm một người Đức mềm mỏng, giàu tình cảm, nhưng Bertha nắm vững anh ta trong tay. Em biết cha em chỉ cần ngó Heinrich một cách nghiêm khắc, khi anh ta vụng về là đủ, sau đó thì Bertha có trách nhiệm làm tiếp.”

“Dì Emma có mạnh khỏe không?” ông hỏi về còn lơ đãng.

Theo lẽ, ông phải ở lại New York Chủ nhật này. Chứng nhận duy nhất của mọi đầu dây mối nhợ đã bị theo dõi, nhưng làm sao đủ tin vào những con người thành thị.

“Dì ấy đang xuống dốc,” bà nói tiếp, “em thường tự hỏi, dì Emma đã gặp chuyện gì trong cuộc đời của dì. Dì luôn nhắc đến Jessica lúc nó còn bé; dường như dì lưu tâm đến điều đó mỗi lần dì đến thăm chúng ta. Tuy vậy, đời sống ở New York hợp ý thích của dì, như dì đã bảo, đó là thành phố của những bà độc thân, nơi họ có những thú vui như đi nghe nhạc, diễn thuyết, xem triển lãm. Em nghĩ dì nay đã trở nên hơi kỳ cục, nhưng dì vẫn luôn luôn dịu dàng.”

“Kỳ cục à?”

Bà Bertha bưng đến một thứ bánh gatô thật ngon. Bà Elinor lại nói tiếp:

“Dì ấy nghiêng mình xuống bên em như thường lệ, vừa đập nhẹ lên khuỷu tay em vừa nói: “Tôi có một bức tranh của Turner”. Nhưng làm sao có thể có được, anh nhỉ? Giá bức tranh đó có đến hàng chục ngàn đôla, cho nên em hỏi lại: “Có thật thế không?” Dì ấy cười không ra tiếng và đáp: “Có chứ, tại phòng tranh của Frick. Ngày ngày tôi tới đó hàng giờ để chiêm ngưỡng. Không ai biết là nó thuộc về tôi, nhưng nó là của tôi đấy. Tôi làm chủ nó đấy!”, và dì ấy vỗ vỗ vào lòng ngực già cả, xẹp lép của dì.”

Cha của bà Elinor đã chọn ông William trong số các luật sư làm người thi hành chúc thư cho cái di sản bé nhỏ của bà Emma.

Ông William uể oải nói:

“Anh phải xem coi sự việc như thế nào. Có thể dì ấy đã trở thành một con người vô trách nhiệm. Dì ấy sống cô độc một mình, phải không?”

“Dì ấy sống trong cái khách sạn cũ kỹ đó,” bà đáp, “Nếu không quá xa xôi như thế, có lẽ em đi thăm dì ấy thường hơn.”

“Đó cũng là khoảng cách anh phải vượt qua hằng tuần để về với em...”

Bà cảm động, đáp:

“Ồ, em biết chứ! Theo lẽ bây giờ em phải ở nơi cái nhà mà anh thích. Nay em đâu còn viện lý do con cái được, nhưng em vẫn ghét thành thị như bao giờ.”

Nhiều năm về trước, ông chấp nhận dẫn chứng của bà, khi bà tuyên bố không thể sống nơi nào khác ngoài vùng Vermont. Ông có nói: “Em yêu quý, không có sao đâu, đường sá thật tuyệt vời, và những con đường rộng thênh thang dẫn đến sát cổng nhà mình. Hồi con cái còn nhỏ, thế cũng tiện cho anh. Anh cũng thừa nhận khí hậu vùng này hợp với đầu óc của anh. Ở đây anh làm việc thật tốt”.

Mấy ngày sau đó, trong lúc chờ đợi lấy thêm tài liệu, ông William rời văn phòng khoảng một tiếng đồng hồ để đi thăm bà Emma. Cô thư ký của ông sắp xếp giờ gặp gỡ.

Ông đã gặp bà Emma trong một căn phòng ngọt ngào: bà ta già lụ khụ, gầy gò, run rẩy, mặc cái áo lụa mỏng màu xanh đã bạc phếch, hai mắt lờ mờ, được một bà hầu phòng đã có tuổi của khách sạn chăm sóc. Bà hầu phòng mở cửa, và một lát sau mang trà vào đặt trên một cái mâm nặng bằng bạc.

“Chào William, anh đến thăm tôi, thật là quý hóa! Tôi muốn công việc của tôi không có gì phiền phức cho anh chứ?”

Ông William vừa ngồi đối diện với cái ghế dựa phủ vải thêu màu vàng bà ngồi, vừa đáp:

“Không có gì đâu, thưa dì.”

Những khúc gỗ già bằng kim khí được đun bằng khí đốt, phụt ra những ngọn lửa nhỏ, làm cả nhà nồng nặc mùi ga. Ông William bảo, ông sẽ nói cho ông giám đốc khách sạn biết. Một ngày nào đó bà già tốt bụng này sẽ chết ngạt, dù bà đã quen với bầu không khí đó, còn cửa sổ thì đóng kín mít. Những khúc sắt giả gỗ đã có vẻ khá cũ kỹ để vỡ vụn ra. Ông nói tiếp:

“Elinor nói là dì có đến dự đám cưới của Jessica, và tôi nhớ không lầm thì đã lâu tôi không đến thăm dì, lâu quá rồi “

“Dù sao, theo một nghĩa nào đó, thì dì là người mà tôi phải bảo trợ.”

Bằng một nụ cười mỉm héo hắt, bà Emma nói:

“Tôi còn khỏe lắm, William ạ. Đi về Manchester để dự đám cưới đối với tôi là một cuộc du hành khó nhọc, song Bertha đã viết thư cho tôi, và tôi cũng cảm thấy phải có người trong gia đình đến dự. Rốt cuộc, chỉ có Elinor và tôi. Tôi còn nhớ Jessica rất rõ hồi nó chưa vào tu viện. Một con bé tuyệt trần, rất nhiều tư cách. Thật là tội nghiệp! William ạ, tôi có bắt gặp nó ngồi nơi cái đàn dương cầm, khe khẽ hát, các ngón tay đặt trên phím đàn, và tạo ra những tiếng nhạc hòa hợp với tiếng hát của nó, một giọng trẻ con thật hay. Lẽ ra tôi phải đem nó theo tôi lúc ấy, và cho nó học đàn” Bà Emma nghiêng mình về phía trước như bị lôi cuốn vào dòng cảm xúc “Nó còn biết vẽ khá đẹp nữa, hay là nó còn có thể làm hơn thế, nếu có người kèm cặp cho nó. Trong một dịp lễ Noel, tôi còn nhớ nó đã vẽ tặng tôi một bức tranh màu nước. Nó còn lén cho tôi những kỷ vật nho nhỏ, bởi vì nó biết tôi yêu nó. Tôi đã thấy bức tranh đó cuốn lại và cột dải ruy băng trong hộp bàn tôi. Tôi còn giữ, không biết ở đâu đó.”

Bà ngó láo liên, như tự hỏi bà đã cất bức tranh ở đâu. Đột nhiên bà kêu lên:

“Và cái anh chàng đó thật là thô kệch!”

Ông William biết là bà ám chỉ Herbert, nên ông trả lời:

“Tuy cục mịch, nhưng vững như tròng.”

Bỗng dưng bà Emma xao xuyến, bà nói:

“Ôi, tôi có biết gì đâu!” bà vịn vẹo hai bàn tay dài và xương xấu của bà vào nhau “William, dùng thêm tí trà nữa nhé?”

Muốn làm vui lòng bà cụ, ông William nói:

“Vâng ạ, thêm tách nữa. Trà này ngon tuyệt.”

Bà già xem ra rất vui lòng, bà nói tiếp:

“Anh thích trà ấy à? Đó là thứ trà đặc biệt, nhưng ít người biết. Tôi đã thấy nó nơi một tiệm của người Tàu, một nơi thật lạ lùng. Tôi tưởng anh biết, William, tuy nhà ở New York mà tôi vẫn chu du khắp thế giới. Một hôm nọ, tôi rơi vào một hội chợ Italia thực sự, giữa hai con đường giáp cùng của thành phố, nơi đứt đường giao thông. Hàng trăm ngọn đèn giăng giữa các gian nhà và một cửa hàng có mái lợp một cách quái lạ, nơi người ta mua bán. Khi người thư ký của anh gọi điện cho tôi là chính lúc tôi đi mua trà đó.

Tôi ân hận mãi vì đã không dẫn Jessica về ở với tôi. Tôi chắc cô ta sẽ vui lòng đến. Anh cũng rõ là Bertha quá khắt khe với con nhỏ. Tôi thấy chị ta nắm cánh tay con nhỏ mà lôi. Nó có lang thang qua những gian nhà mênh mông trống vắng đó, thì tội tình gì. Ngoài tôi, không ai biết rõ điều đó. Tất cả mọi người đều bận rộn.”

“Nhưng Bertha yêu quý con của chị ta lắm,” ông nói mà không thêm những gì ông nghĩ về tính khí của Bertha.

Bà Emma nhăn mặt, tỏ vẻ chán chường:

“Ôi, William, tôi van anh, đừng nói với tôi về tình yêu. Đó là cách chữa mình khéo léo. Cũng bằng cách ấy, cháu Jessica đã bắt đầu: “Thưa bà Emma, bà biết con chỉ thương có một mình bà thôi...”” Bà cười lên the thé. Mẹ của bà Elinor lúc sinh thời là một phụ nữ dịu dàng, và theo ký ức của ông William, chỉ có dì Emma là yêu quý bà nhất.

Tuy nhiên, ông không có thể phân biệt được dấu vết gì tỏ ra bà Emma điên loạn. Ông cho rằng, bà chỉ luôn luôn cố chấp, khó tính, bần gặt, và không bao giờ chịu lấy chồng. Ông cũng thấy rằng, không phải không có người xin cưới bà hồi bà còn trẻ, nhưng ông không rõ vì sao bà đã từ chối luôn như vậy, giả thuyết là không bao giờ có biến cố gì khủng khiếp đã xảy ra. Uống xong tách trà thứ ba, ông đứng lên, cảm thấy nhẹ người vì không có vấn đề gì mới cần giải quyết.

Ông nói như để khuyến khích bà:

“Năm nay dì sắp trở nên giàu lớn rồi, dì Emma ạ, giá cả đang lên, và chắc dì sẽ được những lợi tức cổ phần.”

Nhưng bà có vẻ như không bằng lòng:

“Ôi, đừng nói với tôi về những chuyện ấy, chẳng qua do tiếng đồn ghê tởm về chiến tranh mà ra. Thà chết nơi nhà từ thiện còn hơn làm giàu bằng cách ấy.”

Bà mò trong cái túi nhỏ bằng nhung đeo nơi cổ tay, rút ra một mẫu giấy cắt trong báo, đã nhàu nát, lấy kính lão đeo vào rồi đọc: “Chế tạo bom nguyên tử”. Bà bỏ kính xuống, nhìn ông như trách móc:

“Thế mà anh sắp nói với tôi về lợi tức cổ phần...”

Ông nói với giọng hối hận:

“Dì tha lỗi cho tôi. Tôi quên là dì theo dõi tin tức sát sao đến thế.”

“Nếu tôi không quá già,” bà lại nói với giọng bi kịch, “tôi đã đi hiến máu rồi. Chắc họ không thềm đâu. Máu tôi cần cỗi quá! Tại sao không? Máu có biến đổi không? - Bà đưa cánh tay mặt lên, nó gầy tong gầy teo, ống tay áo tuột về đằng sau.”

“Chắc vậy,” ông William đáp “Các thầy thuốc phải biết điều đó.”

Bà Emma buông cánh tay xuống đầu gối, bà nói:

“May phước, tôi đã không lấy chồng. Tạ ơn Chúa đã không cho tôi có con. Nếu không thì bây giờ tôi không chịu nổi đau khổ.” Bà nghiêng mình về đằng trước và hỏi Ông William. “Anh sẽ làm gì cho lũ con của anh, William?”

“Chúng nó sẽ phải hành động như những thanh niên khác.”

Bà kêu lên:

“Anh thấy chưa, chúng nó sẽ đau khổ và cả anh nữa. Đó là điều hôn nhân đã mang lại. Tôi thật tình muốn có được Jessica ở đây, theo lẽ phải vậy, đằng này tôi chỉ nghĩ đến điều đó khi thấy nó ở bên cạnh tên đàn ông thô lỗ kia. Bertha ục ịch, chị ta cũng giống hăn, tôi chẳng biết tại sao tôi không ép Jessica đến với tôi. Chúng tôi có thể gần gũi nhau tại phòng triển lãm Nghệ thuật. Tôi có một tác phẩm tuyệt đẹp ở đó của họa sĩ Turner, của riêng tôi, tất cả mọi người đâu có biết.”

Phải chăng đó là triệu chứng của bệnh tâm thần? Không phải bà ta sống theo tính cố chấp của thời xưa. Dì Emma trí khôn lành mạnh, nhưng bà cố chấp cả trong những gì bà tưởng tượng, như bà thường làm, cao hứng khi có người nghe chuyện bà lấy làm ngạc nhiên.

“Nghe dì nói, tôi cũng thích, nhưng bây giờ tôi phải đi về, dì Emma ạ. Trà của dì ngon tuyệt, tôi sẽ thuật lại cho nhà tôi nghe.”

Ông xiết bàn tay dài, già cỗi, gầy guộc của bà Emma rồi ra đi. Ở đây chỉ có lỗi sống vô trách nhiệm của tuổi tác, ý muốn tỏ ra mình không phải là hạng người như ông hay kẻ khác tưởng. Jessica mà sống trong môi trường bệnh hoạn này thì thật là tai hại. Thà cô ta đi theo con đường thông thường của người phụ nữ là lấy chồng, có một tổ ấm, và sinh con đúng lúc. Đó là tiếng nói của sức khỏe, của sự quân bình và của tình bè bạn tốt. Vì thứ bè

bạn này có thật, chắc chắn là thế, cho những con người chung sống với nhau, dưới cùng một mái nhà. Tình yêu là vinh quang của hôn nhân, cái dư tràn của một cốc đầy, nhưng hôn nhân tự nó là một sự cần thiết. Ông nghi ngờ nỗi phẫn khởi của dì Emma, nghi ngờ những khả năng của Jessica, chẳng có gì bảo đảm những tư chất này của cô là do thừa hưởng của vợ chồng Bertha và Heinrich cục mịch. Có lẽ các dì phước đã tập cho Jessica biết thưởng thức, song nếu nó còn, thì cô ta cũng sẽ quên đi khi đời sống bình thường bắt đầu.

Ông xua đuổi hình bóng Jessica ra khỏi lòng trí ông, khá bất nhẫn vì ngoài ý muốn, hay là ngoài sự quan tâm của ông đối với cô, người thiếu nữ đã xuất hiện rất thường và bằng một cách không hợp lý trong đời ông.

\*\*\*

Trong dịp lễ Giáng sinh, Susan đem theo về nhà một con chó. Ông William về bằng xe hơi, mệt lả người, ngồi sau tấm lưng đồ sộ của Herbert, mở mắt để nhìn thấy con gái ông trong cảnh tranh tối tranh sáng lạnh lẽo. Cô ta chờ ông nơi hàng rào chắn song giữa những cây dù. Ông nhìn thấy bóng dáng cô, thấp và mạnh khỏe, mặc áo vét lông thú màu trắng. Một con chó mực dữ dằn, không rõ thuộc giống nào, kéo chẳng sợi dây da quấn vòng trong bàn tay mặt của cô. Ông William ra lệnh ngừng xe và quay kính xuống. Ông la lên:

“Con thú gì thế?”

“Không phải là một con thú mà là một con chó. Nó tên là Pirate, tên cướp biển...”

“Ba không xuống xe được,” ông càu nhàu, “mà ba cũng không để cho con lên xe được. Xem bộ nó muốn thịt chúng ta.”

“Nó còn tơ mà ba,” cô gái nói.

Cô kéo trìa nó lại, đang khi nó gục đầu nhủi tới trước, sửa âm ỉ vào chiếc xe, đem tối, và tất cả. Ông William tự nhủ: Nó sửa cả chính nó.

“Cái gì bắt con đem nó về nhà?” Ông hỏi.

Ông thấy mình bắt buộc phải la lên vì con chó sủa to quá, giọng trầm mà vang vọng khắp rừng cây.

“Nó to lớn dị thường, mỗi bữa nó ăn hết hai cân thịt đó ba,” nàng hét lên đáp lại.

“Hai cân? Ba thấy nó có thể ăn hết năm mươi cân...”

Ông William không đến gần con gái được, ông lại la to lên qua bóng tối lờ mờ.

“Lát nữa sẽ gặp con, khi ba đã vào trong nhà. Ba không muốn con đem nó vào.”

Susan càng la to hơn nữa:

“Con chó nó đòi vô,” nàng cong người chúi vào một cái cây.

Ông William càu nhàu và quay kính xe lên.

“Ôi, thật là ghê tởm. Cho xe chạy đi Herbert, gió chiều đã lạnh lắm rồi đấy.”

Herbert không nói gì về những việc đã xảy ra. Anh ta chỉ nói khi có người hỏi. Đó là tư cách căn bản dưới con mắt của ông William.

Ông William không nói gì, song ông cũng lấy làm lạ về một vài thay đổi nơi người tài xế của ông, trong mấy tuần cuối cùng này, kể từ ngày anh ta cưới vợ. Thường thì anh ta lái xe rất cẩn thận và chạy tương đối chậm, nhưng nay bỗng anh tăng tốc độ lên lúc nào không biết. Chiều hôm nay anh lái xe từ thành phố về, với một tốc độ hợp lý, nhưng khi về gần đến những con đường làng thì anh ta lại tăng tốc. Một lát sau, ông William đang ngủ mơ màng chợt tỉnh giấc vì cảm thấy chóng mặt, ông ngó đồng hồ tốc độ: 80 dặm một giờ. Ông vội la lên:

“Trời đất, Herbert!”

Herbert giật mình, và chiếc xe bỗng chạy lạng sang hướng khác một cách nguy hiểm.

Ông William lại la lên:

“Hãy ngó vào đường mà chạy!”

Thật là điên khùng, vì khi nghe bảo thế, Herbert lại ngoái đầu lui để chiếc xe chạy lạng quạng như không có người điều khiển.

“Liệu hồn, cảnh sát thôi còi đấy!”

Herbert vội vã giảm tốc độ xuống còn năm mươi dặm giờ, tốc độ giảm đột ngột làm cho chiếc xe bị trì lại. Herbert nói:

“Xin lỗi ông chủ, con đang nghĩ về một chuyện khác.”

Ông William nghiêm khắc nói:

“Khi đang lái xe, anh đừng để trí óc nghĩ ngợi đâu đâu.”

Về đến nhà, ông ôm hôn bà Elinor ở ngưỡng cửa và phàn nàn về Herbert:

“Chiều hôm nay, suýt chút nữa thì xảy ra tai nạn. Herbert cho xe chạy đến tám chục dặm giờ.”

Bà Elinor có vẻ áy náy, nói:

“Điều đó thật em không thể tưởng tượng nổi!”

“Anh đã bảo, nhưng Herbert nói là hẳn đang nghĩ về một chuyện khác.”

Cửa hông mở và Jessica bước vào, với áo blouse xanh, tạp dề trắng xếp nếp. Cô đến bên ông William, đưa tay đỡ lấy cái mũ và áo khoác của ông.

“Con chỉ phục vụ trong mùa nghỉ hè thôi, thưa ông chủ, nhưng điều ấy cũng biến đổi con đôi chút.”

Ông sực nhớ có nghe một điều giống như thế, và lương tâm nhạy cảm của ông đâm ra áy náy. Ông nói:

“Quả thật, tôi chẳng có công gì đâu, tôi đã chẳng nghĩ gì đến điều đó cả. Cô hãy cảm ơn bà Asher mới đúng.”

Ông thấy dường như bà Elinor đang chờ ông với vẻ hơi xa vắng.

“Thưa bà, được trở lại đây thật là thú vị, con cảm ơn bà rất nhiều” Jessica nói với một giọng gần bó, âm sắc van nài khác thường.

“Cô chỉ giúp chúng tôi trong thời gian các cô cậu về đây thôi.” Bà Elinor trả lời, giọng bình thản và ngọt ngào.

Ông William quay mình về phía thang lầu và cảm thấy bàn tay của bà luồn dưới cánh tay ông.

Cả hai lặng lẽ đi lên lầu, khi đến phòng khách riêng của bà, bà ngồi xuống. Phòng này dẫn vào hai phòng ngủ của ông và bà. Gian phòng đẹp mắt, trang trí đơn giản, đó là phong cách của dòng họ Winsten, không có các món đồ mua theo thời, đồ thêu rua và đồ trang trí tỉ mỉ chỉ rước bụi bặm. Màn cửa bằng sa tanh dày, xanh lơ, không hoa, và màu đó cũng còn thấy nơi tấm thảm Ba Tư đã cũ, dệt các họa tiết đều đặn. Màu xanh hợp với vợ ông,



bà có đôi mắt xanh biếc, dưới mái tóc màu vàng hoe ánh bạc. Ông William ngồi xuống, nhồi ống điếu, trước khi đi tắm và thay đồ. Tòa nhà yên tĩnh, nhưng từ ngoài vọng lên tiếng chó sủa ồm ồm.

“Vợ chồng Winston về đến chưa?” Ông hỏi.

“Madge đã điện thoại cho biết vợ chồng nó không về được trước ngày mai. Edwin vừa mới về đã tức tốc đi thăm con Vera. Susan về đúng giờ với một con chó và một chàng thanh niên.”

“Anh đã thấy con chó rồi. Một con thú dễ sợ.”

“Anh không nên nói bô bô lên vậy, chính chàng thanh niên đó đã tặng cho con nhỏ con chó.”

“Chàng thanh niên đó bây giờ ở đâu?”

“Có lẽ anh ta ngủ. Anh ta đã ăn rất nhiều bánh ngọt và một đĩa sandwich đầy ắp. Anh ta không chịu uống trà, nhưng đã nốc hai ly Gin pha nước, rồi kêu buồn ngủ.”

“Em có biết anh ta không?”

“Không, anh yêu. Anh ta mới đến đây lần đầu.”

“Hắn giống cái gì?”

Bà Elinor ngẫm nghĩ:

“Rất giống con chó, to lớn, quē mùa, thuộc gia đình tầm thường, ôi rất tầm thường, thế mà Susan lại nói rằng tụi bạn nó cho anh ta là tuyệt hảo.”

Điều bà nói làm cho ông William liên tưởng đến chuyện khác:

“Tại sao các cô gái ngày nay lại thích những anh chàng cục mịch nhỉ? Anh nhớ rằng trước kia em đã kiểm soát cả cách đi đứng của anh. Ngày nay, các chàng trai lẻo mép, càng khoe khoang và ăn ở theo kiểu tướng cướp, thì càng được các cô gái yêu.”

Bà Elinor lại trầm ngâm suy nghĩ. Bà ngồi duyên dáng, thoải mái, đặc biệt quý phái, một thứ quý phái trẻ trung như nước Mỹ. Hai chân bà thon nhỏ, mang giày nhẹ trong nhà, tréo nhau dưới chiếc váy dài có rua đen, đẹp, che một tầng váy trong màu anh đào, chắc là bằng sa tanh, vì không nghe tiếng sột soạt. Bà không thích loại vải có tiếng sột soạt khi cử động. Bà nói cách nghiêm chỉnh:

“Em cũng không biết nữa. Điều em biết là em không chịu nổi những chàng trai mà Susan đã đưa về đây. Em muốn sao nó đừng lấy một ai trong đám thanh niên mà chúng ta đã gặp.”

William đang nghĩ về cậu con Edwin, nên ông nói:

“Còn con nhỏ Vera thì sao?”

“Ồ, con bé đó thì chắc chắn là ngộ nghĩnh rồi,” bà nói ngay. Nhưng rồi bà lại đâm ra do dự, bà nói thêm có vẻ cực chẳng đã. “Em có một ý nghĩ kỳ cục mà em không nên nói ra.”

“Nói đi, giữa anh và em, chúng ta đã từng nói với nhau biết bao nhiêu là chuyện điên khùng...”

“Em tự hỏi, con Jessica có để trong đầu một ý nghĩ buồn cười nào về thằng Edwin nhà mình không?”

“Ồ, đó chỉ đơn giản là một sự điên khùng,” ông ngỡ ngàng nói “Jessica được bà Bertha nuôi dưỡng, đâu có thể quên thân phận mình đến thế! Nhưng này, Edwin còn là trẻ con. Jessica bao nhiêu tuổi nhỉ?”

“Hai mươi bốn.”

“Như thế thì một đứa hai mươi mốt, một đứa hai mươi bốn...”

“Edwin quá đẹp trai, và em muốn sao cho con Jessica ít đẹp hơn, ít kiêu cách hơn, anh cũng biết, con nhỏ có thể là quá tế nhị và chắc cũng quá nhạy cảm đối với nghề nghiệp của nó.”

Ông lại hỏi, vẫn bối rối trong lòng:

“Em nhận thấy cái gì sao?”

“Có lần em bắt gặp Jessica đang cười, hai bàn tay đặt trên vai Edwin, còn hãnh, hãnh cúi đầu và đỏ mặt...”

Điều ấy làm ông cảm động và ông định thú nhận một điều mà cho đến lúc đó chưa xuất hiện trong tâm trí ông một cách sắc nét, không phải cử chỉ của Jessica trước tấm gương soi, nhưng là một cảm giác mà ông cũng không tự thú nhận cho chính mình.

Ông nói, vẻ miễn cưỡng:

“Em cũng biết, Jessica có những cách tiếp xúc ngộ nghĩnh với bất cứ một người đàn ông nào. “

Bà Elinor nhìn thẳng vào mặt ông:

“William, anh muốn nói gì?”

Ông không biết trả lời sao, lời nói vượt quá khỏi sự hiện thực. Ông gượng cười đáp:

“Anh chẳng biết nghĩ cái gì đây. Mỗi khi anh thử giải thích bản thân anh, thì cái đó vượt đi mất. Có thể là do cách em nhìn với vẻ mơ màng, quyến rũ. Cái đó luôn làm cho anh xốn xang và anh liền lẩn tránh. Anh chắc chắn con bé còn ngây thơ quá, nên không để ý.”

“Không có người đàn bà nào lại ngây thơ đến mức độ ấy!” bà Elinor đáp.

Ông chăm chú nhìn bà và thầm nghĩ: Bà chả có gì phải cay đắng về điều đó cả.

“Đàn bà chúng em sinh ra là đã khôn ngoan rồi,” bà nói tiếp với ít nhiều châm chọc. “Đó là lối thoát đến tự do của chúng em. Người đàn bà càng bị chèn ép, càng khôn thêm lên.”

“Em có bị chèn ép không?” Ông hỏi.

“Em có thiếu khôn ngoan không?”

Bà lại đắm mình vào cái bản chất xa vắng của mình, mà đôi khi bà đã từng làm như vậy suốt nhiều ngày. Ông đã biết rõ tình trạng tinh thần này của bà và từ lâu ông tự hạn chế mình bằng một nụ cười, bằng một chấp nhận, và nếu có thể, yêu thương bà nhiều hơn trong lúc chờ đợi. Vì thế ông trả lời:

“Mặc dầu anh là một luật sư, người ta cho là sáng giá, nhưng không nói ngoa, anh không để em phỉnh phờ đâu. Anh sắp tẩy uế mình về những gì thuộc về thành phố, và xây dựng cho mình cái gì có tính cách vững chắc hơn. Còn về chuyện Jessica và Edwin, anh chẳng tin tí nào, nhưng anh sẽ để mắt đến.”

“Điều ấy làm em vững tâm vì anh cũng nhận thấy cách Jessica vồn vã tấn công đàn ông, đó là nói chung cho hết mọi người đàn ông, anh yêu ạ.”

“Em nghĩ như thế là được rồi,” ông bình tĩnh đáp. Ông cảm thấy quá mệt mỏi để nói nghiêm túc.

\*\*\*

Vụ kiện quan trọng không đi đến đâu. Nhân chứng nổi bật nhất, biết tường tận tất cả những chuyện xấu xa, được phép lánh mặt đi khá lâu để bị con quỷ nào đó mua chuộc, cuối cùng không chịu tố giác những gì hắn đã cam kết thú nhận. Hiện giờ hắn đang ở đằng sau song sắt nhà tù, trong an toàn, nhưng hoàn toàn vô dụng. Hội đồng thành phố New York lại phải trả chi phí cho những cuộc điều tra mới và lâu dài, về những vụ việc tên nhân chứng ấy biết, nhưng vẫn che đậy dưới cái sọ tối tăm của hắn, mà hiện tại không có tổ chức nào có thể bẻ khóa hay cạy nắp để vào được.

Ông William tạm quên gia đình lúc ông tắm và cạo râu lần nữa. Có thể nói, khói dầu và bụi bặm của thành phố làm cho râu ông mọc nhanh, đến phải cạo sáng và chiều, nếu giờ đi nằm, ông muốn hiến dâng đôi má khá nhẵn nhụi để kích thích đôi môi của vợ mình. Bỗng ông nghe tiếng cánh cửa mở ra rồi đóng ập lại, tiếp theo là tiếng ồn ào nơi cầu thang, điều mà hai đứa con trai ông, dầu trong lứa tuổi khuấy động, cũng không bao giờ làm. Ông liền ý thức đó là chàng thanh niên bạn của Susan, tên là Peter, người đã tặng con chó, mà con khuyến lại giống chủ hết chỗ nói, đến đôi bà Elinor, một người bác ái, nhường nhịn, tốt bụng nhất đời, đã khám phá ra điều đó.

Khi ông bước vào phòng khách phía Đông, thì sự giống nhau đó dường như là hiển nhiên. Con chó nằm trước lò sưởi, nơi không một con chó nào dám bén mảng, vì ông William không bao giờ nhượng bộ, khi các con ông còn bé tí, đòi cho được một con chó săn nhỏ vóc, lông dài, mà ông cấm không cho mang vào nhà. Mùi hôi của chó làm ông khó chịu, nhưng phòng khách chiều nay lại bốc lên nồng nặc mùi chó.

“Susan!” ông kêu lên, ông chợt thấy cô gái quý của ông mặc áo dài vàng, dọn sòng quanh vóc dáng mảnh mai và đôi vai sậm màu của cô.

“Thưa ba, con biết lắm, nhưng Peter bảo rằng, nếu không cho con Pirate vào nhà, nó sẽ tru tréo lên suốt đêm!”

Một thanh niên vóc dáng dềnh dàng, đứng lên khỏi cái ghế bành của ông William, phô bày tấm thân đồ sộ của anh ta, cặp mắt đen huyền khuất dưới hàng mi dài và đen. Đầu tóc rể tre của anh ta cũng đen, bù xù không chải gỡ, đã đến lúc cần phải cắt. Anh ta mặc bộ đồ màu sậm, áo vét nút không cài, để lộ cái sơ mi màu xanh lơ, nhãn nhỏ, chắc anh ta dùng nó để mặc khi ngủ. Đôi

gò má của anh vun cao, đỏ au, hai tai cũng đỏ và lớn quá cỡ. Bàn tay anh ta đưa ra để bắt tay ông Asher thì to bè bè và đầy lông lá.

Với giọng ồm ồm như bò rống, anh ta hỏi:

“Phải ông Asher đây không?”

Susan có vẻ cười nhạt, nói:

“Có thể lắm, Peter, anh nghi ngờ thật à? Thừa ba, đây là Peter Dobbs. “

Anh ta nói với cách phát âm miền Nam, hơi lè nhè:

“Hân hạnh được gặp ông. Tôi đã nghe nói nhiều về ông. Từ ngày quen biết với Susan, tôi đã đọc báo. Thật đấy, tôi phục tài ông bao vây mấy tên gangster vô cùng. Rủi người ta đã để cho Berman vượt ngục; nhưng bây giờ mà bảo rằng hắn đang ở trong tù là một cách nói thật ngộ nghĩnh.”

Khi con chó thấy ông William thì nó nhảy dựng lên, chồm hai chân trước, trướng lông gáy. Nó gầm gừ thật dữ tợn.

“Pirate, cầm mồm, nằm xuống! Nó chưa quen đấy thôi.”

Ông William chua chát nói:

“Tôi có cảm tưởng là không bao giờ tôi làm quen được với nó cả.”

“Tôi cá là có đấy.” Peter nói, và lại ngã mình ngồi lún trong chiếc ghế bành bằng da.

“Peter, đứng dậy đi. Đây là cái ghế của ba.”

Ông William muốn tỏ ra lịch sự, nhưng vẫn cay đắng:

“Cứ ngồi tự nhiên.”

“Peter, dậy đi, tôi đã bảo!” Susan lại nhắc.

Peter đứng lên một cách khả ái, đổi qua ghế khác.

“Ngồi đâu mà chẳng được, miễn là chiếc ghế đủ rộng, tôi không thích bị nó bó rọ trong đó.”

“Ba ngồi vào ghế của ba đi ba. Bản chất của Peter tốt, nhưng nói gì với anh ta là phải nói dứt khoát. Đó là điều duy nhất anh ta hiểu được, nhờ thế sự giao tiếp với anh rất dễ dàng.”

Nàng nói những lời cay độc với giọng trầm nữ, một giọng diễn cảm, dù cố tình va chạm, vẫn tạo ra một âm hưởng dịu dàng.

Ông William ngồi xuống. Ông cảm thấy bị xúc phạm quá mức. Con chó to lại nằm xuống trên tấm thảm. Ông bỗng quan sát con vật, nó ngó ông với

đôi mắt giận dữ, đỏ rực vì ánh lửa trong lò.

“Nó nhìn thế, chứ nó không xấu tính,” Peter nói. “Nó không thể không nhìn được.”

Susan nói mà không cười:

“Thì nó cũng giống như anh đấy thôi.”

Peter cười rộ, đầy thán phục.

“Chắc rồi, cô có cái lưỡi nhỏ mà độc. Một ngày nào đó, tôi sẽ kéo chẳng nó ra, và lấy con dao như thế này ra” anh ta rút một con dao bỏ túi to bản, bật lưỡi “tôi cắt cái lưỡi nhỏ đó ra cho con chó Pirate ăn.”

Ông William nghe, sợ khiếp. Ông cảm thấy bất lực trước chuyện này. Những tên tướng cướp trong một phòng tiếp khách tại một thành phố rộng lớn, hư hỏng, điều đó còn có thể xảy ra được, nhưng đâu có ngờ gặp phải một tên quái đăng như thế ngay tại nhà mình.

Peter hỏi Susan:

“Mẹ cô đâu rồi? Nói với bà là tôi đói bụng rồi.”

Susan ngồi yên bất động, cô trả lời:

“Chúng tôi đang chờ Edwin. Mẹ bảo, vào phút chót, anh ấy đã gọi điện về nói là anh sẽ đưa Vera đến ăn tối.”

Có tiếng lao xao ngoài tiền sảnh, có nghĩa là Edwin đã về đến, và sau mấy giây, cậu con trai thứ của ông William, cao lớn, tóc vàng hoe, như các người trong dòng họ Winsten, đi vào cùng với cô con gái của ông chủ ngân hàng địa phương. Cũng lớn con như Edwin, cô Vera Bates, giống như một cây bu-lô ánh bạc, có sắc đẹp đoan trang và đôi môi dù rất muốn, thẳng một đường ngang, vẫn tỏ được vẻ tốt bụng.

Ông William đứng lên một cách lịch sự, đó là loại thiếu nữ mà ông ưa chuộng, một tạo vật trẻ trung, gây lòng tin tưởng, mà ông sẽ đón vào nhà ông, vào gia đình ông.

Con chó lại nhồm dậy, xù lông gầm gừ, nhưng Vera cúi xuống vuốt ve nó, nên tiếng gầm gừ của nó hạ dần. Nó hít hít mấy hơi, rồi nằm xuống.

“Sắc đẹp của con vô giá, Vera ạ.”

Ông William nói, rồi chỉ tay ra và cảm nhận lòng bàn tay mát mẻ của Vera áp vào bàn tay mình.

“Con xin chào bác Asher,” cô nói một cách nghiêm túc.

“Chào con thân yêu, và con nữa, Edwin, ba thấy con rất khỏe, con trai của ba.”

Ông cảm thấy vui vẻ trở lại. Những trang thanh niên như thế này có thật, mặc dù có những mặt khả ố và không thể chấp nhận ở một vài phương diện nào đó, nhưng người ta vẫn phát hiện ở nơi khác, những hạng người mình có thể tự hào.

Ông động lòng trắc ẩn đối với Peter, một con người khó chấp nhận và đáng ghê tởm. Khi mọi người đã an tọa, ông nghiêng mình về phía anh ta và hỏi:

“Con chó này thuộc về giống nào thế nhỉ?”

Ngay lúc đó, bà Elinor bước vào phòng khách, không ai biết bà từ đâu đến. Từ phòng đồ, có lẽ, bởi vì bà rất tỉ mỉ trong chuyện dọn bàn ăn, cách sắp xếp và bưng thức ăn phục vụ. Bà siết tay Vera một cách nhẹ nhàng và ngồi xuống cái ghế dựa dành cho bà có bọc nhung màu hồng. Ông William đứng lên, đẩy cái bục kê chân phủ nệm thêu đến bên bà.

“Cảm ơn anh yêu,” bà nói.

Bấy giờ ông ngồi xuống lại, ngó quanh gia đình sum họp với ánh mắt dịu dàng và thỏa mãn. Một lần nữa, ông lại cảm thấy dâng lên trong lòng niềm xót thương đối với Peter, con người không bao giờ ông có thể chấp nhận vào gia đình ông. Ông nghiêng mình về phía chàng trai quê mùa đang cuộn mình trên ghế dựa, đang giữ im lặng một cách dễ thương.

Để tìm cách trò chuyện với anh ta, ông William lại hỏi thêm một lần nữa:

“Pirate thuộc giống chó nào vậy?”

“Nó không thuộc giống nào hết,” Peter đáp “Đó chỉ là một con chó lai hỗn tạp. Ở nhà cha tôi, loại như nó chẳng thiếu gì. Tôi giữ nó cho riêng tôi, vì nó to con. Nó cũng sáng ý nữa. Nó dễ dạy. Tôi bảo gì nó làm nấy. Ê, Pirate, lại đây...”

Peter búng ngón tay đánh tróc, và con chó đứng lên, xù lông, cặp mắt sáng quắc, tinh táo, hai tai vểnh lên.

“Nếu tôi ra lệnh, nó sẽ nhảy chồm lên một trong bất cứ ai đang ở trong phòng này!” Peter hãnh diện nói.

“Ồi!...”

Tiếng kêu thất thanh từ ngưỡng cửa. Tất cả đều quay lại xem ai đã kêu lên như thế, vì tiếng kêu như tắt nghẽn trọng họng. Đó là Jessica. Cô đến báo tin bữa ăn tối đã sẵn sàng. Con chó chồm hai chân lên trước cô, đứng chong mắt ngó cô như muốn ăn tươi nuốt sống. Jessica nhìn nó, khiếp sợ, hai bàn tay ôm lấy cổ.

“Năm xuống, Pirate!” Peter quát.

“Jessica!” Bà Elinor kêu lên.

“Phải, thưa bà,” và cô để xuôi hai tay xuống “Con... bữa ăn đã sẵn sàng rồi đây ạ.”

Jessica tháo lui, và mọi người đều đứng dậy. Con chó không động đậy.

“Lại đây, Pirate!” Peter nói.

Con chó đi theo anh ta vào phòng ăn. Anh ta chỉ chỗ cho nó nằm ngay trước hai cánh cửa đã đóng lại. Con chó do dự.

“Năm xuống, ta bảo năm xuống!” Peter quát.

Con chó hạ mình xuống năm một cách nặng nề và Peter mỉm cười nhìn quanh một cách hãnh diện:

“Như tôi đã nói, tôi bảo gì nó làm nấy!”

Jessica không quay trở lại phòng ăn. Herbert hầu bàn, tử tế hơn thường ngày một chút, ông William tự nghĩ, làm như không thấy có con chó, nhưng mỗi lần anh ta bước vào phòng, nó đều gầm gừ trong cổ. Đúng như Peter đã bảo, hẳn biết làm cho con chó vâng lời.

Susan nói với Peter:

“Anh bày cho em ảo thuật của anh đi! “

Hai anh chị ngồi sát bên nhau, con chó nằm trên mặt thảm sau lưng họ.

“Không có vấn đề ảo thuật!” Peter đáp. Anh ta đang thông thả tọng đồ ăn vào mồm, dùng một lượt cả dao và nĩa, một cách quái dị. Anh ta bảo Susan. “Nó chỉ vâng lời một người mà thôi, đơn giản là người chủ của nó.”

“Làm sao nó biết em là chủ của nó?”

“Khi anh đi rồi, nó sẽ vâng lời em.”

Nghe mấy tiếng ấy, ông William hoảng hốt kêu lên:

“Đừng để con chó lại đây!”



Peter ngẩng cái đầu đồ sộ của anh ta lên.

“Đó là quà giáng sinh của tôi tặng Susan.”

Bà Elinor cũng kêu lên:

“Ôi, không...”

Edwin nhượng chân mày ngó Vera. Vera đáp lại bằng một cái nháy mắt rất khó nhận. Cả cậu lẫn cô đều không nói gì. Susan quay về phía mẹ.

“Nó không làm cho mẹ bức mình đâu, con sẽ đem nó theo vô trường. Bà làm công trong đó hứa đem nó về nhà, nếu nhà trường không cho nó ngủ tại nhà ngủ tập thể.”

Bà Elinor không trả lời. Đã từ lâu, chồng bà và bà đã thỏa thuận với nhau là không bao giờ cãi vã với con cái nơi bàn ăn của gia đình, và chắc chắn là không trước con người lạ mặt tên là Peter này. Đôi mắt của bà bắt gặp mắt ông ngang qua bàn ăn và ông hiểu tiếng gọi câm lặng của bà. Ông nói với giọng cố ý làm ra vui vẻ:

“Các đài khí tượng báo trước sẽ có một mùa Giáng sinh đầy tuyết phủ. Ba muốn họ nói đúng, vì con cái nhà này sẽ được vui đùa thỏa thích trong tuyết.”

Edwin luôn sẵn sàng tiếp trợ mỗi khi câu chuyện bắt buộc phải đổi chiều, anh ta thêm:

“Con phải lôi các xe trượt tuyết trong kho ra mới được.”

Bà Elinor tán đồng:

“Hay đấy, đã lâu lắm rồi chúng ta không dùng đến nó. Một lễ Giáng sinh màu trắng sẽ là điều mới lạ cho đám trẻ. Đã hai mươi năm rồi, chúng nó còn bé quá làm sao nhớ được. Em không tin chính bé Billy có thể nhớ về quá khứ lâu đến thế. Anh nghĩ sao, William?”

“Nhất định là không rồi,” ông đáp. Và xuyên những lời nói tung ra một cách can trường, ông lại nghĩ đến ngày mai, tên Peter kỳ quặc sẽ lên đường. Tên họ anh ta là gì đấy, ông quên tiệt. Thật ra cũng chẳng có gì quan trọng. Một khi anh ta đi rồi, ông sẽ nghiêm chỉnh bảo Susan để con chó ở ngoài, đúng chỗ của nó.

\*\*\*

Peter ra đi sớm, đầu tóc bờm xờm, anh nhảy lên chiếc xe cũ kỹ đến nỗi ông William tin chắc ngoài vùng Ozark không có chiếc nào giống như vậy. Ông nghĩ dưới áo choàng nhàu nhò và bộ đồ vét mặc chiều qua, Peter phải giữ bộ pijama trong người. Ông quan sát tất cả từ cửa sổ phòng ông. Ông bị đánh thức bởi những tiếng khua động, nhưng ông giữ ý không chường mặt ra cho đến khi tiếng lạ hết còn nghe thấy trong nhà. Khi Peter bật công tắc chiếc xe hơi, một thứ tiếng rùng rợn vang lên, tiếng hỗn hển của đầu máy, một luồng khói phụt ra, làm cho Susan vội vã ra khỏi nhà, mặc vồn vện chiếc áo ngủ bằng ni màu rực rỡ. Dáng người nhỏ bé, bận áo khoác màu đỏ, mái tóc nâu dài xõa vung vãi trên lưng, dài lạ lùng, dù cô bé chỉ mới đi dưỡng tóc từ mùa hè năm ngoái. Ông William nhắm mắt lại, sợ phải nhìn thấy con gái yêu quý của mình ôm hôn anh chàng đực rựa đang ngồi nơi tay lái, tóc tai bờm xờm và rất đáng tởm. Nhưng ông lại vội vàng mở mắt ra, hy vọng không có như vậy.

Quả thật, Peter chỉ vươn lên một cánh tay dài, ồng tay áo pijama lòi ra dưới tay áo choàng. Anh ta ôm xiết Susan vào người, đến nỗi che mất hai vai cô gái, song không có hôn nhau.

“Tạ ơn Chúa,” ông William lẩm bẩm. Rồi ông đi nằm lại, ngủ thêm một giờ nữa.

Không bao lâu sau đó, ông lại khám phá ra một điều không thể chấp nhận. Chiều hôm trước, khi sắp lên lầu, ông đã chỉ thị cho Herbert, hễ Peter ra đi hồi nào thì đem con chó ra ngoài hồi nấy. Herbert đã sẵn sàng vâng lời. Nhưng nay con chó lại nằm ngủ trên mặt thảm phòng khách trước lò sưởi. Herbert đi vào, bước đi quả quyết, nắm sợi dây xích con chó, anh ta là người có sức mạnh tàn bạo, và con chó bị xách bổng lên, gần chết ngạt. Nó tru tréo trong cuống họng. Herbert bỏ chân qua hai bên hông nó như cưỡi ngựa, và vừa bước đi vừa lôi nó theo. Một phút sau, Pirate bị tống ra khỏi cửa, đẩy vào cái giá lạnh bên ngoài, và cánh cửa được khóa lại. Nó sủa lên lồng lộn, tông cả mình vào cánh cửa. Ông William nghe tiếng đập phá, tiếng tru tréo của một con thú rừng, tiếp theo là tiếng móng nó cào cấu cánh cửa lớn, nghe thật kinh khiếp. Cánh cửa chính là niềm hãnh diện của tòa nhà, nó thật cổ xưa, mà theo truyền thuyết, nó được làm ra từ một cây sồi cổ thụ trên sườn

núi, đã trải qua bao nhiêu thế kỷ từ khi gia đình Winsten đến định cư tại vùng Vermont này. Ông William vọt xuống khỏi giường, choàng vội cái áo ngủ bằng ni và gặp bà Elinor cùng cô Susan trên cầu thang. Herbert và Jessica gặp nhau nơi phòng để đồ nhà ăn, và bà Bertha từ nhà bên chạy lên thở hổn hển. Ông William hối hả mở cửa và con chó tuôn chạy vào nhà.

Ông William la to:

“Không thể nào tiếp tục như thế được, tuyệt đối không.”

Ông quay về phía Susan, hai mắt lộ vẻ tức giận, đến độ lần đầu tiên ông nhận thấy con gái sợ ông. Nhân cơ hội cô ta sợ hãi bất thần ông nói:

“Ta không muốn con vật này trong nhà ta, hãy đem nó đi đâu thì đi.” Ông la to đến nỗi ông cũng cảm thấy bỡ ngỡ về mình.

Susan chạy đến phòng khách phía Đông. Con chó lại nằm ngủ trên tấm thảm, thân xác mẹp xuống sàn nhà bất động, cổ chấp chân to lớn, với thái độ phục tùng, nhưng cặp mắt nó thì u uẩn, ném về mọi người những cái lườm náy lửa.

“Pirate!” Susan quì gối bên nó, “Pirate!”

Con chó ngó lên, nhả răng gặm gừ.

Bà Elinor la lên:

“Susan, lại đây, nguy hiểm đấy. Làm sao bây giờ? Còn nửa giờ nữa các trẻ sẽ về tới nơi.”

“Đúng vậy, tàu lửa sẽ đến trước chín giờ, mà nay đã gần tám giờ rưỡi.” Ông William cương quyết nói. “Ta sẽ cho nó đi thôi.”

Susan bực mình to tiếng lại:

“Con không muốn người ta giết nó. Nó chỉ bị lạ nhà thôi, nó biết Peter đã bỏ nó. Nó sợ con vì nó cảm thấy bất thường, và vì không thấy Peter. Nó luôn thấy con và Peter ở chung.”

Ông William lặp lại, không nhượng bộ:

“Con chó không được ở đây!” Nhưng trái tim ông nhũn ra, khi ông nhìn thấy đôi mắt nâu của con gái ông ngấn lệ.

“Ồi, trời ơi là trời!” Bà Elinor than thở.

Nhưng Jessica đã làm cho mọi người bỡ ngỡ. Cô ta luôn là người nhát gan, đang đứng giữa Herbert và Bertha, lại bước lên và đồng dục nói:

“Tôi sẽ bắt con chó, đem nó về nhà, mẹ tôi sẽ tự xoay xử công việc ở đây.” Cô ngơ ngác nhìn hết gương mặt này đến gương mặt khác và dừng lại nơi ông William. “Thưa ông, con xin ông, bỗng dưng con cảm thấy khó chịu trong người. Ban đầu Herbert không muốn để con đi, anh ta bảo con sẽ bị xây xẩm, và ít nhiều cũng có như thế thật. Với một con chó hộ thân, sẽ có lợi cho con nhiều. Nhà con hiu quạnh quá, con luôn sợ hãi. Con nghĩ con chó sẽ quen dần với con, khi chỉ còn một mình con với nó. “

Phải chăng đó là một cách giải quyết, khi đã đến giờ tàu tới. Họ nhìn nhau lưỡng lự. Herbert lặng lẽ. Bà Elinor quay về phía bà Bertha.

“Một mình chị có chắc làm nổi không?”

Bà thấy ý Jessica muốn ra đi tức thời, nhưng tại sao lại thế, vì Jessica đã nài xin trở lại đây kia mà.

“Herbert sẽ giúp tôi,” bà Bertha đáp.

“Được rồi, ngày mai ăn sáng xong, tất cả có thể về nhà.”

“Phải, chắc là vậy,” bà Bertha nói.

Như thế là đã giải quyết xong. Herbert xông vào con chó. Anh ta kẹp nó vào hai ống chân chặn cổ nó hết sức mạnh, đến nỗi nó không quay đầu lại được, nó thở hết nổi, Cổ bị chặn chỉ còn nghe tiếng khò khè. Herbert lấy gân hai đầu gối kẹp con chó lôi đi.

Ông William mở cửa chính ra và tất cả đứng nhìn Herbert chộp lấy con chó, giành phần chủ động một cách mạnh bạo, đưa nó đến chiếc xe hơi hiệu Panhard, xe riêng của anh ta. Anh ta dùng một tay để mở cửa xe, nên con chó được lơ lửng, gặm gừ và quay đầu lại vừa đủ để ngoạm vào cánh tay của anh ta. Anh đã phốc một cú vào bụng con vật, dùng hai tay và đầu gối giơ nó lên cao, ném nó vào trong xe, khóa cửa lại. Anh ta kêu lên:

“Tôi không vào trong nhà được, vì cánh tay đang bị chảy máu.”

Bà Elinor cũng la lên:

“Đi mời bác sĩ!”

Ông William đưa ra ý kiến:

“Làm sao Jessica lái được xe với con thú ấy? “

“Cô ấy được an toàn khi ngồi ở băng trước. Đã có tấm kính dày chắn ngang ở giữa. Không cần đi thầy thuốc. Chó không mắc chứng dại, nó chỉ

căn bậy đó thôi.”

Tất cả vào nhà và từ cửa sổ ông William quan sát con chó. Nó tông vào cửa kính, sủa loạn lên, kêu la và tru tréo thật dữ. Mấy phút sau đó, Jessica theo cửa sau ra ngoài, mình gọn ghẽ trong chiếc áo xanh lơ, rất hợp với thân hình mảnh dẻ của cô, một chiếc nón cùng màu ôm sát đầu và như bao giờ, giữ dáng vẻ dị biệt, vượt khỏi địa vị của cô. Không thèm ngó con chó, cô leo lên xe, đóng cửa và lái đi.

\*\*\*

Mọi chuyện đã qua. Gia đình đã trở lại trạng thái bình thường với cảnh an bình trong ngày Chúa Giáng sinh. Ông William lên lầu đi tắm, thay đồ và trở xuống một cách khá bình thản. Bà Elinor và Susan đang đợi ông trong phòng ăn. Ông hỏi:

“Edwin đâu rồi?”

Ông đứng sau lưng bà Elinor, kéo ghế cho bà như thói quen từng làm, đến độ vô ý thức.

“Anh có nghĩ là nó còn ngủ chăng?” bà Elinor hỏi.

“Anh khoái được như vậy, anh thèm được như nó. Khởi sự đêm canh thức Noel như thế là tuyệt!”

Ông thỏa mãn khi nhận thấy vẻ từng phục của Susan. Cô ta mặc kiểu áo dành cho buổi sáng bằng ni màu hồng. Ông không chấp nhận việc mặc đồ ngủ ngồi vào bàn điểm tâm, song ông không nói tới, cô ta đã biết rồi. Cô uống nước cam vắt chậm chậm, ra vẻ như khó nuốt, sắc diện xanh xao. Herbert mang cà phê vào. Bà Bertha đã băng bó cổ tay cho anh ta cẩn thận.

Ông William nói:

“Tôi tự hỏi, khi về tới nơi, Jessica một mình làm sao giải quyết con chó ổn thỏa được?”

“Thưa ông chủ, con đã dặn Jessica cứ để nó ở đằng sau xe, cho đến khi nó đói lả. Khi nó đã kiệt sức, con sẽ bắt nó và cho nó thấy ai là chủ.”

Susan ngược mặt lên để phản đối. Bốn mắt gặp nhau. Ông William không nhượng bộ và Susan cúi đầu.

“Herbert, đó là một ý kiến hay!” ông nói.

“Cảm ơn ông chủ.”

Herbert vừa đáp vừa rót cho ông một ly cà phê đây.

### III

**M**ột buổi chiều xuân, đang khi ông William đứng trước tấm gương soi thắt cà vạt, ông tự nhủ với một chút chua chát trong lòng: “Ở trên đời này xảy ra biết bao nhiêu là chuyện, trong gia đình ta cũng thế thôi.”

Ông cảm thấy nỗi ân hận giống ngày xưa, lúc còn trai trẻ, đã âm thầm vận dụng một cuộc đối đầu với cha ông, tìm mọi cách để cha ông cho phép về ở luôn tại Manchester, thay vì chờ đến mùa hè về đó nghỉ mát. Nhờ vậy ngày nào William cũng thấy được Elinor. Từ mấy năm gần đó, William đã học dương cầm và chơi khá lão luyện để hòa âm khi Elinor hát, trừ khi cô chọn kịch bản Đức, một bài khó chơi, mà hơn nữa anh đoán là không hợp với tiếng của cô. Đàn khác, cô cũng có tiến bộ, nên anh thích thú đánh đàn khi cô hát. Sau khi thành vợ chồng và có con, họ đình chỉ tất cả việc đàn hát đó, song khi lũ con rời khỏi gia đình, thì họ lại đàn hát vui vẻ cùng nhau. Ông khoái chí thấy lại những ngón tay mềm mại của bà, giọng trong như ngọc của bà; từ lúc xuân thời đến nay giọng bà chỉ hạ mất một âm giai thôi. Ông còn nhớ mùa hè trước khi thành hôn, ông bị làm độc một cách khác lạ ở bàn tay. Độc làm ở bên trong, dưới da, bên ngoài chẳng có dấu vết gì cả. Sự đau đớn xót xa chỉ trong vài ngày lan tràn khắp châu thân. Và càng rui ro hơn nữa, vì vào đúng lúc bà Elinor phải tham gia một cuộc hòa nhạc thường niên, biến cố quan trọng trong mùa hè. Chẳng những William phải bỏ cuộc, vì cơn đau nhức nhối, mà còn lâm cái nhục bị thay thế bởi một người lớn hơn mình đến năm tuổi, ngay trên khán đài của thị trấn. Đó cũng là đối tượng của sự ghen tuông sâu đậm tồn tại lâu dài sau khi ông đã cưới bà Elinor. Tại sao hôm nay đứng đối diện với chính mình, ông lại không tự thú nhận lòng ganh tị với Lorenzo Marquis đến nay vẫn còn. Ông Marquis luôn

luôn trải qua mùa hè ở Manchester và mỗi năm ông William phải nghe cái ông triệu phú này khoe khoang về những thành đạt của ông ta. Ông ta đã tỏ thái độ khiêu khích vào lần cuối cùng khi đến ăn trưa tại nhà ông với người vợ thứ ba của ông ta. Ông ta nói:

“Nhưng sao thế này... Tôi gặp lại tòa nhà đúng y như tôi đã nhìn thấy vào hồi ấy...”

Bà Elinor đáp lại với giọng châm chọc:

“Thì vì vậy mà chúng tôi ưa thích.”

Ý nghĩ này có thể qua đi, biến dạng, nếu ông ta không thêm:

“Bà đã làm cho tôi vừa lòng. Chính bà cũng thế, bà không thay đổi. William phải được sống thoải mái.”

Rồi với cái nhìn ngưỡng mộ và khá tầm thường, ông ta hướng về cô gái tóc vàng, người vợ mới cưới của ông ta, nói thêm:

“Phần anh, anh làm cho nó hao mòn mau hơn, phải không, Toutles?”

Toutles mỉm cười thỏa mãn. Cô ta có một sắc đẹp buông thả, không hề cần đến sự diễn xuất.

Ngày xưa, vào cái buổi đầu hè xa xôi mà nay William còn nhớ, ông đã phần nộ vì vết thương nơi tay, lại do nguyên nhân uẩn khúc đã làm ông mất vui như ông mơ ước. Có lẽ ông đã hiểu rõ hơn một sự xui xẻo, một nỗi đau đến từ một sự thất bại, từ một vết thương, một sự vụng về trong khi sử dụng con dao hay một dụng cụ nào đó.

Trong tháng tư này, nhiều năm sau, ông lại hình dung một sự sáng khoái vô cùng khi được sóng bước ra đi với Elinor đến Atlantic City nghỉ lễ Phục sinh. Nơi đó có ánh nắng mặt trời, nhưng bây giờ đây ông đang có cảm giác thật khó chịu vì chắc chắn mặt trời đang chiếu sáng xuống vùng duyên hải, trong khi ở Vermont này bầu trời luôn luôn u ám đè xuống cảnh vật, làm thần kinh ông căng thẳng. Ông ước mơ được nhìn bầu trời vui tươi sáng sủa, những áng mây bạc, màu nước biển xanh ngắt còn lạnh giá, và trên bãi biển, những khách nhàn du mặc y phục mùa xuân, màu sắc sặc sỡ.

Ông cần thay đổi không khí sau nhiều tuần lễ khó nhọc của mùa đông mà ông không trở về nhà được; những thói xấu của đô thị mỗi ngày một lan tràn, buộc ông tìm hiểu những góc ngách hang cùng của xã hội, nơi đời



sống xem ra ghê tởm trong chính cái phồn vinh, sự tăng trưởng, cái sinh động của nó, làm cho đời sống lành mạnh của những người vô tội phải hao mòn, giống như bệnh ung thư đang gặm nhấm. Đang khi ông đi lần đến chỗ chán nản từ trong sâu thẳm của tâm tư, thì một vài sự việc cùng loại, lại xảy đến xa cách chốn thị thành, trong góc nhỏ quê hương mà ông thích ngắm nhìn, lại có một sự tinh sạch họa biếm, một sự vô tội họa hiểm, trong vùng quê ưu đãi của xứ Vermont, và ngay cả ở trung tâm nơi thánh thiện mà ông đã chia sẻ với bà Elinor, tại chính nhà ông.

Buồn cười thay chính con chó mực là nguyên nhân của cuộc xáo trộn này, con vật lì lợm mà Jessica mang về ngày áp lễ Giáng sinh. Ông William hết lo nghĩ về điều đó và những ngày nghỉ đã qua đi một cách tuyệt diệu. Đã có tuyết sa, và lần đầu tiên ông William cảm thấy vui mừng được làm ông nội. Cho đến lúc đó, ông có cảm giác thẹn thùng, chán nản, xem thấy thế hệ thứ ba nhóm dậy quanh mình, ông không còn trẻ trung nữa. Ông đã lập gia đình sớm, và Winston cũng thế. Madge tỏ ra vui thích vì có con sớm, theo cách các bạn trẻ đời mới mà không biết xấu hổ. Khi ông kết bạn với Elinor, Winston sớm được sinh ra, cách hôn lễ chưa đầy mười hai tháng, đã là nguyên nhân khó chịu cho cả gia đình. Winston và Madge, trái lại, xem ra hãnh diện vì cưới nhau rất sớm, lại sinh con còn sớm hơn, chỉ chưa đầy một năm. Trong dịp Noel, Madge đã thông báo một cách vô ích là cô ta lại có thai, và cứ thế mỗi khi có một đứa trẻ sắp ra đời.

“Phải, phải,” cô ta reo lên, gương mặt tròn trĩnh, da dẻ hồng hào và trắng trẻo, dào dạt vui tươi. “Thật là tuyệt! Tháng bảy ngày mười hai...”

Cũng chính cô ta quyết đoán ngày giờ, hiểu ngầm những thiết kế chuẩn xác, kêu gọi những con người phóng túng, dự đoán cả đêm ấy, (hay ngày ấy), vì ông William nghi ngờ, căn cứ trên những sự kiện nào đó xảy đến ở nhà ông, cho thấy rằng Winston đâu có đường hoàng chờ cho đêm đến, anh ta chỉ làm theo ngẫu hứng mà thôi...

Ông William quay mình khỏi tấm gương soi trước mặt. Dù sao thì ông cũng thừa nhận lũ trẻ trên tuyết ngày lễ Giáng sinh là thật lộng lẫy: thằng bé trai áo choàng đỏ mang ghệt, và em gái nó tí xiu, bước đi còn vấp ngã trong bộ đồ xanh đậm, áo choàng bằng da thú màu trắng mà bé lấy làm hãnh diện;

cặp mắt xanh lơ như những mảnh trời trống trải, khi nó đứng trên những đụn tuyết, nó nổi hẳn trên nền trời. Ông William mới hiểu ra vẻ huyền diệu trong sự kể tục đời sống con người, - cái đẹp trong sức khỏe, lòng nhân lành và ngay thật.

Nếu mỗi con người đều làm như ông, sự bại hoại sẽ biến mất. Điều đó cũng không ngăn nổi một sự hư đốn xuất hiện tại đây, nơi nhà riêng của ông, một thứ truyền nhiễm đến từ bên ngoài và ông tự tin là ông vô tội, nhưng nó vẫn tuôn ra một cảm giác bất an, chung quanh ông.

Ông cau mày, mặc áo vét xuống ăn tối. Một bầu không khí dễ chịu của mùa xuân tràn ngập trong căn phòng, mặc dù trời quá lạnh không mở cửa sổ được, và lửa đang cháy trong lò sưởi. Bà Elinor đã đặt lọ hoa thủy tiên trên bàn, bà mặc áo dài bằng lụa màu xanh khá đậm. Ông William nhận thấy áo này không còn mới, nó mỏng quá đối với mùa đông, và xem ra như nó báo hiệu mùa xuân sắp tới. Bà Elinor lại bàn, ông kéo ghế ra cho bà và ngồi ngay trước mặt. Mấy cành thủy tiên ngăn cách hai người trong chiếc cúp bạc, cắt thấp, nhờ đó ông vẫn nhìn thấy bà. Ông lại nhận thấy vẻ xa vắng của bà, nét nhìn mơ màng, hai má hơi xanh, đôi môi mọng đỏ. Có cái gì đó bất ổn, song ông không vội tìm biết nguyên do. Ông bắt đầu ăn. Ông cũng muốn thổ lộ với bà sự bực bội của ông mấy tuần nay, như tuần vừa qua. Ông không về nhà được trước chiều thứ sáu và phải có mặt lại ở thành phố vào sáng thứ ba.

Trong khi Herbert đặt tô cháo nhỏ trước mặt họ, ông nói:

“Khi công việc tệ hại này kết thúc, anh sẽ đi nghỉ một tuần, không đặt chân vào thành phố. Anh cảm thấy sung sướng khi nghĩ rằng, chúng ta sẽ có mấy ngày đi biển trong tuần tới.”

Bà phải lên phố gặp ông để cùng đi với ông. Từ đây đến đó, ông phải xa bà, nhưng đây chỉ là những năm bận rộn cuối cùng. Ông đã định nghỉ hưu. Sau đó ông sẽ hạn chế, chỉ nhận hướng dẫn những ca tranh tụng khó thôi, ông không còn muốn nghe những cuộc đối đầu mà hiện giờ ông đang hướng dẫn. Những thanh niên còn non trẻ như Edwin, bỗng chốc muốn trở thành luật sư, có lẽ chúng sẽ thay thế ông. Nhưng ông William không thích thấy con mình bắt đầu công việc với mình. Ông chỉ nhận con khi nó đã tập sự ở

nơi khác. Không có chuyện cha truyền con nối. Ông quá yêu quý các con, ông không muốn các con ông nổi tiếng, trước khi chúng một mình đạt tới đỉnh cao, không có sự tổ cáo nào được nhắm vào chúng. Ông Marquis phá hoại tương lai của đứa con trai duy nhất của ông ta, một thanh niên hai mươi lăm tuổi, lấy lý do, soạn kịch hoặc làm sách, sống nhờ hoa lợi phi lý mỗi tháng năm ngàn đôla mà ông ta đã trích cho. Cho đến lúc đó, ông Marquis đã phát lương cho con ông nhờ đài phát thanh tư của ông. Người con trai không biết lương từ đâu mà có, thế rồi ông Marquis phải cúp lương anh ta vì sự phẫn nộ của các nhân viên.

Bà Elinor nói:

“Em tự hỏi, em có thể vắng mặt lúc này không?”

“Tại sao?”

“Em không thích cách cư xử của Susan.”

Bà Elinor nhướn mày, Herbert vừa bước vào. Anh ta đã phát phì một cách phi lý trong những tháng sau cùng này, và cái áo vét bó chặt thân mình của anh ta đến độ người ta nghe cả tiếng thở của anh đứt đoạn như bị ngộp.

Ông William nhìn anh ta, mỉm cười.

“Người ta có thể bảo là cuộc hôn nhân hợp với anh đấy, Herbert.” Vừa nói, ông vừa ăn một lát thịt cừu quay.

Khi không ai nói với anh tiếng nào, thì Herbert có thể làm thình suốt nhiều ngày, nhưng một cảm nghĩ thâm tình lại mở rộng mọi ngăn chặn bí mật trong lòng anh ta. Anh ta trở lui, đặt đĩa thịt trên cái giá ba chân bằng bạc, nơi tủ thức ăn và sau khi đã che mồm ho anh ta nói giọng nhỏ nhẹ:

“Nhưng thật ra thì nó không hợp tí nào với Jessica cả, thưa ông chủ.”

“Thế à?”

Ông William trả lời, ông đã làm cho Herbert lưu tâm, đó là điều không phải.

Herbert nói, giọng càng nhỏ hơn:

“Con tự nhủ, con sẽ rất vui sướng được hầu chuyện với ông bà, nếu ông bà rảnh rang. “

Ông William thình lặng, đưa đôi mắt bực bội nhìn bà như dò hỏi.

“Chắc chắn là được,” bà Elinor nói “Ngay sau bữa ăn, trong khi chúng tôi dùng cà phê, nhưng tôi mong là anh đừng về nhà quá muộn. Nếu anh về muộn, ban đêm ở nhà một mình, Jessica sẽ lo đấy.”

“Cô ấy đã có con chó rồi,” Herbert nói.

Hai ông bà không nói gì cho đến khi ăn xong bữa tối và kéo nhau qua phòng khách. Khi đã ngồi thoải mái, ông William thở ra và nói:

“Anh không muốn chúng mình phải lo về những chuyện đó. Em có ý kiến gì không?”

Bà Elinor đáp:

“Em biết công việc đã trở nên tồi tệ từ hôm lễ Noel. Bertha đã khóc lóc rất nhiều, mà em thì hèn nhát không dám hỏi nguyên do. Em còn giả bộ không hay biết gì cả. Nhưng em tin chắc cuối cùng rồi nó cũng sẽ nổ tung ra.”

Ông William lăm bằm trong miệng trong khi đốt ống vố. Cuộc nói chuyện này nhất định là khó nuốt. Sự bằng an trong gia đình sẽ bị tổn thương. Sau khi đã xua đi sự khó chịu này, một lần nữa, ông hỏi:

“Nơi Susan có gì trục trặc? Hiện tại, thà rằng chúng ta đương đầu với tất cả một lần cho xong.”

“Đó là về chuyện Peter. Hẳn ta không tha thứ việc cho Jessica con chó. Chúng nó đã cãi nhau suốt ngày; chẳng làm được việc gì cả. Con bé có vẻ bực bội, nó gây rắc đi. “

“Anh muốn cho con nó quên đi cái thứ người ấy.”

“Em tin là con nó cũng muốn như vậy mà không làm được đấy thôi. Có cái gì đấy...”

Herbert bước vào, tay bưng cà phê, nên bà ngậm thinh. Anh ta cẩn thận đặt cái tách trước mặt bà chủ, trên chiếc ghế con, đôi tay to bè của anh run run, ông William cũng nhìn thấy.

“Herbert, cái gì nào?” bà Elinor hỏi.

Herbert đang đứng giữa hai người, anh ta bước lùi một bước, cái mặt bự xệ xuống, mũi phập phồng, hai môi mỏng dính, mắt ti hí màu nâu, thiếu hẳn chân mày, tóc đen dựng đứng, không có bàn chải hay thuốc bôi tóc nào có thể làm cho nó nằm sát xuống được. Ông William thầm nhủ: thật là một con

người cù lằn, một hình thể được nhồi nắn bằng thứ đất sét quá tầm thường, che đậy những đam mê thấp hèn nào đây... Nhưng bỗng cái nét mặt xuôi xị trước mắt ông bắt đầu khóc rấm rứt, cái miệng mỏng mếu máo, hai hàng lệ từ đôi mắt ti hí trào ra, lăn trên đôi má bùng bùng và rơi xuống áo đuôi tôm màu trắng ùi cứng, tạo thành những vết bẩn dơ dáy.

“Ôi, Herbert, tôi xin anh, nín đi!” bà Elinor năn nỉ.

Herbert hít hít, tìm khăn mà không thấy, anh dùng mu bàn tay quẹt mũi. Ông William quay mặt đi. Ông mơ hồ muốn trao khăn tay của ông cho anh ta, nhưng không quyết định nổi. Ông nhìn sững lửa trong lò sưởi, còn Herbert thì cứ hít hít mũi cho đến khi nói lên được một giọng đứt quãng vì nước nở.

“Thưa ông, con đã cho cô ấy tất cả!”

“Tôi chắc vậy,” bà Elinor nói, giọng an ủi.

Trong khi đó ông William bất động, tiếp tục nhìn ngọn lửa.

“Thưa bà chủ, con mua cho cô ấy hai cái máy hút bụi, một cái để dưới nhà, một cái trên gác, vì cô không đủ sức mang từ tầng nọ lên tầng kia.”

“Thế thì tốt quá về phần anh rồi!” bà Elinor nói một cách lạt lẽo.

Herbert lại tiếp:

“Cô ấy không ưa tắm tắm ở phòng khách, cô đòi mua một tấm phủ trọn sàn nhà như tấm này đây, thưa ông chủ. Con đã phải mất hai trăm đôla đấy ạ.”

“Tôi mong cô ta được vừa ý...”

Herbert lại hít hít mũi. Ông William nhìn trộm anh ta và thấy khuôn mặt chằm vằm của anh ta co giãn vì đau khổ, run rẩy như một miếng a-giao còn ướt.

“Cô ấy không cho con đến gần,” anh ta nói.

Ông William thầm nghĩ, đó là sự tố giác của chồng và vợ.

“Đêm này qua đêm khác, con mất dần sức khỏe...”

Bà Elinor quyết năm chắc vấn đề, bà hỏi:

“Thật lạ lùng, cô ta có nói vì lý do gì không?”

“Không lý do gì cả, thưa bà chủ. Cô ấy chỉ nói cô không làm được.”

“Thật tôi không biết phải khuyên anh gì đây, Herbert à?” bà Elinor nói.

“Thưa bà, không, cả bà và cả ông cũng không. Trước kia, con tự xoay xở một mình được. Cô ta làm sao chống chọi lại nỗi sức của con.”

Bỗng dưng ông William xây mặt lại.

“Trước kia là sao?”

Herbert khóc ầm ức, nói:

“Trước khi có con chó! Thưa ông chủ, nó nằm dưới đất giữa hai đứa chúng con, giữa hai cái giường giống nhau, mà cô ta đã đòi hỏi trước ngày cưới. Cô ấy chỉ gọi nó một tiếng...”

Bà Elinor càu nhàu:

“Thật là kinh khủng!”

Herbert vẫn đứng, cái đầu bự gục xuống, thỉnh thoảng thút thít và run rẩy cả người.

Ông William lại hỏi:

“Sao anh không trừ khử con chó đi! “

Thật là một câu chuyện gớm ghiếc phải nghe tại nhà mình sau bữa cơm chiều. Trí tưởng tượng linh hoạt của ông mà ông không làm chủ được, đó cũng là tai họa cho tâm hồn ông, ông hình dung màn kịch trong phòng ngủ. Người chồng háo hức vì thèm muốn, chị vợ thì hết hoảng và giữa vợ chồng là con chó, đôi mắt đỏ ngầu, xù lông.

“Cô ấy bảo con là bao giờ con làm thế thì cô sẽ bỏ con.”

Bà Elinor với giọng sáng suốt, nói:

“Chắc rồi cô ta cũng sẽ nhượng bộ anh thôi.”

“Con không dám liều. Cô ấy có những cung cách kỳ dị bất ngờ!”

Bà Elinor ngồi thẳng lên trong chiếc ghế bành, nói:

“Herbert, thôi đừng có khóc nữa! Chúng tôi không bàn cãi gì nghiêm chỉnh với anh được, khi anh như thế này. Nếu anh cũng khóc như thế trước mặt Jessica, thì nó chỉ khinh rẻ anh thêm mà thôi. Không có người vợ nào chấp nhận điều ấy đâu.”

Bà nói khô khan. Giọng bà cứng cõi và rõ ràng, chùng ấy cũng đủ nâng đỡ Herbert, không khác gì một lưỡi thép chặt vào một mớ xà ngầu mà Herbert đang giãy giụa trong đó.

Lời nói của bà cũng chẳng ảnh hưởng chi đến Herbert. Anh ta lăm băm, giọng nghẹn ngào, rồi lên ra khỏi phòng. Ông William và bà Elinor ngồi thình lạng một lát. Sau đó bà rót cà phê cho ông và hỏi:

“Bỏ đường không?”

Đôi khi ông uống có đường, đôi khi không.

“Không, nguyên chất thôi,” ông đáp. Vừa nói, ông vừa bưng cốc lên.

Bà đã phá vỡ tình trạng căng thẳng và ông thấy mình phải nói một cái gì. Ông lên tiếng một cách tự nhiên.

“Thật là một câu chuyện đáng ghê tởm. Phẫn uất và buồn nôn, theo lẽ, Herbert đừng bao giờ kể lại cho chúng ta nghe. Chúng ta chả làm được gì.”

Bà Elinor không đáp lại ngay, lát sau bà mới thủng thình nói:

“Jessica làm cho em buồn lòng.”

Ông bỡ ngỡ vì từ trước đến giờ ông cho là Jessica đã làm cho bà mất kiên nhẫn, ghen tuông vô ý thức. Ông có thể chắc như thế, chẳng cần nói ra, bởi vì Jessica đẹp người và bà đã chứng kiến cô gái xinh đẹp này đặt tay lên vai cậu Edwin theo kiểu đàn bà mê hoặc đàn ông. Đó là điều mà bà Elinor không bao giờ làm, vì tính cương trực của bà, không phải bà thiếu tự tin, bởi vì bà hoàn toàn nhận thức sắc đẹp của chính bà, dù là hiện tại vẫn vượt quá những nét hấp dẫn của Jessica rất xa.

Ông William lại nói:

“Nhưng mà, sau cùng...”

Bà Elinor chặn ngay ông lại, không cho nói tiếp.

“Không có nhưng nhị gì hết... Em biết đích xác điều gì anh định trả lời em, và điều ấy làm cho em ngỡ ngàng, anh William này, bởi vì anh không như nhiều người đàn ông khác.”

Ông lại dụi dàng nói cách cố ý:

“Vậy thì anh sắp nói gì nào?”

“Anh sắp nói, sau cùng Herbert là chồng của cô ta, vốn công bằng và tự nhiên, anh ta có quyền chờ đợi giữa hai người những giao tiếp sinh lý với nhau, nếu khác đi, thì người đàn ông lấy vợ để làm gì?”

Ông quá đoan chính, đâu có bày vẽ cái gì hơn nữa được; rõ ràng đó là điều ông định đáp lại, nhưng dùng từ ít bạo hơn.

Ông đĩnh đạc nói:

“Em ăn nói sống sượng quá!”

“Sự việc thế nào, em nói thế ấy, cả câu chuyện đều là bản thiêu.”

“Còn con chó...”

“Em rất vui lòng vì Jessica có con chó,” bà Elinor nói, gần như cứng cõi.

Ông William ngơ ngác. Ông đặt ly cà phê xuống và ngó bà. Đây lại là một phương cách mới mẻ mà ông không thích. Người chồng tìm đâu cho có an toàn nếu không phải ở bên vợ sau hai mươi lăm năm chung sống. Người vợ không nên tỏ ra những cung cách mới lạ như thế sau ngần ấy năm. Thật bất công, hỗn loạn và nguy cơ sụp đổ thành trì của tổ ấm.

“Em giận đến điên người!” bà Elinor nói.

Bà tự rót cà phê cho mình và ông nhận thấy bà không ngó thẳng vào mắt ông lần nào, cũng chẳng ngược mặt lên.

“Cái thằng Herbert bị thịt, thật là hèn nhát, thật là ham hố, con người nung núc cả một đồng mỡ! Ở vào vị trí của Jessica, tất cả đàn bà ai cũng đều làm thế cả.”

Thật là hãi hùng. Bà lấy câu chuyện của Jessica làm của bà, bà dựng lên câu chuyện giữa hai người, câu chuyện tục tằn mà một người đàn ông biết tự trọng không bao giờ dám nghĩ tới, nói gì là chính bản thân ông, chắc chắn là không.

“Đừng nói tới nữa,” ông nói.

Từ đó họ làm thinh và uống cà phê trong im lặng.

\*\*\*

Câu chuyện của Jessica làm cho ông quên Susan. Ông chỉ nhớ lại sự hiện hữu của Peter Dobbs trong tuần sau, khi bà Elinor nói chuyện với ông ở Atlantic City. Hai ông bà đang ngồi trong một góc ấm áp nhất của bãi biển, được che khuất khỏi ngọn gió Tây vô ý thức, nhờ lẽ đường băng ván. Trời quá lạnh không ai nghĩ đến chuyện tắm, song nhìn nước thì lại thấy thèm, vừa trong vừa lạng, những ngọn gió nồm vô hại. Ông William bơi lội dờ, ông không thích những cơn gió mạnh mùa hè làm gợn mặt cát. Ông nghĩ



đây cũng là một trong những trò quái ác nhỏ nhất của thiên nhiên: mùa đông nước lạnh quá, đổ ai dám tắm, còn như hôm nay, trời không một gợn mây, nước biển im lìm chỉ lặn tẩn những con sóng yếu ớt. Mùa hè trái lại, không rõ hiện tượng nào trên mặt trăng thúc đẩy những ngọn nước triều không ngừng chuyển động. Bà Eve xuất hiện từ xương sườn của Adam, đó là huyền thoại của mặt trăng, bê bối, nữ tính, rút từ địa cầu ra đã hàng tỉ năm. Cái chỗ vết thương là vực thẳm Thái Bình Dương, há mồm lờm chờm toàn là đá dăm núi lửa, nó cũng bất trị như con người. Chiều hôm trước, ông William đã nhìn ngắm mặt trăng, ngoài tầm với, không biết chán, mơ ước đến kết hợp không thể có với trái đất, quay quanh trái đất, nhưng phải cam đành hút thủy triều để rồi lại phun ra trong tích tắc, trong những đợt dâng lên, rùng xuống liên tục, với nhịp điệu sáng tạo không ngừng.

Ông nằm ngửa, hai mắt nhắm nghiền vì chói mặt trời, ông cảm thấy nhịp điệu thủy triều vang rền trong ông. Ông đưa tay nắm bàn tay vợ và bà vui lòng trao gởi. Ông ép bàn tay bà vào má ông. Một phép lạ hôm nay, cầm bằng hôm qua, có lẽ khác đi đôi chút, bởi vì bàn tay bà đã biến đổi, chai cứng hơn, chắc nịch hơn, nhưng luôn luôn vẫn là bàn tay của Elinor, vợ ông. Bà nói:

“Susan sắp đến với chúng ta.”

“Nó có điện thoại không?”

“Có. Hồi sáng. Lúc ấy anh đang còn ngủ. Nó muốn ngày mai đến. Nó cho rằng cần nói chuyện với chúng ta.”

Ông thở dài, khê siết bàn tay bà, rồi buông nó rơi xuống cát.

“Anh nghĩ, đã đến lúc phải như vậy,” ông nói.

“Em cũng tin như thế.”

Thật là quá quắt, lũ con thật là kiên trì, bền bỉ đòi hỏi. Lúc còn thơ dại là việc đương nhiên, nhưng bây giờ? Nếu ông có nhắc nhở cho Susan biết rằng cô vẫn còn là con gái của ông, thì cô cự nự, viện lý là cô đã khôn lớn. Thế là tan biến một buổi mai yên tĩnh của ông, mặc dù còn những hai giờ nữa mới trở về ăn sáng tại khách sạn. Ông hết còn cảm giác được sống một mình với Elinor, bao lâu Susan chưa đến và chưa đi về, và chưa thuật lại cái gì đã làm cho nó bận tâm, vì đời sống của lũ trẻ xem ra được dệt bằng gai góc, với

những vấn đề không giải thích nổi, cũng không giải quyết nổi của chúng. Tất cả những thủ tục của tòa án, nơi tập trung những tội ác của đám cùng đinh trong một đô thị lớn nhất thế giới, cũng chẳng khuấy động bằng những thăm dò quan trọng của mấy đứa con ông: Cậu Winston, một người cha non trẻ, cậu Edwin đang si tình, và cô Susan, một cô gái muôn đời đầy nữ tính. Tại văn phòng của ông, ông có thể đứng lên, rời xa bàn giấy, đóng cửa lại và ra về; đằng này ba đứa con của ông bắt ông làm việc, mà ông không có thể thay đổi gì được, chúng hiện diện trong nhà của ông, những đứa bé ranh ma vẫn sống với ông, là thành phần của con người ông. Ông không tài nào thoát khỏi tay chúng, cũng như không thoát khỏi bản thân mình.

Mặc dù ông nghĩ đến Susan suốt cả ngày và đêm hôm đó, ông cũng vẫn chưa chuẩn bị sẵn sàng để đối phó. Cô đến sáng hôm sau, trước đúng Ngọ một chút, lái xe với tốc độ tối đa, ào ào chạy vào tận cổng khách sạn.

Ông đang đứng ở cửa sổ để xem lại cái cà vạt có sọc màu nâu và xanh lơ mà ông ưa thích, xem nó có sờn quá không. Tính ông không phù phiếm, thế mà cô Susan vẫn khe khẽ với ông. Lúc bấy giờ ông chợt nhìn xuống và thấy trên đường trong sân khách sạn, chiếc xe đỏ mui trần của con gái ông, chiếc xe mà cô đã vùi vĩnh ông làm quà cho cô trước ngày cô đi thi. Ông thấy cặp giò của Peter Dobbs tung qua cánh cửa xe, một chân, rồi một chân nữa. Anh ta nhảy vọt ra và mở cửa xe cho Susan.

Ông William nói với qua cửa ngăn đôi phòng tắm:

“Elinor, con bé mang cả thằng dân Ozark đến đây. “

Bà kêu lên đáp lại:

“Không thể như thế được?”

Rồi bà bước qua phòng tắm của ông, xinh xắn trong chiếc xì líp bé tí bằng lụa hồng. Ông tự hỏi làm thế nào mà những đường nét mảnh dẻ của một người đàn bà lại có thể biến dạng đi trước những gì khác còn lại. Elinor vợ ông, trừ gương mặt ra, thân hình là thân hình của một cô gái trẻ, mặc xì líp hồng. Bà đứng sau chiếc màn ngăn, như tắm chắn, và ông nom thấy trên gáy của bà những sợi tóc ánh bạc, lẫn trong mái tóc hoe vàng. Ông nhớ lại lúc đầu mới lấy nhau, những rung cảm như thế này ông không chống lại nổi, và

đột nhiên ông nghiêng mình hôn lên chân tóc trên gáy bà. Bà ngó ngoái lại và mỉm cười rạng rỡ.

“William, mau lên nào, còn phải mặc đồ, con bé sắp lên, nhảy từng bốn bậc thang một đấy.” Bà nói.

Đúng vậy... Ông có ý giải thích cho bà biết nụ hôn này không phải mở đường cho những gì sẽ diễn tiến tiếp theo, nhưng là để kỷ niệm nụ hôn của buổi sáng ngày thành hôn. Ông nói điều ấy cũng đúng thôi, nhưng bị ám ảnh bởi cô Susan lại mang chàng trai thô lỗ đến, làm cho ông không sao giải thích được. Hơn nữa, bà Elinor phải hiểu như thế. Nhưng ông lại nghĩ, bà có thể nghi ngờ ông như tất cả các đàn ông khác, về sự thèm muốn đang nảy sinh, về sự đam mê bốc đồng, mà từ đầu ông không biết kèm hãm, nhưng hiện tại, hỡi ơi, (hoặc may phước cũng chưa biết chừng), ông đã quen kèm hãm, quen tự chủ, hoặc chỉ chiều ý vợ khi bà để lộ ra những khuyến khích lờ mờ. Trong ái ân, họ không theo khuôn mẫu nào. Bà Elinor có thể chộp bắt ông, và thường thì bà thắng thế. Đây là trường hợp của con chuột nhắt và con mèo, và ông có cảm giác mơ hồ là lắm khi con chuột nhắt lại là ông.

Susan đã đứng nơi cửa, nhưng bà Elinor mặc y phục xong và rất bình tĩnh, mặc dù cổ áo dài của bà, theo thói quen, để mở không cài nút, mà ông William thì lại không muốn cho cái thằng người rừng rú ấy chiêm ngưỡng chi tiết này. Susan chẳng lấy làm điều, song ông William lại ganh tị cho thế hệ của ông. Ông tránh không nói gì với vợ về điều đó, vì qua tư cách bình tĩnh của ông, bà phải thấu hiểu ý nghĩ của ông và đừng chấp nhận điều đó.

Hơn nữa, thời gian chẳng còn được bao lâu. Cửa chính mở bật ra và cô cậu đứng trước mặt hai ông bà. Đôi thanh niên nam nữ đầy sức sống, vui vẻ vì tin tức mà chỉ liếc qua họ là biết ngay tin tức gì. Chúng si tình theo cách của chúng, và ông William cảm thấy ngứa ngáy muốn nói. Bà Elinor thì nhìn cô cậu một cách lạ lùng, đôi mắt xanh của bà ánh lên vẻ nghiêm khắc.

“Mẹ!” Susan kêu lên xúc động “Peter và con đã đính hôn với nhau. Chúng con nghĩ, tốt hơn là phải trình cho cha mẹ biết.”

“Vào đi,” ông William nói “Ba cũng nghĩ như vậy. Chúng con quyết định bao giờ thế?”

Susan cười rộ lên, rồi nói:

“Ôi, thưa ba, điều đó xảy ra thật đột ngột.”

Họ đi vào và ông William thấy bà Elinor thình lạng chẳng nói gì. Bà ngồi xuống chiếc ghế bành nhồi lông và hai cô cậu ngồi trên cái ghế nệm dài. Không chút e dè, Peter đưa cánh tay dài choàng ngang qua hông Susan và cô kéo bàn tay anh ép sát vào mình cô.

Cô lại kêu lên với giọng đầy phấn kích:

“Được như vậy con cảm thấy nhẹ nhàng. Mới hôm kia đây, con chả biết là con muốn gì, khi sau cùng anh ấy xin con lấy anh làm chồng. Khi anh ấy không nói gì với con, thì con không lấy làm điều, hay ít nữa, con nghĩ như thế, nhưng ngoài chuyện đó ra, con thậm mong...”

Ông William ngồi nghe, mặt đỏ bừng vì cố gắng, vẻ mặt bức bối, ngay cả khi nhìn thấy cô bé sinh ra, ông cũng đã bức bối rồi. Sự sống sượng của thế hệ những phụ nữ đặc thẳng làm cho ông ghê tởm. Bà Elinor còn có cách nào kín đáo để chấp nhận nơi con gái bà, cái kiểu văn minh này? Chính ngay cả bà Elinor cũng còn biết thẹn nữa là.

“Tại sao ba không nói gì cả?” Susan hỏi.

Ông William nhất định không nói một lời, nhưng bà Elinor thì lại tỏ ra dửng dưng; bà nói qua đôi môi nhợt nhạt:

“Thế là tử tế rồi!”

Susan và Peter cười rộ lên như một hợp xướng hai bè.

“Ôi, mẹ...” Susan thở ra, cười đến tái người, cô nói tiếp “Peter, mẹ thật là tuyệt vời, phải không? Mẹ thật là đặc biệt, phải không? Mẹ đã đồng ý, như em đã cho anh biết trước rồi đó...”

“Ái chà!” Peter kêu lên một tiếng ồm ồm như heo rống. Đôi mắt đen long lanh và lân đầu tiên ông William thấy anh ta tỉnh táo...

Ông giận điên người, ông nói khô khốc:

“Tôi tự hỏi, hai người có đầu óc hay không? Tôi tự hỏi, thay vì hai mươi lăm năm chờ đợi, các người có nghĩ ra được chúng tôi có cảm giác như thế nào khi một đứa con đã nuốt chửng thì giờ, tiền bạc của chúng tôi, chưa nói đến tình thương, lại dẫn về nhà một chàng trai lạ hoắc, mà bảo rằng nó đã lấy làm chồng” Ông lại nói một cách dứt khoát, đôi mắt ngó thẳng vào mặt con “Các người có nghĩ đến chuyện, thay vì bao nhiêu ân huệ đã được,

chúng tôi lại không có quyền đòi hỏi người ta để cho chúng tôi có cơ hội tìm biết con người xa lạ này, trước khi bị bắt buộc nhận nó làm con rể sao?”

Giọng nói của ông cũng làm cho ông thấy khác. Ông chưa bao giờ nghe được giọng uy quyền hơn, ngay cả khi ông bào chữa trước những quan tòa cố chấp?

Susan xem ra do dự. Cô mở đôi mắt màu hạt dẻ thật to, một mảnh lối ngày xưa mà cô còn nhỏ, cô dùng lúc còn thơ dại, khi thấy cha bắt buộc phải quở mắng mình. Cô nghiêng mình về phía cha, tựa vào cánh tay của Peter, thỏ thẻ:

“Có nghiêm trọng không, ba?”

Ông William thấy rõ con gái ông đặt câu hỏi này một cách thành thật, ngây thơ. Ông sắp xác nhận, thì bà Elinor can thiệp vào.

“Chắc chắn là không, cha con nói không nghiêm chỉnh.” Ông bị công kích bất ngờ và ông không biết nói gì khác “Điều ấy có liên quan gì đến cha mẹ. Nếu con chọn Peter, thì cha mẹ tiếp nhận Peter chứ có sao đâu...”

Bà mỉm cười với nụ cười ấm áp và hết sức khả ái.

Ông William phân tách nét mặt bà, ông mỉm lòng trước sự đào nhiệm không hiểu được của bà. Nào có phải ông không muốn tiếp viện cho bà đâu? Con cái nó chọn lựa thế nào, có quan hệ gì tới ông đâu, hiện tại ông đã quen sống không có chúng kia mà. Con bé Susan ấy, đâu còn là con bé mỹ miều, bé tí, da ngăm ngăm, nụ cười, có mùi thơm thơm khi nó cuộn mình trong cánh tay ông trước giờ đi ngủ. Đã quá lâu rồi, tâm trí nó không còn ở trong ngôi nhà này nữa. Trái tim nó đâu còn ở đó nữa. Ông đã đọc nhiều truyện ở các xứ lạ mà con gái không còn được thừa nhận là thành viên vĩnh viễn của gia đình, bởi vì một khi đã lấy chồng, nó thuộc về một người đàn ông xa lạ cả xác lẫn hồn. Như thế thì giáo dục nó làm chi, mền yêu thăm thiết nó làm chi... Ông bị mặc cảm nặng nề về những tư tưởng đó, ông đâm ra ghen tuông mà ông không biết. Ông tự hỏi đến tuổi nào con thú ở trong con người sẽ đầu hàng vô điều kiện.

Susan bực mình hỏi cha:

“Ba nghĩ gì vậy, ba? “

Ông cố gắng calm mình lại, đáp:

“Ba nghĩ gì, con cũng không hiểu được đâu...”

Ông không nói Peter, mà nói con gái, hỏi:

“Địa vị xã hội của nó thế nào?”

Chàng thanh niên đáp một cách nhu mì:

“Cháu có một gara.”

Susan thêm vào cách hãnh diện:

“Anh ấy làm chủ đấy, ba.”

Đó là cú đánh thứ hai... Một gara? Phải chăng để đạt đến đó, mà ông đã hết lòng dạy dỗ con gái ông, đã rước thầy cho nó học vĩ cầm, cố chịu đựng không một lời thở than, những năm đầu tiếng đàn rên rỉ chói tai cho đến ngày nó thành đạt? Vài tháng trước đây, ông giáo dạy nhạc đã bảo ông: “Con gái của ông bây giờ, muốn chơi bài gì cũng được, cô ấy đã gần đến trình độ chuyên nghiệp rồi...”

Ông William cố gắng hết sức để hỏi cho lịch sự:

“Gara đó ở đâu?”

“Bên con đường lớn, gần gia đình cháu. Hiện giờ số khách du lịch đi về Ozark đông vô kể.”

Bà Elinor với đôi môi tái nhợt, hỏi:

“Susan con, con thích đi xe đến thế sao?”

Susan trả lời chắc chắn:

“Thưa mẹ phải, con thích vậy.”

Rốt cuộc còn gì quan trọng để nói nữa. Bà Elinor phân bì với cậu con trai mình là Winston, mơ ước tổ chức linh đình cuộc lễ thành hôn cho con gái, bà cụt hứng ngồi im. (Tổ chức hôn lễ linh đình tốn kém làm chi, nếu cuối cùng nó dẫn đến một gara xe hơi?).

“Chưa đến giờ ăn trưa sao?” bà hỏi.

Bà nhìn vào cổ tay bà, cái vòng kim cương viền quanh chiếc đồng hồ mà chồng bà đã tặng cho bà nhân kỷ niệm hai mươi lăm năm ngày hai ông bà thành hôn, để xem giờ.

“Chúng con đói lắm rồi! Con đói đã đành, Peter còn kêu đói luôn mồm.”

Peter vừa đứng lên khỏi trường kỷ, vừa nói:

“Con thì hồi nào cũng ăn được.”

Họ đi xuống tầng dưới, ông William cảm thấy hạnh phúc ở giữa những người xa lạ. Susan cũng là người xa lạ. Sau cùng, ông đã mất cô con gái yêu vào sáng hôm nay, chỉ còn hình bóng của con bé ngày xưa, không còn gì nữa. Ông ngồi xem thực đơn. Ông gạt bỏ cả nhóm hải sản và sườn non, chọn món đậu và bánh mì đen. Sau một lúc chờ đợi, ông ăn mà không nói tiếng nào. Ông không nghe tiếng nói chuyện ồn ào chung quanh, lúc râm ran lúc lặng ngắt, nhưng ngoài trời tiếng sấm của gió mùa càng lâu càng mạnh thêm. Nước triều đang dâng.

\*\*\*

Ngày thứ sáu, vừa khi ông William trở về, lòng trí bận bịu về vấn đề Susan, thì Herbert chặn ông lại nơi đại sảnh. Anh ta nói:

“Thưa ông chủ, nếu ông rảnh rỗi, ông cho con thưa với ông một chuyện.”

Điều đó làm phiền ông rất nhiều. Ông đang mệt. Suốt cả tuần lễ ở bàn giấy, sau ngày vắng mặt, công việc nặng nề đặc biệt, đến độ ông tự nghĩ mình có quá già không đối với một công việc liên tục như thế này. Herbert ngồi ở tay lái trên suốt con đường về, không hề mở miệng. Thay bộ đồ tài xế rồi, mặc áo vét trong nhà, anh ta đến gần ông William.

Ông William tự nhủ một cách bức mình - Thì giờ, nhất là thì giờ sống với Elinor, là điều trân quý nhất mà ông không muốn bị tước đoạt. Ông có thể từ chối một cách tàn nhẫn yêu cầu của bất cứ ai ngang hàng với ông. Ông dùng các thư ký để bảo vệ ông, từ chối những yêu cầu loại đó, nhưng ở nhà ông, với một kẻ tột tở trong gia đình, ông không thể chối từ.

“Được rồi,” ông dẫn lòng nói, “tốt hơn là chúng ta nên vào thư viện ngay đi, còn mười lăm đến hai mươi phút nữa là tới giờ ăn rồi.”

Herbert rón rén bước theo ông, dáng vẻ trịnh trọng. Vừa thấy ông William ngồi xuống, anh ta liền khép cửa lại và đứng dựa lưng vào đó. Rồi bỗng nhiên anh ta thút thít khóc. Cũng như lần trước, cái mặt bánh đúc của anh giật giật, run run, miệng méo xệch. Chắc chắn lại là chuyện Jessica rồi.

Ông William lại cảm thấy chán nản và cố gắng kiên nhẫn nói:

“Nào, nào, có gì nói đi. Nói đi.”

Herbert cố nín sịt mũi, len lén tìm chiếc khăn tay và lau mắt.

“Thưa ông chủ, ông chủ còn nhớ con chó mực?”

“Nhớ, ta còn nhớ.”

“Thật là lạ lùng. Có thể nói cô ấy yêu con chó hơn hết mọi người, hơn cả mẹ cô, hay hơn cả là người chồng hợp pháp của cô.”

“Anh ngồi xuống đi,” ông bảo.

Herbert quay mình, khóa cửa lại. Anh rón rén bước thêm ba bước, đến ngồi xuống mé một chiếc ghế dựa bằng gỗ sồi. Hai cái má thụng đầy mỡ của anh ta lại rung lên và ông William phải quay mặt đi.

Herbert hăng giọng và nói:

“Con chó mực, thưa ông, tuần qua đã cắn một em bé gái, con của người tá điền ở gần bên. Họ đến mua trứng ở nhà con, mỗi tuần một lần. Con nhỏ độ bảy tám tuổi. Con chó cắn vào đùi nó; đó chưa phải là lần đầu, trước đó nó đã cắn con bé một lần nơi tay rồi.”

Ông William hỏi nghiêm chỉnh:

“Hy vọng nó không dại chứ?”

Herbert không chú ý đến điều đó chút nào. Anh ta tiếp tục nói, giọng thăm nã, thì thầm:

“Con đã nói với Jessica là chúng ta không nên giữ con chó cắn trẻ con. Khi nào chúng ta có một đứa riêng, riêng cho chúng ta, à con đã nói với ông là cô ấy đã mang thai chưa, thưa ông?”

“Chưa.”

“Rồi, hôm tháng sáu. Khi con chó cắn người lần đầu, con đã nói với Jessica là nên khử nó đi. Cô ấy không chịu nghe, và con cứ chần chừ để đến đâu hay đến đấy. Cô đang có thai, và con tưởng là cô ấy cũng nghĩ thế. Hiện tại, sau khi cắn con bé lần thứ hai, cha nó hăm sẽ đi thưa. Vết cắn sâu. Con bé đang nằm nhà thương. Con có sẽ bị truy tố không, thưa ông?”

“Cái đó còn tùy.”

“Tùy cái gì ạ?”

“Để tôi suy nghĩ ít hôm xem.”

“Cha đứa bé có khả năng đòi con bồi thường một ngàn đôla, ai biết được.”



“Tôi sẽ cho anh biết,” ông William đáp.

Mất thì giờ để nói chuyện chó cắn, thật phi lý. Ông William cảm thấy giận Peter vì anh ta đã đem con chó dữ đến đây, mà Herbert thì không làm sao trừ khử nó được.

Herbert cuốn tròn chiếc khăn tay, đưa lên thăm mắt.

“Thưa ông chủ, chắc ông chủ lấy làm kỳ vì thấy con khóc.” Và câu nói này kết thúc bằng một tiếng kêu như than vãn... “Hiện tại không phải là vấn đề con chó, mà chính là Jessica, thưa ông chủ, con chẳng biết xử trí làm sao!”

“Còn gì nữa đây?” Ông William hỏi mà không muốn được trả lời, ông nhìn cánh cửa đóng, lát nữa ông sẽ đứng dậy mở nó ra.

Herbert lại càu nhàu:

“Jessica căm ghét mẹ cô ta, thưa ông, thật không sao hiểu nổi. Mẹ cô ta xem cô ta như con người trong mắt của bà ấy, xin ông hiểu cho điều con muốn nói. Hễ có chút thì giờ, bà già lại đến thăm chúng con. Chúng con đã dọn cho bà một căn phòng đẹp, thưa ông. Việc đó có đáng giá gì, vì cái nhà là nhà của bà, cho đến khi bà tạ thế, bà có làm chúc thư để lại cho chúng con sau khi mất. Con đã tính, khi bà đã hết tuổi lao động, thì chúng con thay thế bà làm việc ở nhà lớn của ông bà chủ, mà chuyện đó thì cũng chẳng bao lâu nữa. Lúc đó thì bà ở nhà giữ con cho chúng con, những đứa con mà chúng con sẽ có sau này. Chỉ hai đứa thôi, thế đủ rồi. Phần còn lại, con để mặc cho Jessica quyết định, muốn có con thêm nữa, hay đi giải phẫu triệt sản cũng được.”

“Giải phẫu triệt sản?”

“Vâng, thưa ông, để nàng hết có thai. Có một số y sĩ nhận làm việc đó, nhất là khi người đàn bà mắc bệnh thần kinh, chính họ nói như thế đấy ạ.”

“Thật thế à,” ông William nói mà càng thêm chán ngán.

“Ban đầu con không muốn nghe nói đến điều đó. “

Herbert lấy giọng đĩnh đạc, gương mặt nghiêm nghị, có những vệt nước mắt chảy dài thành ngấn nơi má, giống như những con ốc sên bò đi còn lưu lại dấu vết.

“Không, thiệt tình...” ông William nói, vẻ thất vọng, “tội nghiệp cho bà Bertha, phải có ai đó nói với Jessica mới được. Hay là bà chủ vậy?”

“Biết bà có chịu nói cho không,” Herbert nói với vẻ lo lắng “Đó là điều con không dám ước mong. Bà chủ sẽ làm cho Jessica trở lại bình thường. Cô ấy có liên hệ mật thiết với dòng họ Asher.”

“Được rồi.”

Ông William đứng lên, định tự mở cửa lấy, nhưng Herbert vội vàng tiến ra trước ông. Anh ta quay vòng chìa khóa trong ổ và mở cửa ra, cầm giữ cánh cửa một cách trịnh trọng. Ông William bước qua, đầu hơi cúi xuống.

Lên tầng trên, ông gặp bà Elinor đang xếp mấy cây cải hương khô đã nhạt ngoài vườn, vào giữa những chồng quần áo trong hộc tủ. Ông ôm hôn bà và ngửi thấy mùi thơm dịu dàng. Có mấy ai biết đặt vào trong áo quần những cây cải hương khô thay cho những bọc nhỏ nhập từ Pháp sang. Ông ác cảm với tất cả các mùi thơm của Pháp, mặc dù ngày trước ông cũng cho là nó thơm ngây ngất. Xứ Vermont đã thể hiện cái cách này, các thứ dầu thơm ngoại lai đã bị đào thải.

“Bà Bertha có than phiền gì Jessica không?” ông hỏi.

“Bà ấy cầu nhau mà không nói gì về Jessica cả.”

“Herbert nói với anh là Jessica ác cảm với mẹ cô ấy. Anh ta đã lôi anh vào thư viện, khóa chặt cửa và tâm sự với anh về những điều phiền phức. Anh không muốn đi vào chi tiết, nhưng anh hứa sẽ nhờ em nói chuyện với Jessica.”

“Trời đất!” Bà Elinor kêu lên.

“Rất tiếc! Anh cũng chả biết làm sao lại hứa như thế. Có lẽ vì anh muốn rảnh tay với anh ta.”

Bà Elinor thở ra:

“Thôi vậy, tốt hơn là em tìm hiểu quan điểm của Jessica. Bà Bertha rối loạn tinh thần, bà phải đi nằm sớm. Dịp nghỉ cuối tuần này thật rắc rối đây. Edwin ngày mai lại về nữa.”

“Tại sao thế? Người ta không để cho vợ chồng nó yên sao?”

“Đây là thời kỳ nó nghỉ xuân, anh quên rồi sao? “

Ông đã quên thật! Hiện Winston ở yên tại Boston, trong ngôi nhà nhỏ với vợ và hai con. Còn Susan thì ra đi phấn khởi, thăm gia đình Peter ở Ozark, dáng điệu của nàng phóng đảng đến độ không thể chấp nhận được, khi ông William bảo nàng dùng thứ mũ trùm đầu, thì nàng đã phá lên cười. Một khi con cái đã đi hết, ông hy vọng hai vợ chồng có cơ hội sống với nhau trong mấy tuần yên ổn. Ông còn hy vọng thuyết phục bà đi với ông đến New York vào cuối mùa trình diễn ca kịch. Ông nói:

“Anh tưởng nội tuần này Vera sẽ quyết định có lấy Edwin làm chồng hay không.”

“Cũng đã đến lúc rồi.”

Ông William muốn cho các con ông tất cả đều thành gia thất.

Bà Elinor nói thêm:

“Thật là tuyệt vời, nếu chúng ta có thể sắm người máy để thay các tôi tớ trong nhà.”

Ông William buông mình xuống ghế.

“Ở nơi người máy có phát triển một mớ ngẫu hợp qui quái nào đó. Herbert và Bertha là thứ gì, nếu không phải là một năm sản phẩm hóa học trộn lẫn với bao nhiêu là nước. Chỉ có tỉ lệ thành phần là hệ trọng, sự liên quan giữa các thành phần có thể cho ra một thụ tạo, một cá tính mới. Đơn vị nguyên tử chỉ nổ tung khi nào cấu trúc của nó đến độ quyết định.”

Bà Elinor đứng nghe, hai tay buông thõng, hững hờ.

“Phải chăng anh đã kiệt sức rồi!”

“Bình an, đó là cai mà anh ước muốn,” ông đáp.

Một điều kỳ quặc, ông thầm nghĩ, đó là cách con người hủy hoại sự yên ổn của bản thân, đang khi họ mong được duy trì nó. Họ hủy hoại nó âm thầm bằng những phù chú ám muội, cố chấp trong những ảo vọng của mình, như Jessica đang làm. Sự xáo trộn nơi nông trại nhỏ bé, đã vươn đến một mức độ thần tốc chưa từng thấy nơi ngôi nhà rộng lớn của ông. Tại sao ông và bà Elinor lại không đủ can đảm đuổi đi những kẻ đã mang đến nhà ông các sự rối loạn đến thế?

Ông đưa mắt nhìn bà Elinor đang đi đi lại lại trong phòng, và ông hiểu bà, cũng chẳng khác gì ông hiểu ông: cả hai ông bà đều không đủ can đảm đối

với sự tàn nhẫn. Ông đang có một thứ tình cảm mà ông không cho là yếu hèn, do đó ông không thể loại trừ ra khỏi đám gia nhân một con người không biết tự vệ như Jessica. Jessica, đứa con trong trắng và dịu dàng, bị kẹt vào giữa hai khối đá - đồng thể chất - là Bertha và Herbert. Cần phải cứu cô ta, cô ta có thể cứu được.

Bà Elinor ngồi xuống ghế để suy nghĩ. Bà nói:

“Có thể đó là một việc tốt, nhưng muộn quá mất rồi, Jessica đã lấy chồng.”

“Anh nghĩ rằng chúng ta cùng đi đến đó để xem nó là cái gì. Anh muốn lương tâm dứt khoát về tất cả cái đó. Không thể nào thỏa hiệp được với Herbert, khi anh ta cứ ngồi sùi như thế.”

Bà Elinor nói một cách mạnh bạo:

“Đàn ông mà khóc lóc, thật đáng buồn nôn!”

Ông William nói, giọng bênh vực:

“Anh nghĩ, cũng có khi người đàn ông khóc được. “

“Chỉ khóc được một cách kín đáo thôi.”

Ông thầm nghĩ, ít khi ông thấy bà Elinor khóc và đã từ nhiều năm nay bà không khóc. Ông bối rối một lúc, rồi mới hỏi bà:

“Em yêu, có bao giờ em khóc lén không?”

Bà làm ra vẻ thoái thác, như mỗi lần ông muốn khơi dậy những sự việc thầm kín của hai người... Phải chăng do cá tính của dân cư vùng Vermont, hay của dòng họ Winsten, đã ở lâu đời trong xứ? Bà nói:

“Đã từ lâu, em tập không khóc.”

“Thế trước kia?”

“Có thể là có, khi em còn trẻ và chưa biết sự đời...,” bà nói với vẻ thờ ơ.

Ông ngừng lại, không hỏi thêm. Một nỗi lo sợ tự nhiên, hoặc do bản chất rụt rè, ông không muốn tiến xa hơn. Cũng có thể, như những người lớn tuổi, ông không muốn hoài niệm về quá khứ, một quá khứ đã bị chôn vùi, không thể cải đổi được, như bao thế kỷ đã qua đi trước ngày họ sinh ra.

Ông đứng lên, dửng dưng xoa đi tất cả. Ông nói:

“Dù sao thì chúng ta cũng nên đi thăm Jessica.”

“Có tin cho Bertha biết không?”

Hai ông bà nhìn nhau do dự. Rồi ông cười, bảo:

“Chúng ta thật là phi lý. Sự việc đâu có gì là quan trọng, chỉ là chuyện tôi tớ trong nhà rầy rà nhau, thế mà chúng ta đã bàn cãi như là công việc quốc tế. Bảo cho bà ta biết cũng được. Nếu bà ta đã đi năm, chúng ta sẽ thu xếp lấy.”

Thấy chồng cương quyết như thế, bà an tâm nói:

“Anh đi với em. Bà ấy sợ anh. Đối với em, bà ấy chẳng xem ra gì, vì bà đã thấy em từ lúc lọt lòng mẹ.”

Cả hai xuống nhà bếp tìm Bertha. Bà ta đang đứng trước lò nấu, hai ống chân vững vàng dang ra đỡ lấy tấm thân phì nộn của bà. Khi họ bước vào, bà Bertha không quay đầu lại, khiến ông bà nhụt bớt nhuệ khí. Nhưng ông William cảm thấy bà Elinor nhụt trước, và ông phải cầu viện đến tính khôi hài của mình đang tan loãng đi.

Không lẽ hai ông bà chủ nhà có giáo dục, có tài sản, có học thức, lại sợ một bà cục mịch đơn sơ như Bertha sao? Ông nói, giọng quả quyết:

“Bertha, bà Asher và tôi vừa nói chuyện với nhau về Jessica. Hôm nay chúng tôi định đi thăm Jessica và cố gắng tìm hiểu, tại sao cô ấy lại bất hạnh bên chồng đến như vậy?”

Bà Bertha bắt đầu khóc lóc kể lể, tiếp tục làm món xốt trên cái chảo mà không ngó ngang gì đến ông bà chủ. Cả tấm thân đồ sộ của bà ta run rẩy, run cả vế, cả vai, cả cái cổ chân vẫn như cổ trâu. Bà ta nói:

“Tôi đã mất cái nhà của tôi rồi!”

Bà than vãn, chùi nước mắt bằng mu bàn tay to bè và đỏ au. Bà ta nói tiếp:

“Nó bắt đầu ghét tôi, mà nó là con tôi! Nó không cho tôi về nhà của nó. Ngày lễ Giáng sinh không cho về mà cả ngày giáp năm nữa. Nó nói với Herbert là hồi nó còn nhỏ, tôi đã đánh nó chí tử.”

Bà ta chậm rãi xoay mình về phía ông bà chủ, cái mặt bánh đúc của bà chỉ là một vực sâu chứa đầy đau khổ. Bà ta hỏi bà Elinor:

“Thưa bà Elinor, bà cũng biết đấy, có bao giờ tôi đánh nó đâu! Chỉ trừ khi nó lên nhà lớn, vào phòng khách của bà, mà nó coi như là nhà của nó. Phải, tôi thấy nó làm như thế nên mới quất vào mông nó. Tôi có bảo nó: nhà đó

không phải là nhà của mày. Chúng ta phải ở trong nhà bếp, không được lên trên nhà lớn. Tôi đánh đòn nó vì nó chẳng nghe tôi. Nó đã đi đi, lại lại, ngồi lên ghế nhưng, đánh đàn, soi gương, vì thế tôi mới vả nó chứ.”

Ông William đứng nghe. Ông chợt bắt được đầu dây mối nhợ đưa đến một nguyên nhân có thể chấp nhận được. Do đấy mà giải thích được thái độ của Jessica, cách nó đứng trước tấm gương soi. Dù khi còn bé, nó đã sống trong mộng mơ: tưởng mình là một thành phần của cái gia đình to lớn và sang trọng này, không dính dấp gì tới nhà bếp, nhất là tới bà Bertha, đầu bếp, và Henrich, bồi phòng. Cô ta xinh đẹp, thuộc về một căn bản khác, cô có thể thuộc về gia đình đang thật sự ở trong tòa nhà lớn, làm chủ nó, đó là điều cô chỉ thực hiện được trong mộng mơ. Tính nhạy cảm, óc tưởng tượng sống động của ông, những phẩm chất đã tạo ông thành một luật sư có tài và giúp ông hiểu được nguyên do của tội phạm, bây giờ lại soi sáng ông. Ông cảm thấy xót thương cô bé, bị sửa phạt vì mơ mộng, những mơ mộng không chữa được, mà cô ta đã dặt cho cuộc đời mình. Ông bằng lòng vì đã không kể lại cho bà Elinor nghe những màn kịch trước tấm gương soi của cô bé.

Bà Bertha vừa khóc âm ỨC vừa nói:

“Làm sao tôi có thể cho nó ra khỏi nhà bếp được? Có thể bà Winsten sẽ đuổi chúng tôi đi, tôi và Henrich! Nhưng tôi có đánh nó cũng chỉ một lần, hay hai ba lần gì đó, có đâu đánh mỗi ngày như nó đã nói? Nó đã thuật lại cho Herbert, và Herbert thương nó như điên, nên nó nói gì tin nấy. Thằng ấy cũng chẳng thích tôi về ở nhà của tôi đâu.”

“Herbert hả?” bà Elinor bực bội hỏi.

Và bà Bertha nâng cái tạp dề rộng lên, úp mặt vào đó để mà khóc, cái thìa bà đang cầm thẳng đứng như một cây cờ hiệu bên cái đầu đang cúi xuống của bà.

“Chúng tôi sẽ đi xem lại tất cả,” ông William nói khô khan.

“Bertha, chị đừng có khóc. Nhà của tôi đây thì cũng như là nhà của chị.”

Bà Elinor vừa nói vừa vỗ vỗ vào vai mập mạp của bà Bertha.

Ông William nhìn vợ sững sốt. Vợ ông đang thuyết phục bà Bertha. Bà hứa cho ở đời ở kiếp trong nhà mình một bà già cố chấp, vừa tốt bụng lại vừa có tật xấu, lâu nay bà ta vừa phục tùng lại vừa ương ngạnh.

Bà Elinor nói:

“Anh William, dù sao thì chúng ta cũng không thể đuổi bà Bertha ra đường.”

“Đúng thế!”

Đó là một trong những khó khăn của đời sống. Những người già cả, những người nghèo khó, những kẻ ốm đau, những người còn trẻ, và ngay cả một con vật, cũng không được bỏ ngoài đường, dù nó đã làm cho chúng ta khó chịu đến mấy. Nó phải được che chở dưới mái nhà của chúng ta.

Đúng vào lúc ấy, Edwin về đến, làm cho ông bà bớt lo nghĩ, nếu không muốn nói là lên tinh thần. Người con trai thứ này của ông ăn mặc chỉnh tề, vẻ mặt hân hoan. Ông nắm được giá trị của con ông, khuôn mặt anh bình thản, đáng vẻ trí thức, tự chủ, là những đức tính ít thấy nơi một thanh niên còn rất trẻ đến thế.

Ông bảo vợ:

“Hôm nay chúng ta đưa Edwin và Vera đi thăm Jessica luôn thế,” ông nói vắn tắt, và Edwin gật đầu ưng thuận.

“Điều này đối với con có vẻ kỳ cục, nhưng con thích đến đó. Con rất mến Jessica. Nếu cô ấy muốn bỏ Herbert, thì cô có thể đến ở với con và Vera khi chúng con đã thành gia thất.”

Bà Elinor mừng rỡ, vỗ tay:

“Vera đã quyết định thật rồi, hả con, Edwin?”

“Thưa mẹ thật rồi. Chiều hôm qua. Cô ấy muốn giải quyết dứt khoát cho xong để hôm nay về đây.”

“Ôi con yêu quý,” bà dịu dàng nói.

Từ khi con trai bà đã khôn lớn, bà không mấy khi ôm hôn con. Nhưng lần này, bà bước tới đưa con đáng tin cậy của bà và hôn vào má anh:

“Mẹ thật sung sướng, mẹ rất thương Vera.”

Edwin đỏ mặt. Mắt anh ta sáng rỡ. Anh ôm hôn mẹ, lòng dạt dào thương yêu. Anh bình tĩnh nói, giọng run run:

“Cô ấy cũng yêu mến ba mẹ hết lòng. Con đưa về cho ba mẹ thêm một cô con gái nữa đấy.”

Trong nỗi hân hoan đoàn tụ, Jessica đã bị quên lãng. Họ để Edwin đi tìm Vera ngay.

Bà Elinor vui vẻ nói:

“Bây giờ, phải đợi đến mai mới đi thăm Jessica được. Lễ thành hôn của Edwin sẽ làm ở đâu? Em nghĩ, hai đứa muốn làm tại Manchester, nơi nhà thờ Anh giáo.”

Ông William nói đùa một cách khoan khoái:

“Trừ khi cha của Vera muốn làm lễ cưới tại ngân hàng của ông ấy!”

Một đám cưới hạnh phúc là điềm tốt cho cả gia đình, một đám cưới trẻ trung và hạnh phúc như đám cưới của hai ông bà trước đây, dường như nó vẫn còn tiếp tục hạnh phúc, dù tuổi thanh xuân của họ có qua đi. Một sự nùng ấm bất ngờ tràn ngập cõi lòng ông. Ông quay lại, ôm vợ và hôn lên môi bà một cách say đắm.

“Kìa, anh William, tại sao...”

“Bỗng nhiên anh nhớ lại thời xuân trẻ,” ông đáp.

Bà chỉ do dự một chút, rồi buông thả, đắm đuối trong cánh tay của chồng, hôn ông đáp lại, tuy không quá hăng say, nhưng hoàn toàn thỏa hiệp.

\*\*\*

Sáng hôm sau, sau điểm tâm, Edwin và Vera chuẩn bị đi thăm Jessica. Trái với Susan, Vera thích dậy sớm, đi dạo với Edwin. Vera tươi mát như một nụ tầm xuân mới nở, tóc vàng láng mượt, hai má hồng hào, nước da mịn màng, cô là hiện thân của một loại con dâu mà ông William mơ ước. Ông cũng hình dung ra cô là loại đàn bà rất thích hợp cho Edwin, một người vợ thành thật, trung tín, cương nghị, khá đẹp để vui lòng chồng mà không quá đẹp để gây nên phiền phức.

Cái áo dài màu xanh của cô cắt may thật khéo, thật vừa vặn sát sao với thân mình cô, tuy đắt tiền nhưng thật bền. Tất cả cái gì với Vera xem ra cũng bền bỉ. Không có gì phù phiếm trong thái độ của cô. Tuy mới hứa lời với Edwin chiều hôm qua, nhưng cô đã có dáng vẻ của một người vợ hiền. Ông William vui mừng thấy con trai mình xứng đôi với Vera. Vera là một loại



kim khí tinh ròng, đáng được trao gửi vào bàn tay của những người trung chính như con trai ông. Họ rất xứng đôi, đó là lời khen có giá trị nhất để tặng họ.

Họ lên một chiếc xe hơi cũ, màu xám, loại xe dùng ở đồng quê như họ thường gọi. Edwin lái xe, khoảng nửa giờ sau xe tách khỏi xa lộ phẳng phiu để vào một con đường đất đầy bùn và vết bánh xe. Họ chạy tiếp mấy dặm đường, băng ngang qua một ngọn đồi thấp, nhìn xuống một thung lũng rộng mênh mông. Herbert và Bertha đã tiễn họ ra xe. Bà Bertha rưng rưng nước mắt, còn Herbert thì trình trọng chỉ dẫn cho Edwin lái xe đến một ngã năm hình ngôi sao, có năm con đường mà trừ anh ta, bất cứ ai cũng có thể nhầm lẫn.

“Cậu cứ chọn con đường nào xấu nhất mà đi. Tôi đã vận động hết sức để họ cho sửa chữa, nhưng thành phố bao giờ cũng kêu là hết tiền.”

Con đường xấu dễ phát hiện, họ rẽ qua mà không sợ nhầm lẫn. Họ cho xe chạy thêm năm dặm nữa thì đến ngay trước ngôi nhà Herbert đã tả.

Từ cửa sổ xe hơi, ông William la lên:

“Coi chừng con vật khốn nạn! “

Con chó đã bị xích lại. Họ thấy ngay hình dáng dềnh dàng đen xì của nó. Nó bò ra khỏi chuồng, chồm lên gầm gừ, căng thẳng sợi dây xích. Nó sủa vang dội đến cả núi đồi.

Ngay tức thì, Jessica mở cửa và ra đón họ. Cô ăn vận ngộ nghĩnh. Người ta thấy ngay tình trạng sức khỏe của cô. Cô bận một cái váy rộng bằng len mềm, bên ngoài khoác cái áo vét tiếp màu, che giấu các đường nét của thân mình cô. Cô gầy đi, đôi mắt xanh biếc đã đổi màu thiên thanh, nụ cười mỉm cũng gượng gạo khi cô bắt tay chào hỏi.

Cô kêu lên với một giọng thật êm ái:

“Quý hóa quá, ông bà và cô cậu đến thăm tôi. Tôi cảm thấy các vị như những người thân thích của tôi.”

Cô bước tới. Bà Elinor ôm lấy cô như có gì ở trong lòng thúc đẩy bà làm như thế. Còn ông William thì chẳng hiểu sao lại đưa cả hai tay ra nắm lấy tay cô. Vera và Edwin đứng một bên chờ đợi.

“Cậu Edwin!” Cô ta ngập ngừng nói.

“Cô còn nhớ Vera không?” Edwin hỏi.

Jessica ngắt lời:

“Tôi còn nhớ cô ấy rất rõ. Cô đã đến đây, thật quý hóa quá!”

“Chúng tôi sắp cưới nhau,” Edwin đột ngột nói.

Jessica có vẻ bối rối, gần như phật lòng.

“Cô cậu lấy nhau,” Jessica do dự, rồi mỉm cười dịu dàng “Đúng rồi, tôi quên mất là cậu đã trưởng thành, cứ tưởng cậu vẫn còn là một cậu con trai...”

Đôi mắt xanh dịu hiền của Jessica dừng lại chốc lát trên gương mặt của Vera như có vẻ hồi tiếc.

“Cô mấy tuổi nhỉ?”

“Kém Edwin một” Vera đáp, thản nhiên.

Jessica kêu lên dịu dàng:

“Thế thì hợp lý lắm. Trẻ hơn thì hay hơn, đừng quá, độ một năm thôi. Nhưng mà, mời vào chứ, mời vào!”

Họ chẳng biết nghĩ sao về thái độ của Jessica. Cô ta như cố tạo ra một sự hấp dẫn trong tất cả những gì cô nói, cô làm, hai bàn tay mềm mại luôn cử động, hết sờ cổ lại sờ tóc, miệng tươi cười, gương mặt rạng rỡ, chốc chốc trong đôi mắt xanh lóe lên một tia sáng long lanh. Dường như cô là một kẻ xa lạ, đến từ một nơi chốn không ai biết, phong tục khác với họ, có những tư tưởng mà họ không hiểu, dù cô nói tiếng nói của họ.

“Mời vào, mời vào!” Cô lặp lại, vẻ xuất thần.

Cô đưa họ vào nhà, vốn là một nông trại, nhưng đặc biệt khác với những gì ông William đã tưởng tượng. Cửa vào đưa đến hành lang, từ đó lên gác bằng một cầu thang rất dốc. Hai gian phòng thường lệ mở ra hành lang. Phòng khách bên mặt, phòng ăn bên trái. Họ vào phòng khách, và William ngó quanh một vòng, toàn cảnh xem ra quen thuộc với ông. Ông bỗng hiểu ngay nguyên do. Jessica, theo cách riêng của cô ta, con người khác lạ ấy tìm cách mô phỏng phòng khách của tòa nhà lớn. Cô đã treo một tấm gương soi giữa hai cửa sổ đối diện với cửa lớn. Hai mảnh gỗ ghép lại thành một cái bàn viết, bắt chước cái bàn gỗ hồ đào của ông William, và hai cái kệ sách nhỏ, cũ kỹ, đặt ở hai đầu phòng. Trên lò sưởi cũng có những hình bé tí bằng

sứ, loại sứ Saxe, nhưng không phải thứ thiệt. Ông William và bà Elinor đưa mắt nhìn nhau, ngỡ ngàng và thương xót.

Bà Elinor nói:

“Một căn phòng đẹp!”

“Con không thích tấm thảm này. Loại này rẻ tiền. Tấm thảm con muốn mua giá đến hai trăm đôla, nhưng Herbert cho là nó quá đắt đối với chúng con.”

Jessica cười, hai mắt bỗng lạnh như kim cương. Cô nói tiếp:

“Con chờ đợi, con không còn làm khổ mình vì những chuyện như thế nữa. Ông bà có muốn lên xem phòng của chúng con không? Nhà bé quá, thật vậy, nhưng chúng con định cất một cái lớn hơn, cái này để cho tôi tớ ở. Con đã chọn một vị trí trên đỉnh đồi rồi.”

Cô vệt những tấm màn cửa bằng vải sa ở giữa những tấm màn lớn bằng nhung xanh nhìn ra ngọn đồi.

Bà Elinor nói:

“Tôi đến đây là để thăm cô, không phải thăm nhà. Cô ngồi xuống đây đi, Jessica.”

“Chúng con xin phép ra ngoài đi dạo một chút,” Edwin nói. Anh và Vera còn đứng, chưa ngồi.

“Ở kìa, Edwin. Hai con phải ngồi lại. Mẹ không có gì phải giấu hai con, có phải như thế không, không bao giờ.”

Edwin bỡ ngỡ, ngồi xuống. Tất cả đều đã ngồi xuống, bối rối bởi cái không khí không thực này.

“Chừng nào em bé ra đời?” bà Elinor hỏi cách bình thản.

“Thưa bà, con cũng chẳng biết nữa,” Jessica đáp, gương mặt ngời sáng vẻ thơ ngây, cô nhìn họ với đôi mắt rạng rỡ “Thưa bà, con không nghĩ đến điều đó. Có con thật vô ích. Những đứa con này sẽ đẻ những đứa con khác, và những đứa con khác lại đẻ những đứa khác nữa. Để làm gì cơ chứ? Ở đây có gì để cho chúng nó đâu? Không có đường đi dạo. Không có cửa hàng buôn bán, không có rạp cinema, không có các tủ kính trưng bày bánh ngọt, không có gì để cho chúng vui chơi, vì vậy con đã không nghĩ đến...”

Bà Elinor ngắt lời:

“Mẹ cô có bảo tôi rằng: các người lục đục với nhau.”

Jessica đưa hai bàn tay lên trời. Hai bàn tay của cô thanh mảnh, trắng muốt, với những móng sơn hồng.

Ông William tự hỏi, thế thì ai rửa chén bát, ai đánh ván sàn, có thể là Herbert, hẳn vô cùng tỉ mỉ, hay là bà Bertha đã làm khi họa hoãn bà về thăm con? Nhưng bây giờ thì bà ta đã bị cấm!

“Dạ không, con không cãi cọ gì với mẹ con hết,” Jessica cãi “Con chỉ nói là từ nay con không muốn nhìn thấy mặt bà nữa, chỉ thế thôi.”

“Cô ở nhà của bà mà!” Ông William gay gắt nói.

“Chỉ ở tạm cho đến khi cất xong ngôi nhà trên đỉnh đồi” Jessica nói cách phẩn khởi “Khi đó, ngôi nhà này chỉ để cho bọn tôi tở.”

“Thế còn mẹ cô?” Ông nghiêm khắc hỏi.

“Ồ, không. Con sẽ không bao giờ nhìn mặt bà nữa...” Jessica nghiêng mình về đằng trước, hai má ửng đỏ “Con nghĩ là ông không bao giờ hay biết, thưa ông Asher. Mẹ con đánh đập con kinh khủng. Bà ác độc quá chừng!”

“Jessica, tôi không tin. Suốt bao năm bà ấy ở trong nhà tôi, tôi chưa từng nghe ai phàn nàn bà như thế.”

“Bởi vì ông ở trên nhà lớn” Jessica nói, không ngừng nghỉ do bị đè nén ở tận đáy lòng. Hai mắt cô mở lớn, mi mắt run rẩy, cô nhìn hết người này đến người nọ. Lời cô nói xô đẩy nhau tuôn ra, phát âm rành rọt, từng lời từng chữ rơi xuống như một ngọn thác pha lê “Mẹ tôi đánh tôi và đưa bàn tay to tướng của bà bịt miệng tôi lại, không cho tôi la... Bà đánh đến độ xương tôi kêu lên răng rắc mà cha tôi không làm gì được. Ông đứng như trời trồng, hai tay vịn chéo vào nhau, quỳ gối xuống đất, không nói tiếng nào, vì sợ gia đình ông chủ nghe được. Trong khi đó bên kia cánh cửa của nhà bếp, trên ngôi nhà lớn, các người ngồi hưởng sự giàu có và an toàn, đang khi tôi bị đánh đập, đánh đập trong câm lặng...”

Tấn kịch kinh khủng đã được Jessica trình bày với họ một cách mạnh mẽ, hùng hồn đáng sợ. Cô ta như lên cơn, run rẩy, hai mắt trợn trừng, hốt hoảng, tiếng nói rít lên như tiếng cao nhất của cây vĩ cầm.

“Tôi không thể nào tin được,” bà Elinor nói.

“Ôi, bà không bao giờ có thể tin được. Không ai trong các người có thể tin được, trừ Edwin. Edwin yêu quý của em...” cô ta quay lại và toàn thân như giãn ra, cô ngó Edwin một cách yêu thương thăm thiết. “Anh biết điều đó, phải không Edwin? Em đã nói cho anh nghe tất cả. “

Edwin ngó cô ta chăm chăm, rồi nói một cách rõ ràng:

“Cô nói gì, tôi không hiểu.”

“Nhưng có mà, anh biết, Edwin yêu quý của em.”

Cô ta vươn bàn tay nhợt nhạt về phía Edwin, chớp nó lại và nói:

“Anh đừng sợ, Edwin. Anh phải nói điều đó cho vợ anh, và em sẽ nói cho Herbert biết. Em đã ấp ủ điều bí mật lạ lùng này cho đến bây giờ, nhưng sau cùng cũng phải nói cho Herbert biết.”

“Jessica!” Ông William nghiêm khắc kêu lên khi thấy gương mặt của con ông kinh hoàng.

Chẳng để ý gì đến lời ông William nói, Jessica trâng tráo, ngọt ngào, thông thả nói ra mỗi tình huống tượng của cô ta.

“Edwin, anh không nhớ sao? Edwin! Anh quên được sao? Anh có nhớ cái ngày đẹp đẽ nhất mà chúng ta đã sống chung với nhau tại khách sạn New York không? Em đã gặp anh tại đó. Anh cũng biết, đó là ngày tốt đẹp duy nhất của đời em. Ồ, anh đừng sợ, anh hãy nhớ lại...”

Edwin vụt đứng dậy. Anh quay về phía Vera, mặt xanh như tàu lá:

“Vera, anh thề với em, anh chẳng biết cô ta nói gì...”

Vera cũng đứng lên, nàng nói:

“Em tin chắc anh không biết điều đó.”

Nàng đặt bàn tay lên cánh tay của Edwin và nói tiếp:

“Chúng ta hãy ra ngoài đợi.” Mặt nàng cũng xanh ngắt.

Chàng và nàng đi ra, bà Elinor nhìn theo, còn ông William thì rụng rời sững sốt, liếc nhìn vợ ông, rồi ngó Jessica chăm chăm. Jessica mỉm cười dịu dàng, hai mắt nhìn xuống đất, nhưng cô chẳng thấy gì.

“Tội nghiệp cho Edwin!” cô ta dịu dàng nói “Anh ấy không đủ can đảm để nói lên là anh còn nhớ. Nhưng con, con chẳng bao giờ quên, chẳng bao giờ! Cuối cùng, chính con đã từ chối, thừa bà Asher. Con biết gia đình bà sẽ không chấp nhận con. Và như thế thì làm sao con có thể sống với mẹ con

trong nhà bếp được? Con có thể từ bỏ mẹ con, điều này có thể lắm. Nhưng con đã từ bỏ mối tình của con. Bây giờ con mới biết thế là hỏng. Tình yêu đưa ta đến đâu, ta theo đến đó. Con đã mất tất cả, trừ cái ngày huy hoàng ấy, cái ngày duy nhất mà con đã sống với anh ấy. Bây giờ thì con sẽ không bao giờ nhìn lại mặt mẹ con nữa.”

“Jessica, cô nói láo.” Ông William bảo “Cô biết là ngày ấy không bao giờ có! - Giọng ông đanh lại để cắt đứt sự hào hứng của Jessica.”

“Ồ không, không. Con nói thật,” Jessica nói, giọng dịu dàng nhưng quyết liệt. Hai tay cô ấp lên ngực, và thêm, “Nó ở đây, mãi mãi.”

“Chúng ta về đi thôi, William!” bà Elinor nói “Bà đứng lên, không đưa tay ra bắt - Jessica, tôi cũng chả tin, chả tin một chút nào những gì cô nói. Nhưng đừng bao giờ kể lại cho ai nghe những lời láo khoét như thế nữa. Tôi sẽ bảo Herbert rằng cô bệnh nặng, hoặc là cô rất độc ác. Tôi tội nghiệp cho Herbert và mẹ cô, cả hai người. “

Bà đi ra khỏi phòng khách, và ông William đi theo. Ông quay đầu ngó lại và thấy Jessica còn ngồi, hai tay còn ấp lên ngực, miệng mỉm cười, dường như cô ta không thấy họ ra đi. Có cái gì rất bất thường ở đó.

Ở bên ngoài, bốn người lên xe và ra đi trong im lặng. Có gì phải nói? Cô Vera nghĩ gì, và Edwin có gì trong tâm trí của anh ta? Bà Elinor có đôi chút nghi ngờ con trai của bà, mặc dù anh ta đã phủ nhận. Các bà thường không tin tưởng mấy ở người đàn ông. Ông William tự nhủ, trong cái vòng lẩn quẩn không lối thoát này, không sao có được bình an trên quả đất, bao lâu còn có hạng người như Jessica để gieo rắc sự bất hòa. Jessica chỉ là một người đàn bà không đáng kể, nhưng vẫn là nguồn gốc tuôn ra những bất loạn và khốn khổ cho họ.

Đi được một dặm đường, Edwin đột ngột thắng xe ngừng lại. Anh ta quay người lại đối diện với cha mẹ anh ngồi ở băng sau. Anh nói:

“Con hết sức ngạc nhiên, đến nỗi chẳng biết nói gì. Đây hoàn toàn là một sự tưởng tượng, con chẳng hiểu gì về những điều cô ta nói cả.”

Bà Elinor ngăn anh lại, hỏi:

“Hôm ở trong đại sảnh, cô ta đặt hai tay trên vai con, cô ta đã nói gì với con?”

Edwin sững sờ hỏi lại:

“Hôm nào? Cô ta có tật làm như thế từ hồi chúng con còn nhỏ, và con thường tìm cách lẩn tránh.”

Bà Elinor lại nói gay gắt:

“Tại sao con không bảo cô ta dẹp cái thói đó đi?”

“Con sợ mếch lòng cô ta. Mẹ thường bảo con tránh làm mếch lòng người khác! “

Vera ngồi lặng thinh, cúi đầu.

Ông William chậm rãi hỏi:

“Con có nghi là cô ta si tình con không?”

Edwin đáp, giọng run run:

“Không bao giờ con nghĩ đến một chuyện như vậy, nghe ghê tởm làm sao!”

Edwin đột nhiên nhìn họ, hốt hoảng:

“Nhưng quá quý, làm thế nào tôi chứng minh là cô ta nói dối đây, nếu các người không tin tôi, vậy thì ai tin?”

Vera quay qua nói một cách chững chạc, rõ ràng:

“Em, em tin anh!”

“Ôi, Vera!” và tiếng anh tắt nghẹn.

“Tất cả chúng ta đều tin con, Edwin,” ông William nói một cách quả quyết. “Ba cho là Jessica đã mất trí. Cô ta tưởng tượng ra như vậy. Có thể cô ta lấy mộng làm thực. Tốt hơn là chúng ta nên quên đi tất cả.”

“Chắc phải vậy thôi,” bà Elinor nói. Bà ngồi thẳng lên, đặt một tay lên vai con trai và bảo, “Điều này chẳng can hệ gì đến con, Edwin ạ. Mẹ sẽ bảo Herbert và Bertha. Bây giờ con hãy lái xe đưa chúng ta về nhà.”

Chiếc xe lại chạy đi, mọi người đều im lặng, nhưng ai biết trong đầu óc Edwin và Vera có cái gì, đang khi họ ngồi ở ghế trước? Đã từ lâu ông William có kinh nghiệm rằng, cách để giải quyết điều không giải thích được, là đừng để ý đến nó cho đến khi nó trở thành giải thích được. Tiềm thức hoạt động dưới thói quen hằng ngày, may thay con người cần ăn, cần uống, cần thở khí trời trong sạch, cần ngủ nghỉ, và trên hết, cần làm việc. Biết bao

chuyện điên rồ có thể nảy sinh nơi con người, nếu ta không bị bắt buộc phải làm một việc gì cho thân xác có ăn có mặc.

Ông tự nhủ, khi về đến nhà, ông sẽ giải thích sự việc Jessica cho vợ ông nghe theo cách đó.

“Em không tin chính vì lười biếng mà Jessica hóa ra như vậy sao? Cô ta đã quá rảnh rỗi từ lâu rồi!”

“Cô ta sẽ ít nhàn hạ hơn, nếu cô ta chăm sóc gia đình cô ta đúng mức,” bà Elinor đáp khó chịu. “Herbert có nói với em là Jessica không muốn giặt giũ nữa, nên anh ta phải thuê người đàn bà láng giềng làm thay. Anh còn nhớ Herbert đã mua cho cô ta đến hai cái máy hút bụi? Còn hơn cả anh nữa đấy, William!”

Bà nhìn chồng, đôi mắt long lanh trên cột.

“Herbert là một thằng đần,” ông William nói.

Sự điên rồ của Herbert còn có thể bùng ra lớn hơn. Bà Elinor còn bảo: Jessica nói gì, Herbert nghe nấy. Ban đêm, cô ta kể lể những điều ghê tởm, thế là sáng mai hẳn nhìn bà Bertha với đôi mắt khiến bà ta đâm sợ. Bà Bertha đã kể cho bà nghe chiều hôm qua.

Bà Elinor trả lời chồng:

“Jessica quá thông minh đối với Herbert. Hẳn tin cô ta vì cô ta nói tiếng Anh trôi chảy, còn hẳn thì hoàn toàn thất học. Đôi khi em nghĩ, cho họ cuốn gói đi nơi khác là hơn. Thời gian họ ở đây chẳng có gì đáng kể.”

“Phải chờ cho Jessica sinh xong đã,” ông William nói.

Sau một lúc suy nghĩ, ông lại nói thêm:

“Họ làm việc cho mình tận tụy hơn bao giờ hết. “

Chưa bao giờ Bertha nấu nướng ngon lành hơn dạo này, và Herbert tự nguyện đánh cả giày cho anh nữa.

Thế là họ chờ cho Jessica sinh con.

Vera ở chơi một tuần, và không ai còn đề cập gì đến Jessica nữa. Vera bình thản lập chương trình cho lễ thành hôn của hai người. Trước lễ thành hôn định vào tháng chín, nay đôn lên đầu tháng bảy.

“Edwin cần con,” Vera nói một cách đơn sơ, đôi mắt xanh ánh lên vẻ trầm tĩnh.



Ông William cảm thấy Edwin như còn có gì rối rắm trong lòng, ông liền đề nghị, sau tuần trăng mật thử đến tập sự tại văn phòng luật sư của ông, sau một vài năm sẽ vào trường luật trở lại.

“Để biết chút ít trước khi trở lại trường luật,” ông nói, “điều đó chẳng có hại gì cho con.”

Trong thâm tâm, ông thầm nghĩ, cưới vợ xong, để cho Edwin tự kiếm sống bằng công sức của mình một thời gian cũng là điều tốt. Như thế, gia đình họ đoàn kết lại để bù vào sự thất thố do Jessica gây nên.

## IV

“**B**ao giờ Jessica sinh con?” Bà Elinor hỏi bà Bertha.

Bà Bertha lúc lắc cái đầu đồ sộ của mình và nói với vẻ cố chấp:

“Tôi chả biết gì hết. Chúng nó có nói gì với tôi đâu.”

Ngày xưa nhà bếp thật là niềm nở, bây giờ biến thành nơi thù nghịch, cô đơn. Herbert tự dọn bữa cho mình và ăn nơi phòng việc.

Khi bà Elinor hỏi Herbert, anh ta cũng lắc đầu và trả lời thối thác:

“Các bác sĩ ngó bộ cũng chẳng biết gì. Ngày nào cũng được, con nghĩ là trong tháng này thôi.”

Nhiều tuần lễ trôi qua mà chẳng có gì xảy đến. Nhưng vào một buổi sáng, Herbert vắng mặt trong giờ điểm tâm. Một cú điện thoại hơi muộn của anh gọi đến cho biết lý do. Anh ta hét trong máy:

“Jessica chuyển bụng. Con đang ở nhà thương. Sinh khó, con tưởng đã phải mất cô ấy. Một bé gái. Ông bác sĩ bảo: Jessica sẽ tuyệt sản. Ông ta đang làm những gì cần thiết cho cô ấy.”

“Herbert, thế thì buồn quá!” Bà Elinor kêu lên.

“Có sao đâu, thưa bà,” Herbert đáp lại.

Bà Elinor nghe như anh ta đang lau mồ hôi, thứ mồ hôi tươm đầy trên mặt, trên cổ, bất kể mùa hạ hay mùa đông; đó là do tình cảm, không liên quan gì với nóng hay lạnh. Và anh ta nói thêm:

“Chắc con sẽ vắng mặt vài ngày.”

“Anh đừng ngại điều đó,” bà Elinor nói.

Thật sự bà cảm thấy nhẹ người. Bà đặt ống nghe xuống và đi vào nhà bếp. Bà Bertha đang lom khom dọn lò.

“Bà Bertha,” bà Elinor nói cách lịch sự “Herbert vừa gọi điện cho tôi. Bà có một đứa cháu gái rồi, chúc mừng bà.”

Bà Bertha khóc rống lên:

“Nó chẳng làm cho tôi vui chút nào!”

“Có chứ!” bà Elinor nói, lòng đầy thương hại – Để nó lớn lên tí chút, Herbert bỗng nó đến đây cho tôi, bà sẽ thấy nó.

“Herbert không đồng ý đâu.”

Bà Bertha nói lầm bầm, giọng nghẹn ngào vì nước mắt. Bà cố chun vào thật sâu trong lò, để có thể dọn đến tận các góc, và tiếng bà nghe ở ngoài ồm ồm. Bà thêm:

“Ngay cả bây giờ, Herbert cũng ghét tôi thậm tệ.”

“Ôi, Bertha!” bà Elinor nói, mất kiên nhẫn.

Bà ra khỏi nhà bếp và suốt ngày không nói với bà Bertha tiếng nào nữa. Bà chờ chồng bà về. Bà nói với ông:

“Họ nhất định thù ghét nhau. Tội nghiệp cho con bé mới sinh.”

“Lại một đứa con gái nữa!” Ông William nói, vẻ suy tư.

\*\*\*

Ông William cảm thấy vững tâm, vì đến ngày đám cưới của Edwin thì bà Bertha và Herbert tỏ ra phục vụ rất đặc lực, họ phải hợp tác với nhau trong công việc. Winston và Madge kéo về với lũ con của họ. Susan từ trường về vào chiều hôm trước ngày cưới, có Peter đi theo.

Tòa nhà lớn đầy người và không còn thì giờ để lo đến bên ngoài nữa. Ông William cảm thấy thoải mái, một ân huệ ông đáng được, sau khi đã đạt được kết quả tốt trong những phiên tòa hình sự trong thành phố. Ba tên tòng phạm ông đã bào chữa theo tư cách là công dân, không phải theo giá trị luân lý, đã được tạm tha có thể chân, đã được đánh giá là nhẹ tội hơn tên cầm đầu của chúng, một tên giết người, đang giam giữ nghiêm ngặt chờ ngày lên ghế điện. Ông William đã hướng dẫn bắt được hẳn nhờ sự điếm chỉ của một tên quan trọng nhất trong ba tên. Ông William đã quả quyết với chúng rằng ông sẽ không nhận bào chữa chúng, nếu thái độ của chúng không thành khẩn.

Bây giờ ông phải quên đi những tên tội phạm, và đắm mình trong đức hạnh của các thành viên trong gia đình. Tiết trời đang trong tháng sáu, các cửa lớn và cửa sổ của tòa nhà đều mở rộng, và các cháu ông chơi đùa vui vẻ bên ngoài. Ông vừa lòng nhận thấy Winston và Madge yêu thương nhau thăm thiết, và ông cũng vui lòng về việc Madge ráng đến dự lễ cưới của Edwin, mặc dù đã cận ngày sinh đứa con thứ ba.

“Nó sinh đâu mà chả được!” Madge nói cách vô tư lự, và cười toáng lên “Sinh đây lại càng ngộ hơn chứ, sinh ngay trong nhà của ông nội...”

Ông William chỉ mỉm cười, ông muốn các cháu ông sinh ở nơi khác hơn. Thời tiết tuyệt vời. Edwin từ đại học về mang theo thành quả làm vui lòng cha mẹ. Theo nhận xét của ông William thì giữa con trai ông và Vera, không có gì đáng ngại. Đúng giờ đã định, cả gia đình đưa nhau đến Manchester để dự lễ thành hôn vào lúc hai giờ chiều.

Không, giữa hai đứa không có áng mây mù nào cả. Edwin bình tĩnh đi vào lòng thánh đường với Winston phù rể đi kèm. Hiện tại, không có đôi thanh niên nam nữ nào đẹp hơn, ông William tự nhủ. Vị chủ tế tiến lên, mặc lễ phục theo chức vụ, dương cầm thổi nhạc, và từ bản nhạc êm dịu, chuyển qua bản *Hành khúc hôn nhân*, long trọng và vui tươi, báo cho mọi người đứng lên. Chỉ có mình dì Emma, bị bệnh thấp khớp, phải ngồi luôn nơi hàng ghế đầu cạnh bà mẹ của Vera.

Một lần nữa, ông William tham gia vào cuộc diễu hành không dứt của đời sống, một đám rước cảm động và nghiêm trang: Các cháu của ông tung những cánh hoa hồng trên lối đi của đoàn người, Susan mặc áo dài mousseline màu vàng kim, với tư cách là phù dâu chính, nhiều người khác đi tiếp theo, mặc áo dài màu hồng, màu ngà, và sau cùng là cô dâu bận áo cưới toàn trắng, thật tươi trẻ, tay đặt lên cánh tay của cha nàng. Ông bà William đi ngang qua, nhưng lần này ông xúc động còn sâu xa hơn, vì Vera chẳng chịu tin con trai ông đã làm điều gì xấu, nàng vẫn còn đứng bên chàng, vững tin vào lời chàng nói, thật là một cô gái cao thượng, sẵn sàng trở thành một người vợ cao thượng.

Dù vậy, ông vẫn hơi cảm thấy xao xuyến, vì nét mặt xanh xao của Vera giống như các pho tượng. Trắng như đá cẩm thạch, nàng tiến lên chậm

chậm, không ngó lên, cũng không tìm gặp đôi mắt nòng nài của Edwin. Quan sát con trai mình, ông William tự hỏi, có sự lo lắng nào nơi gương mặt trịnh trọng ấy? Những lời nói bịa đặt của Jessica có thể đã hủy hoại cái gì đó nơi đôi trẻ? Cho dù có ít nhiều sự thật ẩn tàng bên trong, ông William cũng chẳng phiến trách con trai ông. Một đứa trẻ quá chóng lớn, trước khi thực sự trưởng thành, nó có quyền được khoan thứ ít nhiều.

Ngay lúc ấy, ông William ân hận nhớ lại một biến cố trong đời mình. Chính ông, William Asher, si tình cô Elinor, đã phải thú nhận, trong tuần lễ trước ngày thành hôn, ông đã ngu muội để một số bạn bè lôi cuốn vào một nhà thổ gần Cambridge, cách xa đại học Harvard. Điều ông không dám nói ra là bà cũng có phần trách nhiệm. Chính bà đã đòi hỏi kéo dài thời kỳ hứa hôn, mặc dù ông luôn có ít nhiều dè dặt, ngày một nôn nóng hơn, càng xa ngày cưới, càng sợ mất tự chủ nơi mình và xúc phạm đến Elinor. Trong bước đầu ân ái, làm sao giải thích nổi những việc làm xấu xa đó với một người con gái còn băng tuyết đường ấy... Kinh nghiệm của ông William khá bần thiêu, ông đã trốn ra khỏi nhà thổ sớm và một mình. Dù thế cũng phải thú nhận mới yên. Elinor đã nghe William nói, cô cũng trở nên xanh mét như Vera bây giờ, và trường hợp ấy hoàn toàn vô phương cứu chữa. Kỷ niệm của lần tha thứ ấy, cái giây phút nhục nhã ấy, đã quên mất nhiều năm, bỗng dưng trở lại trong tâm trí ông, và ông càng bức dọc vì chẳng bao giờ dám nói với vợ là bà cũng có phần trách nhiệm trong sự tui hổ đó.

Ông William cảm thấy buồn cho con. Ông tự hỏi, mình có thể nói một tiếng với con không, để nó đừng có vin vào một lý do gì mà xin lỗi Vera, vì điều đó chỉ làm tăng thêm nghi ngờ của vợ trong trường hợp Jessica có nói ít nhiều sự thật.

Ông chợt bừng tỉnh khỏi nỗi suy tư ấy. Đang khi đôi trẻ sắp sửa đọc lời thề hứa, lẽ nào cha của họ lại tỏ ra bất công với Edwin, và dường như công nhận là Jessica đã nói thật chứ không nói dối, như những người đàn bà đôi khi bày chuyện ra mà nói, vì yêu quá hóa cuồng, không sao giải thích được.

Winston lấy chiếc nhẫn từ trong túi áo vét ra, trao cho Edwin. Edwin xỏ chiếc nhẫn cưới vào ngón tay của Vera, và đọc những lời nguyện cổ xưa vô

cùng tốt đẹp, rồi cả hai quỳ gối nhận phép chúc lành, và cầu xin được giữ lòng trung tín với nhau trong suốt cuộc đời.

Ông William tin tưởng tuyệt đối vào con trai ông. Ông biết rõ bản chất của con, trung thành với bốn phận cũng như với tình yêu, nhưng Vera có sẽ đòi hỏi con ông nhiều quá, vượt quá sức của nó không? Ông buồn rầu nghĩ: Jessica đã tung một áng mây bay lượn ở trên đôi trẻ, và áng mây đó tràn đến ông là cha của họ. Làm sao biết được Vera sẽ làm gì đứa con quý hóa của ông? Ông William chỉ ý thức được điều đó về lâu về dài, nhờ vào cái dáng dấp của Edwin, anh giữ cái đầu rất thẳng, hợp với con người tự tin, tin tưởng vào sự thán phục của vợ và tình yêu của nàng. Nhưng nếu khi nào ông thấy cái dáng dấp hiên ngang ấy nghiêng ngửa, thất vọng, thì ông sẽ hiểu rằng Edwin đã thất bại và sự thanh khiết cao độ của vợ anh đã làm cho anh bị tổn thương.

Bản hành khúc hôn lễ cùng với tiếng chuông nhà thờ đột ngột vang lên, và đôi tân hôn tiến ra phía cửa mở rộng. Edwin vẫn giữ cao đầu, nhưng gương mặt của Vera thì xanh xao và lạnh lùng.

Bà Elinor không ngủ. Ông William tỉnh thức sau một cơn ngủ chập chờn. Ông thấy bên phòng của bà Elinor có ánh sáng hắt ra dưới cánh cửa đóng kín. Lâu nay cửa này thường để ngỏ để ánh sáng của ngọn đèn ngủ trong phòng bà chiếu ngang qua phòng ông. Ông William nằm ngửa, đầu hơi ngả ra sau, đó là cách ông thường nằm khi ngủ. Ông lắng tai và nghe tiếng đôi giày nhung của bà đi lại ở phòng bên. Ông nghiêng mình vừa đủ để liếc nhìn cái mặt đồng hồ dạ quang để trên bàn ngủ. Đồng hồ chỉ đúng ba giờ, cái giờ độc địa mà tất cả những lo âu thầm kín trong ngày, như những con vật ăn đêm bò ra, đến từng người để thăm thì và gieo rắc những linh cảm tai hại của chúng. Ông thở ra, trỗi dậy, mang giày vải và mặc cái áo choàng, sợi giây áo choàng bị thắt gút, ông mò mẫm tìm cách mở nhưng không được, đành bỏ luôn. Ông gõ cửa phòng bà Elinor. Qua nhiều năm kinh nghiệm, ông biết, có đôi khi bà không muốn mở cửa. Nghe tiếng gõ cửa, bà chỉ đáp “vâng” khá cao, coi như một câu hỏi lại.

“Em không ngủ sao?”

Sau một phút im lặng, bà nói:

“Vào đi.”

Ông vào và thấy bà nằm dài trên chiếc ghế nệm, quần mình trong một tấm đắp bằng lụa.

Ông lại hỏi, trong lúc nhìn bà:

“Em không ngủ được sao?”

Tóc bà vẫn vàng óng như hồi còn trẻ, và thả dài từng lọn xuống vai. Mặt bà không tô son điểm phấn, tái xanh, đóng khung giữa những lọn tóc. Ông thấy bà có vẻ mệt.

“Em chỉ nghĩ đến Vera!” bà nói.

“Sao lại Vera?” ông hỏi, ngỡ ngẩn.

“Nó có tin những gì Jessica đã nói không?”

Ông ngồi ghé xuống mé cái ghế dài và hỏi:

“Chúng ta biết làm gì được, em yêu?”

“Em đang suy nghĩ về những điều đó.”

Ông những muốn trở về phòng ngủ lại. Ông nhớ đến các giấy tờ ngày mai sẽ chất đống trên bàn viết. Ông đã quen đẩy lùi những ám ảnh nào đó trong khi chờ suy nghĩ chín chắn hơn. Nhưng bà Elinor đeo đuổi không ngừng ý nghĩ của mình, rồi khi bà đã nắm được đáp số, thì bà bám vào đó, quên mất chuyện kiếm tìm.

“Em đâm sợ những gì Vera suy nghĩ,” bà nói với vẻ dịu dàng.

Những lời nói bình tĩnh dường ấy, tuyệt đối dường ấy, qua giọng nói dịu dàng nhỏ nhẹ dường ấy của bà đã đập mạnh vào tâm hồn ông.

“Như thế, em không bao giờ quên sao? Tất cả những năm tháng ấy không nghĩa lý gì với em sao? Anh đã chưa chứng minh đủ lòng trung thành của anh sao?”

“Chắc chắn là những năm dài có giá trị, chắc anh đã chứng minh đủ cho em rồi”

“Bà nhìn ông như vuốt ve như mơn trớn, giọng nói thật thiết tha, bà lại thêm,” Nhưng Vera nó sẽ biết không?

Ông đã hiểu vợ ông đang suy nghĩ gì, và những ý nghĩ của bà về ông thật đen tối. Vera đang ở đúng vào thời điểm mà hai mươi lăm năm trước ông bà đã trải qua. Hỡi ơi, đêm nay là đêm hợp cẩn của Edwin, con trai của họ.

Ông nói như rên rĩ:

“Anh đã tưởng là tất cả những cái đó đã chết và đã được chôn vùi từ bao nhiêu năm tháng rồi!”

“Đúng vậy, nhưng anh có hiểu rằng điều đó đêm nay mới bắt đầu với Edwin và Vera không?”

“Cái đó mắc mớ gì đến chúng ta cơ chứ?”

“Chúng là con của chúng ta, và chúng ta muốn thấy chúng nó hạnh phúc.”

“Chúng ta đã được hạnh phúc. Chúng ta không tin tưởng vào con cái của chúng ta và nghĩ chúng nó sẽ tạo được hạnh phúc như chúng ta sao?”

Bà không trả lời. Bà suy nghĩ, bà dè dặt. Ông cảm thấy điều ấy. Ông nhìn qua gương mặt khép kín của bà và tự giải thích sự im lặng ấy.

Sau cùng, bà nói:

“Em nghĩ, chỉ có mình em mới hiểu thấu điều Vera cảm nhận!”

“Coi nào, sau bao nhiêu năm chung sống, còn có gì em giấu anh không?”

Họ nhìn nhau, những năm tháng biến mất, tựa hồ như có, như không. Cái gì còn lại, đó là kỷ niệm của buổi tối tân hôn. Khi nổi rạo rức trong lòng ông dâng lên đến cực điểm, ông đã thấy những giọt lệ trong đôi mắt của Elinor, vợ ông. Cô xinh đẹp biết bao, người thiếu nữ khỏe mạnh và đầy tràn sức sống, sau cùng đã là của ông. Vợ ông thật là mảnh mai, thật là tuyệt diệu. Mái tóc nàng óng vàng, xỏa ra trên gối như một vầng hào quang. Ông đã trải nó ra, hôn hờ nhìn chiều dài của suối tóc, sự mềm mại của nó, sự sống động của nó trên bàn tay mình. Ông chưa bao giờ được nhìn thấy mái tóc nàng xõ ra, chưa bao giờ được nhìn thấy đường cong tuyệt mỹ của đôi nhũ hoa, sự no tròn của vòng hông, hai chân dài thon thả và bàn chân xinh xắn của Elinor. Cũng chưa bao giờ William thấy được mắt cá chân để trần của nàng. Bị thu hút trọn vẹn vào những gì trước mắt, William run rẩy, cao hứng bởi đam mê, và phấn khởi như không tin nổi tất cả sau cùng đã thuộc về mình. Ông không thấy được những giọt nước mắt của vợ, cho đến khi ánh đèn chiếu lấp lánh những giọt lệ long lanh trong đôi mắt màu xanh lơ trên mặt nàng.

Ông giựt mình, trở về với thực tại. Ông hỏi:

“Có gì không ổn, sao em?”



“Không.”

“Có mà! “

Ông đã năn nỉ, van xin, và cố nén lại, và cố tìm hiểu, sau cùng lòi ra được sự thật. Elinor bảo, nàng không thể nào quên được. lần ái ân này không phải là lần đầu tiên của ông, mà ông đã từng có trước đó với một người đàn bà khác rồi.

Tại sao ông kể lại việc đó làm chi? Giá như ông không chân thành đến thế, ông đã âm thầm bỏ qua cuộc mạo hiểm bất ngờ này, thì nó chẳng có nghĩa lý gì hết, chỉ là trò đùa quá lố của bọn sinh viên. Ông đã bị lôi kéo vào vì phải đợi chờ quá lâu không chịu nổi. Ông đã không cưỡng nổi hành động này, nó đã làm cho ông cảm thấy ghê tởm ngay trong giây phút đó, khó nổi nhắc lại mà còn muốn quên đi. Ông đã thuật lại tất cả sự việc cho vợ ông nghe vào buổi chiều ngày hôn lễ. Lúc ấy xem chừng vợ ông đã thông cảm. Nhưng bây giờ, qua bao nhiêu năm, ông nhận thấy bà đã không thông cảm mà chắc chắn mãi mãi bà sẽ không thông cảm cho ông. Thật là một sự phạm thánh, khi cả dám xen vào cái giờ phút huyền diệu của mỗi tình đầu, giờ phút thiêng liêng thần thánh, để nói ra một sự điên rồ mà ông đã tưởng một cách ấu trĩ là phải thú thật.

“Trời ơi!” ông kêu lên “Thà anh đừng bao giờ thuật lại chuyện ấy cho em!”

“Có thật anh ân hận vì đã nói điều ấy với em không?”

“Tại vì em không bao giờ quên nó.”

“Tất cả những gì xảy ra đến giữa anh và em, em chẳng quên một điều nào cả.”

Ông lại kêu lên:

“Chẳng những em đã ghi nhớ tất cả, mà em còn chuyển lại những kỷ niệm đau buồn ấy sang cho con trai em và người vợ trẻ trung của nó...”

Ông đứng dậy, đi tới đi lui trong phòng. Cái dây thắt lưng áo choàng ông chưa tháo được gút, lại làm ông vướng víu. Ông dừng lại trước đèn, tìm cách để gỡ.

Bà đứng lên, bằng những ngón tay lanh lẹ, bà tháo gút dây và thắt lại cho ông. Xong, bà trở lại nằm dài trên chiếc ghế nệm, kéo tấm phủ giường lên

đến tận cảm. Ông để cho bà làm mà chẳng tỏ vẻ gì cả.

“Vera đã lớn lên trong một thời đại mà con người có nhiều lý trí hơn thời đại chúng ta. Chúng ta phải thừa nhận, chiến tranh đã khiến cho người phụ nữ khôn ngoan hơn nhiều.”

“Anh định nghĩa chính xác khôn ngoan là gì?”

Ông không muốn giải thích, mà chỉ miễn cưỡng nói:

“Anh muốn nói cách đơn giản là không nên đem người đàn ông và đàn bà ra phán xét bằng những nguyên tắc như nhau. Cái đó đã có từ đời ông Adam, nhưng luôn luôn còn mới mẻ.”

“Như thế là anh tin Edwin có tội?” Bà nói với một vẻ thật bình thản.

“Có tội?” ông lặp lại “Anh không biết em muốn nói gì. Nếu em muốn bảo rằng Jessica nói dối. Phải, anh tin điều đó, nghĩa là anh giả thiết là như vậy.”

“Anh giả thiết?”

“Làm sao người ta có thể biết chắc điều gì?” ông trả lời giận dữ.

Tuy bằng một hành động thiếu logic, phi lý, nhưng với tầm vóc không lường hết được, Jessica đã thành công trong việc dệt những kiến thức sơ đẳng điên khùng của cô ta thành một cái lưới xiết chặt Edwin. Nếu như William không bao giờ đặt chân đến nhà Rose Schwenk, thì Elinor không bao giờ nghi ngờ gì cả. Nếu Jessica thật sự đã nói dối, thì tại sao con trai ông lại có thể hạ mình đến thế. Nhưng bây giờ...

Tất cả mọi chuyện đã xảy ra trong năm đó, một năm đầy biến chuyển, báo chí đăng toàn những chuyện ly dị và tai tiếng trong vấn đề nam nữ, được đem ra mổ xẻ như những chuyện thèm muốn đơn thuần, không liên quan gì đến tình yêu. Nhưng tại đây, trong nhà ông, giữa thung lũng bao vây bởi núi rừng xanh ngắt này, Elinor và ông, sống giữa lòng của một quá khứ mà thế giới đã quên đi. Sức mạnh của tình yêu là thế.

Ông William quay về phía vợ, gương mặt co rúm, nhợt nhạt, hai hàm răng siết chặt, ông đưa tay ra và khẽ nói:

“Vì em, anh có thể để cho người ta giết anh chết. Anh cần lòng tin của em cũng như tình yêu của em. Anh không đành lòng phụ lòng tin của em đối với anh. Bởi vì nếu em nghi ngờ anh, thì những gì còn lại chỉ là cát bụi trên đầu anh và tro tàn trong miệng anh.”

Nét nhìn u buồn và cay đắng của ông làm cho bà đâm sợ. Sự thất vọng của ông đã cuốn hút bà. Bà đứng dậy và đến gieo mình vào cánh tay ông. Ông ôm siết bà vào lòng, và đặt má lên đầu bà trong hào quang dịu dàng của mái tóc bà. Không một lời, không một tiếng, chừng đó ít ra cũng đủ cho đêm nay, ít ra cũng đủ cho họ trong thế hệ này. Bọn trẻ tự giáo dục chúng theo cách của chúng, vì không có ai điều khiển nổi chúng. Tình yêu cũng phải được học tập lại bởi mỗi con tim, hoàn toàn mới và kín đáo.

\*\*\*

“Tôi muốn đi thăm Jessica và cháu bé,” Madge nói trong khi ăn sáng.

Cô ta ngồi giữa lũ con, như một hình tượng Đức Mẹ, rất hãnh diện có chồng ngồi bên cạnh. Bà Elinor xuống trẻ, điều ít khi xảy ra, ông William nhận thấy điều đó với lòng biết ơn, khi ông bước vào phòng ăn đúng tám giờ rưỡi. Ông không dám mở cửa phòng bà Elinor, nhưng từ bên ngoài ông không nghe có tiếng động nào cả. Mặt trời rực sáng sau một cơn mưa rào trước rạng đông. Một tiếng sét nhỏ đã đi trước. Herbert đang bận phết bơ lên bánh mì lát để nướng cho trẻ con, và Madge đã nói ý nàng với anh khi ông William đến.

“Chào tất cả,” ông William nói.

Ông ngồi xuống và nhận những cái hôn của lũ cháu nội. Được mẹ chúng giáo dục, ông tin chắc không bao giờ chúng quên ôm hôn ông nội buổi sáng, buổi chiều, và cả vào những lúc khác nữa. Madge là một người vợ và một người mẹ thích bộc lộ tình cảm, vì tin chắc đời sống gia đình được củng cố nhờ những chiếc hôn và những cách tỏ tình thăm thiết.

Ông William không thể không chiêm ngưỡng bức tranh nàng dâu lớn của ông trước mắt: một người mẹ tươi trẻ. Nhưng ông ngó lơ đi khi con trai ông cầm bàn tay nhỏ nhắn mủm mĩm của Madge, vợ anh, đưa lên áp má. Winsten rất yêu vợ, nhưng cử chỉ ấy đã làm cha anh khó chịu, mặc dù ông vui sướng về hạnh phúc của con. Madge và anh hôn hoan nhìn lũ con ôm hôn ông nội.

“Tốt lắm, các con yêu của mẹ” Madge gật gù “Các con yêu mến ông nội, nghe chưa?”

“Đúng!” Ông William nói thật tình, nhưng cũng nhận thức được sự lạnh lùng trong giọng nói của Madge, không tương xứng với lòng phấn khởi nồng nhiệt của nàng.

Herbert lẳng lặng không nói gì. Anh ta ra khỏi phòng, vừa đi vừa lẩm bầm “đem thêm thịt nướng còn nóng”, và Madge có thể chuyện trò với cha chồng một cách tự nhiên hơn.

“Ba tưởng ba phải cho cô ta thấy là ba quan tâm đến cô ta. Nói cho cùng thì Jessica đã lớn lên tại đây, và đứa bé là con đầu lòng của nó. Có thể ba giúp đỡ cho cô ta được. Thật đáng buồn là cô ta không cho bà Bertha thấy đứa bé. Chớ gì ba nói chuyện được với cô ta.”

“Ba muốn con khuyên nhủ và Bertha một chút. Nếu Jessica thấy một người bình thường như con mà làm điều ấy, thì chắc sẽ có lợi cho nó. Ba thú thật là ba không hiểu nổi Jessica.”

Ông William do dự, không biết có nên nói với Madge về chuyện Jessica đã nói về Edwin hay không. Nhưng rồi ông quyết định không nói gì về việc đó cả. Dù là người trong gia đình, cũng khó biết Madge nghĩ gì về điều đó. Ông William tin giữa hai đứa con trai của ông không thể có vấn đề ganh tị. Nhưng Vera, vợ của Edwin, dù có khác xa Madge đi chăng nữa, vấn đề ganh tị cũng vẫn còn có khả năng xảy ra. Ông William chưa từng có hai con dâu, và Madge cũng chưa từng có một cô em dâu trẻ đẹp, vóc dáng chưa bị xô xè. Ông tưởng tượng Vera sẽ không để cho xô xè, dù có sinh nhiều con, chừng đó mới có sự ganh ghét nhau. Madge thuộc về loại người sống cho con, quyết phải nuôi con bằng sữa mẹ, và ông cảm thấy xấu hổ khi nghĩ là cái đẹp của bộ ngực đàn bà quan trọng hơn phần thực tế của nó.

Ông William liếc nhìn con trai ông, ông thấy anh ta có vẻ bình thản, đầy nhiệt tình và là một người cha tận tụy. Madge đã tạo nên chàng như thế. Madge là một người mẹ trăm phần trăm, tình yêu dịu dàng và vững chắc của nàng đã thu hút những người xung quanh. Nhờ tính cương nghị, ông William tránh bị lôi cuốn. Ông yêu các cháu của ông, dù ông có bị chúng bôi bẩn mút cam lên mặt khi chúng hôn ông. Ông xem chúng như một cái gì gần

gũi với đời sống của ông. Ông đã quyết không chỉ là một ông nội đơn thuần, dù Madge có nghĩ gì cũng mặc. Ông có cảm giác, nếu con trai ông muốn làm người tình của vợ anh ta, thì anh ta phải khởi sự hôn vợ với tính cách là người mẹ của lũ con anh. Sự khả dĩ này làm cho ông William phật ý, và ông xua đuổi hình ảnh ấy ra khỏi tâm trí. Ông vội vã ăn cho xong bữa sáng, ông chỉ nêu lên một vài nhận xét, và khi con cái ông hỏi ông gì đó thì ông càu nhàu, rồi đứng dậy.

“Ba không đánh thức mẹ con. Khi nào mẹ con thức dậy, con hãy nói mẹ gọi điện cho ba.” Ông nói với Winsten khi dừng lại nơi cửa.

Ông mỉm cười từ giã các con, gửi cho các cháu một cái hôn gió, rồi vội vã bước đi.

Herbert đã đổi bộ cánh và trở thành người tài xế bất động và im lìm trước tay lái. Ông William chỉ đến Manchester, ở New York công việc nằm ỳ trong tình trạng uể oải của mùa hè. Lạ lùng mà có thật, những tội phạm của đô thị hạ thấp xuống trong mùa hè và tái diễn dồn dập trong không khí sống động của mùa thu.

Những ngọn đồi xanh mượt trông thật ưa nhìn, mặt trời chiếu sáng trên thung lũng, và ông William tự hỏi có nên trao đổi vài lời vui vẻ với Herbert không, ông tự kềm chế mình. Sáng hôm ấy, ông thấy người tài xế mỉm miệng như ngấm đê, nên ông quay mặt đi không nhìn hẳn. Ông giữ một sự im lặng bình thản, ông xua đuổi khỏi trí lòng ông những khó khăn trong giao tiếp của con người, và ông suy gẫm về những vấn đề luật pháp làm vui lòng người, ở đó tất cả đều hoạt động theo một kiểu cách nào đó, theo thói quen, và cũng ở đó người ta biết rõ mình phải làm gì. Thật là tai hại khi những nguyên tắc giống như thế không điều hành nổi tư tưởng và hành động của cả đàn ông lẫn đàn bà. Ông để ý đến các vùng phụ cận thành phố, đến sự chen lấn để dành xe buýt của đám người du lịch và các giáo sư nghỉ hè.

Herbert cho xe chạy chậm lại, rẽ qua con đường bên cạnh và cho xe đỗ trước căn nhà cũ bằng gạch đỏ, nơi ông William, nhiều năm về trước, đã đặt văn phòng luật sư của mình, và chẳng có gì có thể xua ông đi khỏi nơi đó, mặc dù không còn thân chủ ở trong vùng. Càng già, ông càng ít muốn đổi thay trong cuộc sống của ông.

Chỉ điều ấy thôi cũng đủ làm cho Jessica trở thành đáng sợ. Dù ở cách xa, con người đáng khinh bỉ này, do sự mất quân bình của nó, trí óc không được giáo dục của nó, nó gây nên một sức mạnh có khả năng hủy hoại một thế giới có lương tri và vô tội, dù có được thu hẹp lại như thế giới của riêng ông. Ông lại nghĩ đến chuyện đuổi Bertha và Herbert đi, quyết dọn sạch, cứu vãn gia đình ông thoát khỏi vòng mê hoặc may rủi mà vì tình cờ - nó bị lôi cuốn vào. Ông không hề bị mê hoặc chút nào; gia đình ông chưa xong với Jessica đâu. Nhưng theo bản tính của ông, ông chống với chuyện cho thôi việc cả đám.

Buổi sáng trôi qua một cách lặng lẽ ở văn phòng. Ông chỉ cảm thấy khó chịu vào ban trưa, khi ông thấy rõ điều ông đã cảm thấy một cách mơ hồ suốt buổi sáng, là bà Elinor đã không gọi điện cho ông. Ông gọi nhà hàng kế bên mang thức ăn trưa đến, và ông quyết định không gọi điện cho bà. Điều ông cảm thấy khó tin, là bà vẫn còn ngủ, hoặc bà không thích gọi cho ông; trong trường hợp này ông đừng nên gọi là hơn. Ông đã ý thức từ lâu rằng, nôn nóng tìm biết lý do là không đi đến đâu hết, trước khi bà Elinor tự ý muốn nói ra.

Ông để cho ngày dài qua đi, nhưng không nên để quá năm giờ. Ông ngỡ ngàng hết sức khi Winsten lái xe đến, không phải Herbert.

“Đây là chuyện bất ngờ, thưa ba” Winsten nói trong khi anh nghiêng mình mở cửa xe “Mời ba lên, ngày hôm nay thật là lạ lùng, Herbert phải trở về nhà, Madge cho như thế tốt hơn.”

Ông William lên xe, hỏi:

“Lại có chuyện gì nữa đây?”

“Madge muốn con thưa chuyện với ba, khi chúng ta một mình trên xe.”

Winsten lái xe cẩn thận giữa những đám người du lịch, mệt mỏi, đang chờ xe buýt để trở về nhà.

“Madge thương hại Jessica, nàng tưởng phải làm liều một cái gì đó cho cô ấy.”

“Tốt, tốt, tiếp tục đi.”

Sự việc được thuật lại một cách dè dặt, chỉ họa hoằn ông William mới hỏi với vẻ khô khan, rõ ràng. Madge và anh ta đã cùng đi với hai con đến nông

trại sáng hôm đó. Tất cả mọi sự đều đảo ngược. Họ gọi nhiều lần mà không ai trả lời, lại nghe có tiếng trẻ con khóc, khiến Madge không chịu nổi. Nàng mở cửa vào, thì thấy cửa không khóa. Madge nói cách cương quyết: “Winsten, anh ở đó với con. Em lên coi thử.”

Ông William ngắt lời hỏi:

“Thế con chó? Con chó đâu?”

“Lúc bấy giờ chúng con không thấy nó.”

Madge leo lên cái thang dốc đứng một cách khó nhọc. Nàng hướng về cửa có tiếng trẻ con khóc. Nàng nghe Jessica vừa khóc vừa rên rỉ. Madge tìm cách mở cửa, nhưng cửa khóa. Nàng lay mạnh cái nắm cửa và kêu:

“Jessica, mở cửa cho tôi vào, tôi là Madge Asher đây. Chúng tôi đến thăm cô đây.”

Madge nghe tiếng chó sủa và tru rất lớn. Nàng gọi lại lần nữa:

“Jessica!”

“Tôi không để chị vào được. Tôi không giữ nổi con chó” Tiếng cô ta đứt quãng vì đang khóc.

Con chó xem ra khá dữ, nên Madge do dự. Nàng xuống thang ra sân, nơi chồng con đang đợi, và thuật lại mọi chuyện.

“Em vào trong xe với con. Anh đi xem thử,” Winsten nói.

Madge vâng lời vì nàng sợ thật. Tại sao Jessica lại tự nhốt mình trên đó với đứa bé và con chó? Hay là Herbert đã giam giữ họ như thế. Nàng lên xe với hai con. Winsten tìm được một cây gậy to trong sân.

“Hãy cẩn thận, anh.” Nàng nói qua cửa sổ xe.

“Anh đâu có sợ chó!” chàng trả lời.

Winsten leo lên thang, rung chốt cửa và kêu lên:

“Jessica, tôi là Winsten Asher đây. Có cái gì trong đó vậy?”

Tiếng than khóc của Jessica nín bặt. Winsten nghĩ là cô ta đã bồng con lên, có thể là cô đang cho con bú, vì nó cũng hết khóc ngay. Chỉ còn tiếng con chó sủa ồm ồm một cách dữ dằn.

“Mở cửa ra,” Winsten nói.

“Đợi chút, anh Winsten. Tôi phải cột con chó lại đã.”

Chuyện gì thế này, Winsten tự hỏi. Tại sao cô ta không cột con chó lại sớm hơn. Anh nghe cô nói với nó, về giọng nhẹ nhàng và mơn trớn.

“Đủ rồi, Pirate! Đó là bạn. Không nên chọc tức anh ấy. Anh ấy là Winsten. Mà nhớ Winsten chứ, anh ấy là bạn của tao đấy.”

Sau một giây, cô ta mở cửa và một cảnh tượng lạ lùng hiện ra. Jessica đang đứng, rất bình tĩnh, đứa bé đang bú. Sau lưng cô là con chó đã bị nhốt trong một cái chuồng lớn, ngay giữa hai cái giường.

Cô ta dụi dàng nói:

“Anh vào đi, Winsten. Tôi chưa đủ sức để xuống thang, và tôi giữ con chó ở đây lúc Herbert đi vắng. Có nhiều tên cắp vặt, nhất là mùa hè, hình như chúng nó đều biết tôi ở đây một mình.”

Tiếng cô dụi dàng, giọng thánh thót dễ nghe, làm cho Winsten hết ngỡ ngàng và hết sợ con chó, vì hình dáng khủng khiếp, cái miệng sùi bọt và hai mắt đỏ ngầu láo liêng của nó. Dẫu sao, sự sợ hãi của Jessica là hiểu được.

“Cô có muốn tôi gọi Madge lên không?” Winsten hỏi.

“Vâng, xin anh” Jessica nói một cách vui vẻ “Chị ấy đến đây, em mừng lắm. Đến với tính cách gia đình thì tốt quá!”

Lúng túng, Winsten lại trở xuống gặp Madge. Madge cũng bất ngờ khi nghe kể chuyện lại. Cả hai để con ở lại trong xe, khóa cửa xe và cùng nhau lên gác. Jessica ngồi trên ghế xích đu, và con chó hết còn trườn tới. Nhưng mõm nó còn nhều dãi và cặp mắt đáng sợ của nó vẫn còn hăm hè.

“Ôi, chị Asher yêu quý, vào đi!” Jessica nói cách nồng nhiệt “Em ở đây khóc một mình. Em cảm thấy cô đơn quá. Em không nhận ra tiếng chị, em nghe không rõ, không thì em đã mời chị vào rồi. Em phải đề phòng người lạ ở cửa, và bảo họ là em không dám thả con chó ra.”

Điều đó cũng có lý, nhưng xem ra lại có vẻ là chuyện phi lý và không thật.

“Cửa vào không đóng,” Winsten nói.

Jessica tỏ vẻ bất bình:

“Đó là do Herbert bất cẩn. Tôi đã bảo anh ta khóa cửa trước khi đi, anh lại cho là tôi ngu đần. Anh ta thiếu óc tưởng tượng. Anh ta không hình dung nổi thế nào là ở đây một mình, nhất là bây giờ lại có con đại.”



Jessica ngó đứa bé lộ vẻ thù hằn. Đứa bé đang bú, và Winsten cảm thấy lần đầu tiên thoáng qua một nỗi nghi ngờ khi Jessica, gương mặt trong trắng, hai mắt nhắm nghiền, môi hơi trễ xuống, hỏi một cách kỳ lạ, ngờ ngàng và xa vắng:

“Làm sao đứa bé này lại sinh ra được nhỉ, tôi chẳng bao giờ hiểu....”

Madge cảm động:

“Ôi, em Jessica yêu dấu, không nên nói như vậy. Khi đàn ông và đàn bà yêu nhau, thì có con cái là chuyện dĩ nhiên.”

Jessica ngược nhìn Madge đang đứng, tựa như một nữ thần sung mãn.

“Ồ, nhưng em có yêu Herbert đâu!” Cô ta nói, giọng lạnh lùng và dứt khoát.

Madge quay sang Winsten nói:

“Anh yêu, xuống với các con đi. Em không sao đâu. Em cần nói chuyện với Jessica.”

Winsten miễn cưỡng đi xuống. Madge ở lại, và trên đường về đã thuật lại đầy đủ cho chồng nghe.

“Không thương chồng là điều xấu lắm, Jessica” Madge nói.

“Ôi, em cũng biết thế. Em ráng được chừng nào hay chừng ấy.”

“Em không bao giờ yêu Herbert sao?” Madge kéo một cái ghế nhỏ, ngồi xuống, bồng đứa bé trên tay. Đứa bé khốn khổ! Nàng thầm nói trong lòng, nó lại giống Herbert và rất xấu xí.

Jessica kéo áo dài che lại ngực, hất đầu ra sau, nhắm mắt lại lăm bẫm:

“Tất cả cái đó thật... ghê tởm!”

“Cái gì vậy?” Madge hỏi.

“Em ở một mình với Herbert, đêm này qua đêm khác, trong cái phòng này mà em không yêu anh ta!”

Madge nghe chướng tai, bèn hỏi:

“Thế tại sao em lại lấy anh ta?”

“Tại vì ông William nói vào.”

“Cha chồng của chị hả?”

Jessica cúi đầu, những giọt nước mắt từ hai hàng mi lăn xuống trên đôi má xanh xao.

“Mà tại sao lại thế?”

“Em không nói với chị được,” Jessica kêu lên “Ôi, không bao giờ, không bao giờ em nói ra điều ấy!”

Cô ta không nói gì thêm nữa, cô ta chỉ biết khóc như bị lên cơn động kinh, run rẩy vì đau đớn. Hai tay bấu chặt lấy Madge.

“Ôi, chị đừng bảo em nói ra điều đó, đừng bao giờ! Cũng đừng nói lại cho anh Winsten nghe; chỉ một mình Edwin biết. Edwin biết tất cả. Edwin như là anh của em. Anh của em thật. Chúng em không thay đổi đối với nhau.”

Những chân trời rùng rợn mở ra trước Madge. Jessica quá xinh đẹp, luôn luôn quá xinh đẹp, và bọn đàn ông có thể tỏ ra kỳ cục khi lớn tuổi.

“Mà ông ấy có...” Madge mở bài.

“Ồ, có, có, có.” Jessica trả lời vội vã.

“Chỉ nói đơn giản với tôi, thời gian bao lâu?”

“Ôi, nhiều năm,” Jessica trả lời, thất vọng “Khi em ở tu viện trở về, em chỉ có mười bảy tuổi. Em không thể cưỡng lòng mà không thuận theo, và việc đó không bao giờ ngừng.”

Con chó bỗng sủa lên và Jessica giật mình.

“Con chó không làm gì chị đâu,” Jessica nói “Nó chỉ thù ghét bọn đàn ông, em đã dạy cho nó như vậy.”

Con bé đã thiu thiu ngủ trong cánh tay của Madge, và Madge đã khóc cho thân phận nó. Con bé tội nghiệp, nó được gì trong cái nhà này. Cuộc đời lộn xộn biết bao!

“Jessica, đừng khóc!” Madge dịu dàng nói.

Madge nghĩ đến cuộc sống của nàng, một cuộc sống hạnh phúc, đến nỗi nàng chẳng biết làm gì hết. Nàng cảm thấy cái vũ trụ này rất vững chắc, cái vũ trụ bé nhỏ mà ấm áp này đã thuộc về nàng, trôi qua phần lớn quanh nàng, ngay cả người cha của Winsten... Nàng đứng lên, đặt em bé đang ngủ say lên giường, kéo một góc tấm vải phủ giường đắp cho nó.

“Chị phải suy nghĩ xem có thể làm được gì cho em, Jessica. Chị muốn giúp em mà chẳng biết phải làm sao. Trước hết, phải nghĩ đến gia đình...”

“Ồ, phải,” Jessica nói cách khiêm nhường, “phải nghĩ tới luôn và trước nhất, em hoàn toàn hiểu điều đó. - Jessica đang đứng yên chờ đợi, im lặng

và buồn bực đến nỗi Madge cảm thấy xót thương cho cái dáng vẻ ngơ ngác của cô ta.”

“Khổ thân cho Jessica, sống ở đó ghê tởm biết chừng nào!”

Hai mắt của Jessica đầy lệ. Cô thì thào:

“Em không thể nào quên được.”

Madge chỉ biết khẽ gật đầu, nói chẳng nên lời. Nàng đi xuống, khép cửa lại và leo lên xe...

“Thưa ba, con nghĩ tốt hơn hết là kể lại tất cả những gì đã xảy ra.”

Anh đã chọn con đường dài nhất để đủ thì giờ nói chuyện với cha anh. Anh ngó chăm chăm con đường nhuộm ánh chiều tà, anh cũng chẳng quay đầu để liếc nhìn gương mặt nghiêng nghiêng của người cha.

Ông William đã cắt đứt câu chuyện bằng những tiếng than khinh bỉ và chán ghét. Bây giờ thì ông ngồi im lặng, giận dữ.

“Đủ rồi,” ông nói, rít lên qua kẽ răng “Jessica điên rồi, không còn nghi ngờ gì nữa. Tư tưởng... ngay cả tư tưởng...”

Ông nuốt nước bọt, ho và cảm thấy ngộp thở. Winsten cho xe chạy chậm lại, đưa tay vỗ vỗ vào lưng ông và nói:

“Ba đừng để tâm quá...”

“Ba biết con không tin những điều hoang tưởng như vậy,” ông William nói, giọng còn khàn và chưa lấy lại được hơi thở “Nhưng ba không chắc Madge đã nghĩ gì. Thật là quý quái, đàn bà dễ tin những điều tẻ lâu hơn nơi bọn đàn ông, khi nói đến chuyện nam nữ. Chính mẹ con, - ông lại ho gàn muốn đứt hơi.”

“Cái gì thế này? Cái gì thế này?” Winsten dừng xe lại bên lề đường.

“Ba bị ngộp thở vì sắc nước bọt” Ông William thở dốc, hai má đỏ bừng.

Winsten chờ, và vỗ nhẹ lên lưng cha anh cho đến khi ông trở lại bình thường.

“Thật quá sức tưởng tượng!” ông William vừa nói vừa chăm mắt “Tấn tuồng gì lạ thật! Ba chả nhớ một câu chuyện như thế đã xảy đến trong đời ba. Nhưng cũng chưa bao giờ ba nổi giận như thế này. Madge có tin không con?”

“Con không biết Madge đã nghĩ gì, nhưng cô ấy là một con người có trực giác bén nhạy, và khi có thai thì cái gì cũng phóng đại.”

“Con không muốn nói rằng nó có thể tin là ba đã ăn nằm với đứa con gái này trong chính nhà của ba chứ?” Ông William hét lên.

Winsten nói:

“Chắc chắn cô ấy chẳng tin gì cả. Nhưng cách nào đó cô ấy có cảm tình với Jessica.”

Ông William cắn răng, rồi nói lấp bắp:

“Chúng ta đi về. Ba muốn nói chuyện với Herbert.”

Sự truyền nhiễm mà Jessica tung vãi trong gia đình ông có cơ trở thành khủng khiếp, không còn ngăn chặn được, nếu để Madge gieo rắc những cảm nghĩ của cô ta ra chung quanh. Phải can thiệp kịp thời, ông không sợ bất kỳ người đàn bà nào, kể cả nàng dâu của ông, nhưng phải chặn ngay chính nơi nguồn gốc của nó, nghĩa là chính Jessica. Phải ngăn chặn không để cho cô ta hành động như thế. Ông sẽ bảo Herbert. Herbert ít ra cũng là một người đàn ông và là chồng của Jessica.

Herbert đang đứng ở cửa, đưa tay đón lấy cây gậy và mũ của ông.

Ông nghiêm nghị bảo:

“Vào thư viện.”

“Thưa ông, gần ăn tối rồi.”

“Không sao” ông vẫn giữ nguyên một giọng nghiêm nghị.

“Báo trước cho bà Bertha biết thì tốt hơn.”

Ông William bước đi trước, vào thư phòng và đóng cửa lại.

Ông William bước tới cái ghế băng gỗ sồi có lưng dựa cao, đặt ở cuối cái bàn dài và chờ đợi. Herbert bước vào, chân đi giày vải, mặt anh tái mét, nặng trĩu.

“Thưa ông, con đây.”

Ông William tự hỏi phải khai mào như thế nào đây. Ông không có thể kể lại cho Herbert nghe những hoang tưởng đê tiện và ngu xuẩn mà Jessica đã bày đặt ra. Phải khởi sự, và ông nói, giọng cứng rắn:

“Herbert, cậu Winsten và vợ của cậu ấy đã đi thăm Jessica chỉ vì tốt bụng.”

“Cảm ơn ông,” Herbert nói, giọng như rên rĩ.

“Ở đó,” ông tiếp tục nói cách nghiêm nghị, “Jessica đã thuật lại những chuyện hoàn toàn đối trá cho con dâu tôi nghe, liên quan đến những chuyện đã xảy ra nơi nhà tôi...”

Herbert nghiêng đầu và cái mặt bự của anh ta khẽ giật giật.

“Có thể tôi sẽ nhờ đến luật pháp và truy tố cô ta về tội đã làm ô danh tôi” ông William nói tiếp “Nhưng tôi nghĩ là Jessica bị bệnh tâm thần. Tôi yêu cầu anh đưa cô ấy đi khám bệnh ngay.”

Herbert đổi sắc mặt, nước mắt trào ra, cái miệng bé tí run run giữa hai má bành bạnh, cái cằm láng bóng. Anh ta khóc rống lên:

“Đầu đuôi cũng tại vì con chó đen cả, thưa ông.”

“Con chó!”

“Thưa ông, phải. Con chó không để con đến gần cô ấy. Như thế qua nhiều tuần, nhiều tháng, ngày cũng như đêm, con chó chia rẽ chúng con.”

“Anh muốn nói là cô ấy giữ con chó ở với cô ta cả lúc anh có mặt ở đó?” Ông William hỏi, rưng rờ.

“Cô ấy giữ con chó là tại vì con” anh ta nói ú ớ “Cô ta chẳng sợ người đàn ông nào khác, ngoài con.”

“Anh đã làm gì cô ta?”

Herbert rút khăn tay lau mặt, nói:

“Thưa ông, chẳng làm gì khác. Con chỉ muốn thực hành quyền lợi của con.”

Anh ta lại xếp chiếc khăn tay bỏ vào túi. Rồi anh quay cái mặt bóng nhẫy mờ hôi về phía ông William. Ông bảo:

“Anh ngồi xuống đi. “

Herbert ngồi xuống góc một cái ghế gỗ nặng nề và tiếp tục nhìn ông chủ bằng đôi mắt đáng thương mà vẫn cố chấp.

“Anh nói rõ hơn đi,” ông bảo.

Herbert hăng giọng, nghiêng mình về phía trước, nói:

“Chuyện đàn ông với nhau, thưa ông.”

Ông William ngó ngay vào gương mặt trắng bệch và bóng nhẫy của Herbert. Ông thấy hiện ra trước, mắt mình một màn kịch cũng cổ xưa như

nhân loại, một khi đàn ông và đàn bà còn có mặt trên trái đất.

Đàn ông, đây là Herbert, mỗi tối lần mò đến bên người đàn bà mà theo đúng luật pháp, đã thành của anh ta với sự ưng thuận của người đàn bà ấy, và cô ta vì một lý do nào đó không hiểu nổi, đã không chấp nhận anh ta. Đêm nào cũng như đêm nào, tấn kịch lại tái diễn, sự tế nhị của Jessica, óc tưởng tượng huyền hoặc của cô, những ước vọng không thành của cô, sự kế thừa nỗi buồn man mác của dòng giống, trước đã hình thành xuyên qua nhiều thế hệ trong rừng rậm tăm tối nước Đức, bây giờ cô đọng lại trong một quyết tâm mù quáng. Cô ta, người đàn bà không chịu trao thân cho người đàn ông này. Ban đầu, cô ta chịu nhượng bộ, cười nửa miệng, nhục mạ chồng: “Để tôi yên, đồ súc vật...”. Herbert có lúc để cho cô ta yên, có lúc tìm cách khơi động nơi cô sự thèm muốn xác thịt, bằng những phương cách mà anh ta đã biết, anh ta đã sử dụng trên thân xác của những người đàn bà khác, những cách thức mà anh ta đã nghe mấy người bạn vẽ bày. “Đừng đụng đến tôi, đồ con heo,” cô ta đã la lên, “tôi không phải thuộc loại đó.”

Anh ta đã tỏ ra nhẫn nại, khôn khéo, biết những người đàn bà tử tế thường không bao giờ chịu ngay. Nhưng, người đàn ông làm gì được khi người đàn bà nhất định không chịu, khi họ cắn, cấu rất mạnh, đến nỗi hẳn phải khóa tay, lấy cánh tay mà chẹt cổ họng, không cho cô ta vùng dậy, rồi kẹp cô ta đủ cứng để khỏi bị cô ta vùng chân đá, đạp, làm cho bị thương.

“Con xin hỏi ông, thưa ông” Herbert nói, nước mắt lại bắt đầu tuôn xuống má “Con làm gì được, hở ông?”

“Tôi không thể nào hiểu được là anh muốn cưỡng bức vợ anh, trái với ý muốn của cô ấy” Ông William ngao ngán trả lời.

Herbert ngờ ngàng hỏi lại:

“Thế thì người đàn ông cưới vợ để làm gì? Người chồng thì phải chi tiêu chớ sao? Hẳn ta cho vợ nào giường, nào chiếu, áo cơm, đủ thứ. Con đã mua sắm cho Jessica tất cả những gì cô ta đòi hỏi.”

Rồi Herbert lại tính trên đầu ngón tay chuỗi mẩn của anh ta những gì anh đã mua sắm cho vợ: Nào nệm giường, nào máy giặt, hai cái máy hút bụi, đồ dùng trong nhà loại xưa, gương soi khuôn mạ vàng, những chăn mền mới

toanh, tủ lạnh, lò điện và sau cùng là tấm thảm trải nền nhà và cả thảm lót cầu thang.

“Đổi lại, con được những gì? Những quyền lợi của con thôi.”

Ông William cảm thấy sự từ tốn bỗng dưng rời bỏ ông. Ông thấy trước mặt mình một người đàn ông chỉ nghĩ đến người đàn bà mà hẳn quyết định chiếm hữu.

“Và quyền lợi của con, con quyết chiếm lấy” Herbert nói sỗ sàng.

“Anh định làm cách nào để đạt được điều ấy? -Ông William xãng giọng hỏi.”

Thật là mất công giải thích cho cái tên đực rựa này biết rằng, thế thường, nếu không hiến dâng thì không nhận lãnh. Những chuyện tế nhị trong việc ái ân làm gì hẳn ta hiểu được. Những bài học thâm thúy mà chính bản thân ông thụ huấn, lại quá khỏi tầm cỡ của hẳn ta, hẳn ta cũng chẳng thấy được sự cần thiết. Có thể sự cần thiết ấy hẳn ta cầm bằng không có nữa. Chiếm đoạt, là đủ cho hẳn, tên đàn ông có cái thân xác to tướng này. Nhưng Jessica bản chất lại khác, và ông William cảm thấy động lòng trắc ẩn. Ông bỗng đâm ra thương hại cho Jessica và thoáng thấy thân phận đàn bà có ý nghĩa như thế nào?

“Con sẽ dành phần thắng cho quyền lợi của con” Herbert nói, cái miệng bé tí của anh ta mím lại “Trước nhất là trục xuất con chó đó đi.”

Ông William thở ra. Ông nói:

“Tại sao anh không giải quyết cách êm thấm, đừng để cho Jessica nghi ngờ anh. Nói với Peter bắt con chó lại. Nói với Peter là con chó quá dữ, không nên để gần đứa bé, và anh sẽ rất biết ơn nếu Peter đến bắt nó đi. Như thế Jessica sẽ ít hận anh hơn.”

Herbert nhìn ông William sừng sốt:

“Thưa ông, đó là một ý kiến hay. Con nghĩ, phải là một luật sư mới biết phải hành động như thế nào.” Anh ta do dự, rồi nói tiếp, “Con muốn làm việc ấy ngay tức khắc, nội chiều nay.”

“Sao lại không, hãy đi tìm Peter đi. Có lẽ ngày mai anh ta sẽ về.”

Herbert đứng lên:

“Thưa ông, con cảm ơn ông. Có lẽ để cho bà Bertha rửa chén đĩa xong đã.”

“Anh đi ngay đi.”

Ông William không thích thấy Herbert hầu bàn chiều hôm đó, nên ông nói tiếp:

“Sớm mai này Madge thấy vợ anh không ổn. Anh về gặp cô ấy đi. Tôi sẽ bảo Susan. Hai đứa nó đi cùng anh, cột con chó trên xe, và ghé đâu đó trên đường về mà ăn tối.”

“Cảm ơn ông chủ.”

Ông William chờ cho Herbert đi ra, rồi ông ra sân hiên, nơi Elinor và Susan đang pha cocktail. Peter thì đang cuốn tròn trong cái ghế bành đẹp nhất. Susan nổi giọng đùa cợt, bảo vị hôn phu của cô:

“Dậy đi nào, ông tướng lười. Anh không thấy ba vào à?”

Peter mỉm cười đứng lên, nói:

“Con không biết đây là ghế của ba.”

Ông William nói:

“Chẳng có gì đặc biệt đâu.”

Rồi ông đứng lại hôn lên má bà, và ngồi xuống một ghế khác. Bà Elinor nói:

“Em nghe anh nói chuyện với Herbert trong thư phòng, nên em không vào.”

“Jessica không ổn, nên anh ta phải trở về nhà ngay. Susan, có một yêu cầu lý thú phải làm. Cha đồng ý với Herbert, vì những lý do cha sẽ cho biết sau. Anh ta muốn Peter bắt lại con chó mực ngay tức khắc. “

Hai mắt của Susan mở to:

“Ngay bây giờ?”

“Ngay bây giờ” Ông William nói chắc nịch.

Ông liếc nhìn bà để biết bà có ý kiến gì về chuyện này không. Ông chẳng thấy gì khác thường. Nâng chiều chiếu lên mái tóc rục rờ và gương mặt bình thản của bà. Madge có thể là người biết trọng danh dự, cô ta chỉ tâm sự với chồng, và ông tin cậy vào con trai ông. Càng sớm càng tốt, ông sẽ cho bà Elinor biết câu chuyện hoang tưởng khốn nạn này, khi con chó đã được



mang đi nơi khác, và Herbert có cơ hội thực thi ý muốn của anh ta... Trong thâm tâm, ông William có cảm nghĩ là mình có lỗi, khi có thể nói được là ông nộp Jessica cho cái tên đực rựa ấy, nhưng biết đâu đó lại chẳng là chuyên cô ta đang cần. Cả đời cô ta được nuông chiều, nuôi ăn, nuôi ở, những háo hức của cô ta đã được vượt ve. Không ai ép cô ta làm bất cứ việc gì, người ta chịu nhường cô trong tất cả, khởi sự từ ông già gan dạ Heinrich, cha cô, có bà Bertha, dù đánh đập dù giận dữ, chắc cả bà dì Emma cũng thế. Họ đã quá đề cao một cô con gái, có sắc đẹp, có khá nhiều tài năng, nhưng bị bắt buộc, hay nói cho đúng hơn, bị dun dùi làm một người tì nữ. Nếu cần, để Herbert đập cho một trận nên thân. Ông chỉ nói cho bà Elinor hay khi sự việc đã qua rồi. Nếu không, bà Elinor có thể ngăn cản anh ta.

Herbert lái chiếc xe màu xám đến trước sân hiên mấy phút sau đó, và ngồi im nơi ghế tài xế. Susan hỏi:

“Anh nghĩ sao, Peter?”

“Sao cũng được” Peter trả lời một cách khả ái.

Họ ra đi, và Winsten xuống ngay lúc đó, có ý không để ông William ở lại một mình với bà Elinor. Bà Elinor hỏi:

“Madge đâu rồi? Mẹ xấu hổ vì đã ngủ suốt ngày, nhưng vì mẹ cảm thấy mệt nhọc sau ngày cưới của Edwin.”

“Madge cũng cảm thấy mệt, và con đã bảo cô ấy đi nằm rồi.”

“Ồ, thật thế sao? Con nghĩ là Madge mệt hả...?”

“Con không biết. Có thể là thế. Lát nữa sẽ hay.”

Gương mặt trẻ trung của Winsten có chiều lo lắng. Luôn luôn bận rộn trong vai trò làm bố, nó rất lo lắng cho vợ con, Ông William thầm nghĩ. Nhưng ông cảm thấy nhẹ nhõm vì Madge không đến. Bà Elinor nói:

“Chạy tới chạy lui suốt cả buổi sáng nay, làm sao mà không mệt được!”

“Trẻ con chúng nó vùi vĩnh đủ chuyện sau bữa ăn trưa” Winsten vừa đáp, vừa rót cocktail cho mình “Susan và Peter đâu rồi mẹ?”

“Herbert muốn nhờ đem con chó mực đi tức khắc,” Ông William trả lời một cách có ý nghĩa “Ba đã kể cho anh ta nghe cảm giác mà vợ anh ta đã gây cho Madge sớm hôm nay. Anh ta cho là con chó có ảnh hưởng tai hại đến Jessica. Đã lâu anh ta tin chắc như vậy.”

“Thật là kỳ lạ,” Bà Elinor nói, có vẻ bỡ ngỡ “Em không làm sao tin được Herbert lại cao kiến đến thế. “

“Đó chẳng qua là một ý nghĩ thôi” Ông William ôn tồn nhận xét.

Winsten vẫn giữ im lặng, anh lo quây ly cocktail.

“Con đừng làm khổ mình vì Madge” Mẹ anh bảo “Mẹ thấy con của con có sinh ra tại đây như tụi con, thì cũng tốt thôi.”

“Con nghĩ đến công việc của con” Winsten đáp “Sáng mai con phải gọi điện sớm.”

“Nói tóm lại, phải chờ hết ngày hôm nay đã. Chúng ta đi ăn tối thôi.”

\*\*\*

Gần nửa đêm ông William mới nghe tiếng xe hơi ngừng lại trước sân hiên. Ông không đi nằm, lấy cố là có giấy tờ cần xem xét, và ngồi lại một mình khi bà Elinor bỏ đi.

“Em chỉ ngủ một mắt thôi,” Bà nói, “Em thấy Madge có vẻ khác thường. Chắc sắp có tin mừng.”

Bà Elinor lên lầu thăm Madge. Khi trở xuống, bà báo

“Winsten đã điện thoại cho bác sĩ, và đã giữ phòng ở nhà hộ sinh rồi.”

“Thà là vậy,” Ông William nói, vẻ lơ đãng “Anh không thích thấy các cô y tá trong nhà. Anh chẳng bao giờ thích như thế cả.”

Bà mỉm cười thân ái, và hôn ông. Bà nói:

“Hồi ông trạng sư già khú đế của tôi, anh chẳng quan tâm gì đến các trẻ sơ sinh cả. Em nghĩ như vậy.”

“Anh yêu chúng nó khi nào chúng nó được tắm rửa sạch sẽ, áo quần thơm tất.”

“Anh luôn luôn hành động như thế anh chẳng liên quan gì đến con cháu của chúng ta cả. “

“Sự tham gia của anh khá mù mờ.”

Bà nắm cánh tay ông mà lắc nhẹ, rồi nói trù mến:

“Anh nói chuyện trên trời dưới đất gì đâu!”

Ông ngược mặt lên cười với bà, và bà cúi xuống để hôn ông. Ông giữ bà lại một lát. Tay ông đặt sau gáy bà, ông hỏi:

“Em có luôn luôn sung sướng với anh không?”

Ông tưởng chừng thoáng thấy hai hàng mi của bà hơi rung động. Bà nói:

“Không, mà có!”

“Ơ kìa, Elinor?”

“Ôi, đừng nói đến chuyện ấy nữa, muộn rồi.”

“Không, không muộn.” Ông nói, hơi giận “Đến đây, ngồi xuống bên anh đây. Vậy thì, có khi nào anh chiếm đoạt em trái với ý muốn của em không?”

Bà ngồi đó, đôi mắt xanh mở to và bắt đầu chậm rãi rút các cây kim găm tóc, tháo tung mái tóc ra trước mắt ông. Bà trẻ lại từng phút, từng phút, từng giây.

“Nếu ông chưa hiểu, thì mặc kệ ông, ông ngổ ọ! Chắc chắn là ông có bắt buộc tôi, ông không có cưỡng dâm tôi, cũng chẳng làm cái gì khờ khạo như thế. Nhưng mà hằng trăm hằng ngàn lần, người đàn bà không có sẵn sàng, nhưng họ nhượng bộ vì sợ người chồng ngày hôm sau nổi cáu, khó chịu, càu nhàu với con cái, và bởi vì cái đó cũng chẳng có đáng gì...”

Ông nhìn bà và cảm thấy có cái gì sụp đổ trong ông. Ông nói lắp bắp:

“Elinor, Elinor, em đã không...”

Bà ngó nghiêng ông với vẻ chống đối:

“Đúng, và ông bắt tôi thú nhận một điều tôi đã không muốn nói cho ông nghe, hiện cũng không muốn nói. Thế mà ông lại sắp nổi khùng với tôi. Người đàn ông thật là phi lý, loạn động, buồn cười... Các người không ngừng muốn phóng đảng, ái ân, nhục dục, nhưng luôn luôn theo ý thích của các người, không cần biết người đàn bà có thích hay không, có ưng thuận hay không, có sẵn sàng hay không. Các ông hãy nhớ lại xem, cái điều mà không người nông dân nào không biết. Chuyện con bò đực và con bò cái ấy mà. Con bò đực luôn luôn sẵn sàng, chờ đợi, nó phải nhẫn nại cho đến khi con bò cái sẵn sàng. Chỉ có giống cái của con người là bị bắt buộc chối bỏ bản chất của riêng mình, hay ít nữa giả bộ chối bỏ. Sau rốt, các ông từ chối nhìn vào sự thật. Bọn đàn ông các người điều khiển thiên nhiên và nhắm con mắt lại trước những gì hiện hữu. “

Ông la lên:

“Elinor, em có điên cái đầu không?”

Bà hất dài tóc đã thắt qua vai, nhìn ông bằng nét nhìn rạng rỡ và then thừng. Bà dịu dàng nói:

“Em thấy khỏe khoắn lạ thường. Em tưởng đã nhiều năm em muốn nói với anh về điều đó. Nay em đã nói rồi.” Bà chấp tay lên ngực “Cảm ơn anh, William, vì đã tạo cho em cơ hội để nói ra sự thật.”

Bà thở ra một hơi thật dài. Không phải thở ra vì buồn chán, nhưng là một cái thở dài được giải thoát, được cởi bỏ một gánh nặng, và ông nhìn bà sửng sốt.

“Tại sao đã bao nhiêu năm nay em muốn nói mà không nói cho anh hay?”

Bà trả lời một cách khác lạ:

“Bây giờ em không dám. Em sợ ảnh hưởng nơi anh.”

“Bây giờ phải chăng là em đã hết sợ anh rồi?” Ông nói với một nỗi buồn nào đó.

Bà lắc đầu và các lọn tóc bung ra, xoa xuống hai bên mặt bà. Bà nói:

“Không. Có lẽ vì con cái chúng ta đã lớn khôn cả rồi. Em không thấy có lý do nào khác.”

“Anh không hiểu nổi em,” Ông nói “Anh đã yêu em và lâu nay chỉ yêu một mình em, mặc dù thế, anh vẫn không hiểu được em.”

Bà đứng dậy, đến bên ông, ôm choàng lấy ông, kéo đầu ông áp vào bộ ngực có mùi thơm dịu ngọt của bà.

“Điều ấy luôn luôn thật tuyệt vời, thật kỳ diệu biết bao,” bà khẽ nói, “và điều kỳ diệu hơn hết là nó vẫn còn hiện hữu, là bây giờ chỉ còn anh với em. Chúa đã sắp xếp mọi sự, khi người trao những nỗi lo lắng về trẻ thơ cho những người vợ trẻ.”

Ông rúc mặt vào bộ ngực của bà, ông cũng thì thào và tha thứ cho bà tất cả. Ông nói:

“Ôi, Elinor, anh sẽ chẳng bao giờ có đủ thì giờ để sống với em. “

“Tất cả thì giờ còn lại,” bà vui vẻ nói. Bà cúi xuống hôn lên môi ông, hôn một cái thật mạnh, đánh chụt.

“Em đi ngủ đi, và đừng thức khuya.”

Bà rút mình ra khỏi vòng tay ông, và ông bỗng nhìn bà, nét nhìn hàm chứa một câu hỏi. Bà bật cười và nhẹ nhàng nói:

“Không, không, không. Đêm nay thì không, nhà đầy trẻ con, Madge thì sắp vào bệnh viện, mà con chó ghê tởm thì sắp đem về.”

Bà khẽ rùng mình, bước đi vội vã, nhưng dừng lại ở ngưỡng cửa để nói tiếng cuối cùng:

“Anh William, em cảm ơn anh.”

“Đừng cảm ơn anh” Ông nói lẩm bẩm trong miệng, rồi trở lại với giấy tờ và cố không nghĩ đến bà nữa.

Giữa tất cả những gì mà bà đã nói, những gì đã vụt hiện đến trong trí bà, khó mà phân biệt được cái gì là thật. Trong tất cả các người đàn bà, đều có chút ít giống Jessica..

Ông không buồn ngủ, và khi nghe tiếng xe hơi vào lúc gần nửa đêm, ông rón rén đi ra cửa chính vẫn còn bỏ ngỏ. Madge chưa đi bệnh viện, trên lầu tối om, trừ ngọn đèn chong đèn ở sảnh.

“Cả hai, đừng có làm ồn” Ông khẽ nói khi xe ngừng lại.

“Có gì xảy ra thế?” Susan hạ thấp giọng, hỏi.

“Madge sắp chuyển bụng. Nhưng các con có cái gì đó?”

Cả hai đang lồi một cái xác đen từ sau xe ra.

“Con chó đẩy ba ạ. Peter phải giết nó.”

“Một ngày thật lạ kỳ!” Ông William càu nhàu “Các con định làm gì nó vậy?”

“Peter sẽ để nó sau gốc cây soan cho đến ngày mai,” Susan nói “Nếu để nó trong xe thì hôi cả chiếc xe.”

Peter chẳng nói chẳng rằng, nắm hai chân trước của con chó, kéo nó đi và quăng nó sau đám cây soan. Rồi anh ta leo lên gác, có vẻ kiệt sức.

“Không bao giờ tôi tin là tôi đủ sức giết một con chó,” anh ta nói.

“Vào thư viện đi.” Ông William khẽ nói “Có chuyện gì đã xảy ra thế?”

Hai người lẳng lặng đi theo ông.

“Tôi muốn có cái gì uống,” Peter nói, da mặt ngăm ngăm của anh ta trở nên sẫm hơn thường ngày.

Susan nhìn anh ta lo lắng

“Ông William mở tủ cần trong tường, lấy ra một chai rượu whisky và ba cái ly. Ông rót vào mỗi ly một ít và cả ba người uống từ từ.”

“Và bây giờ?” Ông William hỏi.

“Susan, kể lại đi!” Peter giục.

Anh ta ngồi trong một cái ghế bành, hai chân duỗi thẳng, môi dưới trề ra.

Susan bắt đầu:

“Khi chúng con đến thì Jessica đang ngủ, dĩ nhiên là Herbert lên trước. Sau khi liếc vào phòng, Herbert trở xuống và nói: Con chó ở trong phòng, nhưng không cột nên tôi không dám vào. Thế rồi, tới phiên Peter lên, và con đi theo. Herbert đi sau hết.”

Câu chuyện Susan kể rõ ràng, nhưng ông William nhận thấy con gái ông cố dẫn lòng không lộ vẻ ghê tởm. Cả ba lên thang gác, đi rón rén để không đánh thức Jessica và con bé, trước khi đem được con chó ra.

Susan hỏi Herbert:

“Khi anh về muộn, cô ấy có thường thả con chó ra không?”

“Cô ấy thường giữ nó bằng một sợi dây dài.”

Jessica liền thức giấc, cô ta lớn tiếng hỏi:

“Có phải anh đó không, Herbert?”

“Trả lời đi,” Susan nhắc.

“Phải, anh đây” Herbert nói với giọng cầu hòa “Anh đã thử đi vào, nhưng anh nghe tiếng con chó. Em không cột nó. “

“Herbert, chó vào. Em cố ý thả nó ra đấy.”

Herbert quay cái mặt bánh đúc tái mét ngó Susan và Peter. Một bóng đèn trên trần nhà chiếu ánh sáng thẳng vào họ. Herbert hỏi:

“Tôi phải làm gì bây giờ đây?”

“Anh hãy nói với cô ấy là chúng tôi đến để bắt con chó lại. “

Con chó sủa một cách dữ dằn, vừa thở vừa tru. Herbert nói nhỏ nhẹ:

“Cô Susan và cậu Peter đang ở đây. Peter muốn đem con chó đi.”

Jessica không trả lời. Chỉ nghe tiếng con chó sủa. Peter lại nói:

“Để tôi vào, con chó nó quen tôi.” Nhưng cửa vừa mở ra, con chó liền nhảy chồm lên người Peter, con chó đứng thẳng trên hai chân sau, nó chồm đến vai Peter. Một bàn tay Peter khóa miệng con chó lại, còn Herbert thì hai

mắt nhắm nghiền, lưng tựa vào cánh cửa, rên rĩ. Susan nhảy đến chụp hai chân sau của con vật, kéo giựt ra sau làm nó ngã xuống đất. Peter kêu lên:

“Cô này gan dạ thật, em nắm chân nó cho chắc, để anh bóp cổ nó.”

Trong thư viện, Susan ngó thẳng vào mắt cha và nói thêm:

“Con giữ chân, còn Peter xiết cổ cho đến khi nó tắt thở. Con có nghe Jessica la lên: “Giết chúng đi! Giết hết chúng đi”. Con giận quá, đã hét lên: “Jessica, câm miệng lại...”. Người ta có thể cho đó là một căn phòng chứa một lũ điên. Herbert khóc to lên, còn Jessica thì cứ lặp đi lặp lại “Giết chúng đi! Giết chúng đi!” Cô ta ngồi trên giường, mình mặc áo ngủ bằng lụa, ngoài choàng một cái áo khoác nhỏ duyên dáng, vải phủ giường màu hồng. Chỉ có con bé là đang ngủ.”

“Các con làm gì khi con chó đã chết?” Ông William hỏi mà miệng khô khốc. Ông hớp thêm một ngụm whisky nữa.

Susan kể tiếp:

“Peter kéo con chó xuống thang, chúng con đẩy nó vào thùng xe và trở về.”

“Trời!” Peter nói, giọng nặng nhọc “Không bao giờ con tin là con có thể giết chết một con chó. Con luôn thương con chó đó, lẽ ra con không nên đem nó về đây, mà để nó ở nhà con, cũng là nhà của nó. Theo cái kiểu chiều nay thì nó có thể ăn tươi nuốt sống Herbert. May phước cho anh ta, chúng con đã có mặt.”

“Em nghĩ là anh đã cứu sống anh ta, nếu anh ta đáng cứu... Nhưng em nghi điều đó. Em khinh người đàn ông hay khóc... Em thì chẳng khóc bao giờ.”

“Chúng ta đi ngủ thôi. Ba chịu hết nỗi rồi,” ông William nói.

\*\*\*

Sáng sớm hôm sau bà Elinor đặt bàn tay mát rượi của bà lên trán chồng, ông thức dậy. Bà vui vẻ nói:

“Dậy đi thôi, ông nội.”

Ông tỉnh hẳn, ngồi dậy và hỏi:

“Madge đã...?”

“Một bé gái!” Bà nói vui vẻ hồn nhiên.

“Lại con gái nữa!” ông lẩm bẫm, tinh hăn.

“Có nhiều quá không?”

“Còn tùy,” ông nói. Ông ngáp, rồi mang giày vải vào chân.

Bà dừng lại ở cửa, và gọi ông một cái hôn gió.

“Anh có về mệt đấy. Anh có muốn nằm nghỉ sáng nay không? Herbert chưa đến.”

“Ồ không... Anh dậy đây. Susan đã thuật chuyện con chó cho em nghe chưa?”

“Nó đến phòng em tối hôm qua, dựng em dậy để kể cho em nghe. Kinh khủng thật, phải không anh? Em nghĩ từ nay Jessica sẽ khá hơn.”

“Anh cũng không biết nữa!” Ông càu nhàu từ trong phòng tắm vọng ra.

Bà Elinor không nghe thấy. Bà xuống nhà, sung sướng vì con bé mới sinh. Bà đã mơ ước một cháu gái, ông William cũng biết vậy. Đầu óc ông tối tăm một cách lạ. Ngày hôm nay có lẽ chẳng tốt gì. Họ không giải quyết được gì nhiều về trường hợp của Jessica.

Đến xế trưa, ông lại được tin xấu hơn. Ăn sáng xong, không thấy đứa con nào, ông rút lui vào thư phòng, không dám ngó qua cửa sổ vì sợ thấy con chó chết ở sau bụi soan. Susan còn ngủ, và chắc Peter cũng thế. Thanh niên thời buổi này có vẻ như ngủ suốt ngày cũng được. Ông nghĩ, đó cũng là một lối thoát cho nhiều vấn đề nan giải của thời nay. Không ai biết cách thoát ra khỏi chiến tranh. Chính quyền thì thối nát đến mức độ kinh hoàng, đàn bà thì điên, chó thì hóa dại, còn đám thanh niên thì ngủ khì.

Đã mười một giờ. Ông William không chịu đi với vợ đến bệnh viện để thăm Madge và cháu bé. Có lẽ ông đợi cho đủ hai mươi bốn tiếng đồng hồ, để đứa bé dễ xem hơn. Tại thư phòng, cửa sổ trong cùng mở ra phía vườn rau, để đón gió, vì trời nóng. Vì vậy, ông nghe rõ ràng có tiếng kêu la của bà Bertha. Ông liền đặt bút xuống, nhưng chưa kịp đứng lên thì Bertha đã nhào vào phòng, chân không mang giày như những khi bà ở trong bếp, nhất là về mùa hè, khi hai chân bà sưng lên.

“Ông Asher! Ông Asher!”



Bà ta khóc nước nỡ, mặt đỏ gay.

“Cái gì vậy?” Ông William gắt lên.

“Thưa ông, Herbert đang ở đầu dây. Jessica đã hóa... thật khủng khiếp! Ông William cầm lấy ống nghe ở bàn viết, và nghe bên kia đầu dây, những tiếng kỳ lạ.”

“Herbert!” Ông quát lên.

“Ôi, thưa ông Asher,” Herbert rên rỉ, “Con xin ông, ông có thể đến đây ngay không?”

“Làm sao được!” Ông William nói cách cương quyết “Trước tiên, phải cho tôi biết là cái gì thế đã.”

“Của Jessica, thưa ông. Ông không nghe tiếng cô ta sao?”

“Tôi nghe tiếng chó sủa,” ông William đáp.

“Cô ta đấy!” Herbert lại la lên “Cô ta bò bốn chân dưới đất, và bò vòng vòng trong phòng. Cô ta bắt chước con chó và hoàn toàn điên rồi. Con chẳng biết làm gì bây giờ. Con bé đói mà con chẳng biết làm cách nào để cô ấy cho nó bú được. Cô ấy còn tìm cách để tấp đứa bé. Con không thể ngăn được cô bò vòng quanh và sủa như chó.”

“Ôi, lạy Chúa!” Ông William kêu lên “Để tôi gọi xe cứu thương. Lạy Chúa... Anh hãy trông chừng Jessica nhé, Herbert!”

Nhưng khi đã gọi bác sĩ, đã giải thích ca bệnh và xe cứu thương đã đến, ông cảm thấy là chính ông phải đi. Đường ở thôn quê quá xấu, muốn đi mau ông phải ngồi bên tài xế để giục. Một cô y tá, một sinh viên y khoa đã ngồi trong xe, đem theo áo để bắt người điên và một cái băng ca.

Họ ra đi im lặng, trong buổi sáng mùa hè đẹp trời, ánh nắng từ trời cao lặng lẽ chiếu xuống mặt đất đầy biến động.

“Có con chó chết nằm kia kìa, sau mấy cây soan!” Người tài xế phát hiện.

“Sáng nay phải chôn nó!” ông William trả lời cách lơ đãng. Ông thật khó mà nhắc lại những sự việc đã xảy ra. Ông cảm thấy rã rời, không còn gắng gượng nổi hơn nữa, nếu có nói thì họ cũng không thể nào hiểu được.

Người tài xế nói với vẻ thông cảm:

“Nhà ở gần đường lớn mà nuôi chó trong nhà thì thật là bất tiện.”

“Đúng thế.” Ông William nói, quá mệt để nói thêm.

“Phải là xe tải mới chệt nó chết được.”

“Tôi cũng nghĩ thế,” Ông William nói cách mơ hồ với một cảm giác khó chịu trong lòng.

Người tài xế không còn hỏi nữa, anh ta im lặng cho xe chạy đến nông trại.

Ông William xuống xe, người sinh viên tập sự và cô y tá đi theo ông. Tài xế mở cửa chính. Ông William đứng lại ở chân cầu thang và gọi Herbert. Cửa phòng mở, họ nghe tiếng tru kỳ dị và trầm trầm từ trên lầu vọng xuống. Herbert bước xuống cầu thang, tay bỗng đưa bé.

“Jessica đã tỉnh táo hơn,” Herbert khẽ nói, “Cô ta nằm dưới giường.”

Ông William quay sang cô y tá:

“Tốt hơn là cô nên đi lên một mình. Cô ấy biết tôi, do đó, tôi sợ cô ta bị kích động.”

Thật sự ông không được bình tĩnh. Rủi Jessica nhận ra ông và lại bắt đầu tố giác... Ông ngồi lại nơi phòng khách bé tí đã trở thành nơi chứa đồ lộn xộn và bụi bặm. Herbert dùng nơi này làm nơi thay quần áo, giày dép, đồ lót, vung vải tứ phía. Thật là một nơi thảm hại, ông William nhìn quanh tự bảo. Đó là những gì còn lại của bao nhiêu cố gắng cảm động mà Jessica đã tạo nên một thế giới nhỏ riêng cho mình, nhưng cũng tại đó cô đã hóa điên.

Được nâng đỡ bởi cô y tá và cậu sinh viên, Jessica xuống cầu thang, mình mặc thứ áo trắng mà tay áo trở thành thắt lưng. Mắt cô buồn bã khi đi ngang qua cửa, đầu cúi xuống, cảm thấy nước bọt. Cô lăm bằm trong cổ những tiếng khàn khàn như bị cào xé trong cuống họng. Cả ba đi qua cửa mà cô chẳng ngẩng đầu lên. Ông William đứng dậy, nhìn qua cửa mở rộng. Khi họ đưa cô vào trong xe, cô tấp vào cổ tay của người sinh viên thực tập, anh này tát cô một cái.

“Cô muốn cắn hả?” Anh ta nói mà không có vẻ ác cảm. Anh ta cột Jessica vào chỗ nằm trong xe cứu thương, và cô y tá ngồi một bên.

Người tài xế trèo lên xe, nói:

“Bác không về với tụi tôi sao?”

Ông William lắc đầu:

“Tôi muốn coi xem ở đây thế nào, rồi sẽ về sau.”

Người tài xế gạt đầu và chiếc xe cứu thương chuyển bánh một cách nặng nhọc. Ngôi nhà trở nên lặng lẽ. Không nghe cả tiếng Hebert khóc. Ông William bước lên gác sau đó một lúc, và gặp Herbert đang ngồi đơng đưa trên cái ghế xích đu, con bé ngủ mê trên tay anh ta. Căn phòng thật kinh khủng. Một cuộc chiến đấu thực sự của con người đã diễn ra ở đó. Chăn và nệm nằm vung vãi trên mặt đất, tranh ảnh trên tường rơi xuống, ly tách vỡ tan, màn cửa bị giựt đứt. Ở giữa cảnh thảm họa này, Herbert tiếp tục đơng đưa trên cái ghế xích đu, con bé ngủ yên lành trong tay anh.

“Anh làm sao nuôi nó?” Ông William ngó ngẩn hỏi.

“Con đã hòa một ít sữa với nước và đường, và dùng thìa bón cho nó.”

Anh ta có vẻ bình tĩnh, nhưng đã kiệt sức. Anh hỏi:

“Ông có muốn con đưa ông về nhà không?”

“Còn cháu bé thì sao?”

“Bây giờ nó đã ăn no rồi, Để nó ngủ trên băng sau, không sao.”

Hai người lặng lẽ đi xuống. Herbert quấn con bé trong một cái chăn, đặt trên ghế sau chiếc xe cũ kỹ của anh ta. Họ chậm rãi rời xa căn nhà.

“Thưa ông, xin ông hiểu cho con, con xin phép nghỉ vài ngày. Con phải gởi con bé vào một cô nhi viện nào đó.”

“Chắc phải vậy thôi. Nhưng anh coi thử, đây cũng là dịp tốt để bà Bertha xin nghỉ việc về đây chăm sóc cháu bé?”

Gương mặt bành bạnh và trắng bệch của Herbert tỏ ra cứng đầu, không dễ gì lay chuyển. Anh ta nói:

“Bao lâu con còn sống, con không muốn bà ấy ở trong nhà...”

“Nhưng bà ta có lỗi gì đâu?”

“Con không rõ bà có lỗi hay không” Herbert thanh minh, vẻ mặt ủ dột, cặp mắt ti hí, buồn rầu, ngó chăm chăm xuống con đường đất lồi lõm. “Điều con biết chắc chắn, là Jessica ghét bà, con cũng vậy. Những gì mà bà ấy đã làm cho vợ con, khiến con không muốn thấy bà vào nhà con.”

“Cái đó có nghĩa là anh muốn thôi việc, phải không?”

“Thưa ông không. Đơn giản là con không muốn có bà Bertha trong nhà của con. “

“Nhưng nhà đó không phải là nhà của bà Bertha sao?”

“Bà ấy chết hồi nào thì nó thuộc về chúng con hồi này.”

Ông William làm thinh. Ông không sao hiểu được Herbert.

Đi một lúc nữa, Herbert nói thêm:

“Có thể, đó là do các bà xơ tốt lành. Jessica không bao giờ chịu sống bừa bãi. Có những chuyện tự nhiên mà cô ấy cho là dơ bẩn, đó cũng là tại các bà xơ tử tế. Chính bà Bertha đã gửi cô ấy vào tu viện, nơi cha cô không bao giờ muốn cô đến. Jessica thương cha, và ông ấy cũng rất tử tế với cô.”

Ông William còn nhớ rất rõ về ông Heinrich, một con người tử tế, hơi mất quân bình một chút, nếu không có bà Bertha cầm chịch, thì cuối cùng ông ta không nghiện rượu cũng đi ăn mày. Nhưng tai họa có thể là do liên quan đến thứ đàn bà theo loại bà Bertha, vừa là chủ, vừa là vợ, nơi mà mọi người yếu đuối bám víu vào, nhưng lại ghét, đó cũng là điều ông không thể giải thích cho Herbert hiểu được.

“Đành vậy,” ông William nói mơ hồ “Làm sao biết được. Tôi nghĩ điều quan trọng là lo chữa trị cho Jessica hết bệnh, nếu được.”

Đúng lúc đó, Herbert nói ra những lời khó hiểu:

“Thưa ông, cô ấy không bệnh, cô ấy chỉ muốn có cái hôn người thôi.”

“Cái gì hôn?”

“Điều đã xảy đến chiều hôm qua.”

Ông William chỉ muốn la lên rằng, ông không muốn biết gì về điều ấy cả. Nhưng đối với Herbert, ông cảm thấy anh ta cần được giải thoát. Sớm muộn gì Herbert cũng nài nỉ nói cho ông biết chuyện gì đã xảy đến trong phòng, một khi con chó đã chết, Susan và Peter đã ra đi, một khi kẻ bảo vệ Jessica không còn nữa, chẳng còn ai để đứng giữa người đàn ông và người đàn bà trong cái phòng riêng rẽ này, xa cách mọi nhà khác, đến nỗi tiếng khóc tiếng la của Jessica cũng không có ai nghe thấy? Người ta cũng không nghe thấy Herbert, thường thì chậm chạp, nhưng thấy Jessica trơ trọi một mình thì mất tự chủ, đã lao vào cô ta và rống lên như một con bò đực. Tuy là một cô gái yếu đuối, một mình, nhưng Jessica không chịu thua. Cô nhảy từ giường xuống sàn nhà, tìm cách nhảy qua cửa sổ, nhưng anh ta đã chốt cửa lại. Màn cửa đổ xuống trên người Jessica, và cô quấn mình vào trong đó, cho đến khi anh ta giựt bỏ tất cả đi. Cô ta đã bấu víu vào bàn, vào giường, nhưng anh ta

nắm tay đâm vào tay cô để cô buông ra, cướp lấy một thanh gỗ của cái ghế gãy, phang túi bụi, cho đến khi cô mệt là người ngã ra mặt đất. Cô ta vùng vẫy, la hét, vật lộn, cô yếu đuối là thế, bỗng trở nên dữ dằn, không biết mệt, cô dẻo dai và bền bỉ như một sợi thép. Nhưng anh ta giữ cô lại trên sàn, lấy thân xác to lớn mà kèm giữ cô, nắm tay cô, dán đôi môi thèm khát của anh ta lên má cô mà cô đã lách qua tránh, và đè cô xuống với tất cả sức mạnh của anh ta.

Dưới ánh sáng ban mai, Herbert thận trọng lái xe để khỏi làm rơi đứa bé khỏi ghế, anh ta nói giọng thâm trầm:

“Trong suốt thời gian đó, con chỉ biết đến mình con, những gì con phải được hưởng thụ đúng theo luật pháp.”

Ông William ngồi nghe, sửng sốt. Không có cách gì làm cho Herbert hiểu được điều hẳn đã làm như thế còn xấu xa hơn cả sự giết người.

“Khi mọi sự đã kết thúc,” Herbert nói thêm “con bỗng cô ấy lên giường. Con tưởng cô ấy ngắt xi và con đâm sợ. Con đang ở trong phòng tắm, kiểm thuốc muối cho cô ấy. Cô ấy luôn luôn có thuốc muối bên mình, như bà dì Emma. Khi con trở ra, - anh ta đưa tay gãi vết hằn và cái cằm của anh bắt đầu run run - khi con trở ra thì cô ấy bò bốn chân dưới đất, gục gặc cái đầu và sữa như chó.”

Ông William thở ra một tiếng thật dài. Còn năm dặm đường nữa mới về đến nhà.

“Tất cả những cái đó thật không thể nào hiểu được!” ông nói. Nhưng ông bỗng lo sợ khác thường. Nếu ông thật tình cố gắng, ông sẽ hiểu, và hiểu ra là điều hoàn toàn quá sức ông trong lúc này.

Mặc dù không muốn, nhưng lúc đi vào nhà, ông vẫn rảo mắt tìm xác con chó. Nó đã biến mất. Chắc Susan và Peter đã chôn nó rồi. Có lẽ nhờ thế mà gia đình sẽ được bình yên cũng nên. Ông lên lầu rửa tay, thay áo quần, hy vọng khi thay đổi bề ngoài, tư tưởng ông cũng đổi thay. Ông gặp Susan trên cầu thang, cô ta có vẻ như vừa hờn hờ vừa có vẻ xa vắng.

“Mẹ con đâu?” ông dịu dàng hỏi.

“Mẹ con ở ngoài vườn, nơi đám đất trồng rau thơm,” cô trả lời và tiếp tục đi xuống.

Khi ông William đã mặc xong bộ đồ cũ rất vừa vặn, mới lấy từ tiệm giặt ủi về, ông đi tìm bà Elinor. Đúng như Susan đã nói, bà Elinor đang ở ngoài vườn, đang chọn ngắt một nắm rau thơm nhỏ để ướp thịt cho bữa ăn tối. Ông bước đến bên bà, đốt một miếng xì gà và làm ra vẻ thong dong khả ái.

Bà ngược đầu lên hỏi:

“Thế nào?”

“Jessica đã được đưa đi bệnh viện trong cái áo an toàn.”

Ông nói rất khẽ, chỉ vừa đủ cho bà nghe, vì sợ bà Bertha có thể nghe được. Sau đó, bà Elinor hỏi lại, có vẻ như bị xúc động mạnh.

“Áo an toàn?”

Ông kể lại cho bà nghe cái buổi sáng đáng sợ ấy. Bà hoảng sợ, nhưng còn chưa tin. Đang khi ông kể cho bà nghe sự việc đã xảy ra, thì bà vẫn lom khom dưới đất, không nói tiếng nào, và sự yên lặng ấy có vẻ như không tán thành cách giải quyết.

Sau rốt, ông cũng tức giận nói:

“Phải có một người hành động chứ! Herbert cũng đồng ý làm như thế. Bác sĩ sẽ xác nhận Jessica có điên hay không. Nếu nó không điên, thì đó là một con quỷ độc ác.”

Bà Elinor tỏ ra đã bị ảnh hưởng bởi lời nói của ông. Ông bằng lòng vì thấy bà đã hết vẻ phản đối trong đôi mắt.

“Ôi, lạ Chúa...” Bà thở ra, hít mùi thơm của nắm rau vừa hái và đứng lên “Em muốn được an tâm rằng đó là cách giải quyết hay nhất.”

“Ngay giờ phút này thì đó là cách giải quyết hay nhất,” ông nói quả quyết. Chính ông cũng cảm thấy nhẹ lòng một khi đã nhốt Jessica lại.

“Chắc vậy,” bà Elinor nói “Hiện tại có biết bao nhiêu cách để chữa trị bệnh tật con người, dù là bệnh điên.”

“Phải!” Ông nói, và hỏi một cách khôn khéo, “Madge thế nào?”

“Rất bình thường. Nghĩa là về thể chất, nó rất khỏe mạnh. Nhưng em thấy có cái gì đó là lạ đối với em. Em nghĩ, có lẽ nó chỉ còn một thôi.”

Ông cảm thấy mặt nóng phừng. Ông nói với một vẻ mạnh mẽ khác thường:

“Anh cũng mệt lắm rồi. Anh bắt đầu thấy khá nhiều đàn bà quái lạ, và nếu là chuyện của Madge, thì anh không muốn nói đến nữa.”

“Nghe anh nói anh mệt, em rất lo.” Bà Elinor nói “Phần con bé cháu, thì nó rất tuyệt, nó là đứa bé đẹp nhất trong đám trẻ sơ sinh.”

“Thế thì anh rất sung sướng đã lấy tên em mà đặt cho con bé,” ông nói nịnh.

Ông nhìn bà ra vẻ biết ơn, nhưng có đôi chút hóm hỉnh trong đôi mắt, như là sự nhã nhặn này không còn hợp thời hợp cảnh. Ông nhướn chân mày nhìn bà và nhận thấy bà chịu nắng rất giỏi. Mặt bà chưa có nếp nhăn, cả một vài dấu vết mờ mờ ẩn dưới làn da ngà ngọc của bà cũng không. Ông cảm thấy mình đã được tưởng thưởng, vì từ trước đến nay, ông đã tạo điều kiện cho bà có một cuộc sống khá thanh thản để bà bảo tồn sắc đẹp.

## V

“Con khinh những người đàn ông hay khóc,” Susan nói với vẻ chán chường “Cảm ơn Chúa, Peter thì khác. Nếu con là Jessica, thì có thể con đã bỏ Herbert rồi, con xin thề...”

Lúc đó vào buổi chiều, và ông William đang chờ cơm tối. Elinor ở dưới nhà bếp, Bertha ở trong phòng xếp dưới nóc nhà, sau khi được biết về các sự việc đã xảy ra, và Susan đang dọn bàn.

“Á hà,” ông William nói để động viên Susan mà không sợ hại đến thanh danh của mình “tất cả điều đó rất tốt, nhưng người ta có thể phóng đại về cả hai mặt. Peter không đến ăn tối sao?”

“Thưa ba không. Sau cơm trưa, anh ấy quyết định về nhà.”

“Nó khó chịu chẳng?”

“Thưa không, nếu được ba mẹ đối xử tử tế,” Susan nói với vẻ cả quyết.

Ông William loại trừ sự cảnh báo của con gái ông. Cô ta muốn đạt được một cái gì đó, chính cô ta đã cho Peter về, ông chắc vậy. Cô ta muốn đưa Peter đi xa, trong lúc cô ta cầm chắc cha mẹ cô trong tay. Ông William đã phát hiện rất đúng những triệu chứng đầu tiên. Ông đứng dậy, đi ra cửa. Ông nói:

“Sau bữa ăn, con nên giúp mẹ con rửa chén bát, bà Bertha đã quy rồi.”

“Lại có chuyện... quy... Như thế, con người yếu đuối quá!”

Và nếu có người nào tỏ ra thiếu nghị lực, thì đó chính là con gái của ông, người thiếu nữ tuyệt vời này, tính tình nồng nhiệt, đôi mắt tô màu nâu ẩn sau hàng mi đen gầy như quá dài, hình vóc thon thả, có xu hướng đầy đà như người mẹ, và một giọng nói ngọt ngào và trầm lắng như tiếng mẹ ru con. Nhưng đó là kiểu cách của những cô gái trẻ tân thời, và điều ấy cũng chẳng



có nghĩa lý gì. Ông chẳng hiểu biết gì về cô Susan thật của ông, từ ngày Peter gắn bó với gia đình này một cách không liên tục và hờ hững, bây giờ xem chừng trở nên vĩnh viễn.

Ông hỏi, nhân một phút can đảm:

“Có thật con muốn đeo đuổi cuộc hôn nhân phi lý này không?”

Susan đang gấp chiếc khăn ăn có hồ bột, làm thành những hình thù rắc rối. Cô đáp:

“Đó là vấn đề con định thừa với ba chiều hôm nay. May là bà Bertha đã kiệt quệ. Đúng vào lúc chỉ có ba và con. “

“Con hãy chờ cơm tối xong đã,” ông nói, và đứng lại nơi cửa “Dạo này ba tiêu hóa chậm hơn hồi trước. Con hãy để cho bữa ăn được yên ổn.”

Ông để Susan lại trong phòng ăn, và đi bách bộ trên sân hiên để khỏi phải suy nghĩ. Đó là một bài học mà ông đã học được từ lâu, trong một dịp chống chọi với bọn tội phạm, đe dọa xâm nhập vào đời sống riêng tư của ông. Ông phải tập cho quen xua họ đi, tổng khứ những bộ mặt xấu xa ấy ra ngoài, thấy họ từ từ biến dạng, điều đó cho phép ông thanh thản trở về nhà gặp lại gia đình, chơi đùa với trẻ con, xem xét lai cái lò nấu có trục trặc, đọc tiếp quyển sách đã đọc dở chiều hôm trước, hoặc cuối cùng và trên hết, là làm tình với Elinor xinh đẹp của ông. Bây giờ, trong cảnh hoàng hôn kéo dài, ông áp dụng kinh nghiệm ấy trở lại, và cảm thấy một sự yên tĩnh tươi mát thấm đẫm vào con người ông. Vườn nhà trở nên rực rỡ trong bóng chiều, những bông hoa đầu mùa hè điểm một điểm vui trên vách đá. Đúng là mùa hoa hồng, thứ hoa mà ông nhớ tên luôn luôn đúng. Dù có chuyện gì xảy ra trong nhà, vách tường vẫn đứng vững và hoa vẫn nở.

Tuy nhiên, nền móng có cơ hội lung lay. Buổi chiều cứ trôi qua và Susan vẫn tỏ ra chẳng đáng thương chút nào. Bữa ăn, ít ra trong vấn đề lương thực, vẫn diễn tiến tốt. Ông William thử nói bóng gió về một nỗi mệt nhọc trong ngày của ông, nhưng ông nhận thấy Susan chẳng tỏ dấu gì tương nhượng. Đám trẻ chỉ nhắm vào mục tiêu mà họ đeo đuổi, và chỉ nghĩ đến mình. Đang khi ông nhắm nháp món thịt trầu nấu cà ri, ông liếc nhìn con gái. Ông thầm quyết định lợi dụng kéo dài bữa ăn, bởi vì ông không thể nào tránh được điều đang chờ đợi ông sau đó. Ông biết ý nghĩa của sự chống đối không dễ

lay chuyển, ngay trên cái miệng xinh đẹp của Susan. Ông đã từng thực nghiệm một lần, khi cô ta chưa đầy tuổi. Ông đã đấu tranh với cô bé, cũng như bây giờ. Ông muốn ép cô bé ăn rau chân vịt mà nó không thích. Con bé đã dùng bàn tay bụ bẫm của nó, nhanh như chớp, đánh văng cái đĩa xuống sàn nhà. Cũng bàn tay đó, nay đã trở nên thanh mảnh, được chăm sóc kỹ càng, móng sơn màu hồng san hô và trên ngón tay đeo nhẫn, ông thấy lần đầu tiên một viên kim cương lấp lánh trước mắt ông như một ngọn đèn.

“Ba có thích không?”

“Ba nhìn thấy trong đó nhiều cái khác,” ông nói cộc lốc.

“Viên kim cương đẹp thật!” bà Elinor nói, cố gắng đánh tan sự khô khan của chồng.

“Peter lấy đâu ra tiền mà trả?”

Ông William lầm bầm. Ăn nói tế nhị cũng vô ích thôi. Bọn trẻ không biết cái đó có nghĩa gì. Jessica đã rập khuôn theo đám thiếu nữ của một thời khác.

“Chắc ba sẽ bở ngỡ nếu ba biết làm gara lời đến chừng nào.” Susan nói với vẻ thỏa mãn “Hơn nữa, chúng con mua theo cách trả góp.”

“Ồ, Susan!” Mẹ cô kêu lên.

“Cái gì thế, mẹ?”

“Mượn tiền để sắm nhẫn đính hôn!”

“Tại con không thích hột nhỏ.”

“Tùy ý con, tùy ý con!” Ông William nói.

“Ok, papa! “

“Tiếng Anh của con rồi sẽ hỏng hết, nền giáo dục đại học không chịu nổi một cái gara. Ba giả tí...”

Ông cảm thấy ông đã tiến khá xa. Đôi mắt màu nâu của Susan ánh lên vẻ giận dữ khi nhìn ông. Ông khẽ nhún vai, nói:

“Ba không thích cãi trong bữa ăn, và sau đó chẳng đâu vào đâu cả.”

“Không, không có đâu.” Susan nói.

Ông William đứng lên, dừng dừng để đồng chén bát lại cho hai người đàn bà, ông vào phòng khách phía Đông mà hút ống điếu, ở nơi yên tĩnh này, trẻ con và tôi tớ đi hết, ông suy nghĩ đến loại người ngợm, đến Peter và hằng

triệu triệu người giống như hăn, không cổ lỗ song dốt nát, vai u thịt bắp mà thiếu đầu óc, hoặc là có đầu óc nhưng thiếu lịch thiệp, ăn nói thô tục, đến nỗi hăn có sống cũng như không. Ông thương hại cho lũ con của ông: Winsten, một người cha trẻ trong khuôn mẫu hệ đã lỗi thời, và Edwin, rất trí thức, chỉ được sống sót nếu luật pháp tiếp tục trị vì. Cho là luật pháp bị lật đổ đi, dưới sự xung kích của cách mạng, thì chính Peter sẽ là nhà cách mạng không thể nào tránh khỏi, không phải Edwin, cũng không phải Winsten. Edwin sẽ bị thanh toán. Đó là từ văn minh thay tiếng giết người. Họ sẽ cho Winsten được sống nếu hăn phục tùng, và hăn sẽ phục tùng vì sợ cho vợ con hăn. Edwin không bao giờ đầu hàng, và vì thế sẽ bị giết đi. Ông William thích thú vì cái từ cứng cõi của thời xưa: “Giết”. Đó là từ đích thật, còn từ “thanh toán” chỉ là lừa dối. Peter hối hận khi giết con chó của hăn, nhưng hăn sẽ không ngần ngại giết một con người thông minh và có giáo dục hơn hăn, nếu về sau, thời cơ thuận lợi, con người này tìm cách bảo vệ luật pháp, nền luật pháp mà Peter muốn thấy bị đập đổ. Susan có bao giờ hiểu được thẳng chồng của nó? Nếu cơ hội như thế xảy đến, Susan sẽ đứng về phía con người thô lỗ ấy hay sẽ trung thành với huyết thống của mình? Ông William tự hỏi, nhưng làm sao tin được một người đàn bà mà tình yêu bị lâm nguy?

Những tư tưởng u buồn trôi qua trong một đêm mùa hạ...

“Ba làm gì đó? Sao ngồi trong bóng tối thế?” Susan hỏi với một giọng ngọt ngào, êm như nhung, nhưng vẫn cố chấp.

“Ba suy nghĩ” ông William nói.

Susan không tìm biết cha cô đang suy nghĩ về vấn đề gì. Cô bấm hết nút đèn này đến nút đèn khác, cho tới khi cả gian phòng lớn và yên tĩnh chan hòa ánh sáng. Chắc chắn cô ta đâu có cần biết cha cô đang suy nghĩ gì.

“Con không muốn làm cho ba phiền lòng,” Susan dịu dàng nói.

Cô ngồi trên chiếc ghế nệm dài giữa vùng ánh sáng, tựa mình vào cùi chỏ, co hai chân lại. Cô mặc áo dài xanh nhạt, tay cụt, váy rộng, xem vóc dáng thì cô chỉ là một cô bé, một cô bé đáng gờm, ông William tự nhủ, nó được quý mến, được nuông chiều, quá thông minh và quá đáng yêu.

Qua bao nhiêu năm, ông biết Susan chỉ thích làm cho người ta để ý đến mình, và ông đột ngột hỏi:

“Ba muốn biết, các con đã chôn con chó ở đâu?”

Ông biết, khi nêu lên câu hỏi này là ông có hậu ý. Ông muốn biết chắc một lần cuối là con vật tai họa đó không còn nữa.

“Peter đã mang nó ra ngoài đồng và vất vào hầm đá bỏ hoang.”

Hầm đá này đầy nước, sâu không đáy. Nhiều năm về trước, nó được dùng làm hồ tắm, trẻ con ở nông trại đến tắm ở đây cho đến ngày có một đứa bị chết đuối mà không tìm được xác. Từ đó cái hồ nước này bị cấm sử dụng.

“Được, thế thì tốt, cha không muốn nó chôn trong đất của chúng ta.”

“Con chó quá to!” Susan nói với vẻ thờ ơ “Peter bảo phải mất nửa ngày mới đào xong cái lỗ, nếu muốn chôn nó. Anh ấy tiếc là đã làm phí mất một con chó tốt.”

“Nó là một con thú hoang!” Ông William nói.

Rồi sự im lặng lại buông xuống, tuy nhẹ nhàng mà căng thẳng. Bà Elinor bất thần phá tan sự im lặng ấy. Bà hỏi:

“Con định làm chuyện gì mà sợ làm phiền lòng ba mẹ đấy?”

Bà vào khi Susan đang bật đèn. Bà ngồi vào cái ghế bành bọc nhung, và trái với thói quen thường ngày, bà đốt một điếu thuốc, vừa hút vừa nhăm nháp tách cà phê.

“Có lẽ chúng ta cũng chẳng phiền lòng gì đâu,” ông William nói.

“Có chứ, có đấy,” Susan tuyên bố “nhưng không thể nào tránh được, con nghĩ thế. Con biết con đã làm cho ba mẹ thất vọng vì con đoán chừng ba mẹ đã hiểu được ý con, là con không muốn đi học nữa...”

Ông William đã sợ điều ấy. Susan đã nói bóng nói gió về việc này khi ở bãi biển, và lúc về nhà, ông đã thấy được quyết tâm của cô muốn bỏ học, ở nhà hẳn. Cả hai ông bà không ai nói gì cả. Susan gạt mớ tóc ngắn phủ xuống trán, và chơi đùa với chiếc nhẫn trên tay.

“Con muốn kết hôn với Peter, ngay lập tức,” Susan nói.

“Ồ không!” Bà Elinor kêu lên, đưa tay ra như để ngăn lại.

“Thưa mẹ, con không muốn nghi lễ rành ràng.”

“Trời đất, con!” Bà lại kêu lên.

“Peter có vẻ đàn độn, con biết chắc như thế. Đừng, ba mẹ đừng nói gì với con hết. Con biết rõ từng lời ba mẹ có thể nói với con. Con biết ba mẹ nghĩ

gì về Peter. Con thấy rõ điều đó trong mắt của ba mẹ mỗi lần ngó anh ta. Vì thế mà con đã bảo anh ta đi về hôm nay. Con muốn chỉ mình con trình bày hơn thiệt với ba mẹ. Con biết ba mẹ nghĩ gì về anh ta.”

Mặt cô cau có, tỏ vẻ giận dữ. Bà Elinor hỏi:

“Và điều đó chẳng có nghĩa lý gì đối với con cả sao?”

“Không, không phải là con chẳng lấy làm điều, nhưng nó không thay đổi được gì nơi Peter cả. Con sẽ lấy anh ấy làm chồng.”

“Chừng nào?” Ông William hỏi, cổ như nghẹn lại.

“Bất kể ngày nào, càng sớm càng tốt.”

Sự im lặng lại bao trùm lấy mọi người. Đây là kết cuộc của lũ con ông, ông William thầm nghĩ. Vì chúng nó mà ông phải làm việc cực nhọc, từ chối các thú vui của riêng mình, vì chúng nó mà ông phải thức dậy nửa đêm - ông nhớ lại con gái ông có thói quen khát nước sau nửa đêm, khi ông đang say giấc ngủ đầu hôm, đêm này qua đêm khác, ông phải trở dậy đi kiếm ly, rót nước cho con để chia phần trách nhiệm và san sẻ với bà Elinor. Công việc đó đâu có nhẹ nhàng, ông thuộc hạng người bị căng thẳng thần kinh, một khi đã thức giấc thì rất khó ngủ lại, vì thế làm xong công việc ấy thì phải mất một hai giờ tìm lại giấc ngủ. Và công việc ấy kéo dài nhiều năm. Một ly nước đầy bên giường nó đâu đã đủ. Nó còn đòi cha nó phải làm thật nhanh, nó phải cảm thấy cha nó hiện diện bên nó, và ly nước phải thật đầy. Ông William vừa hỏi vừa vỗ về con:

“Con hãy giải thích cho ba nghe, tại sao con yêu nó? Nếu ba hiểu được, ba sẽ dễ dàng để con ra đi. Bởi vì một khi con đã yêu nó là con bỏ ba mẹ hoàn toàn.”

Ông nhìn thấy vẻ sợ hãi trong đôi mắt của Susan khi ông nói những lời đó.

Bà Elinor vội vã nói:

“Không đâu. Nó trở lại gia đình mình lúc nào mà chả được. Hôn nhân đời bây giờ có gì là vĩnh viễn. Xin ly dị là được thôi. “

“Con không bao giờ ly dị. Peter muốn làm gì thì làm. Con mãi mãi trung tín với anh ấy.”

“Con hãy giải thích cho ba nghe, tại sao con yêu nó?” Ông lại hỏi lần nữa.

Câu hỏi này làm cho Susan luống cuống, đến độ không biết nói sao. Cô cắn môi dưới đỏ tía, và nhìn móng tay.

Ông William nói tiếp:

“Nó không đúng là hạng người mà ba mẹ nhắm cho con. Ba cũng chẳng tiếc rẻ lắm chuyện con bỏ đại học sớm. Ba biết đàn bà con gái bây giờ vội lấy chồng, vì chiến tranh có thể xảy ra bất cứ lúc nào, điều đó cũng dễ hiểu. Nhưng Peter là một người xa lạ đối với ba mẹ, và phần nào nó cũng còn xa lạ đối với con, ba nghĩ vậy.”

Ông giữ giọng nói bình tĩnh, thái độ của một quan tòa, và càng thực tế càng hay. Muốn cho con có thì giờ suy nghĩ trước khi trả lời, ông nói tiếp:

“Ba mẹ biết con hơn là con tưởng. Ba chẳng theo phong tục Á Đông chọn chồng cho con gái. Nhưng dù sao, ba mẹ cũng biết rõ con hơn.”

“Vâng, phải nói là ba mẹ biết con rất rõ. Ba mẹ biết con không ăn được gan, không ăn được hành, mà con thích nhất là màu xanh lá cây, con thích chơi quần vợt, con không thích môn toán. Nhưng những điều con nghĩ và những điều con cảm, cha mẹ không biết đâu.”

Susan nói, tiếng tắt nghẹn trong cổ, và cô nuốt nước mắt.

“Có những điều con không nói ra thì ba mẹ không biết.” Ông William trả lời một cách nghiêm chỉnh. Ông hết sức muốn đưa tay ra kéo con lại trên gối mình như khi nó còn nhỏ, để ngăn không cho nó khóc nữa. Nhưng bây giờ con gái ông đã là một người đàn bà. Một người đàn ông khác có thể làm được điều đó, nhưng không phải ông.

Bà Elinor vẫn làm tỉnh, đốt hết điếu thuốc này đến điếu thuốc khác. Bà có hiểu không, bà không hiểu sao? Ông nhìn bà có vẻ trách móc, bà hiểu được ngay ý nghĩ của ông, nhưng bà tảng lờ. Bà làm ra vẻ như muốn nói với ông rằng ông hãy xử lý theo ý của ông. Và thật vậy, ông sẽ làm như thế. Susan không thể nào quá khác với đứa con mà ông đã biết và ông đã hết lòng yêu thương. Nó không có tính rắc rối. Trái lại nó thẳng tính, cường điệu khi nóng giận cũng như khi yêu đương, đơn giản hơn Edwin rất nhiều. Susan không có những lúc ngậm miệng ăn thua như anh của cô. Cô chỉ thay đổi từ khi gặp Peter đến nay.

“Con gặp Peter ở đâu?” Ông hỏi với giọng khó chịu, ngỡ ngàng vì chưa bao giờ đặt câu hỏi ấy.

“Tại một đêm vũ hội.”

Có thể là như vậy, ông tự bảo trong khi Susan kể tiếp. Họ gặp nhau vào giai đoạn mà các lớp học đều lộn xộn vì chiến tranh. Peter từ Thái Bình Dương trở về, và trên đường đi, dừng lại để thăm một người bạn đồng đội ở Poughkeepsie, một người quê New York mà Susan đã có dịp làm quen qua một cô bạn. Cậu này dễ mến, học ở Yale. Peter đã là chiến hữu của cậu ta nơi một hòn đảo xa xăm, và có lúc đã cứu mạng Peter.

Susan bật cười trong khi kể chuyện.

“Câu chuyện theo lẽ phải xảy ra ngược lại. Peter to lớn, còn Eliot thì bé tí, mà không phải chỉ bé về vóc dáng mà còn nhát như thỏ. Cha cậu ta là mục sư thuộc giáo hội Anh quốc, nhưng không có chút gì là giống con một mục sư cả, mặc dù con biết là cậu ta cũng có ý định đi giảng đạo như cha. Peter len lỏi vào trong các ngọn núi ở Okinawa, sẵn sàng tỏ ra mình là anh hùng, còn Eliot thì đang chết khiếp (chính cậu ta thú nhận như thế). Cậu ta len lỏi theo sau Peter, thật sự được Peter che chở, sẵn sàng nhắm đạn vào bất cứ gì anh ta trông thấy. Thế nhưng, chính Eliot lại trông thấy kẻ thù trước tiên, và đã bắn trúng.”

Susan lấy lại giọng bình thường, hai mắt ráo hoảnh:

“Peter không bao giờ quên chuyện ấy. Eliot đứng tới vai của Peter là cùng, và Peter chỉ dùng một cánh tay cũng đủ nhắc cậu ta lên khỏi mặt đất.”

Điều đó đã làm cho Susan thích thú.

“Tại sao con không yêu Eliot?” Bà Elinor hỏi cách bình tĩnh.

Susan dùng hai tay vuốt tóc, có vẻ khích động.

“Ôi, làm thế nào được? Eliot thì bé tí và yếu đuối. Còn Peter thì to cao và khỏe mạnh. Phải chi ba mẹ nhìn thấy anh ta chộp con chó... Xem như anh ta chiến đấu với một con gấu, siết nắm tay quanh cổ con chó và đẩy đầu nó ra sau, cho đến khi nghe tiếng xương cổ nó gãy đánh rắc.”

“Susan...!” Bà Elinor rùng mình kêu lên.

Susan nhìn mẹ, lạ lùng.

“Mẹ khó chịu, phải không? Con thì không. Đó là sự khác biệt giữa thế hệ của mẹ và thế hệ của con. Đó cũng là điều làm con yêu một người như Peter. Với Peter thì con được tự do hoàn toàn. Con chả cần lưu ý đến điều gì con nói, việc gì con làm. Điều mà cả ba lần mẹ không hiểu, đó là thời thế đã thay đổi rồi. Thế giới bây giờ đâu phải là thế giới mà ba mẹ hình dung, hay là thế giới mà ba mẹ bảo con nó là như thế. Là một thế giới khác rồi, không có gì ngăn chặn nó lại được, và chính con sắp sống trong cái thế giới đó. Peter hiểu con muốn nói gì. Anh ấy cho rằng chỉ có sự cương quyết đấu tranh cho đời sống là đáng nói thôi. Tất cả những gì cũ kỹ, dẹt dẹt, mềm yếu, đều đã biến mất. “

“Nhưng Eliot?” Ông William nói cầu may.

“Đó là một chuyện ngẫu nhiên,” Susan hăng hái nói “Cái đó không thay đổi được gì cả. Eliot đã nói cậu ta chẳng có tiên liệu gì cả, cậu ta đang chết vì sợ. Cậu ta cũng chẳng biết cơ sự đã xảy ra làm sao. Cậu cũng chẳng nghĩ đến Peter nữa.”

Susan vụt đứng dậy, bước đi một cách nhàn nhã trong phòng khách, đong đưa cái váy rộng màu xanh của mình.

“Con sống với Peter thật là thoải mái. Anh ta chả thiết cái gì cả: những kiểu cách đẹp đẽ của con, những lịch thiệp của con...”

“Nó cũng chẳng lưu tâm đến vệ sinh nữa!” Bà Elinor nói cay.

Susan quay về phía bà, đáp:

“Không. Anh ta coi như không, coi như chẳng có gì quan trọng. Cái đó hợp với anh ta. Con hiểu được điều đó. Ngày nào cũng tắm, cũng kỳ cọ, cũng chà xát, vào nhà chùi chân, ra ngoài phải mang dép, thì bụi bặm trở thành một điều kỳ diệu... Con vào nhà anh ta bùn lấm đến đâu tùy thích. Con có tắm hay không cũng không ai để ý. Con có thể ăn theo ý con muốn, ăn chỗ nào con thích, ăn thứ gì con ưa, nói hay làm gì tùy ý, kể cả chửi thề, nếu con muốn. Đó là cách sống của Peter và con thích như vậy.”

“Thực sự, chưa bao giờ con nói về gia đình của Peter cả,” bà Elinor nhắc.

Susan hết nhìn người này đến người khác như thể cô ta muốn hỏi cô có tin cậy vào họ được không. Ông William thấy được điều đó, nên dẹt dẹt khuyến khích con:



“Con nói đi, nhà cửa nó thế nào?”

Susan can đảm, xua đi những nỗi nghi ngờ, và cha mẹ cô cố gắng theo dõi câu chuyện.

“Ba mẹ có thể gọi đó là một cái chòi cũng được, nhưng nó có rất nhiều gian, càng sinh thêm con thì càng tiếp tục cất thêm ra nữa. Một ngôi nhà bằng gỗ, khuất giữa một cánh rừng cách đường lộ hai dặm, và cách gara của Peter cũng chừng đó. Một nông trại thô sơ giữa lưng chừng núi. Mùa màng thu hoạch từ mảnh đất ấy với những dụng cụ thô sơ, cũ kỹ, không đủ cho con cái ăn, nhưng nhờ không khí thanh khiết, và nguồn nước trong lành, con cái họ to lớn, mạnh khỏe và chắc nịch. Tất cả có sáu trai, hai gái. Peter là út, nên khi sinh ra thì các anh chị đã rời khỏi gia đình, chỉ trừ một người chị trở lại với ba đứa con trai khi chồng bị tử trận, nghe đâu bên Miến Điện mà họ cho đó là một thành phố. Nhà chỉ có một cái gác gỗ, còn thì là gian trệt kế tiếp nhau, gian giữa dùng vừa làm bếp, phòng ăn và phòng khách. Đó là một gian dài đã hư nát, chắt đây bàn ghế đã dùng rồi, ghế ngồi thì thùng sâu, hình dáng chông chênh, gối đệm độn lông ngỗng hay nhồi bông vải rừng, ngồi khá êm. Không có sân, nhà nằm giữa vườn rau và cánh đồng. Những con gà giò, vài con ngỗng sẫm màu, chạy qua chạy lại dưới thanh gỗ hình cong của cổng vào.”

Ban đầu Susan cũng ghê tởm cái nhà, song ở lâu, cô khám phá ra là nó sạch theo kiểu của nó. Nhà không có tranh vẽ, đệm nằm nhồi vỏ trái khô, hoặc nơi phòng dành cho khách mà cô đang ở, đệm nhồi bằng lông ngỗng. Nhà cũng chẳng có quyển sách nào ngoài quyển Thánh Kinh của gia đình, và một ít sách ảnh mà chẳng ai muốn đọc. Cũng chẳng có đàn, trừ cây đàn ghita mà Peter thỉnh thoảng chơi khi có hứng. Người ta đi tắm trong suối, cách đó một phần tư dặm, hoặc tắm nơi cái ống dẫn nước đặt trong hầm củi. Ông Dobbs già có nói chuyện bắt điện, song chẳng ai tin mà cũng chẳng ai quan tâm đến việc đó. Bà Dobbs nấu bếp trên cái lò bằng gang và giặt áo giữa trời với nước sôi trong thùng giặt bằng sắt nấu củi.

Dù vậy, Susan quyết rằng cô thích sống ở đó: cảnh vật yên tĩnh, cây cối to lớn và im lìm, nước suối trong, nếu không muốn nói thì ngậm thính, vì nói chỉ là chuyện thừa. Marianna, chị của Peter tính hay buồn, nhưng vẫn tiếp

tục sống, linh hoạt, bà lo cho các con bà và giữ chúng nó rất sạch. Bà yêu các con hết lòng, nhưng có thể quở mắng dữ dội khi cần. Trong gia đình, họ không có phân biệt đối xử. Họ biết cách cư xử với từng người một, và hết thảy đều mạnh, không mập, song rất khỏe. Chuyện học hành xem ra vô ích, đời sống đơn sơ và dễ chịu. Họ khoái nhìn Susan cắm hoa trong một cái ấm, mà chẳng một ai trong họ có ý nghĩ làm như thế. Buổi chiều họ ngồi dưới cổng vào, có kẻ nói chuyện có người không. Sao cũng được.

Điều Susan không nói ra được ở đây, trong phòng khách phía Đông này, bởi vì đóng khung trong vùng núi, tình yêu trở nên sâu thẳm, đến độ không còn gì ngoài nó cả. Yêu hay là ghét, thức hay là ngủ, sống hay là chết, là những chuyện đối kháng nhau và phải chọn lấy. Những chuyện rắc rối, sự văn minh, đơn thuần là chuyện không có thật.

“Thế hệ của con khá đầy đủ những gì văn minh,” sau cùng Susan nói, giọng nói quá đổi già dặn “chúng ta không hiểu tại sao chúng ta phải làm điều thiên hạ nói, hoặc phải chết vì lý do mà chúng ta không hiểu được. Chúng ta mỗi một bị đùn qua đấy lại. Ở trên đó, nơi núi rừng, chẳng ai điều khiển con nữa. Con chỉ còn lo sống và sống với Peter.”

Ông bà William im lặng nghe con nói, họ cảm thấy ngỡ ngàng, bị xúc phạm. Bà Elinor để điếu thuốc xuống mà tay bà run run. Bà ghen ngào nói:

“Đó chẳng phải chỉ là trở về nguồn mà thôi, mà là chọn một con suối lạ, là loại bỏ sự văn minh. Con cũng chưa văn minh đủ để hiểu văn minh là gì. Nhưng tại sao? Tại sao?”

Bà chẳng đặt ra một câu hỏi, mà chỉ kêu lên là bà không hiểu nổi, trước sự bí nhiệm này. Ông William đến bên bà, nắm lấy bàn tay đang run run của bà:

“Em đừng đau lòng quá thế như vậy, em yêu.”

Susan quay mặt lại nhìn họ giận giữ, hai mắt sáng ngời.

“Ô kìa, ba mẹ! Ba mẹ biết gì hơn, ba mẹ chỉ biết một điều đã chết, đã biến mất. Con sẽ được an toàn với Peter, ba mẹ có hiểu không? Dù có gì xảy ra đi chẳng nữa, con vẫn an toàn với anh ấy. Anh ấy cứng cỏi, hùng dũng, chả sợ ai. Peter có hai nắm tay và luôn sẵn sàng chiến đấu.”

“Trời đất! ...” Ông William than “Đời người đơn giản đến thế sao? Ông quay mình và không chống nổi ý muốn bỏ đi.”

Ông rút lui về thư phòng và đóng cửa lại. Rồi ông ngồi xuống, hai tay ôm lấy đầu. Những lời con gái ông nó đã làm chết tất cả niềm tin của ông. Có những năm tay, chuẩn bị chiến đấu, trèo qua quả núi để đánh úp quân thù, chẳng cần biết là quân thù nào, sự điên cuồng của tấm lòng chân chất đến thế đã làm tan nát trái tim ông!

Và trí thông minh đã trốn đi đâu mất rồi? Ai đã giết chết nơi thế hệ này, sự dũng cảm của tinh thần, sự gan dạ của tư tưởng, chân lý của con người có bao giờ tái sinh trở lại? Ông đã lỗi lầm gì trong tư cách làm chồng, và Elinor trong tư cách làm vợ, để con của họ, kho tàng của họ, có thể chọn để chui vào nơi trú ẩn của súc vật như vậy? Susan cũng ngốc nghếch như Jessica, những mộng mơ của cô cũng huyền hoặc và lòng tin của cô chắc cũng sẽ bị diệt vong.

Ông đứng lên, đi qua đi lại trong phòng một hồi lâu, đó là cách biểu lộ nơi ông sức linh hoạt của tư tưởng, mỗi khi gặp ca rối rắm về pháp lý. Trí khôn của con ông vẫn còn, nó chỉ bị lầm lạc vì tình cảm, vì những gay cấn ở đời, vì lo sợ vô ý thức của thế hệ mình, gây ra bởi một nỗi âu lo không ngừng vì chiến tranh có thể làm tổn thương người vợ cũng như người chồng, người vợ mà nền tảng là tình yêu và tổ ấm. Susan sẽ giữ được trí khôn lành mạnh, nếu ông tách được cô ta ra khỏi ảnh hưởng của Peter, dù chỉ một thời gian ngắn, đem cô ta đi nghỉ với bà Elinor ở một nơi nào đó, có thể sang Anh, nơi người ta đã bảo ông rằng người đàn bà chung thủy hơn, chín chắn hơn, trong một dân tộc có lâu đời hơn dân tộc của ông, có thể cô ta sẽ được cứu thoát. Cô ta còn ngây thơ quá để chọn lựa tương lai cho mình. Ông quyết định nhanh chóng. Nhiều công việc luôn đợi chờ ông ở Anh. Ông tạo cho nó có tính cách thúc bách và đòi hỏi phải ra đi tức thì, ngày mai nếu được. Nếu Susan không chịu đi theo, ông sẽ bắt buộc cô. Gương mặt dài rám nắng của ông trở nên nghiêm khắc, ông lấy vẻ mặt nghiêm nghị mà các phạm nhân thường khiếp sợ, mở cửa và nhất định đương đầu với đối thủ yêu quý của ông. Ông nói:

“Chúng ta đi sang Anh.”

Ông đứng, tay cầm cái kính lão đưa qua đưa lại. Ông nói:

“Tôi đã gọi điện thoại giữ chỗ trên chiếc tàu thủy Queen Mary. Cuộc du hành bằng tàu thủy qua biển cả sẽ làm sáng sủa tâm trí của chúng ta, và cho chúng ta có thời gian suy nghĩ. Chúng ta sang bên Anh để xem thanh niên nam nữ ở bên đó có tư tưởng quay về chiến tranh và đánh đấm hay không.”

Ông hết nhìn gương mặt ngỡ ngàng của người này đến người khác. Ông nói tiếp:

“Tôi không yêu cầu các người tán thành tôi, mà đòi hỏi các người phải tuân phục. Chúng ta hết thấy đều cần có định hướng. Ba cần cho con đấy, Susan ạ. Hiện giờ con cư xử như một con ngốc! Thế giới không đáng chán như con tưởng đâu. Con đã tự đặt mình ở mức độ khá thấp để phán đoán, mà còn nhiều cách nữa. Cảm ơn Chúa, thanh niên không phải tất cả là những tên như Peter. Các anh của con là một chứng minh...”

Susan cãi lại. Cô nói giữa hai hàm răng khít rịt:

“Hai người đó! Ba có nhận Winsten là một con người đúng nghĩa hay không? Anh ta là một người cha, đơn thuần chỉ là một người cha mà thôi.”

Bà Elinor cau mày lớn giọng:

“Câm miệng lại đi, nó đến kia kìa...”

Và Winsten đến thật. Anh từ nhà thương về. Anh đứng ở ngưỡng cửa, dáng điệu sợ sệt, nhìn họ mỉm cười, nụ cười tê tái. Anh hỏi:

“Mấy đứa trẻ có ngoan không mẹ?”

Anh ta đã bắt chúng đi ngủ sớm, trước lúc anh ra đi. Bà Elinor đáp:

“Mẹ không nghe một tiếng động nào, chắc chúng nó đã ngủ cả rồi. Con đã ăn tối chưa?”

“Con đã ăn ở Manchester” Winsten nói. Anh đi vào và ngồi xuống đốt một điếu thuốc.

“Madge ra sao?” Bà Elinor hỏi.

Phải có ai đó để hỏi cái câu cần hỏi chứ. Ông William thì ngồi bất động, còn Susan thì đang quạu.

“Vợ con rất khỏe. Bác sĩ quả quyết cuối tuần cô ấy về được” Winsten nói có vẻ nhẹ mình “Người ta cho cô ấy được dậy ngày mai. Thật lạ lùng. Cái gì hôm nay cũng có vẻ lạ lùng. Chúng ta làm những chuyện mà hôm qua người ta đoán là xấu.”

Winsten lại mỉm cười bằng một nụ cười héo hắt, và bắt gặp vẻ chiến thắng trên gương mặt của Susan. Anh ta quay về phía ông William và hỏi:

“Con có làm cản trở câu chuyện của ba không?”

Susan đứng lên, vẻ cương quyết, nói:

“Không, không có chi. Con đi nghỉ đây. Thế là hết, thưa quý vị.”

Cô đưa hai tay cầm cái váy rộng của mình và vừa đi ra vừa nhún nhảy, hai chân như không đụng đất. Ông William quan sát con và hiểu là cô con gái của ông nhất quyết không vâng lời ông. Ông trăn mình, ngồi thẳng người, ông cảm thấy mạch máu căng lên trong huyết quản một cách nguy hiểm, ông tự bảo: đây là cái cách làm cho máu tăng lên quá độ, bọn trẻ thường dùng để làm cho bọn già mau chết. Ông buộc lòng tự thư giãn, hít những hơi thật sâu và không để ý gì đến câu chuyện thuốc men giữa Winsten và bà Elinor. Một lát sau, bà Elinor hỏi:

“William, anh thấy khó chịu trong người à?”

“Ừ,” ông trả lời với cách cực chẳng đã “nhưng chẳng hề chi, em đừng lo. Winsten, con vừa nói gì khi nãy?”

“May phước con đã sinh ra gặp thời, con đã thoát được cuộc chiến tranh trước và quá già với cuộc chiến tranh sau.”

Ông William đứng dậy nói:

“Hôm nay tôi cảm thấy mệt kinh khủng!”

Ông do dự, và bỗng nhớ lại, nếu để Winsten một mình với mẹ, thì bà Elinor sẽ kể chuyện ông lo lắng cho Susan, và Winsten bao giờ cũng hành động theo lương tâm, sẽ coi như là bốn phần thuật lại cho mẹ anh nghe những lời nói phi lý của Jessica về ông. Nhưng sự mệt nhọc tràn ngập con người ông, che lấp mọi chuyện khác.

“Anh đi nghỉ đây em,” ông nói mạnh dạn hơn.

Ông cúi xuống hôn vào má bà và cảm thấy bàn tay bà phớt qua mặt mình. Ông vừa bước lên cầu thang vừa nghĩ: như thế đủ rồi. Hôm nay như thế này còn hơn là đủ nữa. Thật là một phép lạ là ông còn đủ sức để làm việc nuôi vợ nuôi con.

Đêm ấy ông ngủ thật ngon, đến nỗi bàn tay bà Elinor vuốt ve má ông mà ông lại tưởng là nằm mơ kéo dài sự từ già vừa qua. Ông tỉnh giấc. Ông nghe

tiếng bà Elinor gọi ông từ một chốn xa xăm.

“William, anh yêu. Dậy đi. William, William!”

“Cái gì thế?” ông nói không ra tiếng, và chơi vơi như rơi từ cõi hư vô.

Bà Elinor ngồi xuống giường, một bím tóc có ánh bạc tòn ten rủ xuống trên vai trần của bà. Bà hỏi:

“William, anh đã tỉnh chưa? “

“Rồi, tỉnh rồi!”

“Chưa, chưa tỉnh đâu, anh bạn khốn khổ của em. Ồ, William, anh thử xem.”

Ông dần dần tỉnh thức, nặng nề vươn khỏi bóng tối, mở mắt và nhướng mày nhìn bà. Ông hỏi:

“Có gì bất ổn sao em?”

“Em định không thức anh dậy” bà thỏ thẻ “Nhưng em lại cảm thấy làm thế không nên. Anh hãy đến bên cửa sổ, mà đừng gây tiếng động.”

Ông đứng lên. Bà nắm lấy bàn tay ông, hai người lần mò đến bên cửa sổ. Bà vén rèm cửa, và nói thật khẽ:

“Anh trông kìa.”

Qua màn sương mù, ánh trăng chiếu soi mặt cỏ và con đường. Ông thấy có chiếc xe hơi, xe của Peter. Còn anh chàng thì đứng kế bên, bất động. Bà Elinor nói:

“Phòng Susan có ánh đèn. Em nghe tiếng nó khua động được nửa giờ rồi. Em nghe tiếng nó lên tầng trên và em biết không sai diễn tiến của sự việc. Em chờ xem xe của Peter đến ngoài đường và ngừng trước nhà. Bây giờ là bốn giờ sáng.”

Ông William vội vàng bước ra cửa lớn, nhưng bà níu giữ ông lại.

“Anh đợi tí, đợi tí đã... Ý kiến của anh sang Anh thật là hay. Nhưng điều ấy hoàn toàn vô ích. Nước Anh cũng không gây được ấn tượng gì cho nó, cả Peter cũng thế. Có lẽ đối với chúng ta, chắc có. Mà đối với chúng nó thì chẳng có ai làm được gì. Anh William, anh hiểu không?”

“Em muốn để nó làm hỏng cuộc đời của nó sao?” Ông William nói giọng khàn đặc.

Bà choàng hai cánh tay qua cổ ông, rồi nói:

“Cứ để cho nó ra đi, anh William. Như thế có ngày nó sẽ trở lại. Nếu chúng ta tìm cách ngăn chặn nó, thì nó thà chết còn hơn là trở về....”

Ông thấy mình quá do dự nên không nói ngược lại. Biết đâu bà có lý?

Bà đưa ông trở lại cửa sổ, tay trong tay, họ đứng chờ. Trái tim của họ cùng đập một nhịp đau thương, cái đau của riêng những người tuổi tác, cánh cửa được mở nhẹ, và Susan bước ra, mỗi tay xách một cái vali. Peter giành lấy và để vào phía sau xe. Cả hai hành động trong im lặng, hai cái bóng trong sương mù, chúng ôm nhau, siết nhau một lúc lâu rồi lên xe. Xe chuyển bánh, đi chậm chậm qua con đường trải sỏi, qua cửa song sắt và biến dạng vào đêm.

Ông William thấy bà Elinor đang run rẩy. Bà khóc. Ông ôm bà vào lòng và siết vào ngực. Bà đã khóc bao lâu rồi? Chắc bà đã không khóc từ nhiều năm... Ông đâm sợ và cảm thấy thù ghét con gái ông. Nó cứ đi đi, cả tụi chúng nó cứ đi hết đi. Miễn là ông giữ được người vợ yêu quý của ông, chỉ một mình bà thuộc về ông là được rồi.

“Anh tự hỏi, tại sao chúng ta không bao giờ còn có con nữa?” ông rít lên một cách dữ tợn, cổ như nghẹn lại.

Ông có cảm giác là bà đang nén tiếng khóc, nuốt vào những tiếng nước nỡ, và cố gắng để giữ bình tĩnh.

“Ôi, em cứ khóc đi,” ông năn nỉ bà “Đối với anh, điều đó chẳng có sao. Vì vậy, em cứ khóc đi, em yêu...”

Bà lắc đầu và đứng nhích ra xa ông một chút. Bà nói:

“Em không muốn, không muốn khóc. Em khóc sẽ làm cho lòng anh tan nát, mà ở tuổi em...”

“Ý nghĩ gì kỳ quái vậy?”

“Không, em biết mà!”

Bà đưa tay áo nhàu nhò lên chặm mắt, nuốt nước bọt một hai lần, rồi bà nói sau một lúc:

“Em tự hỏi...”

“Em muốn biết gì nào?” Ông hỏi, giọng thiết tha.

Bà lại lắc đầu, cắn môi và nói tiếp:

“Em tự hỏi, chúng ta có nên nói với chúng nó biết là chúng ta đã thấy chúng nó ra đi, mà cứ để vậy?”

Ông mỉm cười cay đắng:

“Điều đó làm tan nát cõi lòng chúng nó, vì chúng ta đã không giữ chúng nó lại. Điều đó làm hỏng tất cả tính cách anh hùng...”

Bà mỉm cười, cười thành tiếng, rung lên, đứt quãng.

“Anh nói thế là đúng. Chúng ta không nên nói lại...”

Rồi quay về phía chồng, bà lao mình vào tay ông, rúc đầu vào cái hốc trên vai ông và khóc một cách tuyệt vọng.



## VI

**H**erbert không còn như trước nữa, ông William nhận thấy thế. Trước đây, đi xe hơi trên con đường dài đến New York, nhất là trong mùa xuân, khi cây thù du trải bông từng cụm trắng ven đường, ông thích thú biết bao nhiêu thì nay ông cực lòng bấy nhiêu. Herbert trước đây là một tài xế bình tĩnh, không dao động, bây giờ thì trở nên khinh xuất và nông nổi. Chiều hôm trước, ông có phàn nàn với bà Elinor về việc này, nhưng anh ta đổ là tại đường làng xấu.

“Hễ Herbert lái xe vào con đường đó, thì anh ta tưởng mình có quyền vượt mọi xe trước mặt. Một giờ năm mươi dặm, anh ta cho là chưa đủ. Anh ta chạy sáu chục dặm và nếu anh ta tưởng là anh đang ngủ, thì anh ta cho chạy đến tám chục dặm giờ. Năm nay cảnh sát đã thổi còi đến gần cả chục lần.”

“Đâu phải là tại đường xấu” bà Elinor nói, “mà tại Jessica. Herbert đã nhờ em nói với bác sĩ Viện trưởng tuần vừa rồi, hỏi xem Jessica bình phục chưa, để có thể về nhà, và đem cháu bé về trước khi nó khôn lớn quá. Con bé đã gần ba tuổi, và chỉ biết có cô nhi viện. Điều đó đã làm cho em thật sự khổ tâm.”

Ông William không lòng dạ nào muốn nhắc đến Jessica. Qua bao năm cô ta bị nhốt, đôi khi trong lúc chuyện trò cũng có nhắc tới cô, điều đó làm sao tránh khỏi. Ông coi cô ta là nguy hiểm, và nhớ đến những điều cô ta đã nói với Madge. Nhưng chẳng ai nhắc đến chuyện ấy nữa, và thái độ của Winsten và Madge đối với ông cũng không có gì thay đổi trong những dịp họ về thăm, càng ngày càng thưa thớt hơn, kể từ khi sinh đứa con thứ bốn, một bé trai, nên đến lễ Noel vợ chồng họ cũng không về được. Mỗi năm họ về một

hai bạn, và ông William không tránh khỏi cảm giác khó chịu trước mặt họ, dù tên Jessica không có nêu lên. Nếu tình cờ có ai nhắc đến, Madge cũng có thái độ dửng dưng. Lũ con của cô đã thu hút hết sự chú ý của cô, và là đầu đề câu chuyện trong khi đàm đạo. Dù vậy, ông William cũng nhận thấy Madge ít chú ý đến chuyện các con nàng hôn ông để tỏ tình theo bốn phận.

Ông trở lại với chuyện bà Elinor đã nói. Ông hỏi:

“Chuyện Jessica, bác sĩ đã trả lời sao?”

“Ông ta nói, có thể cho về thử, nếu cô ta muốn về nhà.”

“Jessica có muốn không?”

“Đó là điều còn phải tìm hiểu...”

\*\*\*

Chiếc xe chao đảo một cách nguy hiểm trong một khúc quanh, và ông William la lên:

“Đừng có chạy nhanh thế, Herbert...”

Herbert giảm tốc độ một cách bực tức, song ông William lặng thinh chẳng nói gì. Xe chạy chậm như vậy chỉ mấy phút. Ông William lại chú mục vào giấy tờ và tốc độ lại tăng lên. Một tiếng còi lạnh lạnh vang lên, ông William mừng vì thấy xuất hiện một cảnh sát giao thông. Ông tự nhủ: để mặc Herbert thư xếp với viên cảnh sát. Ông ngả người ra sau, khoanh tay và lấy dáng điệu của một quan tòa. Herbert cố tình duy trì tốc độ thêm mấy giây, đoạn ngừng xe lại sát bên lề đường. Viên cảnh sát đi mô tô hét lên và đến bên cửa xe.

“Cái gì bắt anh chạy nhanh thế? Anh không biết chữ à? Không thấy các bảng hiệu sao? Chạy bảy mươi cây số giờ...”

Herbert không chịu trả lời. Viên cảnh sát ra hiệu cho ông William hạ kính xe xuống và hỏi:

“Này ông, tại sao ông không bảo anh ta chạy chậm lại?”

“Tôi đã nói nhiều lần rồi!” Ông William bình tĩnh trả lời.

“Tại sao ông không cho anh ta nghỉ việc?”

“Anh ta lái xe cho chúng tôi từ nhiều năm rồi.”

Viên cảnh sát nói:

“Vẫn tịch thu bằng lái dù có lái xe lâu năm cũng vậy, nếu hãn còn tiếp tục...”

Ông William mỉm cười.

“Tôi cho là anh ta đáng tội.”

Viên cảnh sát có vẻ bất giận đôi chút, anh ta nói:

“Ngài đi đâu?”

“Tôi phải có mặt ở Tòa án vào hồi ba giờ. Tôi là cố vấn luật pháp trong vụ thành phố New York chống lại Marty Malone. “

Viên cảnh sát do dự:

“Tôi không được phép bỏ qua cho ông như thế.”

“Tôi có thể nhờ người khác đưa tôi đi, tôi để xe và tài xế lại cho ông.”

Viên cảnh sát vẫn do dự, sau cùng anh ta nói:

“Không. Tôi bỏ qua cho lần này.” Rồi anh ta nghiêng mình nơi cửa trước để dẫn mặt Herbert, “Nếu tôi còn bắt gặp anh lái như thế nữa, chắc chắn anh sẽ mất việc. Mất bằng lái vĩnh viễn. Tôi bảo thật đấy.”

“Có thể tốt,” Herbert nói, hai hàm răng cắn chặt, cái miệng nhỏ biến mất giữa hai cái má núc ních mỡ.

“Có thể tốt!” Viên cảnh sát lặp lại cách châm chọc. “Có thể, chắc chắn là tốt. Đã vậy, đây là lần cuối cùng. Bây giờ, anh có thể chuồn đi.”

Viên cảnh sát ra hiệu cho xe chạy tiếp. Ông William làm tỉnh, nhưng vẫn nghĩ không biết Herbert có sợ không?

Đến văn phòng trễ, ông vội vã sắp xếp nơi bàn giấy và bắt gặp mẫu tin nhắn điện thoại của bà Emma. Ông định dời lại ngày khác sẽ gọi cho bà ta, nhưng sức nhớ bà dì vợ tuổi đã khá cao, sức khỏe mong manh, nên ông liền điện xin liên lạc ngay với bà. Qua đường dây thành phố, tiếng nói già nua run rẩy của bà Emma văng đến tai ông với một giọng the thé:

“William, phải anh đấy không?”

“Phải, thưa dì Emma. Tôi có thể giúp gì được cho dì?”

“William, tôi vừa nhận được thư của Jessica. “

“Cô ta muốn gì?” Ông hỏi một cách giận dữ. Jessica hiện tại đối với ông không còn nghĩa lý gì cả.

“Cô ta muốn trở về nhà. Cô ta bảo, cô ta không chịu nổi cái chỗ ghê tởm mà cô đang ở. Cô ta muốn thăm con bé của cô. Cô ta bảo là con bé cũng phải được trở về nhà. Cô ta bảo, người ta đối xử với cô không tốt. Đứa bé cũng chả biết ai là mẹ nó.”

“Điều đó có gì lạ đâu,” ông William nói với vẻ cứng cỏi, “vì cô ta có bao giờ săn sóc nó đâu.”

“Nhưng bây giờ cô ta muốn săn sóc đứa bé,” bà Emma nói “Tôi thấy rằng anh phải đưa cô ta ra khỏi cái chỗ ghê tởm đó.”

“Tôi biết, Elinor đã nói chuyện với bác sĩ phụ trách.”

“Anh nói gì?”

“Dì có ống nghe bên phía tai còn tốt của dì không?” Ông William hỏi.

“Hiện tại không cái nào tốt hơn cái nào!”

“Tôi nói là Elinor đã nói chuyện với bác sĩ,” ông lặp lại bằng một giọng chậm rãi, rõ ràng.

“Tốt, mà nó có sắp về không?”

“Nếu cô ta muốn.”

“Thì nó ao ước như vậy mà!”

“Thế thì, tôi cho là cô ấy sắp về.”

“Tốt, tôi sẽ viết thư cho cô ấy biết.”

“Tốt hơn là dì chờ đã.”

“Chẳng phải là anh đã nói cô ta có thể về nhà nếu cô ta muốn sao? Như vậy, nếu cô ta muốn, cô ta có thể về, phải không?”

“Phải, dì Emma,” ông William nói và không còn biết phải giải quyết cách nào “Ông thêm, - Dì viết thư cho cô ấy đi.”

Câu chuyện khờ khạo này đã làm cho ông bực mình. Ông đặt mạnh ống nghe lại trên máy và cúi đầu vào đồng hồ sơ trên bàn.

Chẳng những tức giận, ông còn lo sợ đến đôi hai ngày sau, khi ông trở về nhà, ông nhớ lại lần nói chuyện đó và kể lại cho bà Elinor nghe, bà nói với ông:

“Nhưng mà Jessica đã về rồi, Herbert không nói gì với anh cả sao?”

“Herbert đang quạu với anh, anh tin vậy. Anh ta bị cảnh sát chặn xe lại trên đường mà anh đã không bênh vực anh ta.”

Bà Elinor nói có vẻ vồ về:

“Em hy vọng một khi cả ba người ấy sum họp trở lại, họ sẽ lấy lại được cuộc sống bình thường.”

Nhưng vào sáng Chủ nhật tới, lại xảy ra một chuyện bất thường. Khi bà Bertha đi nhà thờ, thì Jessica, Herbert và cháu bé lại đến. Bà Bertha đã trở nên sốt sắng phụng thờ Chúa. Chủ nhật nào cũng có một bà láng giềng đến đưa bà đi nhà thờ. Ở đó bà gặp được ơn trợ giúp để bà bớt khóc, bớt than thở về Jessica. Jessica thì đối xử rất tàn nhẫn với mẹ và ác cảm với cô nhi viện, vì ở đó người ta không đủ thương đứa bé. Herbert và cô không nói với nhau lời nào. Ngoài chuyện này ra, thì anh chị và bà Bertha vẫn cư xử với nhau như cũ. Bà Bertha cố gắng một cách đáng thương để xoa dịu anh con rể, song anh ta chẳng để ý đến chút nào.

Sau bữa điểm tâm, vợ chồng ông William đi bách bộ trên bãi cỏ trước nhà, thì thấy chiếc xe hơi cũ mà Herbert vừa mua lại, xe mui trần tự động, màu vàng, đang vọt lên con đường nhỏ và quanh qua đường lớn. Ông William quay mặt đi, chực nghe tiếng xe tông sầm vào cột trụ cổng ngõ to bằng đá. Herbert đã tránh kịp và thảng gập làm tung cát sạn trên đường. Xem ra Jessica không sợ chạy nhanh quá. Cô ta xuống xe, tay dắt đứa bé mặc áo xếp li bằng lụa màu hồng. Herbert đi theo sau, mím cười và tự hào. Jessica thật là xinh đẹp. Ông William trông thấy mà không khỏi rùng mình sợ hãi. Phải chăng cô ta đến để tái diễn giấc mơ quan hệ với vợ chồng ông? Jessica bước tới duyên dáng với nét mặt khiêm tốn thường ngày.

“Kính chào ông Asher, chào bà Elinor. Con sung sướng được gặp lại hai ông bà. Thật là tuyệt vời, sau cùng được trở về nhà con. Sáng nay con đã bảo Herbert thế nào cũng phải đến ngay để tạ ơn ông bà về tất cả những gì mà ông bà đã làm cho chúng con. Không nhờ ông bà nói vào, thì người ta đã không cho con về.”

Tiếng nói của Jessica trong trẻo và dịu dàng hơn bao giờ hết, tuy có đượm đôi chút trầm buồn. Gương mặt cô cũng sắc nét hơn, có vẻ chững chạc hơn, và đôi mắt to màu xanh lơ hơi xa vắng, nhưng cũng khá dịu dàng.

“Xin chào,” ông William đáp lại, còn bà Elinor thì chỉ thấy có con bé.

“Ôi, cháu bé thật xinh!” Bà nói, và quỳ xuống cỏ. Bà cầm lấy bàn tay bụ bẫm của đứa bé và hỏi, “Cháu xinh đẹp, cháu tên gì?”

“Monica” nó trả lời.

“Monica?” bà Elinor lặp lại.

“Con thích tên đó, thưa bà,” Jessica nói, “mặc dù không bao giờ con nghe gọi ai như thế! Tên đó con lấy ra từ một cuốn sách, có lẽ là một cuốn tiểu thuyết.”

Một giây sau, tất cả đã ngồi trên ghế nơi sân hiên. Herbert mỉm cười thở ra, mặt trời chói sáng gương mặt bành bạnh và xanh xao của anh ta. Bà Elinor tách đi một lát, và khi trở lại, trên tay bà có một đĩa bánh ngọt.

“Hãy lấy một cái đi!” Jessica bảo con, giọng nghiêm khắc.

Con bé cầm lấy một cái bánh bằng ngón tay cái và ngón trỏ.

Ông William im lặng, chỉ muốn được rút lui. Ông không có đề tài để nói chuyện trong những trường hợp như thế này. Những màn ghê tởm lại hiện ra trong tâm trí ông, ông không sao giải thích được do đâu nó không để lại dấu vết nào trên người của Jessica, trừ vẻ suy tư làm tăng sự duyên dáng của cô ta.

“Tôi mong rằng cô về lần này là về luôn,” bà Elinor nói với tất cả nhiệt tình.

“Dạ vâng,” Jessica nói với vẻ sốt sắng “Căn nhà của chúng con thật rất dễ chịu. Herbert đã ra sức giữ gìn sạch sẽ. Con muốn lát lại sàn gác bằng giấy cuộn mịn, thứ giấy mà bà đã dùng ở phòng khách. Con cũng muốn bọc lại bộ xa-lông bằng vải nhung màu xanh nhạt, bà nghĩ sao?”

“Như thế chắc phải đẹp lắm!” bà Elinor dè dặt đáp.

“Phải chi con không bệnh, chắc nhà mới của con giờ này cũng đã xây xong,” Jessica tiếp tục nói, nhưng tiếng nói có vẻ hấp tấp hơn, và các phụ âm nghe không được rõ lắm. Hai mắt của cô ta thiếu nét quả quyết, nhìn chỗ này chỗ khác với vẻ băn khoăn, và bỗng đột ngột đứng dậy nói, “Con có thể vào xem lại ngôi nhà yêu quý không, thưa bà?”

“Được, chắc chắn là được thôi!”

Con bé sắp sửa đi theo mẹ, nhưng Jessica liền nghiêm giọng nói:

“Không, không, mà không được vào.”

“Nếu cháu nó muốn, nó có thể đi với cô, Jessica.”

“Không!” Jessica thét lên, giận dữ.

“Thôi con, bê bê của ba, đến đây với ba” Herbert nói và con bé đã được tập quen vâng lời, đến ngồi lên gối của ba nó, song nó không gặm cái bánh, mà cầm nơ tay để khỏi làm bẩn cái áo dài.

Hai mắt Herbert rưng rưng:

“Con biết nói sao điều con muốn nói, thưa ông bà.”

Nước mắt trào ra và tuôn xuống hai má anh.

“Lại còn có gì không ổn nữa sao?” Bà Elinor hỏi, như muốn giúp đỡ anh ta.

“Con có ý nói về việc làm của con. Có lẽ con phải nghỉ việc luôn. Con không đành đi xa, như phải đi New York, và đôi khi bỏ vợ con ở nhà ban đêm một mình. Con nghĩ là tại vì thế, tại vì sự quạnh hiu ban đêm mà vợ con nên nông nổi này. Con về muộn, và đôi khi không về. Có thể nói cuộc đời tài xế không còn thích hợp nữa.”

“Thật là đáng tiếc, Jessica không muốn bà Bertha sống với cô ấy.”

Herbert rút khăn tay lau nước mắt, và giọng anh đành lại:

“Con biết không làm điều gì vợ con nghĩ về bà già. Jessica thì kiêu cách, còn bà già thì quê mùa. Jessica gọi mẹ của cô ấy là: Bà già Đức nhà quê. Thế đấy, cô ấy gọi mẹ cô như thế đấy.”

“Herbert, anh có biết người nhà quê là thế nào không?” Ông William hỏi.

Herbert do dự.

“Thôi, không sao. Nhưng nói chung, họ chẳng có gì đáng ghét cả.”

“Bất kể thế nào, những cảm nghĩ của Jessica đối với bà già không thể nào thay đổi được, trễ quá rồi! Cô ấy không thể nào quên được.”

“Anh có thấy không,” bà Elinor đột ngột nói “Tôi không tin bà Bertha làm gì có hại cho Jessica. Bà ấy đã ở với chúng tôi bốn mươi năm nay, không hại ai bao giờ. Tôi đã biết bà ấy từ hồi tôi còn bé, chúng tôi thường chọc ghẹo bà khiếp lăm, nhưng bà chẳng chút méch lòng. Bà vẫn cười một cách nhân hậu. Hồi ấy bà cười nhiều hơn bây giờ. Tội nghiệp!”

“Bà ấy đã làm khổ Jessica” Herbert nói, vẻ cố chấp.

Họ không còn tranh luận nữa. Bà Elinor đỡ đứa bé ăn bánh, còn ông William thì im lặng hút thuốc. Sau mấy phút, Jessica trở lại, vẻ mặt bối rối.

“Tất cả đều như trước,” cô dịu dàng nói, “tôi còn nhớ tất cả.”

Cô nhìn Herbert với một nét nhìn kỳ lạ:

“Anh hãy đi xuống bếp một lát đi, tôi muốn thừa chuyện với ông bà Asher.”

Herbert đứng dậy, luống cuống, để đứa bé tuột xuống đất.

“Đi đi!” Cô thét lên, nổi khùng và dậm chân.

Herbert tiu ngịu bước đi, vẻ đáng thương.

Trước đây Herbert đã sử dụng vũ lực, bây giờ thì vuốt ve, nhún nhường, điều gì đó thật rõ ràng, nhưng vô ích. Jessica đã thật khỏi bệnh rồi chẳng? Ông William quan sát gương mặt của Jessica vừa xinh đẹp, vừa căng thẳng. Ông kéo ghế nhích gần đến bên bà Elinor.

“Thưa bà Asher yêu quý, bà hiểu cả hai chúng con, có thể là bà hiểu rất rõ nữa, thưa bà. Có cách nào để con ra đi không?”

“Cô ra đi?” bà Elinor lặp lại.

“Đi cho xa nơi đó, xa nhà của con” Jessica nói một cách sôi nổi “ở một nơi quanh vắng như nông trại ấy thật là rùng rợn. Ích lợi gì, thưa bà? Ngày nào cũng làm đi làm lại bấy nhiêu việc. Muốn đi xem hát, xem cinema, không làm sao đi được. Giá như ở thành phố, ít ra con còn đi dạo ngoài đường và nhìn ngắm các gian hàng. Nhưng ở đây chẳng có gì để mà ngắm cả.”

“Tại sao cô không bảo Herbert đưa cô về thành phố?” ông William hỏi. “Dùng cả một buổi sáng Chủ nhật để lo lắng cho Jessica thì thật là buồn cười và kỳ lạ.”

“Anh ta nói, mua một căn nhà hợp với ý con quá nhiều tiền, và con sẽ không bằng lòng nếu không mang theo đồ đạc của chúng con được.”

“Tôi nghĩ là ở nhà của mẹ các người, các người khỏi phải trả tiền thuê.” Ông William nói. Jessica ngó ông William với một ánh mắt lạ lùng, lãnh đạm, ra vẻ như cô ta không hiểu ông muốn nói gì.

“Jessica,” bà Elinor nói, “nếu cô muốn làm đúng điều cô thích, thì cô chọn cái gì nào?”



Gương mặt xinh đẹp hơi gợn buồn của Jessica bỗng đỏ bừng, cô vỗ tay:  
“Con muốn học vẽ. Đó là điều con thích từ lâu. Được trở thành họa sĩ...”

Bà Elinor suy nghĩ. Bà quay sang ông William và nói:

“Em đã nói với anh là Jessica vẽ thủy mặc khá đẹp chưa nhỉ? Cô ấy làm lấy thiệp Noel đấy.”

“Điều đó chẳng mang đến cho con lợi lộc gì!” Jessica nói buồn rầu.

Ông William thoáng nhận thấy niềm hy vọng mong manh của bà Elinor, nhưng ông không tin Jessica nổi.

“Nếu cô thành thật muốn học vẽ,” ông nói, “các họa sĩ trong xứ sắp về nghỉ hè ở Manchester, tôi có thể nhờ họ dạy cho cô mà không lấy tiền?”

Đôi mắt màu xanh lơ của Jessica nhấp nháy, cô nhìn đi nơi khác.

“Sống ở chỗ chúng con thật là nản!”

Ông William nổi giận:

“Kìa, Jessica, đừng ăn nói như thế. Vợ chồng cô ở một góc cánh đồng, nơi nhiều người giàu có chịu chi tiền để làm chỗ nghỉ ngơi. Đừng đổ thừa cho chỗ ở.”

Ông bỗng lo có thể là mình đã đi quá lối. Một ánh giận dữ thoáng qua trên gương mặt của Jessica, cô ta run lên, nhưng cũng chỉ trong phút chốc. Cô ta cầm mình lại, xua đi những gì cô ta cảm nhận, rồi cúi đầu.

“Cảm ơn ông Asher. Con tưởng đã đến lúc đi về. Con đi gọi Herbert.”

Cô ta biến đi giữa hàng cửa mở không một tiếng động, thân hình mảnh mai, nhẹ nhàng, và hai ông bà chờ đợi. Con bé bụ bẫm nhìn ông bà, suy nghĩ, không sợ mà cũng không có vẻ thân thiện, thái độ của một đứa trẻ suốt đời sống giữa những người không quen.

Nhiều phút trôi qua. Anh ả có thể làm gì? Bà Elinor tự hỏi mà không có ý định đi tìm họ. Sau năm phút, Herbert và Jessica trở lại.

“Xin tạm biệt ông bà Asher” Jessica lễ phép nói “Gặp lại ông bà, con thật sung sướng. Khi nào rỗi rảnh, xin mời ông bà đến chơi nhà chúng con.”

“Cảm ơn,” bà Elinor đáp, kinh ngạc.

“Đến đây, Monica” Jessica bảo con.

Herbert do dự. Có lẽ anh ta muốn nói gì đó. Anh ta ngó Jessica đang đi ra xe, rồi cúi xuống thưa với ông William:

“Cô ấy nói, ông chẳng cần lo nghĩ về chuyện ông bắt cô đi học... Con chẳng biết cô ấy nghĩ gì trong đầu, nhưng đấy là điều cô ấy đã nói.”

Ông William mất bình tĩnh:

“Trời đất, đó là ý của cô ấy, không phải của tôi.”

Herbert tỏ vẻ không tin.

“Thưa ông, cô ấy nói rằng không nên tin là ông bắt cô làm điều ấy, chỉ có thế.”

Anh ta đi ra, lên xe và lái vọt đi hết tốc độ.

Ông William ngoái theo đám bụi mù sau chiếc xe và nói:

“Có bao giờ em thấy một cảnh sỗ sàng như thế chưa?”

Bà Elinor lắc đầu:

“Chúng ta hãy quên họ đi, không hiểu được họ đâu. Em mừng vì Herbert đã ra đi. Chúng ta đừng bận tâm đến họ nữa. Nhưng tội nghiệp con bé...”

Bà nằm dài trên một cái ghế xếp, mặt hướng về phía vầng thái dương và nhắm mắt lại. Ông quan sát vẻ mặt thanh thản của bà và cảm thấy cần bắt chước theo. Bà đã tổng hợp những kết luận riêng của bà về loài người. Vào giờ phút hiện tại, bị đặt đối diện với những hạng người kỳ cục, không hiểu nổi, chỉ có cách là hãy quên họ đi. Chỉ có lịch sử sẽ làm sáng tỏ vấn đề, biết quan sát riêng rẽ các giai cấp theo thứ tự. Bây giờ thì hãy hoan nghênh mặt trời đang chiếu trên người ông và bà Elinor, trong lúc họ chấp nhận những gì họ không hiểu được.

Bà Bertha bước những bước nặng nề trên con đường rải sỏi. Ông bà William nghe tiếng bước chân của bà ta nên mở mắt ra. Bà ta đang nóng nực, mặt bà bừng đỏ dưới cái mũ cài hoa tím đã nhăn nheo, là món trang sức ngày Chủ nhật của bà. Ông bà William thấy ngay có chuyện gì đó mới xảy ra. Bà Bertha dừng lại trước bậc cấp, và hỏi:

“Jessica và Herbert có đến đây không?”

“Có,” bà Elinor trả lời xởi lởi.

“Tôi cũng nghĩ vậy, mà phải, phải,” bà cảm râm, “chúng nó thấy tôi đi ngang qua mà chẳng thềm hỏi một tiếng!”

Bà Bertha nói xong liền đi vòng ra nhà bếp. Ông William lại nằm dài ra sưởi nắng, quyết quên đi tất.

“Thật anh chưa từng nghe,” ông William nói mà không mở mắt “Tại sao chúng ta giữ họ lại làm gì? Chúng ta trả công cho họ để họ làm việc, mà họ lại làm khổ chúng ta!”

“Tại chúng ta quá dễ dãi mới làm khổ mình,” bà Elinor nói, hai mắt vẫn nhắm “Chúng ta phải tàn nhẫn...”

Tuy nói thế, nhưng khốn thay họ không thể tàn nhẫn. Họ vẫn là những người không chịu chấp nhận con người có thể độc ác hay bất công một cách có ý thức. Và những con người dốt nát ấy đã giày xéo lên những tình cảm tha thiết mà không hiểu, hoặc không quan tâm đến những vết thương mà họ đã gây ra. Ở đây thế giới được thu hẹp lại trong bốn bức tường của ngôi nhà của họ. Họ mơ ước được sống một cuộc đời tươi đẹp, đầy lòng nhân ái đối với những kẻ khổ đau, nhưng không để mình bị lôi cuốn vào chuyện riêng của những người đó. Điều này dễ chấp nhận hơn. Ông William bị xúc phạm, một cơn giận dữ xâm chiếm ông, tràn ngập người ông như một dòng nước lũ. Ông đứng dậy và bỗng cảm thấy nghị lực dồi dào. Bà Elinor mở mắt ra, hỏi:

“Anh làm gì đấy?”

“Anh đi đuổi bà Bertha,” ông nói một cách bình tĩnh có ý thức.

“Ồ, không,” bà Elinor kêu lên “Chúng ta không thể làm như vậy được, sau bốn mươi năm...”

“Theo lẽ, chúng ta phải cho họ thôi việc từ lâu rồi. Họ đeo dính gia đình chúng ta như những con đĩa đói, phá hoại gia đạo của chúng ta, lợi dụng lòng nhân hậu của chúng ta, tự bào chữa chính mình bằng các hành động trơ trẽn. Cứ cho bà ta thôi việc đi, anh sẽ làm bếp lấy.”

“Đừng nói đại.”

“Anh thà chịu đại còn hơn là tiếp tục như thế này.”

Bà nhìn ông bước đi, lo sợ. Bà là người của dòng họ Winsten, ông William hiểu điều ấy, và bà lớn lên dưới sự giám hộ của bà Bertha. Bà Bertha đã giương đôi bàn tay lớn và đở au trên tất cả mọi thành viên của gia đình. Chỉ mình bà ta biết nhà có bao nhiêu chần mản, số muông nĩa bằng bạc, thứ nào do di sản của ông bà tổ tiên để lại, thứ nào là quà cưới của ông bà William. Bà Bertha là đầu bếp, nhưng thực tế bà ta là giám đốc, là một kẻ

chuyên chế, một kẻ tiếm quyền, và hơn nữa, bà ta đã nuôi sống mình bằng linh hồn và trí khôn của dòng họ bà Elinor. Bà ta đã lợi dụng thời cơ để trút lên họ những tai ương, đặt một bóng đen lên hạnh phúc của họ, hủy hoại sự bình an của họ, và không bao giờ họ có can đảm để đuổi bà ta đi, bởi vì họ đã được giáo dục để tỏ lòng nhân ái với những kẻ yếu hèn. Ông William sắp chấm dứt mọi chuyện đó. Ông đòi làm bếp là chuyện phi lý, nhưng ông sẽ có nhiều đầu bếp khác, và ông sẽ đuổi hết người nọ đến người kia, khi vừa thấy họ vượt quá vai trò làm bếp của họ.

Ông bước vào nhà bếp một cách cương quyết, và gặp bà Bertha đang buộc cái tạp dề lớn quanh thân mình to tướng của bà ta. Mũi của bà ta đang run rẩy, và nước mắt đang chảy xuống trên má bà. Bà ta cầm cái chéo tạp dề lên chặm nước mắt.

“Ông có cần gì không, ông Asher?”

“Có đây, Bertha. Tôi muốn bà về nhà của bà. “

Ông William nói giọng bình tĩnh mà bà Bertha lại tưởng là ông nói lịch sự, muốn thấy bà đi nghỉ một ngày. Nhưng bà ta lại than thở:

“Tôi không có nhà” Gương mặt bà ta nhăn lại và nước mắt lại bắt đầu tuôn ra.

“Vậy thì kiếm một nhà dưỡng lão và đi đến đó đi.”

Ông William vẫn giữ tiếng nói bình tĩnh, nhưng không dễ gì lay chuyển.

Bà Bertha bỗng nín khóc, cảm bà xệ xuống:

“Ông muốn nói là ông đuổi tôi đi, có phải không, thưa ông Asher?”

“Đúng. Đó chính là điều tôi muốn.”

Hai mắt bà Bertha ráo hoảnh, bà giật dây cái tạp dề:

“Thế thì, tôi đi ngay bây giờ đây!” bà hét lên, lạnh lót.

“Không,” ông William nói, “tôi sẽ đưa bà đi Manchester.”

“Không. Ông tưởng tôi muốn đi với ông sao?”

“Không, tôi không muốn, tôi đi gọi taxi, tôi không đi cái xe chết bầm của ông đâu.”

Một cơn giận điên cuồng nổi lên khiến bà ta như người mất trí. Bà ta siết hai nắm tay lại dứ dứ trước mặt ông William. Ông mong bà ta thay đổi thái độ, nhưng thái độ của bà ta lại càng quái gở hơn. Tuy thế, ông vẫn giữ vẻ ôn

hòa và nhìn bà một cách tò mò. Có thể là bà ta đã thật sự có đánh đập Jessica. Ông bắt đầu tin chuyện ấy.

“Ông,” bà ta la lên, “ông tưởng tượng ông là gì ở đây? Ông không là gì cả, trừ ra... - bà ta khạc nhổ xuống nền gạch mà bà thường chùi rửa - Ông là một ngài, a ha, tôi sẽ nói cho mọi người biết ngài là ai, mọi người sẽ biết ngài là thứ gì khác cơ!”

“Không ai tin bà đâu!” Ông William nói, không chút nao núng “Đi thu dọn đồ đạc của bà đi, Bertha.”

“Ông đuổi tôi đi sau bốn mươi năm trời phục vụ... Ông đuổi tôi,” bà ta phục xuống, rên rỉ “Heinrich luôn luôn bảo tôi: “Chúng nó sẽ tổng bà ra khỏi cửa, Bertha, mười, hai mươi, ba mươi, bốn mươi năm chẳng biết ngày nào”. - Bà ta bẻ ngón tay kêu răng rắc.”

“Hoặc là bà đi, hoặc là chúng tôi đi,” ông William nói cách nghiêm trọng, “mà bởi vì nhà là nhà của chúng tôi, tôi nghĩ là chúng tôi sẽ ở lại, còn người ra đi chính là bà. Bà sẽ được trả công đúng cách.”

“Trả công!” bà Bertha lại la lên “Ai sẽ trả công cho tôi về tất cả những năm tháng tôi giặt giũ, chùi rửa, nấu bếp, để rồi mỗi buổi tối đi ngủ mệt rũ rời?”

“Chúng tôi đã trả công cho bà bằng tiền bạc và bằng thời gian. Bà đã được ăn ở tại đây, cơm ngày ba bữa, và hơn nữa bà có được một đời sống dễ chịu giữa những con người tốt bụng.”

Bà Bertha nghe mà không hiểu. Bà ta nói:

“Tôi đi,” bà khóc sụt sùi, “tôi đi ngay bây giờ!”

Bà ta lên thang gác, vào cái phòng ngay trên bếp. Ông William nghe tiếng bà ta lục đục. Trái tim ông thổn thức vì áy náy, vì tình cảm, vì đại lượng và đau khổ. Nhưng ông không muốn giữ bà ta lại trong nhà. Nhà ông phải được quét sạch, dọn sạch tất cả những con người đó. Phải chẳng còn Jessica, Herbert, Bertha và cả con bé đáng thương Monica nữa. Ông chẳng thể nào chịu đựng hơn được nữa. Ông phải dậy sớm vào sáng mai để được biết rằng sẽ không nhìn thấy gương mặt đần độn và tiếng càu nhàu của bà đầu bếp. Gia đình ông sẽ mua những cái máy, nhiều cái máy, và khi đã sử dụng xong, họ sẽ cất máy đi và khóa cửa lại, sống trong ngôi nhà yên tĩnh của chính họ

mà không có ai khác. Sự hiện diện tai hại của lũ đày tớ ăn bám sẽ không còn nữa, và họ sẽ được giải thoát khỏi các điều tiếng trong gia đình. Ông điện thoại gọi một xe taxi và ngồi trên cái ghế đầu cao của nhà bếp, đang khi bà Bertha bước những bước đi nặng nề trong phòng trên đầu ông, than khóc, kêu xin Đức Chúa Trời. Ông William vẫn đợi. Những người tôi tớ già nua của gia đình... Họ không được văn minh hiện đại. Chất độc hay ân huệ của nền dân chủ, ai muốn nghĩ sao thì nghĩ, đã len vào mỗi người trong bọn họ và họ nổi loạn với chính bản ngã của mình, đang khi phục vụ những con người thông hiểu hơn họ. Họ không có đủ khả năng am hiểu sự thật, chỉ vì sự ngu dốt của họ đã cầm giữ họ, không cho họ cất mình lên khỏi cái tầm mức mà họ đã có tự lúc mới sinh. Xem ra ông William đang phát kiến một vấn đề quan trọng, trong lúc chỉ có thể nói đến quyền hạn đơn thuần mà ai ai cũng có như chính ông, để bảo vệ tự do của mình. Gánh nặng của những con người ngu dốt và yếu hèn có thể trở thành bạo quyền, cũng không thể chịu nổi như bất cứ một bạo quyền nào khác, và nó không bị lật đổ như tất cả các bạo quyền đó sao?

Trước khi ông William có thì giờ đưa cái phát kiến này ra ánh sáng, thì bà Bertha đi cà lết trên thang lầu, mang nặng hai chiếc vali và một bọc đồ to tướng cuộn trong một tấm dạ.

Ông đứng lên, nói một cách lễ độ mà không tương nhượng:

“Lát nữa xe taxi sẽ đến đây. Tôi đi ký cho bà một chi phiếu, đủ cho bà dùng trong hai tháng. Trong thời gian đó, tôi sẽ xem xét cẩn thận, coi sẽ phải cấp cho bà bao nhiêu để đủ sống hàng tháng. Số tiền này sẽ gửi đến cho bà mỗi tháng vào ngày mùng một và ngày mười lăm, theo địa chỉ của bà. Số tiền sẽ đủ để bà sống thoải mái trong một nhà dưỡng lão thích hợp với bà.”

Bà Bertha không trả lời. Bà ta cố cầm nước mắt lại, và một lần nữa, ông William phải chiến đấu với lòng nhân ái đang thúc đẩy ông. Nhưng không, nếu ông để cho lòng nhân ái thắng thì ông sẽ mất hết tự do. Ông bước những bước đi đường bệ ra khỏi nhà bếp, vào thư phòng, viết một chi phiếu năm trăm đôla và thăm khô mực cẩn thận. Ông trở lại nhà bếp, để tấm chi phiếu trên bàn và nói:

“Xe taxi sắp đến rồi. Nếu bà muốn, bà hãy đến nói chuyện với nhà tôi. Chuyện này đã làm cho bà ấy đau lòng, nhưng chúng tôi đành cam chịu tất cả những gì có thể chịu được.”

“Các người? Các người cam chịu?” bà Bertha nói to như rống “Chính tôi đây, tôi đây mới là cam chịu! - Bà ta đâm vào ngực mình và khóc thét lên vì tức giận.”

“Tôi rất tiếc,” ông William dịu dàng nói, “nhưng tôi không mong gì bà hiểu tôi. “

Ông âm thầm rút lui và trở ra sân hiên ngôi nhà chính. Bà Elinor không còn ngồi ở đó. Ông đi vào trong nhà, gọi bà Elinor, nhưng không một tiếng trả lời. Ông lên lầu, vào phòng bà, muốn mở cửa nhưng cửa đã khóa.

“Elinor!” ông cất tiếng gọi.

Bà mở cửa ngay ra nhìn ông, từ tốn nói:

“Bỗng nhiên em sợ bà Bertha. Có phải là phi lý không! Khi anh bỏ em để đi xuống bếp, em bỗng hiểu ra rằng xưa nay em luôn luôn sợ bà ấy.”

“Có bao giờ bà ấy hắt hủi em không?”

“Không, bà ấy không dám đâu. Nhưng dù em có bệnh vược bà ta là không đánh Jessica, em vẫn cảm thấy khi em còn bé, bà ấy muốn đánh cả em nữa. Em tự hỏi, bà ấy có đánh mấy đứa lớn hơn không. Em không bao giờ nghe nói đến chuyện đó. Mẹ em bao giờ cũng nghiêm khắc với tôi ở trong nhà, rồi sau khi em lấy anh, thì Bertha lại sợ anh.”

“Thật thế sao?”

Ông đang đứng bên cửa sổ, chờ taxi đến.

“Đúng vậy.” Bà Elinor cũng lắng tai nghe. Bà đã khóa cửa lại “Có lần bà ấy nói với em rằng anh là một người tài giỏi.”

“Có nghĩa là?”

“Là anh biết nhiều điều hơn là người ta tưởng, em nghĩ vậy. Nói tóm lại, bà ấy sợ các ông luật sư.”

“Xe đến rồi,” ông bảo.

Bà Elinor đến gần ông bên cửa sổ. Bà Bertha đang đợi ở tầng dưới. Bà ta đi qua ngả hông tòa nhà, ra xe với hai cái vali, và bảo người tài xế xách gói đồ. Họ thấy bà leo lên xe, rồi chiếc xe trở đầu trước sân và chạy ra cổng.

“Bà ấy chẳng quay đầu ngoặt lại lần nào,” bà Elinor buồn bã nói “Bốn mươi năm, em tưởng chẳng có nghĩa gì đối với bà ấy. Ôi, anh William! Sao anh can đảm thế?”

Cả hai quy xuống trên chiếc ghế nệm dài.

“Anh không biết. Trái với em, trong khi em bị yếu mềm vì lòng nhân hậu, thì nó đòi hỏi nơi anh nhiều nghị lực. Nhưng anh đã cư xử công bằng, dù anh có giận dữ. Những người như chúng ta, nếu vào cái phút giây, khi mà sự bực tức và cơn giận đã vượt quá cách sống đầy lòng nhân lành có nghĩ suy, thì cái gì ta cũng làm được. Nếu anh chờ thêm năm phút nữa, thì lòng nhân ái đã thắng vượt, anh không nỡ đuổi bà ấy đi, và anh biết là anh phải làm thế.”

“Tội nghiệp cho Bertha!” bà Elinor nói.

Ông William không đành nhìn thấy vợ buồn bực. Ông nói:

“Tội nghiệp, chẳng có tội nghiệp gì cả! Bà ấy đã có chỗ làm tốt, nơi ở thoải mái, qua nhiều thập kỷ dài, và rồi sẽ có tiền trợ cấp cho những ngày cuối đời. Thế là may mắn rồi, chẳng có gì là tội nghiệp cả.”

Bà Elinor lại lắc đầu, nhưng bà đồng ý với ông. Ông nhận thấy có sự dịu dàng và cả sự thán phục trong đôi mắt bà nhìn ông.

“Em yêu quý,” ông nói một cách xúc động, vì đã từ lâu bà không còn nhìn ông với đôi mắt như thế “Hôm nay là một ngày trọng đại. Đội nón lên em. Chúng ta hãy đi ăn tối ở ngoài. Chúng ta nhất định phải ăn mừng biến cố này mới được.”

Ông thích thú vì thấy bà vâng lời ông nhanh chóng. Bà đưa tay ra dấu cho ông hiểu rằng cái nón chưa đủ. Bà muốn làm đẹp cho bà, và bà rút lui về phòng để ngắm mình trong gương, bà muốn sửa soạn cho thật đẹp, thật xứng hợp với nhan sắc của bà. Ông thì chọn bộ đồ xám đẹp nhất để mặc vào, và chọn một cái cà vạt màu xanh lơ. Ông hãnh diện nhận thấy mình càng già càng đẹp ra. Mái tóc nâu của ông rất ăn với màu da rám nắng và không có dấu hiệu gì là bị hói đầu. Cha ông có đầu tóc rối bời và một bộ râu xồm xoàm. Bà Elinor không ưa râu hàm, bà chỉ đồng ý cho ông để râu mép tĩa thật ngắn, và bà đã có thể buộc ông cạo nhẵn nếu nhân trung của ông ngắn hơn.



Ông William trình diện vợ nơi cửa phòng của bà, và chiêm ngưỡng vẻ thanh lịch của cái áo dài màu xanh dương của bà. Ông nói:

“Chúng ta thật là xứng đôi phải không em?”

Bà cười, một nụ cười rạng rỡ, rất tươi trẻ và phản chiếu niềm vui nội tâm. Họ sắp được hạnh phúc... Theo lẽ, ông phải dọn sạch nhà sớm hơn. Tất cả các dòng biển cổ có thể đã đổi chiều. Không có áng mây buồn nào đến khuấy động hạnh phúc của vợ chồng Vera - Edwin. Winsten, thì có thể đã không nhìn cha với cái vẻ nghi ngờ ấy, sự nghi ngờ vẫn còn tồn tại, ông biết chắc vậy qua cái vẻ trầm lặng của Madge, chắc chị ta cũng không quên. Còn Susan? A ha, Susan có thể đã chẳng bao giờ lấy Peter làm chồng! Ông đã bị thuyết phục sau khi suy nghĩ lâu dài, đêm này qua đêm khác, hoặc trong những giờ đầu bình minh, để tin chắc rằng Susan không có quyết định nhanh đến thế. Phải có sự va chạm tàn nhẫn và kinh khủng. Chuyện con chó đen nhảy bổ vào Peter, để khơi dậy niềm thán phục di truyền mà các cô gái thời nay mỗi ngày mỗi lệ thuộc vào. Ông không chịu nổi ý nghĩ này. Ông sẽ trở lại vấn đề ấy ban đêm, nhờ sự che chở của đêm tối, để suy xét về sự thiệt hại quá mức mà gia đình ông phải gánh chịu, và về phương cách để sửa chữa, để phục hồi. Bây giờ thì mọi chuyện đã thay đổi.

“Chúng ta đi ăn tối ở đâu, anh?” Bà Elinor hỏi.

“Chúng ta cứ đi, tới đâu hay đấy, tìm chỗ nào ta chưa bao giờ đến. Chúng ta hãy tận hưởng mình lại, để chào mừng một sự tự do chính đáng.”

Tay đỡ cánh tay, họ cất bước nhịp nhàng, nhanh nhẹn xuống cầu thang.

## VII

Sáu tuần lễ sau, vào một buổi sáng trời mưa, trong một phiên tòa, đang khi ông William sắp trình diện tòa án một nhân chứng của một vụ kiện, thì viên lục sự đến bên ngăn ông lại và bảo:

“Xin ông thứ lỗi,” viên lục sự nói thềm, “ông có điện thoại gọi gấp.”

Ông William gạt anh ta ra, tay cầm cái kính buộc vào một dải băng đen và nói:

“Tôi không thể vắng mặt trong lúc này được.”

“Xin lỗi, nhưng một người nhà ông đã chết.”

Một người nhà ông... Ông William xin phép quan tòa bằng cách lặp lại lời của viên lục sự. Rồi ông băng qua đám đông đang ngạc nhiên giương mắt nhìn. Ông chạy đến máy điện thoại trong một phòng kế cận.

“Có phải ông Asher đấy không?”

Ông William không nhận được tiếng nói của ai. Tiếng đàn ông hay đàn bà?

“Tôi đây,” ông trả lời.

“Bertha đây, thưa ông.”

“Bà đang ở đâu? Cái gì đã xảy ra thế?”

“Ông Asher. Thưa ông, bà Emma đã chết.”

Dì Emma... ông hấp tấp chạy đi, chỉ dừng lại nhờ viên lục sự trình tòa là ông sẽ trở lại ngay trong chốc lát. Ông gọi taxi, nhảy lên và cho địa chỉ căn phòng cao nhất của một cao ốc trong thành phố. Bà Emma đã quá già rồi. Tuổi bà rất cao, có lẽ cũng đến gần chín mươi. Ông không có lý do gì để bào chữa cho mình vì đã nhiều tuần không đến thăm bà ấy. Lần viếng thăm sau cùng là bà Elinor đi. Edwin cũng có nhắc đến bà Emma. Có lẽ anh ta đã

nhắc đến tên bà khi anh ta và Vera về New York ở, tránh chi phí đi lại làm việc ở văn phòng ông. Anh ta làm việc với ông, hoãn lại ngày vào trường luật, chưa chắc tương lai sẽ làm gì.

Nhưng tại sao lại là bà Bertha gọi? Ông William tự hỏi. Trừ phi bà Emma vì tốt bụng đã gọi bà Bertha về ở chung. Ông trả tiền xe và vào cao ốc. Chẳng có ai hay biết gì cả, người gác cửa bình tĩnh, người coi thang máy cũng thản nhiên. Ông William do dự khi kêu cửa, và phải cố gắng lắm mới giữ được bình tĩnh. Cửa mở và ông thấy bà Bertha đứng trước mặt. Bà ta mặc một bộ đồ đen đã sờn, thân hình nặng nề, đầu đội nón trề một bên, tóc cứng màu nâu thông xuống khuôn mặt tái nhợt của bà.

“Tôi mới đến đây,” bà ta vừa thở dốc vừa nói, “tôi vừa mới đến thì bà vừa chết.”

Ông William gạt bà ta ra một bên và chạy dọc hành lang dài, đến phòng ngủ. Cửa phòng khách và phòng ăn bỏ ngõ, trên cửa sổ con chim yến đang hót.

“Bà ấy ở đâu?” Ông William hỏi.

“Trên giường trong phòng ngủ. Bà ấy chưa dậy, đang nằm.”

Ông mở cánh cửa duy nhất và nhìn thấy bà Emma. Căn phòng thiếu không khí, bức màn mỏng đã hạ thấp và màn cửa đã kéo lại. Một mùi hương dịu dàng thoang thoảng trong phòng. Tất cả đều lộn xộn, một sự lộn xộn phi lý, vì bà Emma là người luôn luôn tươm tất trật tự. Bà đang nằm, đầu tựa trên hai cái gối vuông khá cao, dường như bà đang giữa cơn hấp hối, hai đầu gối co lại, hai cánh tay gầy guộc co quắp, ống tay áo thêu rua lật lên. Rồi đèn được bật lên và ánh sáng rọi vào đôi mắt mở trao tráo của bà. Ông William liền thấy có hai chấm đen màu thép ở ngay giữa tròng con mắt của bà. Tự nhiên ông bỗng rên lên thành tiếng. Trong ánh sáng của ngọn đèn chong đầu giường, ông cúi xuống quan sát hai tròng mắt bất động. Hai điểm sáng giống như hai đầu cây đinh không có tai. Nhìn thật gần, ông nhận thấy đó là hai cây kim đan để đan vớ. Bà Emma thường đan luôn tay. Người ta đã đâm vào mỗi mắt bà một cây kim nhọn, máu và nước nhờn chảy ra thành vệt trên hai mắt bà vừa mới khô.

Ông William rùng mình và cảm thấy buồn nôn. Lưỡi ông tê cứng lại trong miệng đã khô khốc. Ông cố gắng cầm lòng để khỏi nhổ những cây kim ấy ra, những cây kim mà ông ước chừng như nó đã xuyên sâu đến óc của bà Emma.

Ông quay sang hỏi bà Bertha:

“Khi bà gặp dì Emma, dì ấy như thế này à?”

“Phải, đúng y như vậy,” bà Bertha trả lời. Bà ta nắm chặt trong tay đôi găng bằng vải đen và đưa lên miệng.

“Bà đến đây lúc nào?”

“Trước khi gọi ông. Tôi nhìn thấy bà ấy như vậy, liền chạy nhanh đến máy điện thoại để gọi ông. Cô thư ký của ông nói là ông đang dự phiên tòa. Cô ta muốn biết tại sao tôi gọi cho ông. Nhưng tôi muốn trực tiếp nói với ông. Có tiếng người đàn ông trả lời là không thể nào nói chuyện với ông được. Ông ta muốn biết lý do, khi đó tôi mới bảo là trong gia đình ông có người chết.”

Có tim đập của trái tim trong cái thân xác già nua này cũng vô ích thôi. Tay chân xác chết còn giữ nguyên dáng co rút đáng sợ của nó. Sự sống làm gì còn ở nơi mà trước kia nó đã còn quá ít. Ông William gọi điện thoại báo tin cho bác sĩ của bà Emma biết. Ông do dự một chút, rồi gọi tiếp cho Edwin đang ở văn phòng của ông.

“Edwin hả?”

“Vâng, thưa ba con đây.”

“Con đến ngay nhà dì Emma. Dì chết bất thành linh.”

Edwin đã được huấn luyện rất kỹ càng, anh chẳng hỏi gì, chỉ nói:

“Con đến ngay bây giờ đây.”

Ông William đóng cửa và gọi bà Bertha đến phòng khách.

“Bertha, nghe tôi cho kỹ và trả lời. Làm thế nào mà bà lại có mặt ở đây? Tôi cứ tưởng là bà đang ở đường đường Mont Kisto chứ?”

“Tôi vẫn còn ở đó chứ ạ”

“Bà ngồi xuống đi.”

Con chim yến được kích thích bởi tiếng nói trầm bổng của hai người, lại bắt đầu cất tiếng hót, giọng ngân rung thánh thót.

“Tại sao bà tới đây?”

Bà Bertha lắc đầu quày quặt. Hai bàn tay to và đỏ au của bà ta run rẩy đang khi siết chặt đôi găng vải đen của bà.

“Bertha, phải trả lời tôi. Nếu không thì người ta sẽ cáo buộc bà về tội giết người.”

Đôi môi dày của bà ta run lên.

“Ông Asher, tôi xin ông, hãy giúp tôi.”

“Tôi có thể giúp bà nếu bà nói hết sự thật cho tôi nghe,” ông nói cách nghiêm nghị.

“Jessica, thưa ngài,” bà nói lẩm bẫm, đang cố nén tiếng khóc, “Jessica có đến đây.”

“Jessica hả?”

“Phải, nó có đến đây... “

“Sao bà biết?”

“Nó đã gọi điện cho tôi biết là nó hết chịu nổi Herbert, và nó đã nói điều đó với bà Emma. Bà Emma đã bảo nó đến nói chuyện với bà ấy. Nó đã đến và bà Emma cũng gọi tôi đến nữa. Tôi nghĩ là bà Emma muốn thấy mẹ con tôi sống chung và làm hòa với nhau. Tôi rất mừng, nên đã vội vã đến.”

“Khi bà đến, Jessica có mặt ở đây chưa?”

“Rồi,” bà lấy giọng thảm thiết, nói tiếp “Nó đã có mặt ở đây rồi!”

“Và sự việc xảy ra thế nào?” Ông William vừa hỏi vừa đưa tay chỉ cửa phòng ngủ.

“Như thế này, thưa ông. Tôi và Jessica cãi lộn nhau. Nó luôn luôn chống lại tôi. Nó đã mở cửa và khi tôi vào, nó nhìn tôi với đôi mắt như thế này.” Bà Bertha mở to đôi mắt, ngó vào khoảng không với vẻ kinh hoàng.

“Sau đó?”

“Sau đó nó la lên là nó ghét tôi và nó sắp giết tôi. Tôi không nghe; nó thường nói với tôi như thế khi không có ai nghe; nhưng tôi đã nói với nó: “Im đi, mà làm ồn bà Emma”. Bà Emma nghe tiếng chúng tôi, bà ra khỏi giường và nói với Jessica: “Con đừng thế, tội nghiệp cho bà già Bertha!”.”

Nói dối hay nói thật? Nói dối hay nói thật?

“Và Jessica bỗng nói rất dễ thương: “Bà Emma yêu quý. Bà hãy vô giường đi, lạnh hai chân đấy!”. Và bà ấy đã trở về giường, có nó đi theo. Tôi đã chờ, chờ lâu lắm. Jessica trở ra, tôi pha chút ít cà phê. Nó nói với tôi: “Tôi đi tiệm thuốc kiểm thuốc cho bà Emma đây, bà ấy đang cần, chờ tôi về nhé.” Nó nói với tôi rất lịch sự và tôi chờ, tôi chờ... nhưng nó đã không trở lại. Bà Emma ở trong phòng yên tĩnh. Tôi mở cửa phòng và tôi thấy... “

Nghe đến đó, ông William liền gọi cảnh sát.

Nói dối hay nói thật? Ông William quan sát cái mặt bự đang sung huyết của bà Bertha mà không biết nói sao. Bốn mươi năm đã tạo cho bà ta một lớp thịt dày bao bọc bên ngoài. Tiếng chuông nhỏ ở cửa reo lên. Bà Bertha theo thói quen, nghe tiếng chuông liền đứng lên đi ra mở cửa. Edwin đang đứng bên ngoài cánh cửa.

Ông William đứng dậy:

“Đến đây con. Đến phòng bên đi. “

Ông do dự một lát. Có nên để Bertha một mình không. Bà ta có tìm cách trốn thoát như Jessica không. Nhưng bà ta đã ngồi lại, hình dáng nặng nề và kệch cỡm của bà ta tràn ra ngoài cái ghế gỗ có lưng dựa thẳng. Ông William nói:

“Lát nữa chúng tôi sẽ trở lại, bà Bertha.”

“Vâng, tôi chờ.” Bà nói cách vui lòng. Bà ta lại vò siết đôi găng đen trong tay.

Ông William đi trước, hướng về phía căn phòng đã khép cửa. Ông ngại Edwin đột ngột nhìn thấy cái xác chèo queo ở trên giường. Ông tìm cách để con ông khỏi nhìn thấy. Sự chết thật là đáng sợ đối với con mắt của những người trẻ trung, nhưng hết thảy mọi người đều phải nhìn thấy, không sớm thì muộn. Ông đi đến giường và bật ngọn đèn chong ở đầu giường.

“Con có thấy hai mắt của bà không?” ông hỏi, giọng bình thường.

Edwin cúi xuống nhìn và tái mặt.

“Trời ơi, ba! Thật dễ sợ...!”

“Jessica đã có mặt ở đây. Không biết vì lý do gì mà nó hành động như thế, đó là điều chúng ta phải khám phá” ông nói.

“Nếu cô ta đã điên rồi thì cần gì lý do nữa?”

Ông William không đáp lại. Ông bảo:

“Nên lưu ý là chúng ta không có chứng cứ nào khác ngoài lời nói của bà Bertha là Jessica có mặt ở đây.”

“Con nghĩ là bà Bertha không có gan làm thế đâu.” Edwin trả lời. Anh ta rời khỏi chiếc giường để khỏi nhìn thấy khuôn mặt già nhăn nhó của bà Emma.

“Chúng ta không biết bản tính thật của bà Bertha như thế nào. Ba chưa bao giờ nói với con về sự lỗ mãng của bà ấy khi ba đuổi bà ta đi. Còn Jessica, như con đã biết, cô ấy luôn luôn quả quyết là bà Bertha đã thường đánh đập cô.”

“Jessica nói láo, ba cũng đã rõ,” Edwin kêu lên.

Ông William nghĩ, đó là chứng dẫn vết thương cũ chưa lành.

“Ba không tin những gì Jessica đã nói, phải không ba?”

“Dĩ nhiên rồi,” ông đáp.

Ông chôn chặt vào lòng ý nghĩ có thể là thật, tuyệt đối có thật tất cả. Ông đã thấy biết bao chuyện kỳ lạ trong cuộc đời làm luật sư của ông, và ông đã nghe biết bao nhiêu lời dối trá còn quá quái hơn những gì mà Jessica đã nói về ông. Nhưng Edwin, có trực giác tinh tế hơn mấy đứa con khác, đã phát hiện sự dè dặt của ông.

“Ba không muốn thừa nhận Jessica đúng là một con nói dối sao?” Anh ta nói cay đắng và rồi phát hiện đám mây mù trên gương mặt cha. “Vera không như thế. Cô ấy bảo cô chắc là Jessica nói láo, nhưng cô không muốn thêm rằng cô đã bị thuyết phục hoàn toàn về điều đó, và con phải sống với cái đó.”

“Vera đã nhầm to. Nếu ba có do dự, thì chỉ vì nghề luật sư bắt buộc ba phải nghi ngờ mọi sự.”

Ông bỗng quyết định an ủi Edwin bằng cách nào tốt nhất trong khả năng của ông, ngay cả chấp nhận hy sinh bản thân mình. Ông cảm thấy máu chậm chậm dâng lên mặt, và mặt ông đỏ phừng.

“Thật sự, Winsten đã nói với ba là Jessica cũng đã có cùng một luận cứ phi lý như thế về ba.”

Ông liền nhận thấy là Winsten và Madge đã nói điều đó với Edwin. Gương mặt non choẹt của anh ta chưa biết giấu giếm, mi mắt rung nhè nhẹ, nét nhìn có vẻ mất tự nhiên của anh, những đường nét trên gương mặt biến đổi một cách tinh vi, nó chứng minh là anh đã biết.

Ông William ra sức dùng giọng nói nhẹ nhàng:

“Ba giả sử là chúng con đã trò chuyện với nhau về các điều đó, và đã cười về cái thùng nhồi bột mà ông già tội nghiệp đang loay hoay trong đó.”

“Chúng con đã nói với nhau về các chuyện ấy, thưa ba. Madge đã thuật lại cho Vera, khi chúng con đi nghỉ cuối tuần ở đó. Con đã quả quyết với cô ấy rằng, tất cả những chuyện đó đều là chuyên thù dệt đây dối trá.”

“Thế con có tin là sự việc đó có thể xảy ra không?” Ông William hỏi có vẻ đùa cợt.

Trước khi Edwin kịp trả lời thì chuông ở cổng reo lên rộn rã, và hai cha con cùng đi ra. Ông William khép cửa lại sau lưng. Bỗng ông cảm thấy đuối sức, sợ bị kiệt lực. Bà Bertha mở cửa và trên lối vào, ông thấy ông bác sĩ và một số cảnh sát viên. Ông nói nghiêm chỉnh với Edwin:

“Này Edwin, ba sắp giao cho con tất cả cái vụ gồm ghiếc này. Ba cần về chuẩn bị tinh thần cho mẹ con, liên lạc với Herbert và cố gặp lại Jessica.”

Edwin nói và cố làm ra vẻ bình tĩnh:

“Thưa ba, được ạ.”

Edwin không có thì giờ để giải đáp câu hỏi của ông William: anh có tin là sự việc đó có thể có hay là không?

Ông William cầm lấy gậy và mũ, đi qua tiền phòng, bắt tay ông bác sĩ và gật đầu chào hai nhân viên cảnh sát.

“Bây giờ các ngài đã đến đây, tôi để cho con trai tôi phụ trách về vụ án này.” Ông nói nghiêm chỉnh “Người đàn bà chết là dì của nhà tôi, và bà này là người đầu bếp già của gia đình tôi mới nghỉ hưu. Bà ta sẽ giải thích cho các vị biết về sự có mặt của bà ta ở đây. Nếu các vị cần đến tôi, con tôi có thể liên lạc. Chúng tôi cùng làm chung văn phòng, và nó có đủ tư cách để phụ giúp các vị.”

Ông chờ họ trả lời, và khi được sự đồng ý của họ, ông vội vã ra khỏi nhà, nhờ điện thoại của một hiệu thuốc gần đây để gọi đem xe ông tới.



Trên vòng đi về, ông cần suy nghĩ con đường ông phải theo. Anh tài xế mới, con của một tá điền ở Vermont, đã chóa mắt vì thành phố lớn. Anh ta im lặng mà lái xe với ít nhiều phấn khởi, vì anh yêu nghề của mình, còn độc thân và được thoát khỏi nông trại là đã đủ cho anh lúc bấy giờ. Lòng hăng say của anh, sự tận tụy và ý muốn làm đẹp lòng chủ của anh, sẽ bị hao mòn như mọi chuyện khác theo thời gian, nhưng từ đây đến đó nó sẽ làm cho ông William vui. Hôm đó, ông gặp may mắn.

Trong thời gian ngồi trên xe trở về, trí phán đoán của ông William sẽ chạy nhanh và chạy đều. Ông ghi chép từng điểm một, những gì cần phải làm. Ông ghi lại để Edwin theo đó mà làm. Phải bên vực bà Bertha hay là Jessica? Nhưng sự việc không ở trong tay họ được. Ông duyệt qua trong trí danh sách các luật sư ở New York, và ông đã ngừng lại nơi người bạn học cũ và cũng là bạn thân giao của ông, ông Barnes, Giám đốc Văn phòng Cố vấn Pháp Luật Holl Makintosh and Lane.

Khi những giờ phút suy nghĩ dài đằng đằng sắp kết thúc, và khi ông nhìn thấy những mái nhà của ông rõ nét, nổi bật trên nền trời hoàng hôn, và những ánh đèn nơi các khung cửa xuyên qua lá cây, thì ông cảm thấy như sức lực của ông đang hồi phục. Bao giờ ông cũng cảm thấy khỏe ra khi ông biết rõ ông cần phải làm gì.

Ông gặp bà Elinor nơi ngưỡng cửa. Ông về trễ, nhưng vì thấy bà tươi mát và quyến rũ quá nên ông ngại, không muốn làm bà mất vui. Thế nhưng ông phải báo tin cho bà biết mới được. Hai ông bà ôm nhau hôn, và ông quàng một cánh tay qua mình bà. Ông nói:

“Em yêu quý, em phải chuẩn bị đón nhận một tin rất buồn.”

Bà Elinor liền nghĩ đến các con và các cháu sức khỏe mong manh. Bà hỏi:

“Có phải các con không?”

“Không, không. Nhưng là người lớn tuổi nhất trong gia đình chúng ta. Dì Emma. Bà đã chết đột ngột sớm mai này.”

“Chết một mình, thật thế sao anh?”

“Hãy vào thư viện đi, Elinor.”

Khi bà đã ngồi xuống, ông liền kể lại một cách đơn giản những gì ông đã khám phá và bằng cách nào ông đã hay biết tin này. Bà sợ quá, bà không

hình dung nỗi sự ghê tởm của những gì đã xảy ra. Không phải chính cái chết làm cho bà kinh hoàng, ông thấy rõ điều đó, vì bà Emma tuổi đã cao, nhưng cách chết của bà ấy nó mâu thuẫn với lòng tốt hiếm có của bà.

“Dì ấy tốt lành biết bao!” bà Elinor nói, “Em không tìm ra được lý do nào đã xảy ra điều ấy. Nhất là khi em nghĩ đến lòng nhân hậu của dì đối với Jessica. Dì ấy nói phải cư xử tốt với Jessica, vì nó là con của chị đầu bếp và anh bồi phòng. Đừng để cho Jessica cảm thấy có sự cách biệt nào đó. Em không bao giờ hiểu tại sao lại xảy ra như thế được. Anh có nhớ không. Dì ấy không muốn Jessica lấy Herbert làm chồng?”

“Đừng có quả quyết là chính Jessica!” ông đứng lên, bước tới máy điện thoại và gọi Herbert.

“Alô, Herbert hả, đây là ông Asher.”

“Ồ, chào ông Asher.”

“Tôi gọi cho anh từ nhà của tôi đây, Herbert, để hỏi thăm xem Jessica có mạnh khỏe không.”

Ông chờ một chút, rồi nghe tiếng Herbert trả lời:

“Cô ấy không sao cả, thưa ông.”

“Cô ấy đang ở nhà đấy chứ?”

“Vâng, cô ấy đang ở đây này!” Herbert quay đầu, và ông William nghe tiếng của anh ta văng vẳng, nhưng rõ ràng: “Em muốn nói chuyện với ông Asher không, Jessica?”. Ông cũng rõ ràng nghe tiếng Jessica trả lời: “Tại sao em lại muốn nói chuyện với con chồn già ấy?”. Tiếng Herbert trở lại trong ống nói, “Cô ấy đang bận việc gì đó, thưa ông Asher. Tuồng như móc đan thì phải. “

“Anh không định về thành phố à, Herbert?”

“Không, chúng tôi không xê dịch đi đâu hết.”

Ông William do dự. Đặt câu hỏi cách nào đây để được trả lời theo ý ông muốn? Ông nói:

“Có người nói với tôi là Jessica có mặt ở New York, tôi không biết có đúng hay không.”

Herbert lặp lại chậm chậm:

“Ở New York? Cô ấy không có ở New York. Làm sao cô ấy ở New York được, tôi đâu có đưa cô ấy đến đó?”

Herbert quay đầu lại. Ông William nghe trong điện thoại: “Ông ấy nói là em ở New York. Jessica, tại sao vậy?”

“Đồ tồi,” có tiếng của Jessica dẫn mạnh trong máy điện thoại, “nói ông ta lo những chuyện bản thủ của ông ta đi.”

Tiếng của Herbert lại nghe rõ ràng trong điện thoại:

“Jessica bảo tôi nói là không, cô ấy không có ở New York. Tôi cho rằng cô ấy muốn ở đó lắm, nhưng tôi không có thì giờ lo cho lũ gà ở đây, tôi bận lắm!”

“Có phải tiếng của con bé nhà anh đó không, Herbert?” ông William hỏi cách lịch sự. Ông lại nghe có tiếng mắng mỏ và tiếng đánh chát một cái.

“Tôi cho là con bé đang hỗn láo với mẹ nó.”

“Tôi không muốn làm mất thì giờ của anh, Herbert,” ông William nói và gác máy.

Thật là rối rắm. Jessica nói dối chẳng? Herbert có muốn che đậy cho cô ta không? ông nói với bà Elinor:

“Herbert cho là Jessica không có ở New York.”

“Đâu có gì quan trọng!” bà Elinor buồn bã trả lời “Tội nghiệp cho dì Emma, một bà già đúng nghĩa, nếu thời buổi này nó còn có nghĩa. Em không rõ, nhưng dì ấy chết như thế là không công bằng. Thật khủng khiếp, giờ phút cuối cùng, em không dám nghĩ đến.”

Bà đưa tay lên che mắt lại.

“Em đừng nghĩ tới nữa,” ông William nói “Em nên nhớ là dì ấy có phước, dì sống một đời sống tốt lành và hay giúp người. Dì không làm khác được, dù sự ra đi của dì có khác, dì cũng đã hoàn thành định mệnh của dì.”

“Và bây giờ Jessica đã hoàn tất định mệnh của nó!” Bà Elinor kêu lên và buông rơi hai bàn tay xuống đầu gối.

“Em hãy chờ để biết sự thật,” ông William nói.

\*\*\*

Ngày mai táng đúng như những gì bà Emma đã chọn lựa. Thân xác già nua của bà tả tơi sau cuộc giải phẫu, đã trở lại bình thường dễ coi, được tắm rửa và mặc đồ tử tế. Đầu tóc bạc trắng của bà uốn khéo, che giấu vết mổ và hai mi mắt nhắm lại làm tan biến màn bi kịch vừa xảy ra. Xác bà được đặt vào một quan tài bằng gỗ cây dái ngựa, có tay nắm sơn bạc. Gia đình đã mua đất tại nghĩa trang Manchester, và một đoàn khách lạ đã có mặt. Bạn hữu của bà không mấy người còn sống, nhưng biến cố ghê gớm về cách chết của bà qua báo chí, đã thu hút nhiều xe khách đến từ bốn phương trời. Gia đình bà đứng trước mộ huyệt chưa lấp đất, chẳng đếm xỉa gì đến đám đông này, trừ bà Elinor. Bà ngó quanh rồi nói một cách bực bội:

“Phải chi dì ấy còn sống, thì tất cả những thứ này đã làm cho dì buồn lòng không ít.”

Bởi vì bà Emma không thích những người thô lỗ. Tâm hồn bà nhạy cảm, tế nhị đối với con người, nhưng bà né tránh đám đông và suốt đời sống một cuộc sống gần như biệt lập, chỉ giao du với một số rất ít người mà bà quen biết. Nhưng cái chết của bà lại trở thành một chuyện công khai, báo chí rêu rao nhiều chi tiết, cả bà Bertha lẫn Jessica đã bị câu lưu.

Điều đó không thể nào ngăn chặn được. Herbert đã năn nỉ ông William:

“Ông là một luật sư danh tiếng, thừa ông Asher. Ông đã bào chữa cho những kẻ trộm cướp mà ai cũng biết là chúng có tội. Bây giờ Jessica bị giam giữ, trong khi tôi có thể thề rằng cô ta hôm ấy có mặt ở nhà. Con bé cháu lại phải gởi vào cô nhi viện. Bà Bertha bị bắt vì bà ta đã có mặt ở đó, còn Jessica, tôi có thể thề rằng...”

“Sự việc này không ở trong tay tôi,” ông William đáp, giọng chắc nịch, “tôi không thể làm gì được hết.”

Ông mục sư lấy một nắm đất, bóp vụn ra và rải xuống mộ huyệt. Ông nói:

“Bụi tro, hãy trở về với tro bụi!”

Ông tiếp tục đọc bài Thánh vịnh, thì một con chim bỗng cất tiếng hót từ cành cây trên đầu ông. Ông William tự hỏi: Con chim yến của bà Emma ra sao rồi? Người ta đã quên nó. Đứa con thứ ba của Winsten bắt đầu khóc. Thà đừng cho nó đến đây. Ông William không chấp nhận việc cho trẻ con có mặt trong đám tang, song Madge đã năn nỉ cho chúng đi. Đó là một biến cố

của gia đình, cũng giống như sự sinh đẻ. Lũ trẻ cũng phải được cho biết, chúng phải có mặt tất cả ở đó, trừ đứa con trai thứ tư của Winsten còn quá bé.

Các nghi lễ cuối cùng đã chấm dứt, hai cảnh sát viên dạt đám đông lấy đường cho gia đình của người quá cố ra xe. Họ trở về đóng cửa ở trong nhà, để mặc đám đông bàn tán với nhau ai là người có thể là thủ phạm, bà đầu bếp hay cô gái hầu phòng, con của bà ta. Họ đánh cá với nhau trong khi các người phu vun đất đắp mộ và chất các vòng hoa lên trên. Thân nhân của bà Emma chẳng còn ai để làm chuyện ấy. Ông William và bà Elinor đã gọi đến một vòng hoa thật lớn, đầy hoa hồng và hoa dương xỉ. Phía dưới chân nấm mồ là vòng hoa huệ đỏ của vợ chồng Edwin và Vera, trên đầu là vòng hoa hồng vàng của Madge và Winsten. Một ít người trong đám đông đã ném vào những cành hoa đồng nội, một đóa hồng vườn, những cành hoa a-lu-ét và cúc đầu xuân. Bà Emma không phải là một con người đặc biệt, ông William tự nghĩ, bà đơn thuần chỉ là một người đàn bà tốt bụng, có lòng thương người, tuy sống có hơi biệt lập. Nhưng cái chết của bà quá tàn bạo, vụ sát nhân này đã lôi kéo sự chú ý của nhiều người, và đã khiến cho nó trở thành quan trọng.

## VIII

Vào một buổi sáng mùa xuân sau đó vài năm, khi đời sống đã trở lại dễ chịu, giúp cho ông William quên chuyên Jessica đôi chút, và giúp cho các khóm hoa hồng Sinh Nhật do bà Elinor trồng, lại đơm hoa trên mộ của bà Emma, thì ông William nhận được một cú điện thoại.

Hôm đó là sáng thứ bảy, ông còn ở nhà sau bữa điếm tâm muộn.

“Ai ở đầu dây?”

“Con, thưa ông Asher.”

“Tôi chưa nghe rõ.”

“Morris Herbert đây, thưa ông.”

Ông William giật mình. Ông còn phải nghe tiếng nói này nữa sao?

“Chào Herbert.” Ông nói, vờ làm ra vẻ bình tĩnh.

“Thưa ông, ông có mạnh khỏe không?”

“Rất mạnh khỏe, cảm ơn!” Ông William không nhăm lẩn chút nào. Ông chờ câu hỏi sắp được đưa ra.

“Ông Asher, ông có thể giúp con một việc quan trọng không?” Herbert nói giọng khiêm nhường.

“Tôi có biết gì đâu!”

“Con xin ông, ông có thể đi thăm Jessica và cho con biết cô ấy có khả năng để về nhà được chưa.”

Ông William không tin vào lời thỉnh cầu này chút nào, nó xem ra quá gở, Jessica phải sống lại và ra khỏi mồ sao? Còn phải nghe tiếng nói của cô ta trong nhà nữa sao?

“Tôi chẳng biết làm thế ích lợi gì, Herbert?” Ông nói, giọng cứng cõi nhất.

“Nhưng ông biết, thưa ông Asher.” Herbert trả lời cũng từng phục và cố chấp như xưa “Cô ấy xem ra khá lăm, như ngày trước, nói năng có vẻ hiểu biết. Cô ấy muốn trở về, cô nói chúng tôi có thể đoàn tụ trở lại. Đứa bé lớn lên mà không có mẹ, thưa ông.”

“Jessica không có thể trở về dễ dàng như vậy được,” ông William nói nghiêm túc “Anh quên sự việc đã xảy ra sao?”

“Con không bao giờ tin là Jessica đã làm chuyện đó,” Herbert nói một cách thành khẩn “Nếu không phải bà Bertha thì là một người nào đó đã len vào nhà. Jessica không làm nổi một việc như thế đâu. Cô ấy có thể nổi giận, cắn xé như một con bé, hay là một cái gì tương tự như vậy, chứ cô ấy không có thể giết người. Chính con phải giết gà để ăn tối Chủ nhật, còn cô ấy thì trốn vào trong nhà đóng cửa lại, bịt tai, nhắm mắt để khỏi nhìn thấy con gà giãy giụa.”

“Cái đó đâu thay đổi gì được bản án của tòa? “

“Ồ kìa ông, ông là một luật sư, ông có thể xin quan Thống đốc giảm xá.”

Ông William do dự. Tinh thần tôn trọng pháp luật của ông bị lung lay. Ông đã biết có những tù nhân bị kết án oan, bị bắt cầm tù bất công nhiều năm. Trả tự do cho Bertha và kết án Jessica xem ra công bằng, nhưng vẫn còn có những kẻ hờ, những nghi vấn không ai có thể làm sáng tỏ được. Ông đã buộc lòng tuyên bố mình chỉ là khách bàng quan, từ khi ông được gọi ra làm chứng, ông nhớ rất rõ những điểm yếu của vụ án.

“Jessica ghé thăm nhà thương điên này,” Herbert năn nỉ “Cô ấy nói rằng cô lộn ruột mỗi lần thấy các bà già điên, trong khi cô không điên chút nào. Còn điều này nữa, thưa ông, họ bắt cô ta làm việc lu bù, làm quá sức. Khi họ khám phá ra Jessica biết hầu bàn, họ bắt cô ta phục vụ nhà ăn, nơi các bác sĩ tới ăn uống. Cô ta phải làm mà không được trả công. Họ muốn giữ cô ta lại là điều hiểu được, nhưng như thế có công bằng không?”

Trong mấy tháng sau cùng, báo chí có đăng tải một vài bài báo khá đau lòng, nó đánh thẳng vào ông. Có thể là trong ngôi nhà rộng lớn, nơi mà Jessica được trú ẩn, đã có những sự bất công như thế. Nhưng cái gì liên hệ đến ông? Ông thầm nghĩ và rên lên trong lòng. Ông chỉ nhận trách nhiệm này một cách miễn cưỡng mà thôi.

“Tôi sẽ bàn việc đó với nhà tôi,” ông nói thoái thác.

“Cảm ơn ông Asher” Herbert nói với lòng thỏa mãn của một con người thiện cận “Ở đây ông có vẻ là một con người quan trọng. Con nghĩ là ông biết điều đó, và họ sẽ nghe ông. Còn con có nói gì đi nữa thì cũng chẳng ai nghe.”

Thật là một buổi sáng lãng phí, ông William thầm than. Ông chẳng chú ý gì đến việc giúp giải thoát cho Jessica, nhưng ông cũng biết, ông chỉ được yên khi nào ông thỏa mãn được lương tâm đang bối rối của mình.

Ông gác máy và trở về làm việc trong thư phòng. Ông không đến bàn viết của ông. Ông ngồi bên cửa sổ, trực diện hướng Tây, nơi mặt trời chiếu thẳng xuống. Ông nhìn thấy bà Elinor mặc đồ màu xanh lá, chăm chỉ săn sóc khóm mẫu đơn ngoài vườn. Ông không đành nói lại cuộc điện đàm của Herbert, vì thấy bà yên vui hạnh phúc. Ông chán nản nhớ lại hình dáng của bà Bertha lúc hầu tòa, cũng một buổi sáng giống hôm nay, những tia sáng mặt trời xuyên qua cửa sổ rất lớn và mờ đục của phòng xử án. Bà Bertha khai là con gái bà đã gọi bà đến nhà bà Emma. Đó là điều bà giám đốc Nhà Dưỡng lão xác nhận, bà này đã được gọi tới làm nhân chứng. Ngày xảy ra án mạng, bà Bertha xuống dưới nhà, ăn mặc theo kiểu đi phố và nói là đi thăm người bà con của chủ cũ. Bà đã đón xe buýt ngay trước tòa nhà. Bà giám đốc, một người đàn bà ở tuổi trung niên, vẻ chững chạc, mặc áo phai màu, đã lưu ý đến việc xe buýt đậu quá xa, nên đã xin đổi lại chỗ đậu gần hơn để tránh cho các bà già ở viện dưỡng lão phải đi dưới trời mưa và đợi xe trong tiết trời lạnh lẽo. “Bây giờ thì khi ra khỏi viện dưỡng lão, các bà có thể bước lên xe ngay, như đi xe nhà vậy”. Bà ta đã nói, và sự sửa đổi này đã làm cho bà ta hãnh diện, mà cũng phần nào khởi động tính lãnh đạm vô tình của bà ta.

Mặt khác, Jessica đã tỏ ra hoàn toàn tự nhiên, đến nỗi ông William còn cảm thấy khó khăn để giải tỏa vấn đề ông tự đặt ra cho chính mình. Khi được gọi ra trước vành móng ngựa, cô ta đứng lên một cách mạnh dạn, và đi bằng những bước đi nhẹ nhàng, duyên dáng quen thuộc. Theo như ông còn nhớ thì cô ta đã gây một ấn tượng trông thấy. Khêu gợi trong bộ đồ xám, áo ngoài có thêu rua kiểu tổ ong, chiếc nón nhỏ bằng nỉ đội trên mái tóc màu vàng, cổ lật của áo vét có thêu một đóa hoa hồng nhỏ, cô nàng xem ra có tư



cách và rất trẻ trung. Bao lâu cô ta còn sống, cô ta vẫn giữ mãi nét trẻ trung này. Cô ta ngẩng cao đầu, nhìn quanh phòng xử án với gương mặt hồng hào thay vì xanh xao thường nhật.

“Cô có gì ác cảm với bà Emma không?” Ông biện lý hỏi.

Jessica thở ra thật mạnh. Cô nói:

“Ồ, không. Không đâu, thưa ông. Ngược lại, bà ấy là người tốt nhất trong gia đình, ít nhất là đối với tôi.”

“Cô gặp bà ấy lần sau hết là lúc nào?”

“Lần tôi về từ... lần tôi trở về nhà. Tôi bị bệnh, người ta đem đi. Khi tôi lành bệnh, bà Emma đã giúp tôi trở về nhà. Tôi có đến thăm bà ấy.”

“Cô đi cách nào để đến đó?”

“Tôi đi bộ từ nhà tôi đến trạm xe buýt xa chừng một dặm. Xe đi thẳng đến Manchester, từ đó đi xe lửa dễ dàng.”

Herbert nháy vọt ra khỏi ghế, đưa tay lên xin nói như một học sinh trong lớp, nhưng không ai để ý đến anh ta, nên anh ta gieo mình xuống lại ghế, mồ hôi ròng ròng chảy trên má.

“Nói chung là cô đi xe buýt?” ông luật sư hỏi.

“Phải,” Jessica trả lời cách mạnh dạn, “Herbert chẳng bao giờ chờ tôi đi đâu, anh ấy không có rảnh.”

“Thưa quan tòa...” Herbert đứng lên la lớn.

“Anh hãy ngồi xuống,” quan tòa hét lên như tiếng sấm, và Jessica sập mắt nhìn xuống. “Theo lời mẹ cô khai thì sáng hôm ấy cô có đi tàu hỏa. Cô có mặt ở nhà bà Winsten?”

Jessica ngược lên một cách kiêu hãnh:

“Tôi biết chắc là không.”

“Cô nên biết rằng, nếu có đủ chứng cứ là man khai, thì mẹ cô sẽ có thể bị kết tội giết người.”

“Tôi nói thật,” Jessica giữ một thái độ bình tĩnh đầy chân thật. Cô nói thêm, “Từ nhiều năm nay, mẹ tôi và tôi không nói với nhau tiếng nào.”

Ông William cựa mình trên ghế và khẽ ho. Câu chuyện lại tiếp tục, cô ta kể ra nào chuyện bị đánh đập, những việc độc ác của mẹ cô, và tố cáo bà bằng những lời lẽ dữ tợn, có thể là thật mà cũng có thể là không.

Cô ta nói một cách cảm động:

“Mẹ tôi rất hung dữ với tôi khi tôi còn bé. Bà nhốt tôi trong hầm rượu, mà nếu tôi khóc thì bà đánh càng dữ hơn. Tôi có thể cho xem... Tôi còn những vết sẹo do bà đánh hồi còn nhỏ. Khi tôi lên bảy, bà gửi tôi vào tu viện ở Canada, và tôi chỉ thấy được cha tôi mỗi năm một lần trong dịp nghỉ hè. Tôi thương cha tôi, và cha tôi thương tôi. Rồi cha tôi chết. Mẹ tôi cũng đối xử ác với cha tôi. Bà Emma không bao giờ chịu tin, dù tôi có nói với bà.”

Ngồi bên khung cửa sổ nơi thư phòng một vài năm sau, ông William bỗng hiểu được lời tố cáo này. Ông nhớ lại Jessica đã đổi giọng khi nói những lời này. Cô ta mở ra đóng lại cái ví, bật các khóa kêu lắc cắc, cử chỉ bồn chồn kích động, và cuối cùng có một tiếng kêu khô khan trong cổ họng, mặc dù ngồi cách xa ông cũng nghe được. Thế là chắc chắn, Jessica đã giết bà Emma, bởi vì bà già dễ mến ấy kêu cô ta đến để thương lượng dàn xếp cho hai mẹ con làm hòa với nhau. Bà Emma không bao giờ tha thứ cho ông William về tội đuổi bà bếp Bertha đi. Ông còn nhớ rất rõ những gì bà Elinor vợ ông đã thuật cho ông biết về điều ấy. Theo thói quen, bà Elinor đã đi thăm bà Emma và nói cho bà biết, bà Bertha hiện đang ở đâu và tại sao. Bà Emma vì thế mà xúc động, cứ lặp đi lặp lại mãi rằng:

“Elinor thân mến, chúng ta có bốn phận đối xử tốt với các tội tớ già nua.”

Bà Elinor đã trấn an:

“Bà Bertha đã được sắp xếp rất chu đáo rồi.”

“Ồ, chính con tim mới cần được an ủi. Tôi sẽ gọi Jessica đến để nói chuyện với nó.”

Bà Emma đã thực hiện một lần điều bà đã nói, dù ông William có bảo rằng chỉ vô ích thôi. Nhưng bà Emma có tính khoan dung, càng già bà càng khoan dung hơn, nên ông William không tìm cách ngăn bà nữa. Có lẽ bà đã gặp Jessica khá nhiều lần. Buổi sáng cuối cùng ấy, có lẽ vì bà Emma đã kết tội Jessica là nói dối, nên đã làm cho cô ta bấn loạn thần kinh và đã có những hành động điên khùng.

Ngày tòa xử, khi cô ta nói về sự độc ác của mẹ mình, mọi con mắt đều ngó về phía bà Bertha, nhưng bà này vẫn bất động, mắt nhìn sững về phía cửa sổ cao ở cuối phòng. Các thành viên của hội đồng xử án nghiêng mình

về phía trước để nghe Jessica cho rõ hơn. Cô ta đã thu hút được cảm tình của họ. Các câu hỏi được tiếp tục cho đến cùng. Rồi cô ngồi xuống, đưa chiếc khăn tay có thêu rua lên miệng.

Bà Bertha ngồi yên không nhúc nhích. Khi nghe kêu đến tên bà, bà giật mình ngó quanh, như là chuyện của ai khác.

Ông luật sư bảo:

“Nào, nào, bà hãy đi lên chỗ của bà đi.”

Bà Bertha đứng lên, cục mịch, ngỡ ngàng. Bà đến trước vành móng ngựa và tuyên thệ. Tiếng bà thấp đến nỗi không ai nghe được, rồi bà nắm chắc vành móng ngựa, chờ đợi và nhìn quan tòa một cách khiêm tốn.

“Bà có nghe những lời tố cáo của con gái bà không?” viên lục sự hỏi.

Bà Bertha thở dài nói:

“Phải, đó là cách nói của Jessica.”

“Cô ấy nói có đúng không?”

“Không bao giờ tôi đánh con tôi,” bà Bertha trả lời cách đau khổ “Đôi khi tôi cũng có tát nhẹ, vì nó đi lên nhà lớn, nơi không phải là chỗ của nó. Cha nó không muốn răn dạy nó, thì dĩ nhiên là tôi phải dạy nó. Nhưng đánh đập nó? Không, không bao giờ.”

Bà ta làm thình như chẳng có gì để nói nữa.

Các câu hỏi lại tiếp tục, không xót thương:

“Làm thế nào bà có mặt tại nhà bà Winsten?”

“Jessica đã gọi tôi. Bà Emma muốn gặp tôi. Bà ấy bảo chúng tôi phải hòa thuận lại với nhau, Jessica và tôi, khi con gái tôi trở về nhà. Và tôi đã trả lời: “Chắc chắn như thế rồi, tại sao không”. Tôi muốn mà Jessica không muốn nghe nói đến điều đó. Có lẽ tại nó đau cái đầu, tôi có biết gì đâu.”

“Đau cái đầu?”

“Đau cái đầu, người ta nói như thế. Người ta bắt nó đi và gửi con bé vào viện mồ côi. Herbert sẽ giải thích cho các ông điều đó, tôi không biết.”

Herbert lại được gọi lên và hỏi thêm nữa. Anh ta miễn cưỡng bộc lộ câu chuyện ghê tởm về cuộc sống với Jessica, việc vợ anh từ chối không cho anh quyền lợi làm chồng, về trận chiến cuối cùng giữa hai người, và trong khi anh cố tình che giấu, thì anh lại thú nhận tất cả.

Ông William không chịu nổi khi nhớ lại những lời khai này của Herbert. Ông đứng lên và đi ra vườn, gặp bà Elinor. Bà đang lom khom trước đám mẩu đơn để xem xét các mầm non.

“Nó đã chịu được mùa đông,” bà nói cách vui vẻ khi thấy ông.

Bà lo lắng nhiều cho các khóm mẩu đơn của bà, chúng quá mong manh trong mùa đông khắc nghiệt của vùng Vermont, mà người ta chỉ cứu được nó nhờ phân bón và nhờ che chắn cho nó. Chồng bà đến bên bà và chiêm ngưỡng những mầm non mập mạp có màu đỏ nâu.

Ông lẩm bẩm:

“Anh chẳng biết vì sao khi chúng ta đang sống trong an bình, bà Bertha sống thoải mái trong viện dưỡng lão, còn Jessica bị nhốt, không còn làm hại ai được nữa, thì chúng ta lại phải quấy động lên tất cả những điều đó một lần nữa?”

Bà Elinor cười buồn, bà nói:

“Chúng ta càng cảm thấy cực lòng thì chúng ta càng cảm thấy có trách nhiệm. Chúng ta không thể quẳng đi gánh nặng này, phải giải quyết bằng cách ấy và đi xem thử tình trạng của Jessica ra sao. Anh hãy nghĩ đến con bé Monica đáng thương.”

Cả hai ông bà lặng thinh một hồi lâu. Bà Elinor lom khom chăm chỉ gỡ từng chút đất quanh các chồi non, đã cứng lại vì mùa đông, đang khi ông ngó bà một cách lơ đãng, lòng trí cứ nhớ đến lần cuối cùng gặp Jessica. Tòa đã tuyên bố cô ta điên, và bà Bertha được tha bổng sau khi bà cứ lặp đi lặp lại mãi một lời khai. Ông cúi xuống khẽ đặt tay lên vai bà Elinor.

“Thế thì em cho là chúng ta nên đi thăm Jessica?”

Bà lùi lại một chút, ngồi trên hai gót chân và ngó lên ông. Dưới ánh mặt trời tuyệt đẹp ban mai, ông bồi hồi nhìn thấy những đường nhăn li ti quanh đôi mắt và môi bà.

“Một lần nữa thôi,” Bà Elinor dịu dàng đáp “Có thể sau đó lương tâm anh sẽ được yên ổn.”

Ông gật đầu tán thành. Bà biết ông rất rõ...

Kết quả là sáng hôm sau, vào ngày Chủ nhật, ông bà quyết định làm việc lành này thay vì đi nhà thờ.

Anh tài xế mới đã quen tính nết của ông bà, lái xe đi một cách êm ái và an toàn cho đến tòa nhà đồ sộ cách đó ba mươi dặm, nơi bác sĩ Bergstein đang chờ. Ông William đã điện thoại cho ông chiều hôm trước, và ông bác sĩ khá ái bằng lòng có mặt khi ông bà đến. Ông ta đang ngồi trong văn phòng, một căn phòng nhỏ mà vách tường bị che khuất bởi các tủ hồ sơ và sách y khoa. Ông William còn nhớ rõ, đó là một con người nhỏ bé, khá ái, luôn luôn có giọng nói trầm tĩnh của một nhà kinh doanh.

“Mời ông vào, ông Asher. Chào bà Asher. Xin mời ông bà ngồi.”

Hai ông bà ngồi xuống và ông bác sĩ cũng ngồi xuống sau bàn viết của ông ta. Ông ta mang lại cái kính gọng vàng. Ông ta nói:

“Tôi vừa nhớ lại vụ Jessica Morris.” Ông lật lật mấy tờ giấy trước mặt và tiếp “Thật chẳng còn gì để mà nói nữa. Như ông bà đã biết, khi cô ta bị giữ lại ở đây cách ba năm trước theo lệnh của tòa án, cô ta rất bối rối. Chữa trị bằng cách cho sốc điện chẳng kết quả gì, nhưng phép trị bằng nước thì lại khá hơn. Ban đầu cô ta không chịu làm việc, nhưng sau hai năm thì cô đã chịu làm. Cô ta phục vụ trong toán hầu bàn ở nhà ăn, nay cô ta phụ trách việc tiếp phẩm. Trong những giờ rảnh rỗi, cô ta ở trong phòng trị liệu, vẽ tranh màu nước khá đẹp, và vẽ trên áo cho các bệnh nhân khác. Phương pháp đang trị liệu cho cô ta đã giúp cô ta lấy lại sự thông minh và tính thích giúp đỡ người khác.”

Một nỗi thất vọng xâm chiếm lấy ông William. Ông nói:

“Phải chăng như thế có nghĩa là cô ta đã hết bệnh?”

Ông bác sĩ nhún vai, ông đưa tay ra và nói:

“Lành bệnh, lành bệnh là như thế nào? Ở đây, cô ta hành động như một người bình thường, khỏe mạnh, chúng tôi chẳng biết gì hơn.”

Ông William và bà Elinor liếc nhìn nhau.

“Chúng tôi muốn thăm cô ấy được không, bác sĩ?” Bà Elinor hỏi.

“Chắc được, gần đến giờ ăn rồi. Tại sao không đến bàn ăn của tôi và cùng chúng tôi dùng bữa? Như thế sẽ được nhìn thấy cô ta làm việc.”

“Một ý kiến tuyệt vời,” ông William nói.

Mấy giây sau đó, họ theo ông bác sĩ Bergstein đi dọc hành lang không mái lợp, đến một phòng ăn hình chữ nhật có đặt nhiều bàn. Một gian phòng

khá vui tươi, cô ta cần như thế, ông William nghĩ. Mỗi bàn đều có một bình hoa tươi, cắm rất nghệ thuật.

“Các bình hoa đó cũng là việc của Jessica,” Ông bác sĩ nói “Cô ấy có khiếu, nhạy cảm. Rõ ràng là cô ta đã sống giữa những người có giáo dục. Cô ta đọc sách, nói tiếng Anh rất hay. Xin ông bà ngồi xuống, để coi thử cô ta có nhìn ra ông bà không.”

Ông ta xoa hai tay vào nhau ra vẻ thích thú, sự tò mò có tính cách nghề nghiệp được kích thích vì hoàn cảnh mới lạ này.

“Cô ta kìa,” Bà Elinor kêu lên.

Jessica đứng tựa vào vách với các cô hầu bàn khác, nổi bật lên trên tất cả. Họ mặc đồng phục bằng vải màu xanh dương, mũ chóp, tạp dề trắng. Màu sắc này hợp với Jessica, tóc cô hót ngắn và cuộn tròn từng lọn, thay vì tết lại thành bím và dờn một đồng trên đầu theo kiểu xưa của người Đức. Cô ta đã mất đi nét mảnh mai của mình, nhưng vẫn còn thon thả với xu hướng đầy đà, vẻ người sống động, đôi môi đỏ và hai mắt sáng trưng, linh hoạt.

Ông William nói:

“Tôi chưa từng thấy cô ta đẹp như thế bao giờ.”

“Cô ta vui tươi vì cô ta hạnh phúc.” ông bác sĩ nói. “Phải, vì ở đây cô ta sung sướng. Cô ta năng nổ, cô ta ra lệnh cho một số chị em, cô ta cắm hoa, cô ta bằng lòng vì được lui tới thư viện. Ai cũng mến cô ấy, đôi khi có người đàn ông nào đó tỏ ra thương yêu cô ta một cách hơi quá đáng một chút, cô ta liền nói với tôi và yêu cầu tôi bắt người ấy phải trở về với trật tự - Bác sĩ phì cười - Jessica sống có luân lý và đạo đức. Cô ta luôn luôn nhắc cho hết thấy mọi người đàn ông biết là cô đã có chồng.”

“Cô ta có lưu tâm đến chuyện chồng cô ta đến thăm cô đều đều không?” Bà Elinor hỏi.

Ông bác sĩ mím đôi môi dày, rồi nói:

“Không, tôi không nói được điều ấy. Ban đầu cô ta cự tuyệt, nhưng vì anh ta có xe, có thể xin phép đặc biệt đưa cô đi dạo, nên cô bắt đầu yêu cầu anh ta đến. Rồi nhiều tháng cô ta không thấy chồng cô đến. Nhưng,” Ông bác sĩ cười, “Cô ta là gái có chồng, đó là một sự che chở. Cô ta ao ước có được

một sự che chở thường xuyên, bao lâu cô còn được tự do muốn làm gì thì làm. Điều đó cũng bình thường thôi.”

Jessica nhìn ông bác sĩ và ông đưa tay làm hiệu. Bỗng cô ta nhìn thấy ông bà Asher. Gương mặt cô ta sáng lên mỉm cười, hăng hái bước tới rất ư là duyên dáng, bước đi nhẹ nhàng uyển chuyển như xưa.

“Ôi! Bà Asher!” Cô ta khê kêu lên. Cô nắm lấy tay bà Elinor và siết chặt trong hai tay mình “Sau cùng bà cũng đã đến thăm con, cả ông Asher nữa. Tuần trước con có nói với anh Herbert là con mong gặp lại ông bà biết đường nào. Ông bà đã không quên con.”

“Không quên, thật đấy,” ông William nói, “Cô có mạnh khỏe không?”

“Ôi, rất mạnh khỏe, cảm ơn ông. Con chỉ ước ao được trở về căn nhà nhỏ bé của con, gặp lại đứa con gái yêu quý của con, chắc bây giờ đã là một thiếu nữ và nó cần có mẹ, con biết vậy. Cậu Edwin, cậu Winsten và cô Susan có mạnh khỏe không ạ?”

“Hết thảy đều mạnh khỏe, cảm ơn Jessica,” Bà Elinor trả lời.

Cả ba sửng sốt, cô ta đã quên mất bốn phận hầu bàn của cô, dường như thế. Thì cũng chính con người đó, nay trông có vẻ trẻ trung, đầy nhiệt huyết, gương mặt cô ta trắng hồng không có gì thay đổi, nét nhìn vẫn trong sáng, tinh anh.

“Cô làm ơn đem cho chúng tôi thứ gì để ăn đi, Jessica. Chúng tôi đã đói rồi,” Ông bác sĩ nói một cách vui vẻ.

“Đúng rồi,” Cô ta kêu lên như sự nhớ, và tỏ rất vui vẻ, “Cháu xấu hổ quá, đã quên bốn phận của mình.”

Cô ta ghi chép các món yêu cầu ra giấy, và nhẹ nhàng bước đi.

“Lạ thật!” Ông William nói, “Lạ thật, lạ thật!”

Bác sĩ Bergstein lại nhún vai lần nữa:

“Ông thấy đó, ai biết được?”

“Thật là rắc rối,” Elinor nói, lòng xao xuyến, “Nếu cô ta đã trở lại bình thường thì cô ta không nên ở đây. “

Ông William không nói được lời nào. Viễn cảnh tương lai của Jessica, ông không chịu nổi, nếu cô ta thật sự đã bình phục.

Jessica trở lại rất mau, dọn bàn một cách hoàn hảo, đặt trước mỗi người món ăn họ đã chọn.

“Con còn nhớ ông thích ăn sườn cừu non, thưa ông Asher,” Jessica nói với vẻ thích thú, “Con đã cho chiên lại một lần nữa, vì con biết ông thích ăn thứ thật chín.”

“Cảm ơn,” Ông William nói.

Thật là một bữa ăn ngon: Nhà bếp giỏi, thức ăn đơn giản mà nấu khéo, nhưng ông William ăn chẳng thấy ngon vì thỉnh thoảng phải trả lời những nhận xét của ông bác sĩ. Bà Elinor điều khiển cuộc chuyện trò mà ông chỉ nghe được loáng thoáng.

“Jessica xem ra khác hẳn các chị em khác,” Bà nói.

Ông bác sĩ tán thành:

“Cô ta khác hẳn, đây là một ca hỗn tạp, rất lý thú.”

Cuối cùng, bữa ăn đã kết thúc. Ông bác sĩ hỏi:

“Ông bà có muốn gặp riêng Jessica không?”

Ông William sắp sửa từ chối, thì bà Elinor trả lời:

“Tôi nghĩ là muốn. Tôi rất thích gặp riêng cô ta.”

“Nếu vậy, xin mời ông bà lên phòng khách nhỏ trên lầu, dành riêng cho khách mời. Tôi sẽ cho Jessica lên đó.”

Ông bác sĩ đưa hai người lên lầu. Đi sau lưng ông bác sĩ, ông William phàn nàn với bà:

“Thật quý quái, chúng ta gặp riêng cô ấy một mình làm gì? Anh đã chán ngấy rồi!”

“Suyt, anh hãy ý tứ.” Bà Elinor bảo.

Trong gian phòng có ghế tựa màu xanh lá và những tấm màn tiệp màu, ông bà ngồi im lặng chờ. Họ có nhiều điều để nói với nhau, ai cũng muốn nói, nhưng chưa phải lúc nói ra. Cuộc viếng thăm chưa chấm dứt, nên chưa kết luận gì được. Phòng khách hôi mùi bụi mốc và một mùi hăng hắc mà ông William không nhận ra được là mùi gì. Ông đứng lên và khó khăn lắm mới mở được cửa sổ, vì đã lâu nó không được mở.

Khoảng mười phút sau, có tiếng gõ cửa.

“Mời vào,” Bà Elinor nói.



Chính là Jessica. Cô ta đã thay bộ đồng phục và mặc một áo dài bằng ni màu xanh biển, có viền những đường gấp trắng ở ngực và cổ. Chính ông William cũng phải chịu là cô ta đẹp rực rỡ, đang khi cô ngập ngừng trước mặt ông bà với nụ cười muôn thuở trên môi.

“Jessica, cô ngồi xuống đi.”

Cô ta ngồi xuống chiếc ghế có lưng dựa thẳng, và vắt téo đôi chân thon nhỏ mang giày da đen.

Ông William ít khi để ý đến cách ăn mặc của đàn bà, thấy thế và tự hỏi làm sao Jessica có thể sống ở đây mà đàng hoàng đến như vậy.

“Herbert yêu cầu chúng tôi đến thăm cô, chúng tôi sẽ cho anh ta biết là cô rất khỏe mạnh.”

“Trời ơi, cái anh Herbert này thật! Anh ta phải xấu hổ vì đã quấy rầy ông bà. Con đã cấm anh ta làm thế, nhưng con cũng sốt ruột muốn gặp lại ai đó trong gia đình nhà ta. “

Cô bỗng làm ra vẻ suy nghĩ:

“Con nghĩ là cậu Edwin chắc được hạnh phúc lắm.”

“Đúng đấy,” Bà Elinor đáp. “Cuộc hôn nhân đó rất tốt đẹp.”

Một bóng mây đen trên gương mặt Jessica như bị quét đi bởi một bàn tay vô hình. Cô ta hỏi tiếp:

“Còn các cháu nhỏ, con của cậu Winsten có mạnh giỏi không? Chắc nay đã lớn lắm rồi. Con muốn thấy chúng.”

“Bây giờ nó đã có năm đứa” bà Elinor nói, “nhưng tôi nghĩ là Madge muốn có sáu.”

Jessica rúng động, cô nói:

“Trời đất! Không! Bà ơi, làm sao cô ấy có thể, ghê tởm quá chừng...!”

Ông William nhìn chăm chăm vào mặt cô ta:

“Cô muốn nói gì về chuyện đó vậy?”

“Ôi, con không biết, thưa ông. Theo lẽ thì con đừng nói như thế. Con luôn nói những chuyện thế ấy... Nhà cửa nhà ta có thay đổi gì không, thưa bà?” Jessica lại nói với vẻ nhớ nhà “Con muốn được thấy lại nó biết bao.”

“Không có gì thay đổi cả,” bà Elinor nói. “Bây giờ chúng tôi đã có hai cô gái dễ thương giúp đỡ.”

“Con cũng muốn chính con giúp đỡ bà, thưa bà,” Jessica nói, ra chiều suy nghĩ. “Điều đó sẽ là một niềm vui lớn đối với con.”

“Cô không thích ở đây sao?” ông William hỏi.

Jessica rùng mình, úp mặt vào hai tay. Cô ta bật khóc.

“Không, con ghê tởm chỗ này. Con chỉ là một nữ tù nhân, người ta bắt con làm lụng cực nhọc suốt cả ngày lẫn đêm. Con chẳng được trả một xu tiền công nào, con chỉ là một con nô lệ.”

Ông William thở dài nảo nuột, ông ngồi dựa ngửa ra ghế, nhìn bà Elinor với vẻ bất lực. Bà Elinor nhướng mày nhìn ông ra vẻ như muốn nói: “Làm sao đây?”

Jessica khóc tấm tấc.

“Con thấy nhớ con gái của con quá! Dường như là chưa bao giờ con được sống với nó, chỉ gần nó có vài tuần là cùng. Một đứa con bao giờ cũng cần có mẹ. Con biết con gái của con cần con, mà con không làm gì được.”

Ông William không dẫn lòng được nữa. Ông nói với một giọng cứng cõi và đầy uy quyền:

“Coi nào, Jessica, nếu đó thật là điều cô cảm nghĩ, nếu cô tưởng có thể ăn ở phải đạo, không làm khổ những người chung quanh, thì đó là điều tôi chưa hiểu nổi, bởi vì ai nấy đều tốt với cô...”

“Ô, đúng rồi, thưa ông,” Jessica nói với một tiếng thở dài. Cô ta ngược lên, mặt đầy nước mắt. “Ông chẳng cần nói với con điều đó, con chẳng hề quên một chi tiết nào!”

“Như thế thì,” ông William nói tiếp, “nếu cô muốn trở thành một con người đứng đắn, cư xử đàng hoàng, thì tôi sẽ xem thử tôi có thể làm gì được cho cô. Nếu cô quyết tâm như vậy, thì một ngày nào đó tôi có thể bảo lãnh cho cô được tự do, xin cho cô được khoan thứ.”

“Khoan thứ cái gì?” Jessica hỏi như một em bé.

“Cô vừa nói với tôi là cô không quên cái gì hết kia mà?” Ông William nói với giọng cứng rắn.

“Nếu ông muốn nói về bà Emma, thì thưa ông. Con chẳng làm gì hại bà ấy cả.” Jessica nói một cách dịu dàng và vội vã “Con ở nhà với Herbert gần suốt cả ngày hôm đó. Đó là buổi chiều trước ngày con đi thăm bà Emma, mà

cũng là ngày Herbert rất đáng sợ. Anh ta ra sức... anh ta như một con vật... anh ta... Ôi! Con không nói được. Không có từ nào để diễn tả. Đó là, đó là điều không nên, cả trước mặt Monica. Con luôn luôn ngủ trong phòng con bé, mà anh ta cứ mò vào, dù đã có lời hứa...”

Ông William lặng thinh, nín thở, nhưng Jessica tính hay sợ sệt và rất nhạy cảm. Cô ta cảm thấy có cái gì đó nguy hiểm trong sự thinh lặng ấy. Cô ta đứng dậy và lấy giọng bình thường nói:

“Con cố quên cái chuyện ấy đi, nhưng con nhớ người ta đã tốt với con. Bà Emma là người tốt với con nhất, và con rất mến bà, con không thể làm gì hại cho bà ấy, nhưng bà nhất định không tin những gì con nói về mẹ con, dù trong ngày cuối cùng ấy.”

“Ngày cuối cùng là ngày nào?” ông William hỏi.

Màu hồng trên gương mặt của Jessica đột nhiên biến mất. Cô ta nói:

“Ngày cuối cùng là ngày con gặp bà ấy, hôm trước ngày bà qua đời.”

Ông William quyết thử nghiệm một lần cuối cùng nỗi hoài nghi của ông:

“Thế là tốt. Tôi mừng vì cô muốn trở về gặp lại chồng con của cô. Tôi thấy cô bây giờ rất được, tôi chẳng thấy lý do gì để cản trở cô trở về. Tôi sẽ đứng ra bảo lãnh cho cô và tôi tin rằng tôi sẽ thuyết phục được ông bác sĩ thả cô ra theo những điều kiện cô cam kết, khi được phép.”

Ông William đã hứa một điều không thể thực hiện được, luật pháp không cho phép, nhưng đó là một thí nghiệm cần phải thử. Ông cảm thấy điều đó một cách tự nhiên. Ông ngó ngay vào mặt Jessica, cô ta cũng ngó lại ông không chớp mắt. Ông để một lúc cho cô ta hiểu rõ điều ông vừa nói, rồi ông đặt câu hỏi:

“Cô có muốn đi về ngay với chúng tôi không?”

“Herbert ắt sẽ thích thú vì bất ngờ này William,” bà Elinor nói. Giọng bà bao hàm một lời cảnh cáo. Như bà muốn nói với ông: “Anh đi mau quá, anh gây ra cho cô ta một cú sốc mạnh. Nếu cô ta chấp thuận, thì anh làm sao đây?”

“Bây giờ...” Jessica kêu lên lạnh lạnh. Cô ta nhảy dựng lên, thân thể tê cứng lại, tóc dựng đứng, hai mắt trợn dọc, long lanh, nhìn sững về một phía.

Cô ta hét lớn. “Ông không buộc tôi được - và hai cánh tay giường ra như muốn bay đi, cô chạy ào đến bên cửa sổ.”

“William!” Bà Elinor kêu lên.

Ông William vọt đến và nắm hông cô giữ lại. Cửa sổ mở toang, và ông bác sĩ bước vào, đi ngang qua phòng và nắm hai cánh tay đang giường ra của Jessica.

“Xin lỗi hai ông bà, tôi đang chờ ở bên ngoài. Tôi sợ rủi có xảy ra chuyện gì...”

Ông ta đóng cửa lại. Ông nói:

“Không bao giờ chúng tôi mở cửa sổ này, thưa ông Asher. Bây giờ, Jessica, cô hãy bình tĩnh lại đi.”

Một cô y tá mặc áo blouse trắng bước vào ngay sau khi ông bác sĩ nhấn chuông gắn ở tường. Jessica la lối om sòm khi nhìn thấy cô ta.

“Jessica,” ông bác sĩ nghiêm giọng nói “bây giờ lại thêm một lần nữa trong vòng hai năm, cô lên cơn, nhưng chẳng ích lợi gì cho cô hết. Đem cô ta xuống phòng trị liệu đi, cô Baker.”

“Thưa bác sĩ, vâng.”

Ông bà Asher nghe những tiếng khóc la gớm ghiếc của một người điên, và những tiếng kêu la hãi hùng đó nhỏ dần khi cô ta đi càng xa hơn trong hành lang.

Bà Elinor lo lắng hỏi:

“Người ta đã làm gì cô ấy thế?”

“Không gì đâu thưa bà. Bà đừng làm khổ mình nữa. Chúng tôi không làm gì hại cô ấy hết. Cô ta cần la hét. Chúng ta vừa chứng kiến một Jessica thứ hai.”

Họ lại ngồi xuống, im lìm xúc động. Rồi ông William hỏi một cách nghiêm túc:

“Tôi còn một câu hỏi muốn hỏi ông, thưa bác sĩ.”

“Có biết bao câu tôi không giải đáp được. Nhưng tôi sẽ làm hết sức mình để trả lời câu ông hỏi.”

Ông William chờ đợi, nghĩ đến buổi chiều đẹp trời hôm nay mà ông đã làm hỏng.

“Điều đó có tránh được không? Người ta đã có lầm lẫn điều gì khi cô ta còn bé không?”

“Nhà tôi muốn nói,” bà Elinor giải thích, “chúng tôi ở trong nhà lớn, có thể hành động khác đối với Jessica, khi cô ta còn bé không? Cô ta là con của bà nấu bếp nhà chúng tôi.”

Ông bác sĩ lại đưa tay ra, và một lần nữa nhún vai một cách nặng nề. Ông nói:

“Ai biết được? Người ta có thể tự hỏi điều đó. Jessica là con gái của bà bếp, phải không? Cô ta không muốn mình như thế, vì vậy mà cô ta đã ghét bà bếp, dù bà đó là mẹ của cô ta. Cô ta chỉ muốn làm con của bà chủ nhà lớn, như bà, thừa bà Asher, nhưng không được vậy nên cô ta ghét luôn cả bà. Cô ta không dám làm hại bà, vì bà đã có ông nhà bên cạnh để che chở cho bà. Cô ta đã thù ghét luôn cả bà già Emma cô thế, vì bà đó cũng là người thuộc ngôi nhà lớn. Cô ta còn tưởng mình phải lòng một thanh niên ở ngôi nhà lớn, và anh ta có thể mang cô ta vào cái thế giới mà cô vọng tưởng, nhưng rùi thay người thanh niên đó lại không yêu cô ta. Thật sự, cô ta chẳng yêu thương ai cả, và bi kịch là ở chỗ đó. Ấy vậy, tất cả lòng khoan dung và nhân hậu, vì tôi biết ông bà là những người khoan dung và nhân hậu, không giúp gì cho cô ta được. Ông bà có tốt bao nhiêu đi nữa cũng chỉ làm cho cô ta hối tiếc mà thôi, vì tuy không hiểu, nhưng cô ta biết rằng cô ta không có lòng tốt này, và cô nghĩ là cô sẽ khác nếu cô là một thành phần trong gia đình ông bà, là một người trong gia đình cả hồn lẫn xác. Jessica muốn sinh ra lại một lần nữa, thừa ông bà. Nhưng nói ra thêm buồn, con người ta chỉ sinh ra một lần mà thôi. Cô ta cảm thấy cô ta chỉ là một người xa lạ trong nhà của ông bà.”

Ông bà nghe ông bác sĩ Do Thái nói về những nỗi niềm sâu kín nhất của cuộc đời ông ta mà ông bà không hay biết, về những kinh nghiệm tiềm ẩn trong lòng của ông ta và những lời ông ta nói đã đổ xuống trên vai hai ông bà với sức nặng khủng khiếp của sự thật.

“Chúng tôi sẽ không bao giờ giải thoát mình khỏi trách nhiệm đối với Jessica được.” Ông William buồn bã nói.

“Phải, đúng vậy. Với tư cách là những con người trung hậu, ông bà không giải thoát mình khỏi trách nhiệm được. Ông bà chấp nhận nó và bảo toàn nó, nhưng thưa ông,” ông bác sĩ nghiêng về phía ông William và đặt tay lên đầu gối ông “đó là hy vọng của nhân loại. Nếu những con người trung hậu mà quên được trách nhiệm của mình, thì thật không có Thượng Đế.”

Họ đứng dậy và ông bác sĩ coi giờ.

“Trời đất, gần bốn giờ rồi. Tôi đã hứa với vợ con tôi... Xin ông bà tha lỗi. Nhưng như ông bà đã hiểu, Jessica phải ở lại đây.”

Ông William do dự, hăng giọng nói:

“Còn một câu hỏi nữa, thưa bác sĩ. Ông có coi Jessica như đã mất trí, theo nghĩa chuyên môn không?”

Bác sĩ Bergstein nhún vai và đưa tay ra một lần nữa. Ông nói:

“Về phương diện chuyên môn? Từ này không có nghĩa gì đối với tôi cả. Jessica không điên khi nào cô ta được thỏa mãn về đời sống của mình.” Ông mỉm cười và nhìn chung quanh “Ở đây cũng là một tòa nhà lớn, phải không nào? Một tòa nhà rất lớn và một gia đình cũng rất lớn. Ở đây cô ta là người xinh đẹp hơn hết và thông minh hơn hết. Ở đây cô ta là một thứ quận chúa, và khi cô ta cảm nhận như thế thì trí khôn của cô ta trở về. Đem cô ta đi, đưa cô ta đến nơi mà cô ta không muốn ở, trong một tòa nhà lớn mà cô ta chỉ có tư cách là con gái bà nấu bếp, thì bây giờ, phải, tôi sẽ nói là cô ta điên.”

Ông bác sĩ ngừng nói, và với một lòng từ ái và cương trực, ông ta nhìn họ với cái nhìn phê phán đượm vẻ trào lộng. Ông nói tiếp:

“Chúng ta có thể kết luận là Jessica đang ốm vì ảnh hưởng của nền dân chủ. Và, chớ gì tôi có thể nói ra được điều đó, cả ông bà nữa.”

Bác sĩ Bergstein chào ông bà Asher, mỉm cười và bước đi với những bước lanh lẹ không ngờ có được nơi một con người bệ vệ như thế.

Ông William đứng yên một lát, chiêm nghiệm những lời nói cuối cùng của ông bác sĩ. Thấu suốt được chiều sâu của những lời nói đó mà không muốn nói đến, ông quay lại bà Elinor:

“Em yêu quý! Chúng ta về thôi, chúng ta không làm gì cho Jessica được nữa rồi!”

Họ thình lạng trở về, đến cửa họ xuống xe, sóng bước cùng bước vào nhà một cách mệt mỏi. Ngôi nhà im vắng lúc họ đi vào. Họ chợt thấy một cái áo măng-tô vứt bỏ trên thành ghế gần cái bàn gỗ sồi, một cái áo len mỏng mềm của xứ Ecosse và một cái mũ tròn, bằng dạ đỏ có kết một búp lông chim đen một bên.

“Susan?” bà Elinor gọi lớn. Bà đi nhanh qua khách sảnh. Thế là thế nào? Từ dưới cầu thang, bà gọi “Susan!”

Có tiếng mở cửa trên lầu. Susan cúi qua thanh tay vịn nhìn xuống. Mái tóc đen và ngắn xõa xuống hai bên má cô, đôi mắt thâm quầng làm cho gương mặt của cô càng xanh xao hơn.

“Con ở đâu về vậy?” ông William hỏi.

“Con về nhà trở lại.”

“Peter đâu?”

“Không có Peter.”

Tim của hai ông bà thót lại trong lồng ngực. Ông cảm thấy sự sụp đổ của bà cũng như của chính ông.

“Ba mẹ lên đây,” bà Elinor nói lớn, đầu ngừng lên nhìn gương mặt tái xanh đang ngó xuống bà.

“Để con xuống,” Susan nói.

Hai ông bà treo áo choàng lên móc và thình lạng chuẩn bị để đón nhận những gì đang chờ đợi họ, rồi đứng bên nhau nhìn con gái của họ bước xuống cầu thang.

Đột nhiên, như một dòng thác, lòng mến yêu và thương xót tràn ngập trái tim hai ông bà. Susan đang đứng trước mặt họ, bề ngoài xem ra rất bình tĩnh, hết nhìn cha đến nhìn mẹ, rồi bỗng dừng cô dang tay ôm chầm lấy ông bà.

“Ôi, con xin ba mẹ đừng nhìn con như thế, ba mẹ làm cho con chết thẹn đây này! Ba mẹ làm như ba mẹ có lỗi, con thấy vậy. Vô ích thôi, ba mẹ yêu dấu ạ. Không có gì ghê gớm xảy đến đâu. Chỉ đơn giản là con... là con cần suy nghĩ, và con nhận thấy con chỉ có thể suy nghĩ ở đây, tại nhà mình và chỉ một mình con mà thôi. Ba mẹ đi đâu về đấy?”

Susan chen vào giữa cha và mẹ cô, cô khoác vào cánh tay cha một bên và mẹ một bên. Cả ba người đi dần đến phòng khách phía Đông và cùng ngồi

xuống trên chiếc ghế nệm dài có lưng dựa.

“Ba mẹ đi thăm Jessica về.”

“Tại sao?”

“Herbert nói là cô ta đã lành bệnh, và ba mẹ muốn đi xem tận mắt ra sao. Không bao giờ cô ta lành bệnh được cả. Ông bác sĩ phụ trách đã cho ba mẹ rõ như thế. Cô ta chỉ mạnh khỏe khi cô ta đang ở nơi được chở che, và thành công theo cách của cô ta. Cô ta không đương đầu nổi với cuộc sống, theo cách cô ta quan niệm. Cô ta không có nghị lực, không có trí tuệ, mà điều đó cô ta chẳng biết.”

“Cái gì lạ lùng vậy?” Susan kêu lên, chăm chăm nhìn cha cô.

Cô suy nghĩ. Đoạn cô chậm rãi nói:

“Con bắt đầu thoáng thấy một tia sáng lơ mờ, một thứ ánh sáng ngoằn ngoèo, phát ra từ Jessica, tại đây, trong nhà của chúng ta, nó thâm nhập một cách kỳ dị vào chúng con, nó soi sáng cho con và Peter.”

Susan cúi đầu, hai tay ôm lấy mặt. Cô không khóc, cô hất đầu ra sau, đứng dậy, lấy một điều thuốc trên bàn cạnh đấy, đốt hút, rồi ngồi xuống một cái ghế bành đối diện cha mẹ cô ngồi phía bên kia trước lò sưởi.

“Có bao giờ ba mẹ thấy Jessica soi gương trong phòng này không?” Susan hỏi.

“Không bao giờ.” bà Elinor nói.

“Có, ba có thấy.” ông William đáp.

Susan nói:

“Cô ấy thường đến đây một mình. Hồi còn nhỏ, con và Edwin thường rón rén đi theo để rình xem cô ta. Đôi khi chúng con bật cười thấy cô sẫm soi trước gương và chuồn lẹ. Cô ta biết, và cô ta khóc. Cũng như những đứa trẻ khác, chúng con nghịch ngợm như quỷ. Một hôm trong một kỳ nghỉ hè, con vào phòng con và bắt gặp cô ta đang bận chiếc áo khiêu vũ đẹp nhất của con, cái áo bằng vải tuyn hồng, chắc ba mẹ còn nhớ. Sau đó, con muốn cho cô ta cái áo ấy, nhưng cô ta đâm hoảng, từ chối không lấy, viện cớ là cô ta không có dịp mặc, trừ ra ở đây, trong ngôi nhà này.”

“Con bé tội nghiệp!” Bà Elinor nói, “nhưng thật ra cô ta cũng táo bạo thật.”



Bà Elinor trở nên nghiêm khắc. Bà đã chán ngấy chuyện Jessica, nhưng bà nghĩ lại lời ông bác sĩ Bergstein đã nói: “Nếu những con người khoan dung có thể quên đi...”

“Mẹ muốn nói với con rằng,” bà nói tiếp với một vẻ đam mê, “mẹ muốn ước gì đừng có cái nhà lớn này, đừng có bạc tiền, đừng có giáo dục. Mẹ muốn chúng ta trở thành một thứ người man rợ. Chính những người dốt nát, chứ không phải những người văn minh đang làm chủ thế giới hiện nay, mẹ nghĩ đơn giản, chỉ vì họ là một gánh nặng cho chúng ta.”

“Ồ, không đâu mẹ!” Susan nói với một giọng dịu dàng nhất. “Không phải thế đâu, mẹ nhầm rồi.”

Cô cười, một nụ cười pha lẫn chút đả độn cay, và nói tiếp:

“Chắc ba mẹ còn nhớ, con thuận lấy anh Peter vì con muốn có nơi nương tựa. Trước đây con xem anh ta là một người vô cùng can đảm khi anh giết con chó mực và nói một cách ngạo nghễ rằng: “Chỉ với hai bàn tay không...” “

Cái con Susan này, con gái của ta, bây giờ nó đã là một người đàn bà rồi, William tự nhủ, trái tim đau nhói. Nó không còn là một đứa trẻ, cũng chẳng còn là một cô gái. Nó đã là một người đàn bà nhìn cuộc đời và phát hiện ra cuộc đời ấy không giống chút nào với cuộc đời mà nó đã tưởng tượng ra.

Susan hỏi cha và mẹ cô:

“Ba mẹ đã nghĩ gì về Peter? Ba mẹ xem anh Peter của con là ai? Anh ta không phải là một khối đá, không phải là một nơi để nương tựa, mà là một chàng trai cứng cỏi, tư tưởng rồi nùi, một thằng nhóc khá lớn đến nỗi phải cạo râu ban ngày vì sợ ban đêm, nhưng cũng chẳng có gì đơn giản bằng, hẳn sợ cả những gì hẳn phát hiện ra trong chính hẳn, đó là sự dốt nát, sự trống rỗng và sự thiếu phát triển.”

Cô mỉm cười không vui, nhưng với cảm giác khó chịu về tấn hài kịch đáng thương của kiếp người.

“Phải, con cũng khám phá ra điều đó nữa. Anh ta đến gặp con để nhờ con bảo bọc, nếu ba mẹ vui lòng. Anh ta muốn dẹp bỏ cái gara. Anh ta ghê tởm ngôi nhà của anh ta, nơi anh đã lớn lên; anh ta muốn về ở đây, là nơi ba mẹ không thể thu nạp anh ta. Anh ta tin rằng đời sống của chúng ta ở đây dễ

chịu. Anh ta cho là như thế. Anh ta cho rằng chúng ta biết những bí mật mà anh ta không biết, khờ khạo quá, phải không ba mẹ? Anh ta tưởng nếu anh ta được giáo dục như chúng con, thì anh ta có thể cũng có quyền thế, thứ mà anh ta cho là chúng ta đang có, sự an toàn là cơ may của chúng ta, không phải của anh ấy. Anh ta năn nỉ, nói rằng anh ta có cùng quyền lợi như chúng ta để đạt được cái gì cần có để chiến thắng, theo như anh ta nói...”

Ông William nghe những lời nói đó một cách thận trọng và kinh ngạc. Thế thì cái từ *cách mạng* mà người ta gớm ghét, nó nghĩa làm sao? Một tia sáng soi rọi trí khôn nhạy bén của ông. Ông thấy Peter, không phải một mình mà lệ thuộc vào một tập đoàn rộng lớn đáng thương, cố dùng mọi phương tiện có thể được, để vươn mình lên những vùng khoáng đạt hơn, của một thế giới mà họ cho là cao hơn. Jessica đã làm thử một cách ngốc nghếch và mù quáng, chỉ thấy thế giới đó dưới hình thức là cái nhà của mình. Xin Thượng đế giúp đỡ họ, bởi vì họ hết thầy đã gạt bỏ sự trợ giúp của Ngài, và họ đã phải làm thế. Nhưng mà, theo lẽ, họ có thể hiểu những mơ mộng quá khờ khạo, quá phi lý này, bởi vì những mộng mơ đó là lẽ sống, và hiện tại, lẽ sống đó như đã chết. Bên kia cái hình thái bi kịch này, ông còn nom thấy những gương mặt lờ mờ của đám phạm nhân mà ông bào chữa và nghe kết án, hết thầy đều đã đấu tranh và ra sức vươn mình lên tầm cao này.

Mộng mơ, đó là hơi thở sống động của một linh hồn con người, và khi mộng mơ tan biến mất thì linh hồn sẽ chết theo. Và nếu những mộng mơ riêng của con người không biến thành sự thật, nếu không có ngôi nhà này và tất cả tình yêu thương được chứa đựng trong đó, hoặc nếu những mộng mơ ấy đã vượt quá khả năng của trí khôn, hoặc, theo như Peter đã giải thích, nếu không có cơ may để chiến thắng... Quá khứ vẫn còn tồn tại và chính Jessica đã bị chôn vùi trong đó. Nhưng cầu cho những mộng mơ đó trở thành hiện thực. Làm thế nào giải thích điều ấy cho hai người đàn bà đang chờ sự quyết định của ông? Ông nói với Susan:

“Con có thể tự hào, con yêu dấu của ba. Con đã trở thành kỳ diệu đối với Peter, khi con yêu nó và lấy nó làm chồng. Nhờ đó mà nó thức tỉnh. Nó thuộc về gia đình mình. Hết thầy chúng ta đứng về phía con, và phía nó.”

Ông quay sang bà Elinor và nói:

“Chúng ta phải nâng đỡ cậu trai này, em yêu ạ. Cái gì đã xảy đến cho Jessica, đừng để tái diễn lại dưới mái nhà của chúng ta.” Nhìn vẻ mặt của bà Elinor, ông tự hỏi bà có hiểu không. Có lẽ chưa hiểu được hoàn toàn.

Nhưng Susan, người không bao giờ khóc, lại khóc òa lên.

“Con đã thấy được điều ba muốn nói” Cô cuốn tròn cái khăn tay lại và đưa lên chặm mắt “Con không tin đó là điều làm được, cảm ơn ba.”

Nước mắt của Susan lại làm cho ông xót xa, ông đâm ra bối rối. Ông bèn làm ra vẻ trang nghiêm như mọi ngày và nói:

“Đừng khóc nữa con, Susan. Ba chắc là ba sẽ vui thích tìm hiểu Peter hơn nữa.”

Con gái ông chùi nước mắt, nhìn ông với vẻ trù mến mà ông chưa từng thấy như thế nơi con bao giờ. Đoạn cô mỉm cười, một nụ cười thật dịu dàng và ấm áp.

Cô nói:

“Con tự hỏi, không biết ba có biết ba là một người tuyệt vời không?”

Không nên nghĩ đến một kết cuộc tốt đẹp sau bao nhiêu phiền lụy. Ông William đã khá cao niên và khá lỗi đời để trông chờ một việc như vậy. Nhưng con đường đã vạch. Ông còn thấy rõ hơn sau cuộc chuyện trò với bà Elinor vào nửa đêm hôm đó. Vì cảm thấy cô đơn, bà đã đến với ông trên giường ông. Bà nói với ông như đã suy nghĩ sau nhiều giờ:

“Em yêu anh, anh William. Nhưng em không thấy rồi chúng ta sẽ xử trí với Peter như thế nào. Đã quá muộn, không thể cải đổi cậu ta được nữa. Những sự khác biệt giữa chúng ta với cậu ấy quá sâu xa.”

Ông chuôi cánh tay quanh người bà một cách thoải mái như thói quen thường nhật bấy lâu nay, và kéo đầu bà vào ngực ông. Ông nói:

“Anh không nghĩ rằng chúng ta phải tìm cách để biến đổi Peter, làm như thế là sai, như em đã nói, đó là điều không thể làm được. Anh nghĩ cách đơn giản là gia đình chúng ta hãy mở rộng cửa đón nhận cậu ấy vào.”

“Em không nghĩ rằng Madge...”

Tên Madge nhắc ông nhớ lại một ý định đã hình thành trong đầu óc ông từ lâu. Ông nói với cái đầu của bà trên ngực mình:

“Em yêu, đã đến lúc anh nói cho em biết cái gì đã làm cho Madge và anh mất tự nhiên. Nó đã tin những chuyện mà Jessica đã nói với nó về anh.”

“Về anh?” Bà Elinor ngược đầu lên nhìn vào mặt ông dưới ánh đèn ngu lờ mờ.

“Có một hôm Jessica đã nói với Madge và Winsten là anh đã ve vãn nó.”

Ông cảm thấy rất khó mà giải bày những chuyện điên rồ đó, không phải ông sợ gì bà Elinor. Tối hôm đó ông không sợ cái gì hết, nhưng vì ông kế thừa cái phong cách của những con người tế nhị trong gia đình qua bao thế hệ, nó làm cho ông rụt rè. Do đó, ông nói ra rất vụng về và lắp bắp.

“Thật là phi lý, tại sao anh không nói với em sớm hơn? Hèn gì đôi khi Madge tỏ ra kỳ quái đối với em, ra vẻ như nó thương hại em vậy.” Bà ngóc đầu dậy, “Cái đó làm cho em nổi giận thì đúng hơn.”

“Giận anh?” Ông hỏi cách bình tĩnh.

“Không, chắc chắn là không rồi. Tại sao anh nghĩ thế?”

“Đôi khi em nói với anh về những chuyện đó, em biết...”

Bà lại nằm xuống bên ông.

“Phải, em không hiểu tại sao. Có cái gì đó không xuôi thuận trong nhà.”

“Những tiếng nói,” Ông bảo, và cánh tay ông lại quàng lấy bà “Phải, những tiếng xì xào gây bất loạn, sinh tai ách, làm gián đoạn sinh hoạt thường ngày. Nhưng Jessica cũng chỉ là một dụng cụ. Ngày xưa, người ta có thể cho là cô ta bị quỷ ám nhưng trong cô ta không có quỷ ma nào, mà cũng chẳng có cái gì là quỷ ma cả, có lẽ chỉ vì cô ta phản ứng quá mạnh trước những mộng mơ không được thỏa mãn. Cuối cùng, bây giờ em đã biết rõ anh, - Ông nói với bà một cách bình tĩnh - Em hãy giúp anh đưa Madge về lại trong lòng gia tộc và Winsten chồng nó trở về với nó.”

Bà Elinor trợn mắt nói:

“Không bao giờ Winsten tin rằng anh đã...”

“Không tin hoàn toàn, nhưng ngược lại, Vera tin Jessica về chuyện Edwin...”

“Nhưng mà, anh William, Vera có thể không...”

“Không tin hoàn toàn, nhưng cũng đủ làm cho Edwin có cảm tưởng là cô ta còn nghi ngờ.”

Ông William cảm thấy có cái gì ẩm ướt trên ngực trần của ông: Nước mắt của bà Elinor. Ông lấy mu bàn tay trái mà chà chà một cách dịu dàng êm ái lên má bà.

“Coi nào, coi nào!” Ông nói để an ủi bà.

“Em hy vọng là em sẽ không để mình ghê tởm Jessica,” Bà nói lẩm bẩm trong miệng.

“Em không thể ghét nó, vì điều đó cũng chẳng giải quyết được gì. Vì thế anh muốn quy tụ mọi người trong gia đình về đây, dưới một mái nhà, để cùng xem xét sự việc với nhau.”

“Jessica xem ra đã là một gánh nặng kinh khủng...”

Những tư tưởng này quay lại đúng vào giây phút mà ngay tại chính phòng khách này hôm nay, ông đã đột ngột cảm nhận linh hồn mình được soi sáng. Một thứ ánh sáng không kéo dài lâu, chắc chắn như thế, nhưng ông có thể nhớ lại và sống bằng cái ánh sáng xuyên suốt đó của ký ức.

“Đúng thế,” Ông nói, “Jessica đã là một gánh nặng. Chúng ta hãy cố gắng chịu đựng gánh nặng đó, nặng chừng nào chịu chừng nấy. Quá khứ đã nhầm lẫn. Nói hết sức đơn giản, là chúng ta đã không cho Jessica vào trong nhà.”

“Làm thế nào được!” Bà Elinor nói “Đó chỉ là một con đay tớ...”

Ông run lên, chặn bà lại:

“Em hãy im đi, em yêu. Đừng nói tiếng đó. Nó vốn là con gái của bà Bertha. Dù sao đi nữa, chính Peter là người mà chúng ta nên nghĩ đến bây giờ. Đối với Peter, vẫn còn thời gian.”

Và ông tập trung hết can đảm, sẵn sàng đương đầu với tương lai bất định.

**HẾT**